



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG
GIAI ĐOẠN 1993-2005

HÀ NỘI, THÁNG 7-2005

MỤC LỤC

Báo cáo tham luận của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Trung tâm Khuyến nông các tỉnh

1	Tổng kết hoạt động khuyến nông Việt Nam giai đoạn 1993-2005 và định hướng từ 2006 đến 2010	3
2	Phần thứ nhất: Khuyến nông Việt Nam giai đoạn 1993-2005 – quá trình phát triển và những thành tựu	4
3	Phần thứ hai: định hướng công tác khuyến nông giai đoạn 2006-2010	28
4	Kết luận và đề nghị	36
5	Tổng hợp kinh phí khuyến nông theo chương trình giai đoạn 1993-2005	38
6	Báo cáo của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	
7	Quỹ khuyến nông thành phố Hà Nội góp phần đẩy mạnh sản xuất hàng hóa	39
8	Báo cáo tham luận của Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa	43
9	Kết quả xây dựng tổ chức khuyến nông cơ sở tại tỉnh Tiền Giang	50
10	Kết quả hoạt động dịch vụ khuyến nông ở Thái Bình trong 10 năm qua	53
11	Báo cáo xây dựng tổ chức khuyến nông cơ sở của tỉnh Hà Giang	59
12	Báo cáo kết quả công tác khuyến nông giai đoạn 1993-2005	65
13	Báo cáo hoạt động của Trung tâm Khuyến nông Bình Dương	81
14	An Giang với vấn đề hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa	84
15	Hệ thống khuyến nông của Đắk Lắk	87
16	Trung tâm khuyến nông và kỹ thuật nông nghiệp Đồng Tháp với việc xây dựng mô hình cánh đồng có doanh thu 50 triệu VNĐ/ha/năm	93
<i>Báo cáo tham luận của các khuyến nông viên cơ sở và nông dân điển hình</i>		
17	Báo cáo về công tác khuyến nông viên ở cơ sở - Nguyễn Văn Nam - KNV Quảng Nam	97
18	Báo cáo của khuyến nông viên cơ sở điển hình tỉnh Phú Thọ - Nguyễn Thái Học - KNV Phú Thọ	101
19	Kinh nghiệm của một nông dân điển hình - Lạng Giang - Bắc Giang	107

20	Báo cáo điển hình của một nông dân sản xuất giỏi tỉnh Thanh Hóa - Trần Đăng Thông	110
21	Báo cáo của một khuyến nông viên sản xuất giỏi tỉnh Gia Lai - Ksor Huyền - Gia Lai	113
22	Người nông dân điển hình của Bến Tre tham gia hoạt động khuyến nông - Nguyễn Chín Hóa	116
23	Hộ nông dân điển hình tham gia hoạt động khuyến nông - Hoàng Đình Cúc - Văn Yên - Yên Bái	118
24	Cán bộ khuyến nông cơ sở tích cực chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và phát triển kinh tế gia đình	121
25	Hộ nông dân tích cực tham gia các hoạt động khuyến nông - khuyến lâm	124
26	Thành tích 10 năm của hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và điện năng với công tác khuyến nông	127
27	Kết quả hoạt động khuyến nông của đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh giai đoạn 1993 - 2004	130
28	Một số thành tựu về nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật của Viện Chăn nuôi vào sản xuất - Viện Chăn nuôi	136
29	Công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo với việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp	144
<i>Báo cáo tham luận của Viện, Trường, các đoàn thể, tổ chức khác...</i>		
30	Hội nông dân Việt Nam trong hoạt động khuyến nông hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất - Hội Nông dân	154
31	Công tác khuyến nông trong phát triển vùng nguyên liệu mía ở công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn - Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, Thanh Hóa	158
32	Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long với công tác khuyến nông	162

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1993-2005 VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỪ 2006 ĐẾN 2010

Trong thời gian qua, nền nông nghiệp nước ta có những bước phát triển mạnh mẽ, đã và đang chuyển dần từ nền sản xuất tiểu nông, tự cung tự cấp sang nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá. Từ một nước phải nhập khẩu gạo, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu nông sản có thứ bậc trên thế giới: đứng thứ nhất về xuất khẩu hạt tiêu; đứng thứ hai về gạo, cà phê và hạt điều; đứng thứ tư về cao su và đứng thứ sáu về chè... Ngoài ra còn xuất khẩu nhiều loại nông sản khác như rau quả, thịt lợn... Đời sống của đại bộ phận nông dân ngày càng được cải thiện. Có được những thành tựu này là nhờ sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, sự nỗ lực của hàng chục triệu hộ nông dân và đóng góp to lớn của tất cả các ban, ngành từ trung ương đến địa phương, trong đó có hệ thống Khuyến nông Việt Nam

Hệ thống Khuyến nông Việt Nam được chính thức hình thành sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 13/CP về công tác khuyến nông, ngày 2 tháng 3 năm 1993. Sự ra đời của hệ thống Khuyến nông Việt Nam đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp phát triển nông nghiệp-nông thôn nước ta. Qua hơn mười năm hoạt động, khuyến nông đã có những đóng góp to lớn trong quá trình phát triển nông nghiệp, nâng cao dân trí và trình độ kỹ thuật cho nông dân. Hầu hết các giống cây, con mới trong sản xuất hiện nay, chủ yếu do kênh khuyến nông (khuyến nông nhà nước, khuyến nông tự nguyện) chuyển giao và tham gia phát triển, làm tăng nhanh năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi. Đảng và Nhà nước đã đánh giá cao hoạt động của Khuyến nông Việt Nam; Chủ tịch nước đã tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba năm 1998 và Huân chương Lao động hạng Nhì sau 10 năm hoạt động (năm 2003).

Bộ Nông nghiệp và PTNT tổng kết hoạt động Khuyến nông Việt Nam từ 1993 đến 2005, nhằm đánh giá kết quả công tác khuyến nông thời gian qua và định hướng hoạt động cho giai đoạn từ năm 2006 đến 2010.

PHẦN THỨ NHẤT

KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1993-2005 - QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ NHỮNG THÀNH TỰU

I. Tổ chức hệ thống khuyến nông

1. Ở trung ương

Khi mới thành lập (năm 1993) Cục Khuyến nông và Khuyến lâm với biên chế 58 người vừa làm nhiệm vụ khuyến nông vừa làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về trồng trọt và chăn nuôi. Đến tháng 4 năm 2002 Bộ Nông nghiệp-PTNT quyết định thành lập Trung tâm Khuyến nông Trung ương (với 10 biên chế) trực thuộc Cục Khuyến nông và Khuyến lâm, chuyên làm nhiệm vụ khuyến nông. Trước tình hình mới và nhu cầu của sản xuất, ngày 18 tháng 7 năm 2003 Chính phủ ban hành Nghị định 86/CP cho phép tách Cục Khuyến nông và Khuyến lâm thành hai đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp-PTNT. Đó là Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chuyên làm nhiệm vụ sự nghiệp khuyến nông (bao gồm: khuyến nông; khuyến lâm; khuyến thủy nông; khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, ngành nghề nông thôn, bảo quản, chế biến nông lâm sản và nghề muối) và Cục Nông nghiệp chuyên làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về trồng trọt và chăn nuôi. Khi mới tách ra, biên chế của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia gồm 20 người, hiện nay là 30 người.

2. Ở địa phương

Ngay từ khi có Nghị định 13/CP của Chính phủ ở tất cả 64 tỉnh, thành trong cả nước đều thành lập trung tâm khuyến nông trực thuộc sở nông nghiệp và PTNT. Theo số liệu năm 2004, tổng số cán bộ khuyến nông ở cấp tỉnh là 1.446 người, bình quân mỗi trung tâm khuyến nông tỉnh có 22,6 người. Số huyện có trạm khuyến nông là 520 trong tổng số 637 (chiếm 81%). Một số huyện chưa có trạm khuyến nông như Cao Bằng, Ninh Bình, Đà Nẵng hoặc có ít trạm khuyến nông như Hà Nam (có 1 trạm trong số 6 huyện của tỉnh); Cà Mau (có 2 trạm trong số 8 huyện); Bạc Liêu (3 trạm trong số 6 huyện)... Mô hình tổ chức của các trạm khuyến nông huyện rất khác nhau : tại 30 tỉnh trạm khuyến nông huyện trực thuộc trung tâm khuyến nông tỉnh (quản lý theo ngành dọc); 21 tỉnh trạm khuyến nông trực thuộc UBND huyện (quản lý theo cấp) và 13 tỉnh có trạm khuyến nông nằm trong phòng nông nghiệp huyện. Lực lượng cán bộ khuyến nông cấp huyện bao gồm 1.716 người, bình quân mỗi trạm huyện có 3,3 người. ở hầu

hết các tỉnh, đội ngũ cán bộ khuyến nông cấp huyện làm chuyên trách về công tác khuyến nông, nhưng ở một số tỉnh như Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Ninh Bình, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Cao Bằng... khuyến nông cấp huyện trực thuộc UBND huyện hoặc nằm trong phòng nông nghiệp huyện, làm chung cả công tác khuyến nông và quản lý nhà nước về nông nghiệp.

Cấp xã có khuyến nông viên cơ sở với 7.434 người tại 10.502 xã sản xuất nông nghiệp, chiếm 70,7% (10.502/14.854). Bình quân mỗi xã, phường có 0,7 người. Cấp thôn, bản có 3.918 câu lạc bộ khuyến nông với 176.300 hội viên do nông dân tự nguyện lập ra theo hướng dẫn của khuyến nông nhà nước.

Như vậy, ngành khuyến nông có 3.162 cán bộ khuyến nông chuyên trách (làm công tác khuyến nông, hưởng lương ngân sách nhà nước) và 7.434 cán bộ khuyến nông không chuyên trách, cùng với 176.300 hội viên khuyến nông thuộc các câu lạc bộ khuyến nông. Tính đến tháng 12 năm 2004, cả nước có trên 11,5 triệu hộ nông dân, tính ra trên 3.650 hộ mới có một khuyến nông chuyên trách và trên 1.550 hộ có một khuyến nông không chuyên trách.

Thời gian qua hệ thống tổ chức khuyến nông đã phát triển sâu rộng từ trung ương tới địa phương. Lực lượng khuyến nông phát triển mạnh mẽ ở tất cả các cấp, từ vài trăm người (năm 1993) đến hàng nghìn người (năm 2005). Chất lượng cán bộ khuyến nông ngày càng được củng cố và tăng cường; năng lực và phương pháp khuyến nông ngày càng nâng cao, cải tiến.

Tuy nhiên, hệ thống tổ chức khuyến nông ở địa phương hiện nay phát triển tự do, chưa có sự hướng dẫn cụ thể; một số tỉnh nhập trạm khuyến nông huyện vào phòng nông nghiệp làm chung quản lý nhà nước và khuyến nông là không hợp lý, làm giảm sức mạnh công tác khuyến nông cũng như quản lý nhà nước tại địa phương.

Lực lượng khuyến nông còn quá mỏng ở trung ương cũng như ở cơ sở và thiếu so với nhu cầu. Nhiều xã vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người ở một số tỉnh thuộc vùng Trung du Miền Núi phía Bắc và Tây Nguyên không có hoặc có rất ít khuyến nông viên. Hầu hết khuyến nông viên cơ sở ở nhiều vùng sâu vùng xa không phải là người địa phương vì không có nguồn tại chỗ, nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình làm việc, giao tiếp và chia sẻ kinh nghiệm với nông dân. Nguyên nhân chính là kinh phí còn khó khăn; chưa có chính sách hợp lý về công tác khuyến nông.

Trình độ cán bộ khuyến nông còn nhiều bất cập, chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ khuyến nông. Hầu hết là cán bộ kỹ thuật được tập huấn qua lớp nghiệp vụ khuyến nông ngắn hạn ở trong nước. Khuyến nông viên cơ sở chủ yếu dựa vào lực lượng cán bộ địa phương và một số nông dân chủ chốt có tâm huyết với sản xuất nông nghiệp và đa số chưa được tập huấn về nghiệp vụ khuyến nông.

II. Chính sách khuyến nông

1. Chính sách tài chính

Ngay từ khi mới thành lập, Khuyến nông Việt nam đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư kinh phí cho xây dựng lực lượng, tăng cường năng lực cũng như kinh phí cho hoạt động hàng năm. Nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách trung ương, thông qua các cơ quan chức năng của Bộ Nông nghiệp & PTNT và một phần từ ngân sách địa phương, do các tỉnh, thành phân bổ, dùng vào việc chi trả lương, hoạt động của bộ máy và thực hiện một số chương trình khuyến nông địa phương.

Kinh phí hoạt động cấp theo các chương trình khuyến nông được phê duyệt, khi mới thành lập (1993) đã được Chính phủ đầu tư hỗ trợ 1,268 tỷ đồng, con số này tăng lên 97,8 tỷ (2005), bình quân năm sau tăng hơn năm trước 8,04 tỷ đồng tương đương trên 12%. Trung bình mỗi hộ nông dân được hưởng gần 8.500 đồng kinh phí khuyến nông (2005). Kinh phí khuyến nông bao gồm nhiều hạng mục, có sự phân biệt giữa các vùng miền: miền núi và vùng khó khăn hỗ trợ giống 60%, vật tư 40% và đồng bằng, tương ứng là 40% và 20%.

Trong nhiều năm qua, việc quản lý kinh phí khuyến nông ở trung ương còn phân tán, giao cho nhiều đơn vị : Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Cục Chế biến Nông lâm sản và Nghề muối, Cục Phát triển Lâm Nghiệp, Cục Nông nghiệpCơ chế tài chính khuyến nông cũng chưa thống nhất, ví dụ, khuyến nông cho người nghèo trong Chương trình 135 do Cục Nông nghiệp và Cục HTX & Phát triển nông thôn quản lý, có cơ chế hỗ trợ 100% vật tư, nhưng cũng là khuyến nông xóa đói giảm nghèo do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia quản lý thì chỉ được hỗ trợ bình quân 50%. Thêm vào đó, việc cấp và quyết toán kinh phí theo chương trình hàng năm cũng gây khó khăn và làm giảm hiệu quả hoạt động khuyến nông.

Các tỉnh đều quan tâm đầu tư và có chính sách đối với khuyến nông viên cơ sở nhằm khuyến khích phát triển công tác khuyến nông. Tuy nhiên, việc áp dụng chế độ chính sách cho công tác khuyến nông và cán bộ khuyến nông ở các địa phương còn rất khác nhau và chưa hợp lý, nhất là chế độ phụ cấp cho khuyến nông viên cơ sở. Có tỉnh trả phụ cấp 50.000đồng-100.000đồng /tháng như Nghệ An...; có tỉnh trả 300.000 đồng/tháng như An Giang... Phụ cấp trách nhiệm của giám đốc trung tâm khuyến nông tỉnh cũng có nhiều loại : 0,3-0,4 ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, miền Trung và 0,5 ở hầu hết các tỉnh miền Nam. Nguyên nhân chủ yếu là chưa có văn bản hướng dẫn chính thức của trung ương. Mặt khác, một số cán bộ có trách nhiệm ở địa phương còn nhận thức chưa đầy đủ về công tác khuyến nông.

Tất cả những tồn tại và bất cập nêu trên là khó khăn và là lực cản không nhỏ trong quá trình phát triển đi lên của công tác khuyến nông Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phục vụ sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Xã hội hóa công tác khuyến nông

Trong thời gian qua, công tác khuyến nông đã từng bước được xã hội hoá và xu thế này ngày càng phát triển mạnh, có tác dụng thúc đẩy và góp phần to lớn vào thành công của các hoạt động khuyến nông. Các đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông được hỗ trợ tổng kinh phí trên 34,56 tỉ đồng. Đã thực hiện 497 mô hình trồng trọt với trên 9311 ha, 92 mô hình chăn nuôi với 663.378 con, mở 373 lớp tập huấn nghiệp vụ khuyến nông cho 24.000 lượt người, thực hiện 34 chuyên đề tuyên truyền trên đài, báo, tạp chí phát hành trên toàn quốc, tổ chức hoạt động 10 câu lạc bộ khuyến nông, in và phát hành 6 cuốn sách và 2.000 tài liệu kỹ thuật, tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo.

Đến nay có 112 đơn vị, bao gồm các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, các hiệp hội và đoàn thể, báo, đài và các tạp chí... tham gia hoạt động khuyến nông và có thể được xếp vào 3 khối

2. 1. Khối nghiên cứu, đào tạo

Ưu thế của khối này là có lực lượng, có trình độ nên quá trình chuyển giao mô hình khuyến nông cây, con và tập huấn nông dân có nhiều thuận lợi, mang lại kết quả cao. Nhờ tham gia công tác khuyến nông nên các đơn vị này cũng có nhiều điều kiện thuận lợi để chuyển giao nhanh các kết quả nghiên cứu của mình vào sản xuất, đồng thời thúc đẩy, hỗ trợ trở lại công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo.

Kinh phí nghiên cứu đào tạo dành cho công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật còn nhiều vướng mắc về cơ chế tài chính, vì vậy các viện, trường dựa vào nguồn kinh phí khuyến nông trung ương là chính. Một số mô hình chưa vào được sản xuất là do nội dung chưa phù hợp với điều kiện địa phương và thị trường. Một vài trường hợp đã sử dụng kinh phí khuyến nông chưa hợp lý và hiệu quả thấp.

2.2. Khối hội, đoàn thể, câu lạc bộ khuyến nông, nhóm sở thích

Là nơi tập hợp, đoàn kết, động viên nông dân trong quá trình thực hiện, triển khai các chương trình khuyến nông, góp phần chuyển giao mô hình cây, con và đào tạo tập huấn cho nông dân, làm phong phú và đa dạng các hoạt động khuyến nông.

Thông qua các chương trình phối hợp hoạt động về khuyến nông đã góp phần khẳng định một hướng đi đúng trong quá trình đổi mới phương thức hoạt động của các hội, đoàn thể. Đó là gắn việc vận động với việc hỗ trợ hội viên nông dân trong phát triển sản xuất, nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho các hội viên

Hạn chế của khối hội, đoàn thể là lực lượng không đủ, còn yếu, thiếu về chuyên môn nên thường phải phối hợp lại với các trung tâm khuyến nông tỉnh, các đơn vị nghiên cứu và đào tạo trong quá trình triển khai các chương trình khuyến nông. Nguồn kinh phí cho khuyến nông chủ yếu dựa vào ngân sách khuyến nông trung ương.

Tuy hiện nay có gần 4.000 câu lạc bộ khuyến nông nhưng nhìn chung hiệu quả hoạt động chưa cao : 40% hoạt động bình thường và 30% không hoạt động, chỉ còn là hình thức. Chỉ có 30% số câu lạc bộ khuyến nông hoạt động có hiệu quả

2.3. Khối thông tin đại chúng

Khối thông tin đại chúng có thể mạnh là thông tin nhanh tới số đông nông dân và có hiệu quả thiết thực, động viên kịp thời, góp phần thúc đẩy nhanh phát triển nông nghiệp- nông thôn và công tác khuyến nông.

Tuy nhiên trong quá trình hoạt động còn hạn chế vì chưa có đủ điều kiện về thời gian và phương tiện để thâm nhập thực tế sản xuất.

III. Kết quả hoạt động khuyến nông

1. Xây dựng các mô hình trình diễn

1.1. Chương trình khuyến nông cây trồng nông nghiệp

Khuyến nông cây trồng nông nghiệp đã tập trung vào các chương trình khuyến nông trọng điểm được Chính phủ phê duyệt và đã đáp ứng nhu cầu của người dân. Nhiều tiến bộ kỹ thuật mới được chuyển tải đến nông dân và được áp dụng rộng rãi vào sản xuất thông qua xây dựng các mô hình trình diễn. Sau đây là một số chương trình điển hình, có hiệu quả rõ rệt nhất :

a. Chương trình khuyến nông sản xuất hạt giống lúa lai F1

Nhờ thực hiện phương châm “đi tắt đón đầu, vừa triển khai vừa nghiên cứu”, đã áp dụng thành công quy trình công nghệ sản xuất hạt giống F1 của thế giới cho một số tổ hợp lai: Nhị ưu 838, Nhị ưu 63, Bắc ưu 64, D ưu 527..., đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tiết kiệm cho Nhà nước hàng trăm tỷ đồng.

Chương trình đã được hỗ trợ 27,385 tỉ đồng, triển khai ở 26 tỉnh, thu hút trên 88.260 hộ nông dân tham gia, với tổng diện tích trên 8.000 ha (cộng dồn qua các năm). Những năm đầu mới triển khai, diện tích không quá 100 ha, năng suất chỉ đạt 300 kg/ha, giống sản xuất ra chất lượng không cao. Trong những năm gần đây (2000 – 2004) diện tích sản xuất hạt lúa lai F1 mỗi năm trên 1.500 ha, năng suất bình quân 2.500 kg/ha, chất lượng hạt giống tốt, đạt tiêu chuẩn quốc gia.

Một số tỉnh có diện tích sản xuất lớn là: Thanh Hoá, Quảng Nam, Nam Định. Từ chỗ chúng ta phải hoàn toàn nhập nội hạt giống, đến nay đã tự túc được khoảng 25% nhu cầu và việc sản xuất hạt giống lúa lai trong nước có tác dụng khống chế được giá giống nhập nội, kiểm soát được chất lượng hạt giống, giá thành 1 kg thóc giống sản xuất trong nước chỉ bằng 1/2 so với giá nhập nội.

b. Chương trình khuyến nông phát triển lúa lai thương phẩm

Song song với việc phát triển sản xuất hạt giống lúa lai F1, chương trình phát triển lúa lai thương phẩm cũng được mở rộng. Đến nay phong trào đã phát triển ở 39 tỉnh, thành phố, năng suất bình quân đạt 65 tạ/ha, cá biệt có những nơi đạt trên 90 tạ/ha. Các mô hình trình diễn đã thu hút hàng chục vạn người đến tham quan học tập. Nhờ đó việc phát triển lúa lai thương phẩm đã mở ra nhanh chóng và thành chủ trương, chính sách của Bộ Nông nghiệp & PTNT và các địa phương. Từ năm 1993 đến nay chương trình khuyến nông đã hỗ trợ 8,114 tỷ đồng, xây dựng được 2.258.335 ha trình diễn (diện tích cộng dồn). Trong những năm gần đây diện tích gieo cấy lúa lai thương phẩm đạt từ 530 – 630 ngàn ha, năng suất bình quân tăng so với lúa thuần 10 – 15 tạ/ha. Như vậy, nhờ phát triển lúa lai đã làm tăng sản lượng lúa lên 700.000 tấn/năm (tương đương 1.260 tỷ đồng/năm). Địa bàn phát triển lúa lai thương phẩm không ngừng mở rộng không chỉ ở Đồng bằng sông Hồng, Trung du Miền Núi phía Bắc mà còn mở rộng ra các tỉnh Duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên.

Tại hội nghị tổng kết về lúa lai 10 năm qua, các nhà khoa học và các nhà quản lý đều đánh giá phát triển lúa lai là định hướng đúng, không chỉ là một trong những biện pháp để nâng cao năng suất và sản lượng lúa, nhằm bảo đảm an ninh lương thực trong nước và xuất khẩu mà còn góp phần tích cực trong việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

c. Chương trình khuyến nông phát triển lúa chất lượng

Chương trình mới bắt đầu triển khai trong những năm gần đây, tập trung tại hai vùng sản xuất lúa chính là Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long, nhằm ổn định vùng sản xuất lúa hàng hoá có chất lượng cao, bảo đảm nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Từ kết quả nghiên cứu, chọn tạo và nhập nội một số giống lúa có chất lượng cao, khuyến nông đã tập trung tổ chức xây dựng mô hình trình diễn và nhân nhanh các giống lúa: Bắc Thơm 7, Hương Thơm 1, các giống lúa P, nhóm lúa đặc sản (Tám Xoan, Dư Hương, Nếp Cái Hoa Vàng, Nàng Hương chợ Đào), OM1490, OMSC2000, VND.95-20, MTL.250 ... để cung cấp cho nông dân. Chương trình khuyến nông được hỗ trợ 16,317 tỉ đồng, đã tổ chức sản xuất, nhân giống được trên 23.000 ha, thu hút khoảng 100.000 hộ nông dân tham gia và đã cung cấp cho sản xuất trên 70.000 tấn hạt giống bảo đảm chất lượng, nhờ đó đã góp phần ổn định và hình thành vùng sản xuất lúa có chất lượng cao, phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng trong nước (1,3 triệu ha). Song song với việc nhân giống lúa, chương trình còn ứng dụng kỹ thuật thâm canh nhằm vừa tăng chất lượng vừa tăng sản lượng. Sản xuất lúa chất lượng cho hiệu quả kinh tế cao hơn lúa thường từ 500-700 đồng/kg.

d. Chương trình khuyến nông chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ

Nội dung cơ bản của chương trình là chuyển một phần diện tích trồng lúa hiệu quả kinh tế thấp sang trồng các cây trồng khác như: ngô, lạc, đậu tương, rau, bông... có hiệu quả kinh tế cao hơn ở tất cả các tỉnh, đặc biệt là các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Tăng thêm một vụ lúa trên chân đất ngọt hoá bán đảo Cà Mau; tăng thêm một vụ màu trên chân đất bỏ hoá ở các tỉnh Miền Núi phía Bắc; tăng thêm vụ rau xuân, đậu tương hè trên chân đất 2 vụ lúa + 1 vụ đông.....ở nhiều vùng khác. So với chế độ canh tác cũ, chế độ canh tác mới đều cho thu nhập tăng từ 2-3 triệu đồng/ha, cá biệt có những mô hình tăng hơn 10 triệu đồng/ha trên diện rộng như: mô hình tăng thêm một vụ trên chân đất 2 vụ lúa hoặc 2 vụ lúa - 2 vụ rau ở Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

Chương trình được hỗ trợ kinh phí 12,498 tỉ đồng để triển khai 6.410 ha mô hình, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ. Đến nay đã có trên 600.000 ha chuyển đổi theo chế độ canh tác mới, đang được các địa phương áp dụng rộng rãi và đã trở thành chủ trương, định hướng trong phát triển sản xuất, để hình thành cánh đồng 50 triệu đồng/ha và hộ nông dân thu nhập 50 triệu đồng/năm.

d. Chương trình khuyến nông phát triển ngô lai

Chương trình khuyến nông phát triển ngô lai được ngân sách hỗ trợ 10,046 tỉ đồng, triển khai ở quy mô trên 12.000 ha (bao gồm sản xuất hạt giống và thâm canh) với gần 9.000 hộ nông dân tham gia. Đến nay hầu hết các tỉnh trong cả nước đã làm chủ được quy trình công nghệ sản xuất hạt giống, tiêu biểu là: Sơn La, Lai Châu, Hà Tây, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Long An, Đồng Nai, Tây Ninh, Quảng Ninh. Năng suất bình quân đạt 2 - 2,5 tấn/ha; giá thành 1 kg hạt giống chỉ bằng 1/2 so với giá giống nhập nội cùng chủng loại và phẩm cấp. Các giống được sử dụng trong mô hình là VN10, LVN20, HQ2000, 9698, DK888, DK999, C919... Từ chỗ phải hoàn toàn nhập nội hạt giống, chúng ta đã tự sản xuất được hạt giống ngô lai, hàng năm không phải bỏ khoảng 20 triệu USD để nhập hạt giống ngô từ nước ngoài.

Chương trình phát triển ngô lai đã nâng cao năng suất ngô lên đáng kể. Từ chỗ năng suất ngô chỉ đạt 21,1 tạ/ha năm 1995, đến năm 2004 đã đạt được trên 32 tạ/ha, tăng 52,6%. Tỷ lệ sử dụng ngô lai trong sản xuất ngày một tăng nhanh, năm 1992 chỉ đạt 20%, năm 2004 đạt trên 80% diện tích. Đây là một trong những chương trình khuyến nông được đánh giá là đem lại hiệu quả kinh tế cao và được nông dân áp dụng rộng rãi vào sản xuất.

e. Chương trình khuyến nông phát triển cây ăn quả

Chương trình đã tập trung vào các nội dung: cải tạo vườn tạp, xây dựng vườn giống tốt, xây dựng vườn cây ăn quả thâm canh, với kinh phí hỗ trợ là 24,3 tỉ đồng.

Thông qua chương trình này đã ứng dụng thành công công nghệ nhân giống chất lượng như: ghép đoạn cành đối với nhãn, vải...vi ghép đỉnh sinh trưởng đối với cây có múi (cam, quýt, bưởi), nhân dứa Cayene bằng cách nhân chồi nách và giâm hom thân. Đồng thời chương trình tổ chức thi bình tuyển, chọn lọc, nhân giống, nhập nội đối với những giống có chất lượng cao để nhân nhanh ra sản xuất như: bưởi Phúc Trạch, bưởi Da Xanh, bưởi Năm Roi, xoài cát Hoà Lộc, xoài cát Chu, nhãn lồng Hưng Yên, cam Xã Đoài, quýt Chum... Chương trình cũng chuyển giao thành công những tiến bộ kỹ thuật mới và được áp dụng rộng rãi vào sản xuất như kỹ thuật đốn tía, bảo quản, sử dụng chất điều hoà sinh trưởng để kích thích cây ra hoa, đậu quả trái vụ nhằm rải vụ thu hoạch, tăng hiệu quả sản xuất.

Ngoài các kết quả nêu trên, chương trình khuyến nông cây ăn quả còn góp phần chuyển biến nhận thức của nông dân, tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất, góp phần hình thành những vùng cây ăn quả tập trung chuyên canh, khai thác lợi thế của từng vùng.

f. Chương trình khuyến nông phát triển cây công nghiệp dài ngày

Những mô hình khuyến nông về cây công nghiệp dài ngày đã được triển khai ở 45 tỉnh, thành, thu hút trên 15.000 hộ nông dân tham gia với kinh phí 39,8 tỉ đồng trên tổng diện tích mô hình là 10.031 ha. Nội dung của chương trình là phổ cập nhanh các tiến bộ kỹ thuật mới về giống, xây dựng vườn ươm, kỹ thuật canh tác nhằm nâng cao năng suất, cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến, giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho nông dân. Chương trình khuyến nông đã cung cấp cho sản xuất hàng chục triệu cây giống tốt đảm bảo chất lượng như: một số giống chè có chất lượng cao (LDP1, LDP2, TRI777); giống cao su (PB235, PB255, VM515, GT1, RRIM 600...) và đã đưa vào sản xuất một số dòng điều thấp cây cho năng suất cao.

Chương trình khuyến nông cây công nghiệp dài ngày là một chương trình kinh tế-xã hội lớn có hiệu quả kinh tế cao, diện tích nhanh chóng được mở rộng, nên đã góp phần ổn định vùng nguyên liệu, tạo công ăn việc làm cho hàng triệu nông dân.

g. Chương trình khuyến nông phát triển cây công nghiệp ngắn ngày

Nội dung của chương trình là nhân nhanh các giống mới có năng suất và chất lượng cao, phổ cập các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất. Đến nay chương trình đã cung cấp cho sản xuất hàng trăm nghìn tấn các loại giống có chất lượng tốt như giống lạc L14, MD7, MD9...; giống đậu tương ĐT84, DT94, DT95, DT99...; giống mía ROC1, ROC10, ROC16, Quế đường 15, Quế đường 11.....

Điểm nổi bật của chương trình là nhờ có bộ giống mới có thời gian sinh trưởng thích hợp cho việc luân canh, thâm canh, tăng vụ, rải vụ nên đã và đang được áp dụng rộng rãi vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất đáng kể. Đó là kỹ thuật trồng lạc che phủ ni lông, trồng lạc thu đông....Sử dụng kỹ thuật trồng lạc che phủ ni-lông làm tăng năng suất từ 20 – 25% so với không che phủ.

Đánh giá chung về chương trình khuyến nông cây trồng nông nghiệp :

- Về cây lương thực : đã phát huy sáng tạo, năng động về sử dụng những giống mới chất lượng cao, những giống có ưu thế lai, đặc biệt là lúa lai, ngô lai ... phục vụ chiến lược phát triển sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và nông sản hàng hoá xuất khẩu

- Về cây công nghiệp và một số cây ăn quả có ý nghĩa quan trọng : xây dựng được những vườn giống cây đầu dòng, từ những vườn cây này cung cấp thực liệu nhân giống, mỗi năm sản xuất được hàng triệu cây giống chất lượng cao phục vụ sản xuất. Thông qua chương trình đã ứng dụng, nhân rộng thành công công nghệ nhân giống tiên tiến. Mô hình đã trở thành địa chỉ tin cậy cung cấp giống tốt cho sản xuất

- Chương trình khuyến nông đã tham gia bình tuyển, chọn lọc được nhiều giống tốt bản địa, giống nhập khẩu để phục vụ sản xuất, tự túc giống như ngô lai, lúa lai, bông, đậu đỗ, mía...Chương trình cũng chuyển giao nhiều quy trình khoa học công nghệ vào sản xuất và nâng cao tay nghề cho nông dân

1.2. Chương trình khuyến lâm

Chương trình khuyến lâm được triển khai ở Cục Khuyến nông-Khuyến lâm từ 1993 đến 2000, ở Cục Lâm nghiệp từ 2001 đến 2004 và ở Trung tâm Khuyến nông Quốc gia từ 2005. Sở dĩ có sự thay đổi nhiều là do biến động về tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT

Mục tiêu chương trình là :

- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật gây trồng các loài cây lâm nghiệp chất lượng vào sản xuất;

- Góp phần chuyển diện tích đất dốc ở vùng núi do phá rừng làm nương rẫy nhiều năm vào canh tác có hiệu quả và tăng độ che phủ của rừng ở miền núi;

- Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ và quản lý rừng phát triển bền vững; giúp nông dân tăng thu nhập từ rừng, ổn định cuộc sống, góp phần phát triển nghề rừng.

Chương trình được hỗ trợ 42,6 tỉ đồng trên tổng diện tích xây dựng mô hình là 19.940 ha với 20.804 hộ tham gia. Nổi bật là một số chương trình :

a. Chương trình trồng tre lấy măng

Chương trình đã triển khai ở 38 tỉnh thành trong cả nước, xây dựng nhiều mô hình trên 1.364 ha gồm các loại: Bát Độ, Điện Trúc, Lục Trúc, Mạnh Tông.... năng suất bình quân đạt 15-20 tấn măng tươi/ha. Đa số các hộ trồng tre có thu nhập từ sản xuất giống tre trong giai đoạn đầu.

b. Chương trình trồng cây nguyên liệu giấy

Đã xây dựng được 10.628 ha mô hình, gồm các loài cây: bạch đàn lai, keo lai tại vùng nguyên liệu các nhà máy giấy của trung ương và địa phương, 80% nông hộ vùng nguyên liệu giấy đã sử dụng giống cây mới (keo lai, bạch đàn lai ...) sản xuất bằng mô, hom để trồng rừng nguyên liệu, góp phần tăng năng suất trồng rừng từ 1,5 đến 2 lần so với các loài cây cũ. Các tỉnh ven biển đã đa dạng hoá cây phòng hộ ven biển chắn gió và cát bay cụ thể: phi lao lai Trung Quốc được trồng trên hầu hết các tỉnh ven biển miền Trung.

c. Chương trình trồng cây đặc sản

Triển khai trên diện tích 1.994 ha, bao gồm các loài cây chủ yếu: thảo quả, sa nhân, dẻ ván, trám ghép, các loài cây làm dược liệu dưới tán rừng ở hầu hết các tỉnh miền núi. Nhiều hộ nông dân các tỉnh miền núi đã phát triển chương trình trồng cây lâm nghiệp đặc sản, đặc biệt nông dân Miền Núi phía Bắc, có thu nhập bình quân 20-30 triệu đồng/năm, có hộ thu nhập 50-60 triệu đồng/ha từ thảo quả, sa nhân dưới tán rừng.

Song song với việc xây dựng các mô hình khuyến lâm, chương trình đào tạo, tập huấn cho cán bộ, khuyến nông viên và hộ nông dân làm khuyến lâm đã được triển khai, tạo chuyển biến mạnh mẽ và thu hút được hơn 15.000 lượt người tham gia; qua đó đã thực sự giúp họ làm nghề rừng có hiệu quả hơn, đời sống ổn định hơn.

Đánh giá chung là các chương trình khuyến lâm:

Đã thực hiện đúng mục tiêu; giúp chuyển biến được nhận thức của người dân miền núi từ chỗ chỉ biết khai thác, lợi dụng rừng, sang kinh doanh tổng hợp, tạo thu nhập từ đất rừng, đồng thời tái tạo lại rừng đảm bảo lợi ích cho toàn xã hội.

Chương trình khuyến lâm mang lại cả hai mục đích: kinh tế và môi trường. Tuy nhiên một số tiến bộ kỹ thuật lâm nghiệp chưa thực sự đến người dân miền núi. Một số mô hình chưa thể hiện rõ kết quả, tính thuyết phục chưa cao, chưa được nông dân tự nhân rộng. Khuyến lâm vẫn thiếu tiến bộ kỹ thuật để chuyển giao cho người nghèo.

1.3. Chương trình khuyến nông chăn nuôi

Chương trình khuyến nông chăn nuôi đã đóng vai trò quan trọng trong việc cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi. Dưới đây là một số chương trình khuyến nông chăn nuôi đạt kết quả tốt :

a. Chương trình khuyến nông chăn nuôi lợn hướng nạc

Tính từ năm 1993 đến 2005, chương trình khuyến nông chăn nuôi lợn hướng nạc đã thu hút trên 13.000 hộ gia đình nông dân tham gia ở 40 tỉnh, thành phố. Số lợn nuôi trong chương trình là 32.786 con (bao gồm cả lợn cái, lợn đực ngoại và lợn nái lai nhiều máu ngoại).

Kinh phí hỗ trợ của chương trình khuyến nông trung ương cho chăn nuôi lợn hướng nạc là 26,5 tỷ đồng. Các mô hình có tác động lớn đến kết quả sản xuất và xã hội. Nếu chỉ tính riêng số lợn con được tăng lên trong chương trình, lợi nhuận thu được cũng đã lên tới 30 tỷ đồng. Hiệu quả của chương trình thể hiện ở các điểm sau:

- Góp phần cải tiến chất lượng đàn lợn giống, cung cấp giống tốt tại chỗ cho sản xuất. Mô hình phát triển từ số lượng chỉ vài ngàn con (năm 1993) đến nay đã lên đến hàng chục vạn con. Nhờ đưa các giống lợn cao sản, có năng suất, chất lượng cao như Yorkshire, Landrace... vào các mô hình nên đã góp phần cải tạo các giống lợn hiện có, đưa tỷ lệ nạc từ 35-36% lên 45-47%.

- Các tiến bộ kỹ thuật mới trong chăn nuôi lợn đã được chuyển giao tới các hộ nông dân, giúp họ cách thức chăn nuôi theo hướng công nghiệp, sử dụng thức ăn hỗn hợp, sử dụng chuồng sàn, chuồng lồng, phòng chống dịch bệnh.... Một số chỉ tiêu chính về năng suất chất lượng đàn lợn đã tăng rõ rệt: số lứa đẻ của một nái tăng từ 1,7 lứa/năm lên 2 lứa/năm, số ngày cai sữa lợn con giảm từ 60 ngày xuống còn 35 - 40 ngày, số lợn con chết giảm và số lợn con cai sữa/nái/năm tăng từ 16 con lên 20 con (tăng 20%).

- Chương trình lợn nạc đã thật sự có tác dụng khuyến khích người chăn nuôi tham gia đầu tư, phát triển chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp tập trung, quy mô lớn, áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ. Nhờ có chương trình nên các mô hình trang trại, gia trại nuôi lợn sinh sản từ vài chục đến hàng trăm con đã xuất hiện và phát triển nhanh chóng. Hiện cả nước có 2.355 trang trại nuôi lợn nái tư nhân, tập trung chủ yếu ở Đông Nam bộ (48%) và Đồng bằng sông Hồng (26,6%). Có tới 565 trang trại nuôi trên 100 con, chiếm 23% trong tổng số trang trại nuôi lợn nái. Nhiều vùng ven đô thị và khu công nghiệp đang có xu hướng phát triển mạnh đàn lợn ngoại như: Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Tp. Hà Nội, Hải Phòng, Hà Tây, Hải Dương, Đà Nẵng, Nha Trang...

Tuy nhiên, chương trình còn tồn tại một số vấn đề sau:

- Chất lượng con giống còn thiếu so với nhu cầu và chưa được coi trọng đúng mức trong quá trình triển khai mô hình nên đã xảy ra những trường hợp đáng tiếc: lợn còi cọc, nân sỏi, dịch bệnh... gây thiệt hại cho người chăn nuôi.

- Mô hình xây dựng còn tản mạn, chưa tập trung. Chăn nuôi lợn ngoại là chăn nuôi công nghệ cao, đòi hỏi phải có sự đầu tư nhất định, song ở một số tỉnh còn bố trí mỗi gia đình nuôi một con, hạn chế việc đầu tư và nhân rộng mô hình như ở Quảng Trị (năm 2002), Hoà Bình (2003).

- Cán bộ theo dõi về chăn nuôi lợn còn quá thiếu, 50% trung tâm khuyến nông các tỉnh chỉ có một người kiêm nhiệm chuyển giao kỹ thuật cho cả 3 loài gia súc, gia

cầm như lợn, gà, trâu bò, điển hình như một số tỉnh vùng Trung du Miền Núi : Cao Bằng, Quảng Ninh, Hà Giang, Bắc Giang... dẫn đến hạn chế hiệu quả của mô hình.

b. Chương trình khuyến nông cải tạo đàn bò

Chương trình đã thu hút trên 482.000 hộ của gần 50 tỉnh tham gia, trong đó có 27 tỉnh trọng điểm. Tổng kinh phí khuyến nông cải tạo đàn bò là 212 tỷ đồng (vốn dự án Ngân hàng Thế giới 117 tỷ, vốn khuyến nông địa phương 72 tỷ, vốn khuyến nông trung ương 23 tỷ) .

Các giống bò Red Sindhi, Sahiwal, Brahman đã được lai với bò vàng Việt Nam để nâng khối lượng bò cái từ 170kg lên 220 - 250kg, tỷ lệ thịt xẻ từ 40% tăng lên 47%, năng suất sữa từ 400 - 450kg lên 1.200kg/con/chu kỳ. Chương trình đã mở 30 lớp truyền giống nhân tạo bò cấp quốc gia, đào tạo 720 dẫn tinh viên chính quy, trên 2.000 dẫn tinh viên cấp huyện và 6.000 khuyến nông viên chân nuôi-thú y. Huấn luyện kỹ thuật cho 51.400 lượt hộ. Số bò cái được phối giống là 1.017.456 con (trong đó thụ tinh nhân tạo chiếm 54%). Số bê lai sinh ra 650.000 con, tỷ lệ nuôi sống đạt 95%. Khối lượng bê lai sơ sinh tăng 60 - 70% so với bê nội. Khối lượng bò cái lai 2 năm tuổi đạt 200 kg, tăng 35 - 40% so với bò cái nội. Qua 10 năm tỷ lệ đàn bò lai cả nước tăng từ 10% lên 25% so với tổng đàn. Đàn bê lai ngày càng phát triển, đặc biệt là ở Sơn La, Thái Nguyên, KonTum ...

Chương trình cải tạo đàn bò đã mang lại hiệu quả rõ rệt, được nông dân các tỉnh nhiệt tình hưởng ứng. Chương trình chẳng những góp phần nâng cao tầm vóc đàn bò vàng Việt nam, làm cơ sở cho việc lai tạo tiếp theo hướng chuyên thịt hoặc sữa, mà còn tăng thu nhập cho người lao động, giúp gần nửa triệu hộ chăn nuôi bò lai có thu nhập tăng trên 1.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, chương trình có một số tồn tại : thiếu đực giống đạt tiêu chuẩn chất lượng; việc áp dụng kỹ thuật truyền tinh nhân tạo còn hạn chế do thiếu dẫn tinh viên giỏi hoặc do địa bàn phân tán.

c. Chương trình khuyến nông chăn nuôi bò sữa năng suất cao

Chương trình khuyến nông bò sữa được thực hiện ở 20 tỉnh và một số đơn vị, có trên 2.000 hộ nông dân tham gia với 5.340 bò cái sữa, kinh phí được hỗ trợ 15,3 tỷ đồng. Năng suất sữa của bò trong các mô hình cao hơn năng suất của bò sữa đại trà từ 15 -20%. Tỷ lệ bò cái đẻ thường xuyên cho sữa đạt 60%. Bò cái lai hướng sữa đẻ lứa 1 đạt 3.000 - 3100 kg sữa/chu kỳ, đẻ lứa thứ 2 đạt 3.400 - 3.600 kg/chu kỳ (trước là 2.500 kg/chu kỳ). Sản lượng sữa của các mô hình chăn nuôi bò đạt trên 10.000 tấn.

Hiệu quả của chương trình là tạo được động lực, khuyến khích nông dân đầu tư phát triển chăn nuôi bò sữa, góp phần tăng đàn bò sữa trong cả nước. Đến nay đã có 32 tỉnh, thành phố phát triển chăn nuôi bò sữa với tổng đàn gần 100.000 con, trong đó nhập khẩu trên 10.000 con, tổng sản lượng sữa đạt 140.000 tấn/năm. Hình thành vùng

chăn nuôi bò sữa tập trung ở Tp. Hồ Chí Minh, Hà Tây, Hà Nội, Bình Dương, Bình Định, Thanh Hoá, Tuyên Quang, Sơn La, Vĩnh Phúc..., cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến sữa, từng bước hạn chế nhập khẩu sữa từ nước ngoài. Các lớp huấn luyện chuyên đề về chăn nuôi bò sữa cũng đã được tiến hành ở các tỉnh có yêu cầu phát triển chăn nuôi bò sữa. Chỉ tính trong 2 năm 2002 và 2003, Trung tâm Khuyến nông Quốc Gia đã mở 26 lớp cho gần 700 cán bộ kỹ thuật và nông dân ở 24 tỉnh thành trong cả nước.

Bên cạnh những ưu điểm, chương trình khuyến nông chăn nuôi bò sữa còn một hạn chế lớn nhất, đó là xuất hỗ trợ thấp, khó đáp ứng nhu cầu của một mô hình chăn nuôi công nghệ cao. Đầu tư hỗ trợ trong thời gian tới cần tăng thêm và cần tập trung vào những vùng có điều kiện phát triển bền vững đàn bò sữa.

d. Chương trình khuyến nông chăn nuôi gia cầm

Từ năm 1995 đến nay, do nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng, gà thả vườn lông mầu như gà Lương Phượng, Kabir, Sasso, JA-57... và một số gà lai như Lương Phượng lai gà Ri, BT1, BT2; các giống vịt và ngan như Super M, ngan Pháp dòng R31, R51, R71... đã được chú ý và phát triển mạnh. Các giống gia cầm và thuỷ cầm này có chất lượng thịt thơm ngon, ít mỡ, da vàng và mỏng, thích ứng với điều kiện chăn nuôi ở Việt Nam. Trong gần 10 năm qua, chương trình đã được triển khai ở 64 tỉnh, thành phố cả nước, chuyển giao trên 650.000 gia cầm giống mới (gà, vịt, ngan) cho các hộ nông dân. Kinh phí triển khai là 18,53 tỷ đồng. Ngoài các mô hình chăn nuôi thương phẩm, còn có các mô hình chăn nuôi sinh sản, nuôi gia cầm bố mẹ, nhằm cung cấp con giống tại chỗ cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Đàn gia cầm đưa vào nông hộ đều cho kết quả tốt. Các chỉ tiêu tăng trọng, tiêu tốn thức ăn, tỷ lệ nuôi sống... đều đạt và vượt mức các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đề ra. Tỷ lệ nuôi sống ở các mô hình đều đạt từ 90 % trở lên. Gia cầm nuôi từ 70-90 ngày tuổi đạt khối lượng 1,8-2,0 kg/con (đối với gà), từ 2,5-3,2 kg/con (đối với ngan). Chương trình chăn nuôi gia cầm đã trở thành "cứu cánh cho nông dân", góp phần giúp hàng vạn hộ gia đình xoá đói giảm nghèo. Nuôi 100 con gà, vịt hoặc ngan Pháp có thể thu lãi từ 300.000-500.000 đồng. Có những hộ thu được từ 800.000-1.000.000 đồng sau 2-3 tháng nuôi như ở Cao Bằng, Bắc Giang, Thanh Hoá, Yên Bái, Lạng Sơn, Nam Định, Hưng Yên và nhiều tỉnh khác.

Đây là một chương trình mang lại hiệu quả kinh tế cao, dễ đầu tư, vốn không cần lớn, quay vòng nhanh và dễ tổ chức. Về mặt xã hội, các mô hình đã thực sự tạo ra sự chuyển biến trong nhận thức của người nông dân, từ chăn nuôi tự túc, tự cấp sang chăn nuôi hàng hoá, coi như một nghề, có đầu tư, áp dụng các quy trình kỹ thuật

Tuy các mô hình đều cho hiệu quả kinh tế khả quan, song chương trình có thể tốt hơn nếu được tăng cường số cán bộ theo dõi ở các cơ sở khuyến nông tỉnh, huyện và áp dụng đúng đắn các quy trình kỹ thuật trong chăn nuôi (chuồng trại đảm bảo, đủ trang thiết bị và diện tích sân chơi).

Ngoài 4 chương trình khuyến nông chăn nuôi trọng điểm nêu trên, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia còn hướng dẫn các tỉnh thực hiện một số chương trình khuyến nông chăn nuôi khác phù hợp với đặc thù và điều kiện phát triển ở địa phương như:

- Chương trình phát triển đàn ong nội: đã tạo thành một nghề cho lợi nhuận tương đối cao với vốn đầu tư ít, quay vòng vốn nhanh và tận dụng được điều kiện thiên nhiên (như nguồn hoa) và tận dụng được mọi thành phần lao động. Nhiều mô hình cải tiến chất lượng đàn ong nội đạt kết quả tốt như mô hình nuôi ong của Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, mô hình nuôi ong ở Bắc Giang... Nhiều hộ tham gia mô hình sau một thời gian ngắn đã phát triển nhanh đàn ong, trở thành những chủ trang trại nuôi ong, góp phần tạo nên 5.390 trang trại nuôi ong mật trên cả nước và góp phần đưa ngành nuôi ong của Việt Nam có số lượng đàn ong, sản lượng mật và sản lượng mật xuất khẩu lớn nhất Đông Nam á. Bằng nguồn kinh phí trung ương, các tỉnh đã xây dựng mô hình phát triển trên 20.000 đàn ong, làm cơ sở để cải tạo đàn ong trong nước.

- Chương trình cải tạo đàn trâu nội, dê, cừu; chương trình phát triển chăn nuôi ngựa lai: có những thành công và góp phần nhất định vào việc tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho bà con nông dân nông thôn, đặc biệt là bà con ở những vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa. Trong thời gian qua, riêng kinh phí khuyến nông của trung ương đã triển khai ở các tỉnh với trên 31.000 dê, cừu, gần 2.000 trâu và ngựa lai khác.

- Chương trình khuyến nông thú y bảo vệ vật nuôi: tập trung vào việc xây dựng các mô hình phòng chống một số bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm như lở mồm long móng, tụ huyết trùng, dịch tả, đóng dấu, phó thương hàn... và xây dựng vùng an toàn dịch bệnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong chăn nuôi. Chương trình khuyến nông này đã được hỗ trợ 7,6 tỷ đồng.

Đánh giá chung về khuyến nông chăn nuôi

- Thời gian qua, hầu hết các chương trình khuyến nông chăn nuôi đã tập trung vào việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới cho bà con nông dân, góp phần nâng cao trình độ dân trí, trình độ kỹ thuật, đưa nền chăn nuôi từ manh mún, nhỏ lẻ dần dần trở thành nền chăn nuôi hàng hóa, tập trung, có hiệu quả kinh tế và tính cạnh tranh cao. Nhiều chương trình khuyến nông đã thực hiện trên địa bàn rộng, đạt hiệu quả cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người nông dân, nhất là nông dân ở các tỉnh khó khăn, tỉnh miền núi.

- Hiệu quả đối với một số chương trình khuyến nông chăn nuôi còn hạn chế do thời gian xây dựng và thực hiện mô hình chưa phù hợp với chu kỳ sinh trưởng của giống vật nuôi. Đội ngũ cán bộ khuyến nông chăn nuôi một số tỉnh còn thiếu và trình độ chuyên môn còn hạn chế. Vấn đề đào tạo, tập huấn cho nông dân chăn nuôi chưa được đầy đủ. Thông tin về thị trường và làm cầu nối với các doanh nghiệp để giúp đỡ nông dân tiêu thụ sản phẩm còn yếu...

- Nghị quyết 06-NQ/TW của Đảng và Nhà nước đề ra "đưa chăn nuôi thực sự trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp" hầu như vẫn chưa được quán triệt ở các cấp, các ngành ở một số tỉnh, thành phố nên kinh phí đầu tư cho các chương trình khuyến nông chăn nuôi chưa phù hợp, chưa đáp ứng được đòi hỏi bức xúc của người dân.

Tóm lại chương trình khuyến nông chăn nuôi đã mang lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội to lớn, góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, tác động đến công cuộc đổi mới nông thôn, tạo ra nhiều việc làm, cải thiện đáng kể đời sống nông dân, khuyến nông chăn nuôi là giải pháp quan trọng trong chiến lược phát triển chăn nuôi nước ta trong 10 năm tới, góp phần đưa ngành chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính.

1.4. Chương trình khuyến công (bao gồm chế biến, bảo quản nông sản, phát triển ngành nghề nông thôn)

Được triển khai từ 1998 - 2002 ở Cục Chế biến nông lâm sản và Nghề muối; ở Trung tâm Khuyến nông Quốc gia từ 2004. Đây là chương trình khuyến nông trong lĩnh vực cơ giới hoá nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, bảo quản, chế biến nông lâm sản và nghề muối (gọi tắt là khuyến công). Trong 6 năm thực hiện với nguồn kinh phí được hỗ trợ 15,5 tỉ đồng. Mô hình có qui mô nhỏ nhất 30 triệu đồng và lớn nhất 165 triệu đồng. Chương trình đã triển khai 193 mô hình, mở 186 lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân. Các hộ nông dân tham gia mô hình khuyến công đã có thu nhập bình quân 300-400 ngàn đồng/tháng (tăng bình quân 20% so với trước khi tham gia mô hình). Chương trình đã góp phần:

- Giảm tổn thất sau thu hoạch đối với các loại nông sản như rau, lúa, gỗ...
- Tăng giá trị nông sản do tạo ra một số sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng tiêu thụ mạnh đồng thời ổn định giá nông sản trong thời vụ thu hoạch.
- Đổi mới tư duy của nông dân về công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại.
- Tăng thu nhập cho nông dân.

Sau đây là một số chương trình có kết quả tốt :

a. Chương trình khuyến công bảo quản và chế biến nông sản

Chương trình này được hỗ trợ kinh phí chiếm 49,3% tổng số kinh phí chương trình khuyến công, triển khai ở 20 tỉnh, thành trong cả nước như Yên Bái, Thái Nguyên, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Phú Thọ, Hà Tây, Hải Dương, Gia Lai, Quảng Ngãi, Thanh Hoá.... Các nội dung chủ yếu là chế biến chè, cà phê, tinh bột sắn, chế biến bún khô, bảo quản khoai tây, sấy các loại nông sản như lúa, vải, nhãn... Trong lĩnh vực này đã đưa được các tiến bộ kỹ thuật vào cho nông dân như:

- Các loại máy sấy máy tinh vủ ngang BD4, SRR-1, SH-200...đối với vùng sản xuất lúa.

- Các loại máy sấy gián tiếp, sấy sạch...nâng cao chất lượng sản phẩm rau quả đối với chế biến vải, nhãn, chè, cà phê...

- Chuyển giao công nghệ bảo quản và sơ chế vải, nhãn ở Bắc Giang, Hưng Yên, Tiền Giang..., giảm sản phẩm không đủ chất lượng từ 20% xuống còn 10%, giảm chi phí nguyên liệu xuống hơn 200.000 đ/tấn sản phẩm....

- Công nghệ chế biến chè cải tiến, góp phần tăng diện tích trồng chè. Chỉ riêng tỉnh Lào Cai diện tích trồng chè lên 648 ha, tỉnh Yên Bái lên 120 ha.

- Chuyển giao công nghệ chế biến cà phê ướt. Công nghệ này tạo điều kiện giải phóng sức lao động cho nông dân và tăng chất lượng cà phê đồng thời giảm chi phí lao động.

- Chuyển giao công nghệ chế biến tinh bột sắn, dong giềng cho nông dân, làm tăng giá trị sản phẩm. Một số địa phương tiếp nhận công nghệ này thuộc tỉnh Yên Bái đã hình thành các HTX sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, thậm chí còn tạo ra các làng nghề mới như làng nghề chế biến miến, bún khô.

b. Chương trình khuyến công về cơ giới hoá nông nghiệp

Chương trình này chiếm 19,4% tổng số, tập trung triển khai chủ yếu ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Hải Dương, Hải Phòng, Lạng Sơn, Hoà Bình, Thái Nguyên, Đồng Nai..., thu hút gần 2000 hộ nông dân tham gia. Các nội dung chủ yếu là chuyển giao các loại máy làm đất, máy gặt, máy đập lúa, máy gieo hàng, máy ấp trứng và các loại máy tưới phun mưa... Nhờ áp dụng chương trình khuyến công về cơ giới hoá nông nghiệp đã tiết kiệm được 50% lượng giống lúa, giảm chi phí thuốc trừ sâu, tăng năng suất lúa 10-15%, chi phí nước tưới chỉ bằng 30-40% so với khi chưa thực hiện chương trình.

c. Chương trình phát triển ngành nghề nông thôn

Chương trình này chiếm 24,0% tổng số, tập trung chủ yếu ở Đồng-bằng sông Hồng và Khu Bốn cũ, thu hút trên 2500 hộ tham gia. Nội dung hoạt động tập trung vào

việc khôi phục các ngành nghề truyền thống như thêu, ren, cói... tạo ra các nghề phi nông nghiệp trong thời kỳ nông nhàn. Một số mô hình như: thêu ren xuất khẩu ở Ninh Bình đã thực sự tạo điều kiện để làng nghề truyền thống phát triển; dệt chiếu cói ở Thanh Hoá đã nâng số hộ làm nghề lên trên 600% so với trước khi triển khai. Đặc biệt mô hình sản xuất đá ốp lát và đá mỹ nghệ ở Thanh Hoá và Đà Nẵng tạo ra thu nhập bình quân của người làm nghề trên 550.000đ/tháng.

d. Chương trình khuyến công sản xuất muối

Chương trình này chiếm 7,3% tổng số, triển khai ở Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hoá, Bạc Liêu...tăng năng suất muối phơi cát từ 75 tấn/ha lên 95 tấn/ha, muối phơi nước lên đến 120 tấn/ha. Chất lượng muối được cải thiện. Thu nhập của diêm dân tăng thêm 1,4 -1,7 triệu đồng/năm. Đặc biệt, do có hỗ trợ kinh phí của chương trình khuyến diêm nên công nghệ sản xuất muối sạch đã được triển khai tại Thanh Hoá, Nam Định..... tạo ra bước đột phá mới cho ngành muối.

2. Thông tin, đào tạo và tăng cường năng lực

2.1. Kết quả hoạt động thông tin, tuyên truyền

a. Thông tin khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng

Trong nhiều năm qua, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã có sự phối hợp, cộng tác thường xuyên với nhiều cơ quan thông tin, nhiều loại hình báo chí để cung cấp và truyền tải các thông tin về hoạt động khuyến nông tới các cấp lãnh đạo, các nhà quản lý và bà con nông dân. Từ năm 1994, các chương trình phát thanh Thời sự, Nông nghiệp-nông thôn của Đài Tiếng nói Việt Nam đã thường xuyên phản ánh các nội dung của hoạt động khuyến nông, trao đổi kinh nghiệm nông dân sản xuất giỏi với số lượng từ 500-650 lượt tin, bài/năm.

Với đài Truyền hình Việt Nam, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với cả 3 kênh truyền hình VTV1, VTV2, VTV3 để làm các chương trình thời sự, phóng sự, chuyên đề. Đặc biệt từ năm 1996, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với VTV2 - Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng chương trình "Nông dân cần biết", sau chuyển tên thành "Bạn nhà nông". Từ năm 1999, nhằm mở rộng diễn đàn giao tiếp giữa các nhà khoa học với nông dân, đã cho ra mắt chương trình "Cùng với nông dân bàn cách làm giàu". Sau 5 năm thực hiện, chương trình đã trở nên quen thuộc trên sóng truyền hình và được nông dân yêu thích. Do thực sự hiệu quả, năm 2000 chương trình "Cùng với nông dân bàn cách làm giàu" đã được Chủ tịch nước Trần Đức Lương gửi thư khen.

Ngoài ra, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp tuyên truyền hoạt động khuyến nông với các báo, tạp chí như: Nhân dân, Nông nghiệp Việt Nam, Nông thôn

ngày nay, Kinh tế nông thôn, Khoa học đời sống, Lao động xã hội, Cựu chiến binh... Các chuyên mục khuyến nông thường xuyên phản ánh kịp thời công tác khuyến nông ở các địa phương, các mô hình sản xuất hiệu quả cao, kinh nghiệm sản xuất giỏi, kỹ thuật sản xuất tiên tiến... được đông đảo nông dân, các nhà khoa học, nhà quản lý tham gia và học hỏi. ở địa phương, tất cả các trung tâm khuyến nông tỉnh đều phối hợp với các báo, đài địa phương để thông tin khuyến nông, trong đó có khoảng 90% số tỉnh đã có chương trình chuyên đề khuyến nông trên các báo, đài phát thanh và truyền hình địa phương.

b. Sản xuất, xuất bản các ấn phẩm

Tờ tin Khuyến nông Việt Nam xuất bản 4 số/năm, từ tháng 1 năm 2004 tăng lên 6 số/năm (mỗi số từ 4.000-4.500 bản). Trang web Khuyến nông Việt Nam khai trương tháng 8 năm 2003, hàng ngày có ít nhất 10 bài và hàng chục tin mới; mỗi ngày có hàng trăm người truy cập.

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia in ấn, xuất bản nhiều ấn phẩm, tài liệu, băng đĩa với nhiều nội dung phong phú, phù hợp với nhiều đối tượng. Trong thời gian qua, ở cấp trung ương đã có hơn 12 vạn bản sách kỹ thuật; gần 30.000 tranh kỹ thuật, tờ gấp; 40 băng hình kỹ thuật được phát hành miễn phí dùng làm tài liệu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Ngoài ra, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia còn tập hợp được hơn 120 bộ phim hướng dẫn kỹ thuật làm tư liệu cho các địa phương; đã phối hợp với Trung tâm Thông tin (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia), các trung tâm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật của các viện, trường khai thác, biên soạn tài liệu và phổ biến các tiến bộ kỹ thuật phục vụ sản xuất.

c. Tổ chức các hội thi, hội chợ và tôn vinh nông dân sản xuất giỏi

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã tập hợp được đông đảo các hội, đoàn thể, tổ chức, cá nhân tham dự nhiều hình thức hội thi như: Nhà nông đua tài, Nông dân giỏi, Khuyến nông viên giỏi, Thanh niên với khoa học kỹ thuật, Phiên chợ giống cây trồng, vật tư và thiết bị nông nghiệp... Từ năm 2005 Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã kết hợp với các sở nông nghiệp và PTNT mở các phiên chợ giống cây trồng, vật nuôi, gắn với các phiên chợ truyền thống ở địa phương nhằm tuyên truyền, quảng bá giống cây, con mới và đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Số lượng hội chợ, hội thi do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức tuy còn ít (6 hội chợ và 7 hội thi) nhưng tiếp sau đó hàng chục hội thi khác do các tỉnh, huyện, đoàn thể học tập và áp dụng, đã tuyển chọn, biểu dương được hàng nghìn địa chỉ sản xuất giỏi, khuyến nông viên và nông dân giỏi.

2.2. Kết quả hoạt động tập huấn, đào tạo

a. Tập huấn, đào tạo

Trong thời gian qua Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã tổ chức được hơn 4.700 lớp tập huấn với khoảng 250.000 lượt người tham dự, bao gồm cả tập huấn chuyên đề cho cán bộ kỹ thuật và tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho khuyến nông viên. Năm 2003, Trung tâm đã phối hợp với dự án Khôi phục thủy lợi miền Trung (CPO) tổ chức 50 lớp tập huấn cho cán bộ, khuyến nông viên ở 9 tỉnh vùng Duyên hải miền Trung và Tp. Hồ Chí Minh.

Trung tâm phối hợp với Dự án VIE/95/003 nâng cao năng lực cán bộ cấp tỉnh trong công tác quản lý các dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp do UNDP tài trợ. Trong 3 năm, từ 1997 đến 1999 đã có 1.165 người được tập huấn và đã xây dựng được 12 mô hình quản lý dịch vụ.

b. Biên soạn tài liệu tập huấn

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã đầu tư, biên soạn được một số giáo trình tập huấn nghiệp vụ khuyến nông và giáo trình tập huấn chuyên đề kỹ thuật. In ấn và xuất bản tập giáo trình nghiệp vụ khuyến nông đầu tiên với 8 chủ đề. Năm 2001 đã biên soạn bộ giáo trình thứ 2 cho cán bộ khuyến nông với 16 chủ đề. Sau đó xây dựng tiếp bộ tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động cho khuyến nông viên cơ sở (năm 2003).

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thông tin tuyên truyền tập huấn, đào tạo trong nhiều năm qua vẫn chưa phát huy hết tác dụng. Nguyên nhân là do đầu tư kinh phí còn quá thấp (không đầy 10% tổng kinh phí khuyến nông hàng năm). Trong những năm tới cần đẩy mạnh công tác này hơn nữa vì đây là nội dung quan trọng trong khuyến nông tương lai.

3. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

3.1. Ở trung ương

Trong thời gian hơn mười năm hoạt động, Khuyến nông Việt Nam có sự hợp tác chặt chẽ và hiệu quả với các tổ chức quốc tế, với các nước trên thế giới và khu vực. Đặc biệt là Dự án cải tạo đàn bò do Ngân hàng Thế giới tài trợ, triển khai trong 5 năm, từ 1997 đến 2001 (kinh phí 12 triệu USD); Chương trình hỗ trợ ngành nông nghiệp - Hợp phần chăn nuôi gia súc nhỏ do Chính phủ Đan Mạch tài trợ, triển khai trong 6 năm, từ 2001 đến 2006, kinh phí 6 triệu USD...

Năm 2004, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã hợp tác với BAT (British American Tobacco) trong việc đào tạo trồng trọt cho nông dân một số tỉnh thuộc Trung du Miền Núi phía Bắc và Tây Nguyên. Ngoài ra còn hợp tác với AICAT (Arava Israel for

Agricultural Training) trong việc gửi cán bộ khuyến nông sang Israel thực tập và học tập. Thời gian hợp tác với hai tổ chức này tùy thuộc vào kết quả hoạt động hàng năm.

Ngoài các chương trình, các dự án Trung tâm Khuyến nông Quốc gia còn tranh thủ các nguồn tài trợ quốc tế, cử nhiều đoàn cán bộ khuyến nông, nông dân tiên tiến tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn hoặc tham quan, thực tập tại nước ngoài. Trung tâm đã chủ trì tổ chức hoặc phối hợp tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực và hiệu quả của công tác khuyến nông nước ta.

3.2. Ở địa phương

Các trung tâm khuyến nông tỉnh tham gia hợp tác quốc tế về khuyến nông chủ yếu thông qua các hợp phần khuyến nông trong các dự án phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc thuỷ lợi: Chương trình phát triển nông thôn Miền Núi Việt Nam-Thụy Điển; Tổ chức SIDSE và SNV ở Thái Nguyên về tăng cường năng lực khuyến nông cho 6 huyện; Tổ chức GTZ/SFDB-SNV ở Sơn La, Lai Châu về phương pháp khuyến nông có sự tham gia của người nông dân; Dự án EU ở Cao Bằng, Bắc Kạn về phát triển hạ tầng cơ sở và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân; OXFAM (Vương quốc Anh) ở Lào Cai, Hà Tĩnh, Trà Vinh về hoạt động khuyến nông thông qua tiếp cận dựa vào cộng đồng; FADO/FOS ở các tỉnh vùng Đồng Tháp Mười về nhóm nông dân cùng sở thích; Dự án Heifer ở Lâm Đồng về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi; Dự án đa dạng hoá nông nghiệp giai đoạn từ 1999 đến nay, cho 12 tỉnh : Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà và Bình Thuận; Dự án DANIDA; Dự án giảm nghèo các tỉnh Miền Núi phía Bắc, nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới và vốn viện trợ của Bộ Phát triển quốc tế (Vương quốc Anh) do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, hiện đang triển khai (2002-2007) ở 6 tỉnh Bắc Giang, Hoà Bình, Lào Cai, Phú Thọ, Sơn La và Yên Bái. ở dự án này trung tâm khuyến nông 6 tỉnh chỉ tham gia hợp phần về khuyến nông (chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất). Ngoài ra các địa phương còn tham gia nhiều dự án khác.

Nhìn chung các dự án có hợp phần khuyến nông thường triển khai ở các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên và Trung du Miền Núi phía Bắc.

4. Các hoạt động khác

4.1. Tham gia nghiên cứu khoa học và phối kết hợp giữa khoa học - khuyến nông

*** Ở cấp trung ương**

Nghiên cứu khoa học và hoạt động khuyến nông là hai nhiệm vụ có sự liên quan không thể tách rời, là mối quan hệ tương hỗ. Tuy nhiên thực tế chưa có sự gắn bó chặt

chế giữa Vụ Khoa học Công nghệ, các trường, viện, trung tâm nghiên cứu về nông nghiệp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trong quá trình lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật để đưa nhanh vào sản xuất. Thiếu các tiến bộ kỹ thuật mới, vì vậy nhiều tiến bộ kỹ thuật làm đi làm lại hơn 10 năm qua.

*** Ở cấp địa phương**

Công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động khuyến nông gắn bó hơn trong quá trình thực hiện các mô hình trên đồng ruộng, trong chuồng trại và các lớp tập huấn nông dân. Hầu hết trung tâm khuyến nông các tỉnh đều phối hợp chặt chẽ với sở khoa học công nghệ địa phương, với các đơn vị nghiên cứu và đào tạo đóng trên địa bàn để hợp tác triển khai một số đề tài, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp, thủy sản, môi trường, nông thôn và đã có nhiều kết quả khích lệ, thiết thực phục vụ sản xuất. Các tỉnh có sự phối, kết hợp tốt, hiệu quả giữa khoa học và khuyến nông là: Bắc Giang, Hoà Bình, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lai Châu, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Nghệ An, Thanh Hoá, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ, Tây Ninh, Bến Tre, Bình Định, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Gia Lai, Lâm Đồng ...

4.2. Tư vấn-dịch vụ khuyến nông

Đây là những vấn đề mới đối với Khuyến nông Việt nam. Thực tế một vài năm gần đây mới xuất hiện phương thức tư vấn-dịch vụ trong công tác khuyến nông và cũng chỉ xuất hiện lẻ tẻ ở một số tỉnh như Thái Bình, Hà Nội ... (ở phía Bắc) và An Giang, Tiền Giang, Đồng Nai, Bình Phước, Đắk Lắk ... (ở phía Nam). Sở dĩ như vậy vì đại bộ phận nông dân nước ta còn nghèo, Nhà nước vẫn phải bao cấp, hỗ trợ cho nông dân thông qua các chương trình, dự án phát triển. Chúng ta cũng chưa chính thức có cơ chế, chính sách trong vấn đề hoạt động tư vấn-dịch vụ khuyến nông

4.3. Công tác chỉ đạo sản xuất

Bên cạnh việc thực hiện các chương trình khuyến nông, hầu hết các trung tâm khuyến nông tỉnh đều tham gia công tác chỉ đạo sản xuất tại địa phương. Các hoạt động đó là: chủ trì, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng quy trình kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; thu thập thông tin, số liệu sản xuất để kịp thời cung cấp cho sở nông nghiệp và PTNT; tham gia kiểm tra, đánh giá kết quả sản xuất ở cơ sở và rất nhiều hoạt động mang tính đột xuất khác như chống dịch, chống hạn, chống úng ...

4.4. Công tác thi đua, khen thưởng

Công tác khuyến nông đã có nhiều đóng góp trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp-nông thôn. Được Nhà nước, Bộ Nông nghiệp & PTNT và các tỉnh đánh giá cao. Đến nay các đơn vị đã được tặng thưởng những danh hiệu như :

- Huân chương Lao động hạng Ba và hạng Nhì : Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Trung tâm Khuyến nông Hà Nội
- Huân chương Lao động hạng Ba : các trung tâm khuyến nông tỉnh Hoà Bình, Yên Bái, Hải Phòng, Nam Định, Hà Nội, TP. HCM...
- Bằng khen, Cờ thi đua Chính phủ : các trung tâm khuyến nông tỉnh Sơn La, Yên Bái, Hoà Bình, Hải Phòng.
- Bằng khen, Cờ thi đua của Bộ : Trung tâm Khuyến nông Lạng Sơn.
- Giải thưởng Bông lúa vàng 5 năm liên tục: Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm Khuyến nông Hà Nội
- Bằng khen, Cờ thi đua của UBND tỉnh : trung tâm khuyến nông của 64 tỉnh, thành phố.

IV. Đánh giá chung về công tác khuyến nông giai đoạn 1993 - 2004

1. Ưu điểm

1)- Kể từ khi có Nghị định 13 của Chính phủ về công tác khuyến nông, hoạt động khuyến nông cả nước đã nhanh chóng *hình thành hệ thống tổ chức khuyến nông từ tỉnh xuống huyện xã, thôn, bản. Đội ngũ khuyến nông đã nhanh chóng tăng về số lượng và chất lượng.*

2)- *Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho nông dân về chủ trương đường lối, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng, Nhà nước và Bộ Nông nghiệp và PTNT; về tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp ứng dụng vào sản xuất; về các điển hình tiên tiến trong thực tế sản xuất*, góp phần nâng cao dân trí, trình độ kỹ thuật và quản lý sản xuất của nông dân, thúc đẩy quá trình hình thành tầng lớp nông dân sản xuất và kinh doanh giỏi. Đây cũng chính là lực lượng tiếp sức cho cán bộ khuyến nông. Thực hiện khuyến nông từ nông dân đến nông dân - một cách làm mang lại hiệu quả cao.

3)- *Hoạt động khuyến nông đã bám sát các chương trình nông nghiệp trọng điểm của trung ương và địa phương, đầu tư hỗ trợ có trọng tâm theo yêu cầu của sản xuất và nguyện vọng của nông dân* nhằm đạt được mục tiêu phục vụ cho các chương trình kinh tế lớn của trung ương và địa phương.

4)- Hoạt động khuyến nông đã chuyển giao có hiệu quả các kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp của các cơ sở nghiên cứu và đào tạo đến bà con nông dân, đồng thời tạo điều kiện để khoa học phát triển hơn. *Khuyến nông thật sự là cầu nối giữa nghiên cứu và sản xuất.*

5)- Trong lúc HTX nông nghiệp kiểu cũ không còn phát huy tác dụng, HTX kiểu mới đang được hình thành, ***công tác khuyến nông ra đời đã đóng góp tích cực trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.***

6)- Bước đầu tạo được mối liên kết và xã hội hoá công tác khuyến nông. Đã huy động và hợp tác với các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể, cơ quan nghiên cứu, trường đào tạo, doanh nghiệp trong và ngoài nước, các phương tiện truyền thông đại chúng tham gia trực tiếp vào hoạt động khuyến nông. ***Phát huy được sức mạnh tổng hợp của các đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông***, nhờ đó từng bước hoàn thiện nội dung, phương pháp và chính sách khuyến nông. Hoạt động khuyến nông ngày càng đa dạng, phong phú và hiệu quả.

2. Tồn tại

1)- Hệ thống tổ chức khuyến nông còn nhiều bất cập, chưa có sự hướng dẫn nên phát triển tự do. Khuyến nông ở cơ sở còn ***yếu cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.*** Hiện vẫn còn 30% số xã chưa có cán bộ khuyến nông cơ sở, nhiều vùng nông dân chưa có cơ hội tiếp nhận thông tin khuyến nông, tiếp xúc với cán bộ khuyến nông.

2)- Trong các nội dung hoạt động khuyến nông về nông nghiệp-nông dân-nông thôn thì ***mới chỉ làm được trong lĩnh vực nông nghiệp và cũng chỉ hoạt động mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ít chú ý đến các yếu tố phi kỹ thuật*** (tổ chức sản xuất, thị trường, tiếp thị, vốn...), nhằm bảo đảm cho các tiến bộ kỹ thuật được chuyển giao phát huy hiệu quả và bền vững.

3)- Công tác khuyến nông ở những vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn do tập quán canh tác lâu đời, trình độ dân trí thấp ...Trong khi Nhà nước ***chưa có chính sách khuyến nông riêng đối với những vùng này nên nông dân nghèo ít có cơ hội tiếp nhận và hưởng lợi khuyến nông.***

4)- Kinh phí hoạt động khuyến nông hiện nay chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, các chế độ, chính sách khuyến nông được áp dụng như nhau là không thích hợp. ***Khuyến nông công nghệ cao đòi hỏi những khoản chi phí lớn và với cơ chế tài chính như hiện nay không thể thực hiện được.***

5) - ***Phương pháp tiếp cận và nội dung phổ cập chưa thật sự đáp ứng nhu cầu từ người dân,*** còn nặng về xây dựng mô hình, chưa đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền huấn luyện, chưa quan tâm tổ chức để người dân tự giải quyết những vấn đề của bản thân họ và trong cộng đồng. Một số nơi chưa bám sát, chưa theo kịp với thực tế sản xuất

3. Những bài học kinh nghiệm

Kết quả của hoạt động khuyến nông cũng như việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật được duy trì và mở rộng nhanh chỉ khi có sự tham gia của người dân. Do vậy, một trong

những bài học lớn rút ra là phải luôn luôn gắn với yêu cầu sản xuất, thực tiễn của địa phương và nhu cầu của nông dân. Mặt khác, không nên coi việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chỉ đơn thuần là giải quyết vấn đề kỹ thuật mà còn phải gắn với chính sách, thị trường, quản lý và hợp tác trong sản xuất. Hoạt động khuyến nông cần:

- ***Phải tăng cường sự lãnh đạo và tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền.*** Đây là nhân tố cực kỳ quan trọng, là nguyên nhân thành công của mọi thành công.

- ***Phải hoàn thiện hệ thống tổ chức khuyến nông,*** đặc biệt là khuyến nông cơ sở. Tăng cường năng lực cho cán bộ khuyến nông cơ sở, xây dựng thành lực lượng khuyến nông nông cốt.

- ***Xây dựng chương trình khuyến nông phải đa dạng,*** có định hướng và mục tiêu cụ thể. Gắn nhu cầu phát triển kinh tế trung ương với kinh tế địa phương nhằm phát huy và tập trung mọi nguồn lực.

- ***Tập trung và quy tụ được lực lượng tham gia vào hoạt động khuyến nông theo hướng xã hội hoá,*** để phát huy sức mạnh tổng hợp. Thu hút mọi nguồn lực nhằm phát huy tối đa và bảo đảm hoạt động khuyến nông ngày càng hiệu quả.

PHẦN THỨ HAI

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG

GIAI ĐOẠN 2006-2010

Hoạt động khuyến nông thời gian tới diễn ra trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng đến gần. Đây là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước và là xu thế tất yếu. Trước tình hình đó, đòi hỏi phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hóa có sức cạnh tranh cao.

Ở nước ta, điều kiện môi trường, thời tiết cho sản xuất nông nghiệp diễn biến phức tạp và bất thuận; tỷ lệ hộ nông dân nghèo còn cao, chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn, do đó bảo đảm các chỉ tiêu tăng trưởng trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; công cuộc xóa đói giảm nghèo và an ninh lương thực vẫn là những ưu tiên và quan tâm hàng đầu.

Ngày 26 tháng 4 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 56/2005/NĐ-CP, thay thế cho Nghị định 13. Sự ra đời Nghị định 56 là đòi hỏi của thực tế sản xuất nông nghiệp nước ta trong tình hình mới; là kim chỉ nam cho hoạt động khuyến nông đồng thời đòi hỏi Khuyến nông Việt nam phải vươn lên hơn nữa, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn.

I. Mục tiêu

Mục tiêu hoạt động khuyến nông trong thời gian tới là :

1. Nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kiến thức và kỹ năng về khoa học kỹ thuật, về quản lý, kinh doanh cho người sản xuất. Đặc biệt là nông dân vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người.
2. Góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn .
3. Huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào hoạt động khuyến nông.

II. Nội dung công tác khuyến nông

Hoạt động khuyến nông phải đáp ứng nhu cầu của người sản xuất và bám sát chiến lược phát triển nông nghiệp-nông thôn của ngành. Cần tập trung vào các nội dung chính sau đây:

1. Thông tin, tuyên truyền

Nội dung chính của hoạt động thông tin, tuyên truyền là:

- Tuyên truyền pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước, tiến bộ khoa học và công nghệ, thông tin thị trường, giá cả, phổ biến điển hình tiên tiến trong sản xuất, quản lý, kinh doanh, phát triển nông nghiệp và nông thôn.

- Xuất bản, hướng dẫn và cung cấp thông tin đến người sản xuất bằng các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm và các hình thức thông tin tuyên truyền khác.

Công tác thông tin, tuyên truyền phải bảo đảm nguyên tắc: đầy đủ, chính xác, kịp thời và hai chiều giữa người sản xuất với khuyến nông và các cơ quan khác liên quan.

Cần tăng cường nguồn kinh phí khuyến nông trung ương hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền ở địa phương để xây dựng và nâng cao chất lượng bản tin khuyến nông, kết nối mạng và trao đổi tin, bài giữa Trung tâm Khuyến nông Quốc gia với các đơn vị khác. Tăng cường hơn nữa các hoạt động hội thi, hội chợ nông nghiệp gắn với các phiên chợ truyền thống của địa phương trên phạm vi toàn quốc

Sản phẩm chính của hoạt động thông tin, tuyên truyền là số lượng, chất lượng các thông tin, các bài viết trên tờ tin Khuyến nông Việt Nam, trang Web khuyến nông, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trên các loại ấn phẩm; số lượng và chất lượng tổ chức các hội chợ, hội thi, triển lãm. Đặc biệt là phát hành các quy trình kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, hướng dẫn nông dân cách làm ăn thông qua các băng hình, đĩa hình, phim, ảnh....

2. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

Nội dung chính của hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo là:

- Bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề (nghề nông, lâm, ngành nghề nông thôn và bảo quản chế biến sau thu hoạch) cho người sản xuất để nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tăng cường năng lực thông qua đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động khuyến nông các cấp, các vùng miền.

- Xây dựng, cải tiến giáo trình, tài liệu khuyến nông theo hướng hiện đại, phù hợp với những điều kiện cụ thể, bao gồm cả các tài liệu, các phương tiện nghe nhìn hỗ trợ công tác tập huấn, huấn luyện như băng đĩa hình, tiếng, phim, ảnh kỹ thuật số (biên soạn bằng tiếng Kinh và một số tiếng dân tộc).

- Tăng cường tổ chức tham quan, khảo sát, học tập và trao đổi kinh nghiệm giữa các vùng miền trong nước và nước ngoài.

Sản phẩm chính của hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo là số lượng và chất lượng các lớp học được tổ chức; số lượng nông dân và cán bộ khuyến nông tham dự; số lượng và chất lượng các loại tài liệu, giáo trình để phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, thiết thực góp phần nâng cao trình độ kỹ thuật, kỹ năng sản xuất cho học viên

3. Xây dựng mô hình trình diễn và chuyển giao khoa học công nghệ

Yêu cầu của xây dựng mô hình trình diễn là:

- Mô hình phải đáp ứng nhu cầu và phù hợp với những điều kiện cụ thể của từng địa phương, trình độ của người sản xuất.

- Xây dựng mô hình trình diễn phải đi đôi với tổ chức hội nghị đầu bờ nhằm thông tin, tuyên truyền, đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật ra sản xuất, với sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước, của hội đồng tư vấn khuyến nông tỉnh.

Nội dung chính của hoạt động xây dựng mô hình trình diễn và chuyển giao khoa học công nghệ:

- Xây dựng mô hình trình diễn phục vụ công tác chuyển đổi cây trồng, vật nuôi kém hiệu quả sang nuôi trồng cây con mới có hiệu quả hơn, phát huy thế mạnh của từng vùng sinh thái.

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn với việc tăng dân tỉ trọng dịch vụ, ngành nghề, chăn nuôi; giảm dân tỉ trọng trồng trọt.

- Xây dựng các mô hình khuyến nông tổng hợp (trồng trọt, chăn nuôi, khuyến công...) theo hướng liên kết trên một địa bàn và với khoảng thời gian nhất định (dự án khuyến nông)

- Xây dựng các mô hình công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, nhằm tăng nhanh năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

- Chuyển giao kết quả khoa học công nghệ từ các mô hình trình diễn ra diện rộng.

Cụ thể:

- Đối với khuyến nông trồng trọt: tập trung khuyến khích phát triển bền vững các mô hình về cây trồng mũi nhọn xuất khẩu và thay thế nhập khẩu; các loại mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ nhằm nâng cao hiệu quả, hạ giá thành sản xuất và không ngừng nâng cao thu nhập cho người nông dân đồng thời đảm bảo giữ vững an ninh lương thực quốc gia. Ưu tiên khuyến nông xóa đói giảm nghèo, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người

- *Đối với khuyến nông chăn nuôi*: tập trung phát triển một số vật nuôi chủ lực phục vụ nội tiêu và xuất khẩu trên cơ sở phát huy lợi thế của từng vùng sinh thái. Khuyến khích phát triển các mô hình chăn nuôi tập trung, quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa, nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi, giảm giá thành, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng tính cạnh tranh khi hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh công tác khuyến nông thú y nhằm phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và bảo vệ sức khỏe cộng đồng

- *Đối với khuyến lâm*: khuyến khích phát triển các cây đặc sản rừng, cây rừng làm nguyên liệu và cây gỗ lớn có giá trị kinh tế. Đặc biệt, chương trình khuyến lâm phải tập trung giúp thay đổi tập quán, tư duy và nhận thức của người dân từ chỉ khai thác rừng thành bảo vệ rừng, sống bằng nghề rừng

- *Đối với khuyến công* (bao gồm khuyến nông cơ giới hóa, bảo quản, chế biến nông lâm sản và phát triển ngành nghề nông thôn): khuyến khích việc áp dụng cơ giới hóa và công nghệ vào quá trình từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến nông lâm sản; khuyến khích khôi phục, phát triển nghề, làng nghề và HTX kiểu mới ở nông thôn nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tổn thất sau thu hoạch, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao giá trị sản phẩm và tăng sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế

4. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

Nội dung của hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông là:

- Tư vấn, hỗ trợ chính sách, pháp luật về đất đai, thị trường, khoa học công nghệ, áp dụng kinh nghiệm tiên tiến trong sản xuất, quản lý, kinh doanh về phát triển nông nghiệp.

- Tư vấn, hỗ trợ việc khởi sự doanh nghiệp nhỏ và vừa lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp và ngành nghề nông thôn, tìm kiếm mặt bằng sản xuất, tuyển dụng, đào tạo lao động, huy động vốn, xin ưu đãi đầu tư và các thủ tục hành chính khác, theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp và ngành nghề nông thôn theo vùng, lãnh thổ và địa phương...

- Tư vấn, hỗ trợ phát triển, ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, chế biến nông lâm sản và nghề muối.

- Tư vấn, hỗ trợ quản lý, sử dụng nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Tư vấn, hỗ trợ đổi mới tổ chức, cải tiến quản lý, hợp lý hóa sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, của tổ chức kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Dịch vụ trong các lĩnh vực pháp luật, tập huấn, đào tạo, cung cấp thông tin, chuyển giao khoa học công nghệ, xúc tiến thương mại, thị trường, giá cả, đầu tư, tín dụng, xây dựng dự án, cung ứng vật tư kỹ thuật, thiết bị và các hoạt động khác có liên quan đến nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian tới cần khuyến khích phát triển dịch vụ-tư vấn khuyến nông. Trước mắt cần bồi dưỡng kiến thức về tư vấn và dịch vụ cho cán bộ khuyến nông; chỉ đạo điểm tại một số trung tâm khuyến nông, trước khi triển khai ra diện rộng

Trong hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông cần thu hồi một phần sản phẩm tăng lên do áp dụng chương trình khuyến nông.

III. Các giải pháp

1. Quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực khuyến nông

*** Ở trung ương**

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (trực thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT) cần tiếp tục được củng cố và tăng cường nhân lực, vật lực. Phấn đấu đến 2010, định hình tổng biên chế khoảng 80 người. Ngoài 8 phòng hiện có (Phòng Khuyến nông trồng trọt, Phòng Khuyến nông chăn nuôi, Phòng Khuyến lâm, Phòng Khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác-ngành nghề nông thôn, Phòng Thông tin-Tuyên truyền, Phòng Huấn luyện-Đào tạo, Phòng Hành chính-Tổng hợp, Phòng Kế hoạch-Tài chính) sẽ xây dựng thêm Phòng Kiểm tra-Đánh giá.

Do đặc điểm sinh thái của đất nước và nhu cầu phát triển hoạt động khuyến nông, tiến tới xây dựng 7 trung tâm khuyến nông vùng, có sự phối kết hợp với các viện nghiên cứu và trường đại học nông nghiệp của từng vùng, nhằm tận dụng các điều kiện nhân lực, cơ sở vật chất hiện có để tăng cường năng lực công tác khuyến nông đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo và khuyến nông.

1). Vùng Trung du Miền Núi phía Bắc (vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc): kết hợp với Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp vùng Trung du Miền Núi phía Bắc, Viện Nghiên cứu Chè và Đại học Nông lâm Thái Nguyên.

2). Vùng Đồng bằng sông Hồng: kết hợp với Viện Cây lương thực-Cây thực phẩm, Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

3). Vùng Bắc Trung bộ: kết hợp với Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Bắc Trung bộ và Đại học Nông lâm Huế.

4). Vùng Duyên hải Nam Trung bộ: kết hợp với Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ, Đại học Quy Nhơn và Đại học Nha Trang.

5). Vùng Tây Nguyên: kết hợp với Viện Nghiên cứu Nông lâm nghiệp Tây Nguyên và Đại học Tây Nguyên.

6). Vùng Đông Nam bộ: kết hợp với Viện KHKT Nông nghiệp Miền Nam, Viện Cây có dầu và Trường Đại học Nông lâm Tp. Hồ Chí Minh

7). Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: kết hợp với Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ và Trường Đại học An Giang.

Nội dung hoạt động của các trung tâm khuyến nông vùng là:

- Bồi dưỡng, huấn luyện, đào tạo nghiệp vụ khuyến nông và các chuyên đề kỹ thuật mới cho cán bộ khuyến nông cấp tỉnh, cấp huyện

- Chỉ đạo, hướng dẫn nội dung, phương pháp xây dựng mô hình trình diễn trọng điểm trong vùng

*** Ở địa phương**

Hiện nay toàn quốc có nhiều loại hình tổ chức khuyến nông, Bộ Nông nghiệp & PTNT và Bộ Nội vụ cần hướng dẫn tổ chức hệ thống khuyến nông phù hợp với từng vùng, từng địa phương theo hướng :

- Các tỉnh có địa bàn rộng lớn, dân cư sống không tập trung như 15 tỉnh vùng Trung du Miền Núi phía Bắc và 5 tỉnh vùng Tây Nguyên nên tổ chức hệ thống khuyến nông 4 cấp: trung tâm khuyến nông tỉnh - trạm khuyến nông huyện - khuyến nông xã - khuyến nông thôn, bản. Trường hợp đặc biệt có thể thêm cấp khuyến nông liên xã.

- Các tỉnh có địa bàn hẹp, dân cư sống tập trung như 44 tỉnh còn lại, nên tổ chức hệ thống khuyến nông 3 cấp: trung tâm khuyến nông tỉnh - trạm khuyến nông huyện - khuyến nông xã. ở thôn có cộng tác viên khuyến nông, câu lạc bộ khuyến nông.

Quy hoạch và xây dựng đội ngũ cán bộ khuyến nông có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cao là giải pháp mang tính chiến lược lâu dài. Trước mắt cần tuyển chọn khuyến nông viên cấp xã, thôn, bản, có ưu tiên đối tượng là nữ, là người địa phương. Mỗi xã có ít nhất 01 nhân viên khuyến nông, đối với vùng đồng bằng và 02 nhân viên khuyến nông, đối với vùng núi (5 tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh Miền Núi phía Bắc).

Về quản lý mạng lưới khuyến nông, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị các tỉnh quản lý theo ngành dọc, cụ thể là : trạm khuyến nông huyện trực thuộc trung tâm khuyến nông tỉnh; nhân viên khuyến nông xã, thôn bản trực thuộc trạm khuyến nông. Đây là xu thế của công tác quản lý nhằm thúc đẩy nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa

2. Chính sách tài chính khuyến nông

Sửa đổi cơ chế tài chính đã có hơn 10 năm qua để công tác khuyến nông mở rộng hoạt động phục vụ sản xuất, theo hướng hàng hoá, thích ứng với tình hình mới, là một trong những yêu cầu bức thiết

Định mức tài chính khuyến nông cần có cơ chế linh hoạt để phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế của ngành nông nghiệp & PTNT, phù hợp với chu kỳ sản xuất của cây, con. Mức đầu tư, hỗ trợ cho khuyến nông cần có sự khác nhau giữa các vùng miền theo hướng tăng cao cho các tỉnh khó khăn thuộc vùng Trung du Miền Núi phía Bắc, vùng Tây Nguyên, các tỉnh Tây Nam Bộ

Thống nhất cơ chế tài chính khuyến nông cho người nghèo. Chấm dứt tình trạng nhiều tổ chức làm công tác khuyến nông cho người nghèo nhưng áp dụng các cơ chế tài chính khác nhau.

Đổi mới phương pháp phân bổ kinh phí hỗ trợ cho địa phương và các đơn vị. Bố trí kinh phí khuyến nông hàng năm theo các dự án khuyến nông có thời gian dài, ít nhất là 2 năm để phù hợp với chu kỳ sản xuất của cây trồng, vật nuôi. Xây dựng cơ chế và định mức tài chính cho khuyến nông công nghệ cao.

Thu lại một phần kinh phí khuyến nông sau một chu kỳ sản xuất ở các đối tượng doanh nghiệp nông nghiệp, chủ trang trại và người sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp để tăng cường vào nguồn kinh phí khuyến nông hàng năm (có cơ chế riêng).

Quy định chế độ hạng ngạch thống nhất, cụ thể cho cả hệ thống khuyến nông (tương đương như các cơ quan quản lý nhà nước). Bảo đảm khuyến nông viên xã được hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước, tương đương với bằng cấp đào tạo.

Thời gian tới kinh phí khuyến nông trung ương phân bổ theo tinh thần tăng kinh phí khuyến nông chăn nuôi, huấn luyện đào tạo và khuyến nông sau thu hoạch so với các loại khuyến nông khác; tăng kinh phí hỗ trợ cho các tỉnh khó khăn ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam so với các tỉnh khác.

Phân cấp quản lý kinh phí:

- Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, tập hợp, thẩm định kế hoạch và nội dung; phân bổ kinh phí hỗ trợ; tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả nghiệm thu và đánh giá kết quả quyết toán các chương trình khuyến nông trung ương do địa phương triển khai.

- Địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và nội dung; triển khai, kiểm tra, đánh giá, báo cáo; nghiệm thu và quyết toán các chương trình khuyến nông.

- Tạo điều kiện thuận lợi để người hưởng lợi khuyến nông có quyền lựa chọn TBKT và vật tư được hỗ trợ trong khi xây dựng mô hình trình diễn.

3. Khoa học công nghệ

Khoa học công nghệ là một trong những giải pháp quan trọng bảo đảm thắng lợi của hoạt động khuyến nông. Cần xây dựng chiến lược nghiên cứu khoa học theo từng

thời kỳ, nhất là đối với những cây, con chủ lực, để có những tiến bộ kỹ thuật phù hợp với các vùng sinh thái khác nhau. Tăng cường nghiên cứu khoa học theo các chương trình tổng thể; kết hợp khoa học kỹ thuật với khoa học kinh tế và khoa học xã hội để cho việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đạt hiệu quả cao, nhanh chóng và theo hướng bền vững.

Tăng cường, phối hợp chặt chẽ giữa công tác nghiên cứu khoa học và khuyến nông từ trung ương đến địa phương thông qua hoạt động tư vấn, thẩm định, phản hồi hai chiều và xác định ưu tiên các tiến bộ kỹ thuật chuyển giao cho sản xuất.

Đổi mới nội dung và phương pháp chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho phù hợp với điều kiện và trình độ của nông dân theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, hiệu quả và bền vững.

4. Hợp tác quốc tế

- Tham gia các hoạt động về khuyến nông trong các chương trình hợp tác quốc tế.
- Trao đổi kinh nghiệm khuyến nông (đặc biệt là về phương pháp khuyến nông) với các tổ chức, cá nhân nước ngoài và các tổ chức quốc tế.
- Nâng cao trình độ ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh, nhằm đáp ứng nhu cầu trong bối cảnh hội nhập và giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng

5. Xã hội hóa khuyến nông

Xã hội hóa công tác khuyến nông hơn nữa, mở rộng hợp tác, liên kết với mọi lực lượng, thành phần xã hội trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông và huy động được nhiều nguồn lực tham gia vào công tác khuyến nông, đặc biệt là công tác tư vấn khuyến nông.

Các đơn vị tham gia khuyến nông cần hoạt động phù hợp với nhiệm vụ chính trị của mình để nâng cao hiệu quả. Khuyến khích sử dụng kinh phí tự có của các thành phần để tham gia công tác khuyến nông. Ngăn chặn tình trạng kinh phí khuyến nông trung ương chạy vòng vèo, làm giảm hiệu quả hoạt động khuyến nông và gây lãng phí tiền của nhà nước.

Tạo điều kiện thuận lợi để người sản xuất có quyền lựa chọn đối tác cung cấp dịch vụ khuyến nông.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Trong thời gian qua hoạt động khuyến nông đã bám sát các chương trình phát triển nông nghiệp-nông thôn của trung ương và địa phương. Thực hiện đầy đủ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 2732/KTN ngày 19 tháng 5 năm 1994 và 164/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1995 về phê duyệt các chương trình khuyến nông- khuyến lâm trong đó có 20 chương trình khuyến nông, 08 chương trình khuyến lâm và 01 chương trình thông tin, đào tạo và tăng cường năng lực khuyến nông.

Khuyến nông đã góp phần quan trọng vào quá trình phát triển nông nghiệp-nông thôn, là người bạn gần gũi, tin cậy của nhà nông, là cầu nối giữa lý luận và thực tiễn, giữa kết quả nghiên cứu và sản xuất, là nhân tố quan trọng không thể thiếu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp-nông thôn. Nhiều năm qua hoạt động khuyến nông có các kết quả to lớn là do xác định nội dung đúng, triển khai với phương pháp phù hợp với điều kiện nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

Bên cạnh những thành tựu nêu trên vẫn còn một số bất cập: hệ thống tổ chức khuyến nông phát triển không có hướng dẫn thống nhất; nội dung hoạt động mất cân đối, còn nặng về triển khai xây dựng mô hình, coi nhẹ công tác huấn luyện, đào tạo và công tác thông tin tuyên truyền; phương pháp chuyển giao chưa phù hợp và chậm đổi mới. Tình trạng thiếu tiến bộ kỹ thuật đưa vào sản xuất là một thách thức cho công tác khuyến nông trong thời gian tới, nhất là khuyến nông cho người nghèo.

Để công tác khuyến nông ngày càng phát triển bền vững và đóng góp ngày càng lớn vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta trong thời kỳ mới, đề nghị:

1. Chính Phủ bổ sung Quyết định số 2732/KTN ngày 19 tháng 5 năm 1994 và số 164/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1995 về phê duyệt các chương trình khuyến nông và khuyến lâm cho phù hợp với yêu cầu và tình hình phát triển nông nghiệp- nông thôn trong giai đoạn mới

2. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Thủy sản sớm thông qua thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 56/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 4 năm 2005.

3. Bộ Nội Vụ phối hợp với Bộ Nông nghiệp & PTNT, UBND các tỉnh sớm bổ sung, xây dựng và ban hành quy định về hệ thống tổ chức, định mức biên chế, chế độ phụ cấp trách nhiệm ...cho hệ thống khuyến nông từ trung ương đến địa phương.

4. Giao cho Trung tâm Khuyến nông Quốc gia là đơn vị đầu mối về công tác khuyến nông ở Việt Nam (hướng dẫn nội dung, phương pháp hoạt động khuyến nông, theo dõi hoạt động khuyến nông bao gồm: kế hoạch, nội dung, quy mô và địa bàn hoạt động khuyến nông ... của các đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông bằng kinh phí nhà nước). Tương tự như vậy, trung tâm khuyến nông tỉnh là đơn vị đầu mối về công tác khuyến nông tại địa phương.

5. Tăng cường năng lực cho hệ thống khuyến nông, nhất là Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, về nhân lực và cơ sở vật chất phục vụ công tác khuyến nông.

6. Tăng cường hơn nữa sự quan tâm của cấp uỷ Đảng và chính quyền, đoàn thể các cấp, đối với công tác khuyến nông.

TỔNG HỢP KINH PHÍ KHUYẾN NÔNG THEO CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 1993 - 2005

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Chương trình KN trồng trọt	Chương trình KN chăn nuôi	Chương trình tập huấn đào tạo	Chương trình thông tin tuyên truyền	Chương trình khuyến công	Tăng cường năng lực	Chương trình khuyến lâm	Tổng cộng
1993	412.0	129.0		477.0	50.0		200.0	1,268
1994	8,466.0	2,800.0		700.0		1,200.0	1,000.0	14,166
1995	10,394.0	3,504.0		700.0	100.0	500.0	2,000.0	17,198
1996	14,356.0	4,190.0		700.0	1,100.0	600.0	2,500.0	23,446
1997	17,421.0	4,899.0		1,200.0	1,300.0	200.0	3,500.0	28,520
1998	13,024.0	6,052.0		1,500.0	2,100.0	700.0	3,100.0	26,476
1999	11,581.0	5,989.0		2,340.0	3,700.0	70.0	3,000.0	26,680
2000	11,728.0	7,169.0	930.0	2,270.0	3,400.0	500.0	3,000.0	28,997
2001	20,026.0	9,470.0	4,781.7	1,893.8	4,260.0	200.0	4,500.0	45,132
2002	27,237.0	13,633.0	5,185.7	2,635.0	7,584.9	500.0	9,000.0	65,776
2003	32,908.0	19,375.0	5,870.9	3,570.2	5,647.9	500.0	10,800.0	78,672
2004	31,100.0	20,102.0	6,745.0	5,721.5	11,500.0	1,632.4	12,000.0	88,801
KH 2005	32,844.0	25,264.0	8,057.0	6,515.0	11,150.0	1,970.0	12,000.0	97,800
Tổng cộng	231,497	122,576	31,570	30,223	51,893	8,572	66,600	542,931

QUỸ KHUYẾN NÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GÓP PHẦN ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG HOÁ

KS. Nguyễn Bá Sướng

Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Hà nội

Thực hiện chương trình 12 CTr-TU và kế hoạch 61 của UBND thành phố Hà Nội về việc phát triển kinh tế ngoại thành và xây dựng nông thôn mới. Trong nhiều năm qua, được sự giúp đỡ của các cấp các ngành Trung ương, thành phố, quận, huyện và cơ sở...Trung tâm Khuyến nông Hà Nội đã phấn đấu vươn lên, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được thành phố, ngành giao, đóng góp tích cực vào việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển sản xuất hàng hoá, xây dựng vùng chuyên canh, xây dựng làng sinh thái, phát triển ngành nghề nông thôn, xúc tiến thương mại, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông dân. Đời sống nông dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; bộ mặt nông thôn ngoại thành có nhiều khởi sắc.

Cùng với các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, Trung tâm Khuyến nông còn có 2 nguồn vốn tín dụng để giúp đỡ hộ nông dân. Đó là nguồn vốn của các dự án sản xuất thử nghiệm và đặc biệt là Quỹ khuyến nông thành phố Hà Nội.

Quỹ khuyến nông thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 26 ngày 27/2/2002 của UBND Thành Phố Hà Nội với số vốn ban đầu là 5 tỷ đồng, năm 2003 được bổ sung 10 tỷ đồng và năm 2004 được bổ sung thêm 5 tỷ đồng, đưa tổng số vốn của Quỹ khuyến nông Thành phố lên 20 tỷ đồng. Mục tiêu của Quỹ khuyến nông Thành phố là giúp cho các hộ nông dân, các chủ trang trại vay vốn mở rộng phát triển các mô hình khuyến nông tiên tiến đã được chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ mới theo định hướng của Thành phố (3 cây, 3 con) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hàng hoá nông sản, cải thiện đời sống người nông dân, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Quỹ chỉ hỗ trợ cho vay có thu hồi bằng 50% vốn của dự án, phương án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt để mua giống, vật tư kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất các mô hình theo định hướng của Thành phố. Với nguồn vốn này nhiều hộ nông dân, chủ trang trại có cơ hội vay vốn để đầu tư, phát triển sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất tạo ra nhiều sản phẩm mới cho xã hội, nhiều việc làm cho người lao động, thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế hàng hoá, ổn định đời sống, chính trị - xã hội ở nông thôn ngoại thành Hà Nội.

Việc triển khai quỹ khuyến nông được tiến hành theo các bước cụ thể, chặt chẽ:

- Thành lập Ban chỉ đạo triển khai, quản lý, sử dụng Quỹ khuyến nông do Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Hà Nội làm trưởng ban, các cán bộ chuyên môn nghiệp vụ làm uỷ viên. Ban chỉ đạo có trách nhiệm họp phổ biến, tuyên truyền đến cán bộ và nông dân, hướng dẫn các hộ nông dân, các chủ trang trại, lãnh đạo các xã, phường xây dựng dự án, phương án sản xuất.

- Thành lập Ban thẩm định dự án, phương án sản xuất, thực hiện chương trình vay vốn Quỹ khuyến nông Thành phố theo 2 nhóm dự án: nhóm dự án về rau sạch, hoa, cây ăn quả, mô hình làng sinh thái và nhóm về chăn nuôi, thủy sản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, trang trại, ngành nghề nông thôn.

Căn cứ vào kết quả thẩm định của các dự án, phương án sản xuất, khả năng quản lý sản xuất, điều kiện đầu tư vốn, công nghệ, kỹ thuật, lao động... của người chủ sản xuất, Ban chỉ đạo quản lý sử dụng Quỹ mới quyết định mức cho vay và thời gian cho vay: mức cho vay tối đa không quá 500 triệu đồng/1 dự án và thời gian cho vay tối đa là 2 năm.

Trong quá trình các hộ nông dân, chủ trang trại tiến hành đầu tư triển khai sản xuất, cán bộ Ban quản lý, Ban thẩm định phải thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật cho người sản xuất. Nếu cán bộ chỉ đạo thiếu trách nhiệm, để thất thoát quỹ, sử dụng quỹ sai mục đích cũng phải liên đới chịu trách nhiệm đền bù.

I. Một số kết quả bước đầu đạt được trong việc triển khai quản lý, sử dụng Quỹ khuyến nông năm 2002-2004:

Nhờ có nguồn vốn Quỹ khuyến nông, thời gian qua sản xuất nông nghiệp Hà Nội đã thu được nhiều kết quả, bước đầu tạo ra được một số vùng sản xuất hàng hoá tập trung: vùng chuyên canh hoa, cây cảnh, vùng trồng cây ăn quả, vùng chuyên canh rau sạch, chăn nuôi bò sữa, chăn nuôi lợn nạc, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nguyên liệu phục vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; góp phần thúc đẩy nhanh quá trình sản xuất hàng hoá, nông sản, thực phẩm chất lượng cao để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Hầu hết các mô hình, dự án đều có năng suất tăng 1,6 đến 4 lần; thu nhập của các chủ trang trại, hộ vay vốn tăng 1,5 đến 2,5 lần so với các năm trước, tạo việc làm cho hàng ngàn lao động có thu nhập bình quân từ 600.000đ - 1.200.000đ/tháng.

Sau gần 3 năm triển khai hoạt động, Quỹ khuyến nông Thành phố đã giải ngân hơn 20 tỷ đồng cho hàng trăm hộ nông dân có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn phát triển sản xuất hàng hoá. Cụ thể:

- Năm 2002 giải ngân cho 83 hộ vay vốn với tổng số tiền là 5 tỷ đồng.

- Năm 2003 giải ngân cho 169 hộ vay với tổng số tiền là 10 tỷ đồng.

- Dợt 1 năm 2004 đã giải ngân cho 80 hộ vay vốn với tổng số tiền là 5 tỷ 130 triệu đồng. Tháng 6 năm 2004, Trung tâm Khuyến nông Hà Nội đã tiến hành thu hồi đủ vốn trả Quỹ khuyến nông của các hộ được vay vốn năm 2002 (thời hạn vay 2 năm) và các hộ vay năm 2003 (thời hạn vay 1 năm) tổng số tiền là 5 tỷ 790 triệu đồng, đồng thời tiếp tục giải ngân đợt 2 năm 2004.

Tháng 3/2004 UBND Thành phố Hà Nội tiếp tục đề nghị Hội đồng Nhân dân Thành phố bổ sung thêm 10 tỷ đồng, nâng tổng số vốn Quỹ khuyến nông lên 30 tỷ đồng.

II. Bài học kinh nghiệm trong việc hình thành, tổ chức, quản lý, sử dụng, bảo toàn Quỹ khuyến nông Thành phố Hà Nội:

Một trong những nguyên tắc cơ bản của Quỹ khuyến nông Thành phố Hà Nội là phải bảo toàn và phát triển Quỹ, sử dụng vốn vay của Quỹ để phát triển sản xuất hàng hoá, người vay phải có đủ điều kiện và có tài sản đảm bảo. Từ kinh nghiệm thực tiễn, Trung tâm Khuyến nông Hà Nội đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm như sau:

1. Năm vững chủ trương, định hướng của Thành uỷ, UBND Thành phố, chỉ đạo của ngành Nông nghiệp Thủ đô. Đồng thời kiên trì, chủ động, sáng tạo trong việc thực hiện mục tiêu đã xác định. Trung tâm Khuyến nông đã lập đề án đề xuất Thành phố xem xét phê duyệt thành lập Quỹ Khuyến nông Thành phố từ năm 1999. Trong quá trình triển khai đã tổ chức 25 cuộc họp, hội thảo vừa hợp tác, vừa thuyết phục, vừa tranh thủ để các Ngành, các cấp hiểu đầy đủ về tầm quan trọng, tính cấp thiết, hiệu quả... của Quỹ khuyến nông. Sau 3 năm, ngày 27/2/2002 Thành phố đã ra Quyết định số 26 thành lập Quỹ khuyến nông;

2. Phải xây dựng được tổ chức Khuyến nông vững mạnh, tạo được lòng tin của lãnh đạo Ngành, Thành phố, Quận, Huyện, cơ sở, được nhân dân tín nhiệm.

3. Tuyển chọn nhân tài, xây dựng đội ngũ cán bộ Khuyến nông giỏi 1 việc, biết nhiều việc.

4. Quỹ khuyến nông đã góp phần chủ động triển khai các chương trình khuyến nông hàng năm, mùa vụ, phối hợp có hiệu quả với các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước, thu hút được vốn, công nghệ, kỹ thuật phục vụ tốt công tác Khuyến nông Thành phố, nhằm đảm bảo các dự án, phương án, mô hình khuyến nông đạt hiệu quả kinh tế cao.

5. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, gắn quyền lợi, trách nhiệm của cán bộ khuyến nông với việc thực hiện quy chế quản lý Quỹ

khuyến nông và quy chế điều hành quản lý của Trung tâm Khuyến nông Hà Nội nhằm đảm bảo các dự án, phương án, mô hình khuyến nông đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao.

Sau gần 3 năm hoạt động (2/2002 - 2004), Quỹ khuyến nông Thành phố Hà Nội đã được triển khai, quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả cao theo đúng quy chế của UBND Thành phố đồng thời đã bảo toàn và phát triển nguồn vốn Quỹ khuyến nông, bước đầu góp phần tạo ra hơn 100 tỷ đồng giá trị sản phẩm hàng hoá nông sản chất lượng cao, thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển theo quy mô lớn, chất lượng, hiệu quả; đẩy mạnh khai thác các tiềm năng về vốn, lao động, đất đai, khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ và nông dân, phát triển ngành nghề mới, tạo nhiều việc làm cho người lao động, thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế hàng hoá, từng bước nâng cao đời sống của nông dân và góp phần ổn định kinh tế - chính trị - xã hội ở nông thôn ngoại thành.

Để giúp nông dân Hà Nội và các tỉnh phát triển sản xuất hàng hoá, từng bước hoà nhập khu vực, Thế giới, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Cục Nông nghiệp, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và các Ngành quan tâm chỉ đạo thành lập Quỹ khuyến nông, đẩy mạnh các hoạt động tín dụng Khuyến nông, cung ứng vốn, chuyển giao nhanh công nghệ, kỹ thuật mới, sản xuất nhiều hàng hoá chất lượng cao để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đó là nhiệm vụ thiết thực để đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn vì dân giàu, nước mạnh./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM THANH HOÁ

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM THANH HOÁ

I. Đặc điểm công tác khuyến nông

1. Điều kiện tự nhiên.

Thanh Hoá là một tỉnh lớn, đất rộng, người đông, với 3,7 triệu dân. Diện tích đất tự nhiên của toàn tỉnh là 1.110.609 ha: trong đó đất nông nghiệp 239.824 ha (chiếm 21,59%); đất lâm nghiệp có rừng 430.423 ha (38,75%); đất chưa sử dụng có khả năng phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp 278.732 ha (25,09%).

Điều kiện tự nhiên có 4 vùng sinh thái: miền núi - trung du - đồng bằng - đồng bằng ven biển. Toàn tỉnh có 27 huyện, thị xã, thành phố, trong đó có 11 huyện miền núi, núi cao và có tới 102 xã thuộc chương trình 135.

Vì vậy việc triển khai công tác khuyến nông - khuyến lâm trên địa bàn tỉnh gặp những khó khăn, thuận lợi sau:

2. Những thuận lợi, khó khăn.

a) Thuận lợi:

- Tỉnh và Ngành sớm xác định vai trò quan trọng của hoạt động khuyến nông - khuyến lâm nên đã kịp thời triển khai thành lập hệ thống tổ chức khuyến nông từ tỉnh đến huyện và luôn quan tâm chỉ đạo, đầu tư cho công tác khuyến nông.

- Đội ngũ cán bộ nông lâm nghiệp của tỉnh đông đảo, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác, thường xuyên được đào tạo, nâng cao kiến thức.

- Nông dân tỉnh Thanh có truyền thống sản xuất, nhiệt tình tiếp thu, áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông - lâm nghiệp.

- Thanh Hoá với 4 vùng sinh thái rộng lớn, lao động dồi dào là điều kiện tốt để triển khai các mô hình trình diễn, nhân ra diện rộng.

- Được sự quan tâm của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các nhà khoa học, các tổ chức quốc tế trong vấn đề đầu tư vốn, kiến thức, tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống... cho bà con nông dân tỉnh Thanh Hoá.

- Công tác khuyến nông - khuyến lâm được sự ủng hộ của các ngành, các cấp, các tổ chức và tham gia nhiệt tình của bà con nông dân.

b) Khó khăn.

- Công tác khuyến nông - khuyến lâm là hoạt động mới, do đó phải mất nhiều năm vừa làm vừa học để tìm ra phương pháp chuyển giao và thực hiện cho phù hợp với đặc điểm, điều kiện của Thanh Hoá.

- Mặc dù là tỉnh đất rộng, người đông nhưng kinh phí hàng năm của Trung ương và địa phương dành cho công tác khuyến nông - khuyến lâm còn quá thấp, không đủ đáp ứng yêu cầu thực tế, do đó rất khó khăn trong công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.

- Địa bàn hoạt động trải rộng trên 27 huyện, thị với điều kiện kinh tế - xã hội nhiều vùng còn rất khó khăn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa - nhiều nơi cách tỉnh lỵ hàng trăm kilômét.

3. Quá trình hình thành, củng cố tổ chức hệ thống khuyến nông - khuyến lâm.

Thực hiện Nghị định 13/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã có Quyết định số 749/TC/UBND về việc thành lập hệ thống khuyến nông, đánh dấu một thời kỳ phát triển mới của nông nghiệp tỉnh nhà. Theo Quyết định trên, công tác khuyến nông bao gồm: khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư, với 3 Trung tâm:

- Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp.
- Trung tâm Khuyến lâm trực thuộc Sở Lâm nghiệp.
- Trung tâm Khuyến ngư trực thuộc Sở Thủy sản.

Ở các huyện, thị các Trạm Khuyến nông có biên chế từ 3-5 người.

Đến cuối năm 1996, UBND Tỉnh Thanh Hoá có Quyết định số 1379 ngày 18/7/1996 thành lập Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm trên cơ sở hợp nhất 2 Trung tâm: Khuyến nông và Khuyến lâm. ở huyện 25/27 huyện, thị, thành phố có Trạm Khuyến nông - Khuyến lâm.

Hiện nay toàn bộ hệ thống khuyến nông tỉnh có 155 cán bộ làm công tác khuyến nông - khuyến lâm, trong đó có 110 cán bộ có trình độ đại học, số còn lại là cao đẳng và trung học. Khuyến nông viên cơ sở mới được tuyển dụng từ đầu năm 2004, hiện tại có 605/636 xã, phường có khuyến nông viên, trong đó 30% có trình độ đại học, còn lại là trung học và nông dân giỏi có kinh nghiệm sản xuất.

II. Kết quả hoạt động khuyến nông

1. Công tác thông tin, tuyên truyền.

Công tác thông tin, tuyên truyền là nhiệm vụ trọng tâm của công tác khuyến nông - khuyến lâm và có bước phát triển ngày càng lớn mạnh.

Ngay sau khi thành lập, hệ thống khuyến nông - khuyến lâm đã cộng tác, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hoá để tuyên truyền. Tuy nhiên, những năm đầu do phương tiện máy móc còn thiếu, đội ngũ cán bộ tuyên truyền chưa quen việc, kinh phí khó khăn... nên hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền còn hạn chế. Từ năm 1996, công tác thông tin, tuyên truyền đã có bước chuyển biến quan trọng. ở tỉnh, Trung tâm đã ký hợp đồng xây dựng chuyên mục: “Khuyến nông - Khuyến lâm” trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh hoá, mỗi tháng 4 kỳ; trên báo Thanh Hoá mỗi tháng 4 kỳ. Cùng thời kỳ này đã xuất bản được tập Nội san mỗi quý 1 số (mỗi số 1.020 cuốn) phục vụ bà con nông dân và cán bộ cơ sở. ở cấp huyện, các Trạm Khuyến nông cũng phối hợp thường xuyên với các Đài Truyền thanh huyện để tuyên truyền, phát băng hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nông - lâm nghiệp.

Những việc làm trên đây đã phát huy tác dụng trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến với bà con nông dân. Ngoài ra Trung tâm còn in ấn thêm nhiều tài liệu khác như: lịch sản xuất nông - lâm nghiệp, tờ gấp, sách mỏng, băng hình kỹ thuật.

Từ năm 1993 đến nay, hệ thống Khuyến nông tỉnh đã phát hành được 36.000 cuốn tập san, 156 chuyên mục trên báo địa phương, 14.900 tờ nông lịch, 22.000 tờ gấp, 486 chuyên mục phát thanh và truyền hình; làm mới và in sao được 96 băng hình kỹ thuật; cấp phát trên 10.000 cuốn sách kỹ thuật cho các Câu lạc bộ khuyến nông. Ngoài ra, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm Thanh Hoá đã phối hợp với đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện chương trình Khuyến nông - Khuyến lâm phát thanh bằng tiếng Mông và tiếng Thái cho đồng bào dân tộc miền núi.

Bằng việc đổi mới và không ngừng phát triển công tác thông tin, tuyên truyền nói trên, hệ thống Khuyến nông - Khuyến lâm đã chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trên cả 3 loại hình báo trí, phổ biến nhất hiện nay là: “Báo hình”, “Báo viết” và “Báo nói”. Hiện tại Trung tâm là một trong những đơn vị trong toàn quốc dẫn đầu cùng một lúc thực hiện được 3 chuyên mục hàng tuần trên Đài Truyền hình, Đài Phát thanh và Báo viết. Trung tâm đã được Tỉnh đánh giá là đơn vị dẫn đầu trong công tác thông tin, tuyên truyền, nhất là trên chuyên mục của Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh.

Công tác thông tin, tuyên truyền đã phát huy hiệu quả thiết thực đối với bà con nông dân trong sản xuất nông - lâm nghiệp, giúp nông dân tập huấn từ xa, nâng cao nhận thức khoa học kỹ thuật, nắm bắt thông tin nhanh chóng, kịp thời.

2. Công tác tập huấn, tham quan, chuyển giao tiến bộ KHKT

Bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao, trong những năm qua, hệ thống khuyến nông - khuyến lâm Thanh Hoá đã phối hợp với các đơn vị xã, phường, các tổ chức hội, đoàn thể và doanh nghiệp tổ chức được 12.621 lớp tập huấn về kỹ thuật cây trồng, con

nuôi, chế biến nông - lâm sản cho 652.783 lượt người. Đã thực hiện 1.194 chuyến tham quan, học tập trong, ngoài tỉnh và trong Nam, ngoài Bắc với 122.683 lượt người tham gia, đã giúp cho cán bộ khuyến nông, nông dân mở rộng tầm nhìn, mạnh dạn tiếp thu và đầu tư vốn để áp dụng những kiến thức mới học hỏi được vào sản xuất.

3. Công tác xây dựng mô hình trình diễn

Nếu công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn, tham quan... trang bị kiến thức mang tính lý thuyết thì xây dựng mô hình trình diễn lại tạo điều kiện để nông dân áp dụng những kiến thức vào thực tế sản xuất, làm cơ sở để nhân ra diện rộng.

Nhận thức được tầm quan trọng này, hoạt động xây dựng mô hình trình diễn trong sản xuất đã được Trung tâm triển khai tương đối toàn diện trên cả 4 vùng sinh thái, bao gồm các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, lâm sinh, chế biến nông - lâm sản với tổng số 1.257 mô hình trình diễn cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện (trong đó cấp trung ương và cấp tỉnh là 581 mô hình cấp huyện là 676 mô hình). Ngoài chỉ đạo tốt trong thời gian thực hiện mô hình, Trung tâm cũng trú trọng tổng kết, đánh giá bằng tham quan, học tập nhân ra diện rộng. Đặc biệt sau khi kết thúc mô hình, Trung tâm vẫn tiếp tục tiến hành kiểm tra, chỉ đạo các Trạm Khuyến nông thường xuyên quan tâm đến hiệu quả của mô hình, đến vấn đề nhân rộng, tránh tình trạng “đầu voi, đuôi chuột”. Do đó, các mô hình trình diễn đã phát huy hiệu quả.

a) Mô hình khuyến nông trồng trọt (720 mô hình)

Đã tập trung trình diễn một số cây chủ lực như: sản xuất hạt giống lúa lai F1, thâm canh lúa lai, lúa chất lượng, sản xuất giống ngô lai F1, thâm canh ngô lai vụ đông, thâm canh lạc bằng biện pháp che phủ ni-lông, trồng đậu tương đông, thâm canh mía đôi, dưa, sắn, khoai tây... Đặc biệt từ mô hình sản xuất hạt giống lúa lai F1 năm 2001 với diện tích 30 ha, đến năm 2003 đã tăng lên 360ha.

- Việc tuyên truyền mở rộng diện tích và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong thâm canh lúa lai đã góp phần tạo nên bước đột phá về năng suất, sản lượng lương thực. Từ chỗ cây lúa lai chỉ có mặt ở một số vùng trọng điểm lúa hoặc có truyền thống thâm canh, đến nay đã được mở rộng diện tích ở cả 27 huyện, thị, thành phố vùng sâu, vùng xa. Nhiều địa phương đã đưa diện tích lúa lai sản xuất vụ chiêm, vụ mùa lên 60-70% diện tích, góp phần nâng cao tổng sản lượng lương thực tỉnh nhà và giải quyết vấn đề lương thực cho đồng bào miền núi.

- Cây ngô từ chỗ chỉ gieo trồng trên đất bãi với diện tích rất hạn chế, các giống ngô địa phương đã thoái hoá, đến nay cây ngô đã được tuyên truyền, mở rộng diện tích trên đất 2 lúa, vụ đông thành vụ sản xuất chính với hàng chục loại giống ngô lai, năng suất cao. Năng suất ngô trước kia chỉ đạt 18-20 tạ/ha, đến nay đã đạt 34-36,5 tạ/ha.

- Cây lạc từ chỗ chỉ gieo trồng các giống địa phương với năng suất thấp, sau khi chuyển giao giống mới, kỹ thuật thâm canh che phủ ni-lông, đến nay năng suất đã tăng lên 16-17 tạ/ha (trước năm 2000 năng suất chỉ đạt 11-13 tạ/ha).

Khuyến nông còn thực hiện nhiều mô hình khác về cây dâu tằm, rau an toàn, nuôi trồng nấm ăn; phối nọp với các nhà sản xuất giống, phân bón; chuyển giao mô hình chế biến nông sản, ngành nghề phụ như: máy sấy nhỏ...

b) Mô hình chăn nuôi (317 mô hình).

Các mô hình khuyến nông chăn nuôi cũng đã triển khai ở hầu hết 27 huyện, thị, thành phố trong tỉnh.

- Mô hình chăn nuôi lợn nái ngoại, lợn hướng nạc, lợn nái hậu bị Móng Cái; kết hợp mô hình chăn nuôi lợn + Biogas. Từ chỗ nông dân xem con lợn như là hũ tiết kiệm, chăn nuôi theo kiểu ăn theo người và lấy phân bón. Nhờ áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp nên phong trào chăn nuôi đã ngày càng phát triển, mở rộng; trong tỉnh đã hình thành nhiều mô hình chăn nuôi theo hướng trang trại vừa và nhỏ với các giống lợn ngoại, lợn thịt quy mô từ vài chục đến hàng trăm con. Mô hình đã góp phần tăng số lượng đàn lợn của tỉnh hiện nay là 1 triệu con (năm 1990 có 659 con).

- Mô hình cải tạo đàn bò đã phát triển rất nhanh chóng tại hộ gia đình, góp phần đưa tổng đàn bò lên tới 230.700 con, trong đó bò lai có 25-50-75% máu ngoại chiếm 25% tổng đàn. Con bò sữa mặc dù còn mới nhưng đến nay đã hình thành nhiều trang trại có quy mô hàng trăm con bò sinh sản và hàng chục con bò sữa. Hầu hết các huyện đã và đang triển khai chương trình lai tạo bò sữa từ con bò nền lai với bò ngoại, tạo ra con lai F1. Chương trình cải tạo tầm vóc đàn bò cũng được Trung tâm và các Trạm thực hiện đạt kết quả cao.

- Mô hình chăn nuôi gia cầm cũng đã tạo nên bước đột phá đáng kể. Đã có thêm hàng chục loại giống ngan, gà, vịt được nhân rộng từ các mô hình trình diễn, góp phần đưa đàn gia cầm từ 4,5 triệu con năm 1990 lên 13,132 triệu con năm 2003 (gấp 3 lần). Con gia cầm không còn nuôi chỉ để cải thiện cuộc sống gia đình, đến nay đã hướng tới chăn nuôi để tạo nên sản phẩm hàng hoá với quy mô lớn và nuôi theo hướng thâm canh. Đặc biệt, nhiều loại giống mới thông qua chương trình 135 xoá đói, giảm nghèo đã được đưa vào chăn nuôi, phát triển tại miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Mô hình cải tạo đàn dê cỏ, trồng cỏ thâm canh phục vụ chăn nuôi... cũng đã và đang góp phần tăng thu nhập cho người chăn nuôi.

c) Mô hình khuyến lâm phát triển nghề rừng, chất biến lâm sản ngoài gỗ (220 mô hình).

Chương trình khuyến lâm tập trung triển khai các mô hình theo hướng canh tác, sử dụng đất đai bền vững, sản xuất nông - lâm kết hợp như: cải tạo vườn tạp; khoanh

nuôi, bảo vệ rừng; nâng cao chất lượng rừng trồng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; chế biến lâm sản ngoài gỗ...

Đến nay đã có trên 2.000 trang trại trên địa bàn toàn tỉnh sản xuất theo mô hình kinh tế nông – lâm kết hợp với diện tích trên 12.000 ha, chủ yếu tập trung ở trung du, miền núi, trong đó có 183 trang trại đạt mức thu nhập 200 triệu đồng/năm. Thành công này có một phần đóng góp của việc nhân rộng các mô hình trình diễn khuyến lâm.

III. Nguyên nhân thành công và bài học kinh nghiệm

1. Nguyên nhân thành công

- Có sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, UBND tỉnh và trực tiếp thường xuyên của Ngành Nông nghiệp và PTNT của tỉnh, sự phối hợp thực hiện của chính quyền các cấp, các cơ quan, đoàn thể, các ban ngành liên quan và các tổ chức quốc tế.

- Các chính sách của Trung ương và của tỉnh đã thể hiện tính ưu việt, thúc đẩy sản xuất phát triển như: tín dụng, trợ giá, trợ cước, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, chính sách khuyến nông...

- Sự nỗ lực cố gắng của đội ngũ cán bộ khuyến nông từ tỉnh đến huyện, đội ngũ khuyến nông viên cơ sở đã không ngừng học tập, trang bị kiến thức và không quản khó khăn đến với bà con nông dân khắp nơi trong tỉnh.

2. Những khó khăn, tồn tại

- Việc tổng kết, nhân rộng một số mô hình còn chậm. Các mô hình chế biến nông – lâm sản, phát triển công nghệ sau thu hoạch còn quá ít, chưa giúp đỡ bà con nông dân được nhiều vấn đề đầu ra, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp.

- Việc triển khai thực hiện một số mô hình còn dàn trải, chưa tập trung, chưa sát với yêu cầu thực tế, cụ thể của từng vùng miền, chưa gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Một số mô hình triển khai chậm, không triển khai kịp thời vụ, do đó hiệu quả chưa cao.

- Chưa phát huy hết khả năng hoạt động của các tổ chức khuyến nông tự nguyện. Số lượng nông dân được tập huấn, tham quan, học tập còn thấp so với yêu cầu thực tế.

- Hoạt động khuyến nông, khuyến lâm ở vùng sâu, vùng xa, các hộ nghèo đói chưa được nhiều, hiệu quả chưa cao.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Phải tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo; có sự phối kết hợp, ủng hộ của chính quyền cơ sở, của các tổ chức đoàn thể, quần chúng.

Thứ hai: Phải thực hiện xã hội hoá công tác khuyến nông, phối hợp chặt chẽ giữa khuyến nông nhà nước và khuyến nông tự nguyện; tổ chức được hệ thống khuyến nông thống nhất từ tỉnh xuống cơ sở đủ mạnh và đồng bộ, có đội ngũ cán bộ khuyến nông vững về trình độ nghiệp vụ và năng lực làm việc, tiết tuyền truyền, vận động quần chúng, “giỏi một nghề nhưng biết nhiều việc”.

Thứ ba: Hoạt động khuyến nông - khuyến lâm phải chú trọng đến thông tin 2 chiều từ nông dân đến Nhà nước, từ Nhà nước đến nông dân, do đó đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của nông dân, làm nền tảng cho mọi thành công.

Thứ tư: Nơi nào cấp uỷ, chính quyền các cấp chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên tới công tác khuyến nông, khuyến lâm thì nơi đó hoạt động khuyến nông - khuyến lâm có hiệu quả cao, sản xuất nông lâm nghiệp phát triển mạnh.

Thứ năm: Thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất, tổng kết, nhân nhanh ra diện rộng các mô hình trình diễn, các điển hình tiên tiến, thông tin kịp thời các chính sách, giá trị thị trường giúp nông dân yên tâm sản xuất.

Thứ sáu: Phải gắn kế hoạch hoạt động khuyến nông - khuyến lâm với chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Các mô hình phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của nông dân.

IV. Một số kiến nghị

1. Đề nghị Nhà nước tăng cường nguồn kinh phí đào tạo, tập huấn cho nông dân và khuyến nông viên cơ sở, nhất là các hộ nông dân ở vùng sâu, vùng xa.
2. Nhà nước cần tập trung kinh phí để xây dựng các mô hình trình diễn, có trọng điểm. Thời gian thực hiện mô hình cần dài hơn, đặc biệt đối với mô hình lâm nghiệp.
3. Kế hoạch kinh phí hàng năm cần sớm được phê duyệt để đảm bảo triển khai hoạt động khuyến nông - khuyến lâm đúng thời vụ.
4. Đề nghị Nhà nước hỗ trợ 100% vật tư cho nông dân các xã miền núi còn gặp nhiều khó khăn khi xây dựng mô hình trình diễn.
5. Hàng năm đề nghị Nhà nước và các cấp chính quyền có sự biểu dương, khen thưởng những người thuộc thành phần kinh tế, xã hội làm công tác khuyến nông giỏi, đặc biệt ở các cấp huyện và cơ sở.

Hoạt động khuyến nông, khuyến lâm trong những năm qua tuy còn gặp một số khó khăn, hạn chế nhưng nhìn chung đã vượt qua được giai đoạn đầu đầy thử thách, hoạt động đã đi vào chiều sâu, có hiệu quả rõ rệt và có những đóng góp quan trọng trong thành tựu chung của nông, lâm nghiệp tỉnh nhà./.

KẾT QUẢ XÂY DỰNG TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG CƠ SỞ TẠI TỈNH TIỀN GIANG

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TIỀN GIANG

Tiền Giang là một tỉnh thuộc ĐBSCL, đất chật người đông, dân số khoảng 1,7 triệu người. Đa số dân sống nhờ vào nghề nông (trên 70%), sản xuất nông nghiệp trên đà phát triển, diện tích gieo trồng hàng năm khoảng 280.000 ha, trong đó lúa chất lượng cao và cây ăn quả đặc sản chiếm tỷ trọng cao, có những loại cây nổi tiếng như: xoài cát Hoà Lộc, sầu riêng Ngũ Hiệp, vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim, Thanh Long Chợ Gạo, Se ri Gò Công... Chăn nuôi phát triển đúng hướng, đàn heo theo hướng nạc hoá ngày càng tăng và chất lượng đàn bò thịt ngày càng được cải thiện.

- Để đáp ứng với yêu cầu của sản xuất, Trung tâm Khuyến nông được UBND tỉnh ký quyết định thành lập từ cuối năm 1993, đến giữa năm 1994 tất cả 9 huyện, thị xã, thành phố đều có Trạm khuyến nông.

Số lượng cán bộ khuyến nông cấp tỉnh và huyện khi mới thành lập là 63 người, trong đó có 45 biên chế và 17 hợp đồng. Hiện tại do tách bộ phận giống ra khỏi TTKN nên số lượng cán bộ khuyến nông còn 45 người, trong đó 25 biên chế và 20 hợp đồng.

Do đặc điểm riêng, hầu hết các hoạt động khuyến nông đều diễn ra tại địa bàn ở cơ sở, nơi tiếp xúc trực tiếp với nông dân, nhưng hệ thống khuyến nông Nhà nước chỉ hình thành đến cấp huyện. Hơn nữa lực lượng cán bộ làm công tác khuyến nông lại quá mỏng và qua thực tiễn hoạt động cho thấy: muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, TTKN phải liên kết chặt chẽ với các đơn vị, đoàn thể có liên quan như: các cơ quan nghiên cứu, các đoàn thể chính trị,... trong việc tổ chức, triển khai và thực hiện công tác khuyến nông.

Vì thế vấn đề được đặt ra là phải xây dựng hệ thống khuyến nông ở cơ sở. Để giải quyết vấn đề này, dưới sự chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT, từ đầu năm 1995, TTKN đã ký hợp đồng liên tịch với các đoàn thể như: Hội Nông dân, Hội LHPN, Đoàn TNCSHCM, Hội Cựu chiến binh,... xúc tiến việc tư vấn, hướng dẫn cho các UBND xã (phường) có sản xuất nông nghiệp ra quyết định thành lập CLBKN.

1. Kết quả:

Từ năm 1995 đến nay đã có 162 CLBKN cấp xã (phường, HTX) được thành lập với hơn 10.000 hội viên tham gia sinh hoạt thường xuyên.

CLBKN do UBND xã (phường) ra quyết định thành lập, BCN CLBKN gồm từ 7-12 người, đại diện từ các cơ quan đoàn thể có liên quan ở cơ sở và nông dân sản xuất kinh doanh giỏi gồm: nông nghiệp xã, Hội Nông dân, Hội LHPN, Đoàn TNCS HCM, Hội CCB, Hội làm vườn, các trường ấp và một số nông dân sản xuất kinh doanh giỏi có uy tín trong cộng đồng. Đa số chủ nhiệm CLB (trên 90%) là Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội Nông dân xã, phường.

- Cơ quan quản lý trực tiếp CLBKN là UBND xã (phường), TTKN có trách nhiệm hỗ trợ CLBKN về việc hướng dẫn xây dựng tổ chức, đào tạo huấn luyện cán bộ, hướng dẫn nội dung hoạt động và hỗ trợ một phần kinh phí theo quy định của tài chính tỉnh gồm:

- Xây dựng và triển khai việc thực hiện quy chế về tổ chức và hoạt động của CLBKN.

- Giao cho đồng chí trưởng trạm khuyến nông chịu trách nhiệm chung về hoạt động của các CLBKN tại địa bàn của đơn vị phụ trách, đồng thời yêu cầu trạm trưởng cử cán bộ trực tiếp phụ trách từng CLB và tham gia sinh hoạt định kỳ hàng tháng với CLB.

- Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nhằm cung cấp các thông tin cần thiết, nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng khuyến nông cho BCN CLB.

- Hàng tháng chi hỗ trợ cho mỗi CLB 70.000đ (*bảy mươi ngàn đồng*) để cung cấp Báo nông nghiệp, Báo ấp bắc và tiền chi cho sinh hoạt của CLB.

- Hàng quý, Ban Giám đốc TTKN phối hợp với phòng Nông nghiệp (phòng kinh tế) và trạm khuyến nông họp với chủ nhiệm CLBKN để sơ kết đánh giá hoạt động trong quý và đề ra kế hoạch hoạt động trong quý tới.

2. Đánh giá kết quả thực hiện:

Qua kết quả hoạt động từ năm 1995 đến nay, có thể đánh giá kết quả hoạt động của các CLBKN tại tỉnh Tiền Giang như sau:

a) Tích cực:

- CLBKN là một tổ chức khuyến nông tự nguyện, đã phối hợp tốt với TTKN, trạm KN trong việc tổ chức, triển khai thực hiện công tác khuyến nông tại cụm dân cư và hộ nông dân. Đây là tổ chức không thể thiếu được, đã tập hợp được nông dân theo nhóm sở thích, tạo điều kiện cho các cơ quan: KN, BVTV, Thú y, các doanh nghiệp, các cơ quan nghiên cứu... chuyển giao những thông tin cần thiết, góp phần nâng cao trình độ nuôi trồng và thay đổi nhận thức của nông dân trong sản xuất nông nghiệp.

- Hiện tại nhiều CLBKN đã hình thành được các tổ chuyên như: tổ nhân giống lúa, tổ trồng màu, tổ kinh tế vườn, tổ chăn nuôi heo, tổ chăn nuôi bò sữa, tổ trồng hoa cảnh,... Đây là hình thức cơ bản, bền vững để có thể phát triển theo hình thức kinh tế hợp tác.

- Với sự hình thành CLBKN đã tạo nên sự liên kết phối hợp chặt chẽ trong hoạt động khuyến nông với các đoàn thể, đặc biệt là Hội nông dân. Vì thế chất lượng hoạt động khuyến nông được nâng lên do các nội dung chuyển giao kỹ thuật - công nghệ đúng đối tượng hơn.

- Do tác động tích cực của CLBKN, một số HTX nông nghiệp tổ chức CLBKN riêng cho HTX, qua đó cán bộ, xã viên có điều kiện tiếp cận tốt hơn với KHKT và thông tin thị trường.

- CLBKN được xem là tổ chức nòng cốt phát động, tổ chức và tổng kết phong trào thi đua Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi hàng năm, qua đó xuất hiện ngày càng nhiều hội viên nông dân tiêu biểu trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đây là hạt nhân cho công tác khuyến nông, thúc đẩy phong trào sản xuất nông nghiệp với phương châm: nông dân học nông dân, cán bộ khuyến nông là người tư vấn, hướng dẫn thực hiện.

b) Hạn chế:

- Trình độ: Do trình độ, năng lực của ban chủ nhiệm có hạn và không được đào tạo qua trường lớp nên chất lượng hoạt động còn nhiều hạn chế.

- Chế độ: Do CN CLBKN đa số là cán bộ đoàn thể kiêm nhiệm, hoạt động không có lương, phụ cấp nên chất lượng hoạt động phụ thuộc rất lớn vào lòng nhiệt tình. Vì thế chất lượng hoạt động trong những năm qua không có gì khởi sắc, có 1 số CLB hoạt động yếu do sự kém năng động của CN.

Theo đánh giá của TTKN, hiện tại có khoảng 30% CLB hoạt động từ khá đến giỏi, 50% CLB hoạt động trung bình và 20% CLB hoạt động yếu.

3. Hướng giải quyết:

Để giải quyết những hạn chế nêu trên cần có:

- Chế độ bồi dưỡng hợp lý đối với công sức của Ban chủ nhiệm CLB đã bỏ ra trong hoạt động khuyến nông.

- Tăng thêm kinh phí huấn luyện nâng cao trình độ, kỹ năng cho Ban chủ nhiệm và trang bị một số vật dụng cần thiết cho CLB.

- Với Hợp phần khuyến nông của ASDP việc hình thành mạng lưới khuyến nông viên cơ sở sẽ tạo điều kiện hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động của CLB khuyến nông.

4. Đề nghị:

- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia có văn bản hướng dẫn về tổ chức hoạt động của khuyến nông viên và CLBKN.

- Hỗ trợ thêm kinh phí đào tạo huấn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho khuyến nông viên và Ban chủ nhiệm CLBKN.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KHUYẾN NÔNG 10 NĂM QUA Ở THÁI BÌNH

TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM & KHUYẾN NÔNG TỈNH THÁI BÌNH

I. Một số nét cơ bản về hoạt động khuyến nông của Trung tâm Khảo nghiệm & Khuyến nông tỉnh Thái Bình

Trung tâm Khảo nghiệm & Khuyến nông tỉnh Thái Bình được thành lập ngay sau khi nghị định 13/CP của Chính phủ, tiền thân trước đây là Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp, với 57 cán bộ hầu hết có trình độ đại học. Từ năm 2002 thực hiện chủ trương của tỉnh, đơn vị thành lập 8 trạm khuyến nông cấp huyện và 258 xã đều có cán bộ khuyến nông cơ sở tạo thành mạng lưới khuyến nông thông suốt.

Với nhiệm vụ được giao là khảo nghiệm, tuyển chọn đưa vào sản xuất giống cây con mới cho năng suất cao, chất lượng tốt, xây dựng mô hình trình diễn, tập huấn chuyển giao TBKT mới cho nông dân áp dụng. Mười năm qua Trung tâm Khảo nghiệm & Khuyến nông tỉnh Thái Bình đã khảo nghiệm hơn 500 giống lúa, hàng trăm giống đậu đỗ, ngô, khoai tây, rau quả, hàng chục loại vật nuôi, nhiều giải pháp công nghệ mới. Xây dựng hàng ngàn mô hình về trồng trọt, chăn nuôi, tạo điều kiện cho hàng vạn nông dân được tiếp cận khoa học kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất và áp dụng TBKT có hiệu quả, góp phần ổn định năng suất lúa 12,5 tấn/ha/năm, giữ vững 1 triệu tấn lương thực. Thực hiện có hiệu quả nạc hoá đàn lợn, sind hoá đàn bò trên quy mô toàn tỉnh. Đơn vị nhiều năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được UBND tỉnh tặng nhiều bằng khen và được nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba...

II. Công tác dịch vụ khuyến nông 10 năm qua và những bài học kinh nghiệm

Bên cạnh kết quả trên chúng tôi còn coi trọng công tác dịch vụ khuyến nông. Bởi lẽ nó là đòn xeo khơi dậy khả năng sáng tạo, sức lao động của đội ngũ trí thức, tiếp cận nhanh với cơ chế thị trường, gắn chặt xóm và hoạt động của anh chị em với hiệu quả sản xuất của nông dân trên đồng ruộng, chuồng trại. Đồng thời đây cũng là yêu cầu, đòi hỏi bức xúc về kỹ thuật mới của nông dân trong tỉnh.

Để tổ chức các dịch vụ khuyến nông có hiệu quả, chúng tôi đã tiến hành điều tra đánh giá nhu cầu về kiến thức KHKT của các hộ nông dân ở từng vùng như: ven biển,

nội đồng. Xác định thị trường chất xám mà nông dân đang cần như: cơ cấu giống lúa, mạ nền, cấy, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh; nhu cầu tự sản xuất giống lúa nguyên chủng, cấp 1 tại hộ nông dân; nhu cầu KHKT thâm canh rau quả xuất khẩu như: dưa chuột, sa lát, ớt, khoai tây...; nhu cầu về củ giống khoai tây hạt lai, Hà Lan, giống cây ăn quả; nhu cầu sử dụng phân bón hỗn hợp NPK đa dinh dưỡng; nhu cầu hướng dẫn chăn nuôi lợn nái ngoại, vịt siêu trứng, ngan siêu thịt và thức ăn chăn nuôi...

Từ các nhu cầu của nông dân chúng tôi đã tiến hành xây dựng cơ chế quản lý các loại hợp đồng dịch vụ, tổ chức cơ cấu lại các công việc của cán bộ khuyến nông cho phù hợp, đặc biệt bộ phận nghiệp vụ không phải thuần túy tác nghiệp, phân chia ngân sách mà phải chuyển từ nghiệp vụ văn phòng sang nghiệp vụ dịch vụ khuyến nông. Tiến hành mở tài khoản tại ngân hàng để tiện cho việc giao dịch và hoạt động tín dụng.

Với sự chỉ đạo kiên quyết và khắc phục khó khăn, nhiều năm qua chúng tôi đã thực hiện có hiệu quả một số loại dịch vụ khuyến nông sau đây:

1. Dịch vụ tư vấn, chỉ đạo kỹ thuật

Loại hợp đồng này được ký chủ yếu trên lĩnh vực: thâm canh lúa, rau quả, dưa hấu, bí xanh, đậu tương, ngô rau, khoai tây Hà Lan xuất khẩu, chăn nuôi lợn nái ngoại, gà thả vườn. Số lượng hợp đồng là 378, trong đó hợp đồng với cây lúa là 207, còn lại là các hợp đồng cây, con khác. Với lúa, người cán bộ kỹ thuật phải thực hiện các phần việc: tập huấn gieo cấy, bón phân, chăm sóc và chỉ đạo kỹ thuật từ đầu đến cuối vụ cho nông dân đến tận các thôn; kiểm tra phát hiện sâu bệnh hại từ cấy đến chắc hạt. Sau vụ nông dân chỉ trả 3 kg thóc/ha (các hợp đồng có quy mô từ 250 – 400 ha). Đối với các hợp đồng cây khác như dưa chuột, bí xanh, ngô rau, dưa hấu... tùy theo tính chất phức tạp, giá trị bội thu năng suất và lợi nhuận mà hai bên thỏa thuận, cán bộ kỹ thuật tập huấn, hướng dẫn từ đầu vụ đến thu hoạch, giá trị của hợp đồng thường từ 5.000 - 15.000 đ/sào Bắc bộ (các hợp đồng thường có quy mô nhỏ 1 ha - 10 ha). Số kinh phí thu được qua các hợp đồng đều để lại 100% cho cán bộ khuyến nông và cán bộ địa phương tham gia thực hiện hợp đồng, cơ quan không điều tiết, nhằm động viên khuyến khích anh chị em trực tiếp tham gia.

2. Dịch vụ sản xuất giống cây trồng

- Sản xuất giống lúa, giống ngô: Mười năm qua đơn vị đã ký được 73 hợp đồng sản xuất giống lúa cấp 1 nguyên chủng theo đơn đặt hàng của địa phương, với quy mô từ 1-5 ha, tạo ra hàng trăm giống lúa cấp 1, nguyên chủng tự tiêu trong nội bộ địa phương, chất lượng bảo đảm tốt. Mỗi tấn thóc giống cấp 1 được sản xuất, nông dân trích cho đơn vị 300.000đ, mỗi tấn thóc nguyên chủng 500.000đ. Đối với giống lúa lai F1, ngô lai F1, đơn vị hạch toán chung theo chương trình mục tiêu của tỉnh và TW.

- Sản xuất cây giống khoai tây hạt lai và đầu lai: Thái Bình đã triển khai nhanh tiến bộ kỹ thuật khoai tây hạt lai. Hàng năm đã nhập về tỉnh từ 20-25 kg hạt giống để bảo đảm cho nông dân sản xuất gieo ươm cây giống đạt hiệu quả cao.

Chúng tôi đã ký hợp đồng chỉ đạo kỹ thuật gieo ươm cây giống, từ tập huấn nông dân như: hướng dẫn làm đất, lên luống, bón phân, gieo hạt chăm sóc phòng trừ sâu bệnh hại với mức khoán là 6 vạn cây/sào. Các hợp đồng đều thực hiện vượt mức số cây giống đẻ ra. Nông dân đã chi trả cho cán bộ kỹ thuật 500.000đ/sào sau thời gian là 25 ngày. Đối với sản xuất cây giống đầu lai VH9 chúng tôi đã ký hợp đồng với Trung tâm Nghiên cứu đầu tằm TW, cứ gieo 1 sào Bắc bộ sản xuất giống cây đầu lai đạt được 9 vạn cây trở lên thì cán bộ kỹ thuật được trả công chỉ đạo là 1 đồng/cây. Cơ quan được tích lũy 2 đồng/cây. Thường các hợp đồng này đều vượt mức đẻ ra, từ 5.000 – 8.000 cây/sào. Tổng số cây đầu giống chúng tôi đã sản xuất trong 3 năm qua được 1.250.000 cây. Kinh phí thu được mỗi năm 20-25 triệu đồng.

- Hợp đồng sản xuất củ giống khoai tây: Để nâng cao năng suất và chất lượng củ giống, chúng tôi đã ký hợp đồng với nông dân để hướng dẫn sản xuất củ giống: từ khâu thời vụ, làm đất, bón phân, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh đến thu hoạch với năng suất củ giống đảm bảo đủ tiêu chuẩn từ 400 kg/sào trở lên (ngoại trừ thiên tai bất khả kháng). Mức nông dân trích thưởng cho cán bộ khuyến nông là 20.000 đồng/sào trong thời gian 85 ngày. Diện tích ký hợp đồng hàng năm đạt 50 – 70 ha. Đồng thời với hướng dẫn sản xuất củ giống chúng tôi còn ký hợp đồng tiêu thụ củ giống cho nông dân thông qua bảo quản tại kho lạnh của đơn vị. Mặt khác, còn làm dịch vụ cho các kho lạnh của TW và các tỉnh bạn. Loại dịch vụ này hàng năm chúng tôi cũng thu được từ 30 – 50 triệu đồng.

3. Dịch vụ tổ chức sản xuất, bao tiêu sản phẩm xuất khẩu đối với khoai tây Hà Lan.

Là đơn vị duy nhất trên địa bàn tỉnh, hàng năm tổ chức nhập từ 40 – 50 tấn củ giống khoai tây siêu nguyên chủng từ Hà Lan, giống Diamand nhân vụ xuân, sau đó để giống qua kho lạnh cho vụ đông trồng xuất khẩu. Đơn vị đã ký hợp đồng với một số địa phương, diện tích từ 100 - 500 ha. Từ cung cấp giống, đầu tư phân bón, chỉ đạo kỹ thuật và cuối cùng là thu mua sản phẩm. Mua giá sàn là 1500 đồng/kg cộng thêm 100 đ/kg phí dịch vụ cho xã, nếu giá thị trường tăng thì mua của nông dân theo giá thị trường. Hàng năm chúng tôi mua được từ 150 - 500 tấn khoai đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Thu lãi ròng từ 50 -70 triệu đồng. Dự kiến vụ đông năm 2004 ký hợp đồng bao tiêu cho nông dân 2.000 tấn.

4. Dịch vụ chuyển giao sử dụng phân bón NPK đa dinh dưỡng

Nông dân Thái Bình từ nhiều năm đã sử dụng phân vô cơ dạng đơn là chủ yếu. Sử dụng ít lân và lại càng ít đối với kali. Phân bón hỗn hợp nông dân ít mặn mà. Diện

tích lúa hàng vụ nhiễm sâu bệnh nặng, lượng thuốc trừ sâu sử dụng nhiều ảnh hưởng tới môi trường. Để hạn chế dùng phân đơn chúng tôi đã bố trí nhiều thực nghiệm mô hình trình diễn phân bón NPK cho nông dân học tập, hướng dẫn cách sử dụng nên được nông dân tin và áp dụng. Đơn vị hợp đồng với hai nhà máy phân lân Ninh Bình và Văn Điển để chuyển giao phân bón NPK (5:12:3 và 6:11:2). Năm 1998 chuyển giao được 120 tấn, đến năm 2000 đã lên đến 2500 tấn, năm 2001 được 3500 tấn, năm 2002 được 5000 tấn, năm 2003 đã chuyển giao cho các cơ sở được gần 14.000 tấn, năm 2004 có khả năng đạt 20.000 tấn. Để làm được việc này Trung tâm đã liên kết với hội phụ nữ ở các huyện, xã, các chi hội thôn để chuyển giao TBKT. Trong 10 năm qua tổng doanh số bán ra trên 40 tỷ đồng. Tổng thu lợi nhuận qua dịch vụ phân bón trong hai năm gần đây mỗi năm đạt từ 100 - 200 triệu đồng. Hàng vạn hộ nông dân được tiếp cận sử dụng phân hỗn hợp, năng suất lúa tăng trung bình từ 300 - 400 kg/ha so với bón phân đơn. Với diện tích sử dụng phân bón trên 30.000 ha dự kiến thu lợi cho nông dân từ 9 - 12.000 ngàn tấn thóc, chi phí thuốc trừ sâu bệnh giảm, vấn đề ô nhiễm môi trường được cải thiện.

5. Hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học và xây dựng cánh đồng 50 triệu/ha/năm.

Nhiều năm qua đơn vị chúng tôi luôn luôn được tỉnh chọn đặt hàng nhiều đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất như: nghiên cứu tuyển chọn giống lúa chất lượng cao, rau quả xuất khẩu..., nghiên cứu sử dụng phân bón hợp lý cho đất phèn, nghiên cứu sử dụng phân kali cho lúa lai, nghiên cứu bảo quản giống khoai tây bằng kho lạnh, nghiên cứu tuyển chọn giống gà thả vườn, ngan Pháp, vịt siêu trứng.... Mỗi năm thực hiện từ 2-4 đề tài cấp tỉnh..., với số kinh phí từ 200-300 triệu đồng. Đặc biệt từ năm 2003, chúng tôi ký nhiều hợp đồng xây dựng cánh đồng 50 triệu ở 8 huyện thị trong tỉnh. Ngoài ra, còn thực hiện các chương trình khuyến nông có mục tiêu của các cơ quan TW và địa phương.

III. Một số bài học kinh nghiệm và những khó khăn hạn chế về công tác dịch vụ khuyến nông

- Dịch vụ khuyến nông ở Thái Bình đã trở thành công việc thường nhật của công tác khuyến nông. Dịch vụ khuyến nông càng phát triển thì càng làm cho công tác khuyến nông tốt hơn, sôi động hơn, phong phú hơn, gắn bó trách nhiệm đến cùng giữa nông dân với cán bộ khuyến nông. Cán bộ khuyến nông không lơ là như trước, chịu khó hơn, năng động sáng tạo hơn, trách nhiệm hơn và cuối cùng là có thu nhập cao hơn. Nhiều cán bộ khuyến nông có nguồn thu hàng năm 15-20 triệu đồng.

- Người nông dân quen dần với lĩnh vực dịch vụ mới mẻ này. Họ không nghĩ là khuyến nông chỉ là khuyên mà là khuyến có trách nhiệm vật chất hẳn hoi, có hiệu quả

kinh tế, mang lại lợi ích thiết thực cho họ và họ vui vẻ trả thù lao cho cán bộ khuyến nông.

- Một bộ phận cán bộ khuyến nông vươn lên thành các chuyên gia khuyến nông giỏi từ cập nhật thông tin, thạo tay nghề, tinh thông thị trường, ký được nhiều hợp đồng và thực hiện các hợp đồng có kết quả và họ có thu nhập cao, cải thiện đời sống, do đó họ càng hăng say công tác...

- Nhiều TBKT mới thông qua dịch vụ khuyến nông được ứng dụng nhanh trong sản xuất, hình thành dịch vụ khép kín từ đầu vào, tổ chức sản xuất, bao tiêu sản phẩm làm ra cho nông dân.

- Dịch vụ khuyến nông là trường học để đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, đặc biệt những cán bộ khuyến nông yếu kém họ thấy bên cạnh mình nhiều người làm được, có thu nhập cao, tại sao mình không làm được? Qua đó giúp cho họ tìm tòi học hỏi, chịu khó đi sát cơ sở để vươn lên tiếp cận được với thị trường chất xám.

- Dịch vụ khuyến nông đóng góp một phần thu ngân sách của đơn vị do tỉnh giao, ổn định hàng năm từ 80-100 triệu để bổ sung cho nguồn thu sự nghiệp. Đồng thời đơn vị cũng có nguồn thu hàng trăm triệu để cải thiện đời sống chung cho CBCNV chức như: tham quan, nghỉ mát, ở trong nước và nước ngoài, các ngày lễ, tết, khuyến học, khuyến tài....

Tuy nhiên dịch vụ khuyến nông còn một số hạn chế sau:

- Nhà nước chưa có những quy định cụ thể cho công tác dịch vụ khuyến nông nên gặp nhiều khó khăn khi giải quyết các tranh chấp hợp đồng. Đặc biệt các hợp đồng liên quan đến tổ chức sản xuất, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi nhuận giữa cơ quan khuyến nông với nông dân.

- Lực lượng cán bộ kỹ thuật “phân hoá” hai đầu. Nhiều anh chị em có thu nhập cao nhưng cũng không ít người chỉ sống bằng tiền lương vì những người này chưa bắt nhịp với các yêu cầu của công tác dịch vụ khuyến nông.

- Yêu cầu chất xám ngày càng cao và đa dạng, đặc biệt nông nghiệp đang chuyển sang nông nghiệp hàng hoá chất lượng cao, người nông dân đòi hỏi các hợp đồng khắt khe hơn, có sản phẩm cuối cùng và có lợi cho họ thì họ mới trả thù lao, cho nên đội ngũ cán bộ khuyến nông cần phải được đào tạo và đào tạo lại theo hướng thị trường.

- Chính sách cho vay vốn thông qua hoạt động dịch vụ khuyến nông cần được cụ thể để tạo điều kiện cho các đơn vị khuyến nông làm dịch vụ được chủ động về vốn, đặc biệt các hợp đồng ứng trước và thu mua sản phẩm cho nông dân

Dịch vụ khuyến nông là công việc mới mẻ, chúng tôi vừa làm vừa tìm tòi học hỏi, vừa rút kinh nghiệm. Được sự lãnh đạo- chỉ đạo của TW, tỉnh, Sở Nông nghiệp &

PTNT, các ban ngành, các địa phương và bà con nông dân, đặc biệt là sự năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ khuyến nông, chúng tôi đã thu được những kết quả bước đầu, góp phần thúc đẩy công tác khuyến nông phát triển lên một bước mới, đáp ứng được yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, hàng hoá. Chúng tôi mong rằng với sự giúp đỡ của Bộ, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và các tỉnh bạn, công tác khuyến nông nói chung và công tác dịch vụ khuyến nông nói riêng của Thái Bình ngày càng hoàn thiện và phát triển./.

BÁO CÁO

XÂY DỰNG TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG CƠ SỞ CỦA TỈNH HÀ GIANG

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG HÀ GIANG

1. Quá trình hình thành và phát triển về tổ chức khuyến nông cơ sở tỉnh Hà Giang

Thực hiện Nghị định số 13/CP ngày 2 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ, UBND tỉnh Hà Giang đã có Quyết định 217/QĐ-UB ngày 28 tháng 5 năm 1994, thành lập hệ thống khuyến nông nhà nước cấp tỉnh. Khi mới thành lập, Trung tâm Khuyến nông biên chế 82 cán bộ, công chức kiêm nhiệm cả công tác bảo vệ thực vật, công tác thú y. Đến tháng 4 năm 1996, do kiện toàn tổ chức, bảo vệ thực vật và thú y được tách ra và thành lập trạm bảo vệ thực vật và thú y ở các huyện, thị.

Năm 1997 tỉnh tổ chức hội nghị đánh giá công tác khuyến nông đã khẳng định: “vai trò, vị trí của công tác khuyến nông là rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn”.

Năm 1998 tỉnh cho chủ trương làm thử việc thành lập khuyến nông xã, ở 4 huyện, sau đó mở rộng, phát triển ở tất cả các huyện trong tỉnh. Đến đầu năm 1999, tỉnh quyết định thành lập tổ chức khuyến nông ở tất cả các xã, thị trấn trong toàn tỉnh.

Tháng 6 năm 1999 để phù hợp với công tác quản lý, điều hành và đáp ứng với yêu cầu sản xuất, tỉnh cho chủ trương bàn giao các trạm khuyến nông trực thuộc Trung tâm về UBND huyện, thị trực tiếp quản lý. Trung tâm chỉ quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ.

Đến nay, hệ thống khuyến nông Hà Giang ngày càng được củng cố và kiện toàn từ cấp tỉnh xuống đến thôn, bản. Cơ cấu tổ chức hệ thống khuyến nông của tỉnh như sau:

- Cấp tỉnh: Trung tâm khuyến nông tỉnh trực thuộc sở NN và PTNT biên chế 16 người, (trên 85% có trình độ đại học), được đào tạo chính quy các chuyên ngành nông, lâm nghiệp.

- Trạm khuyến nông 11 huyện, thị trực thuộc UBND huyện, thị có 62 người, gần 40% có trình độ đại học, số còn lại có trình độ trung học nông, lâm nghiệp.

- Cấp xã, thị trấn có 2 lực lượng: khuyến nông xã và khuyến nông thôn bản.

+ Khuyến nông xã: hiện nay trên toàn tỉnh 194 xã, thị trấn đều có cán bộ khuyến nông. Trong đó: trình độ đại học chiếm gần 9% và trên 91% là trình độ trung cấp. Việc tuyển dụng cán bộ khuyến nông xã đảm bảo theo quy định của UBND tỉnh. Tuy nhiên, do nguồn cán bộ thiếu, nhất là các huyện vùng cao, vùng sâu, vùng xa nên khi tuyển dụng còn chậm trễ. Đa số cán bộ khuyến nông cơ sở đào tạo qua trường thuộc chuyên ngành trồng trọt, lâm sinh. Vì vậy hoạt động khuyến nông còn có những hạn chế nhất định.

+ Khuyến nông thôn bản: năm 1998 trong quá trình tổ chức triển khai xây dựng mạng lưới khuyến nông xã, tỉnh đã có chủ trương làm thử việc xây dựng mạng lưới khuyến nông thôn bản tại huyện Hoàng Su Phì. Đây là một hình thức “xã hội hoá công tác khuyến nông”, hoạt động thiết thực có hiệu quả. Hình thành khuyến nông thôn bản với phương thức “do dân cử dân nuôi”. Khuyến nông thôn bản chính là phương pháp “lấy nông dân dạy nông dân”.

Hình thức tuyển dụng khuyến nông thôn bản theo nguyên tắc tự nguyện, hợp thôn bản lấy ý kiến của người dân, thôn bản bầu chọn. Sau đó tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn ngắn hạn và cấp chứng nhận để hoạt động chuyển giao TBKT cho người dân.

Sau tổng kết đánh giá của huyện Hoàng Su Phì tỉnh đã có chủ trương phát triển đội ngũ khuyến nông thôn bản trong toàn tỉnh, phấn đấu mỗi thôn bản đều có cán bộ khuyến nông.

Năm 2001, Trung tâm Khuyến nông đã phối hợp với Phòng Chính sách (Sở NN và PTNT Hà Giang) xây dựng “Qui định hoạt động và một số chính sách đối với khuyến nông thôn bản” để thống nhất triển khai thực hiện ở các huyện.

Đến tháng 8/2002, tỉnh quyết định ban hành “Qui định tạm thời về tổ chức, quản lý và một số chế độ chính sách đối với cán bộ khuyến nông thôn bản”.

Sau gần 2 năm thực hiện công văn chỉ đạo, quyết định của UBND tỉnh, đến nay Hà Giang đã có 1.421 khuyến nông viên thôn bản/1833 thôn bản, chiếm 77% số thôn bản của tỉnh. Trong đó: Hoàng Su Phì 198/185, Mèo Vạc 195/194, Đồng Văn 220/218, Xín Mần 179/179, Vị Xuyên 99/196, Yên Minh 265/265, Bắc Mê 117/117, thị xã Hà Giang 46/46, Quản Bạ 51/104, Bắc Giang 12/201, Quang Bình 39/128 (người/thôn bản).

Tuy nhiên, trong tổng số 1.421 khuyến nông viên thôn bản, chỉ có 3 người đã được đào tạo sơ cấp nông, lâm nghiệp, 51 người có trình độ văn hoá cấp 3 (chiếm 3,6%), 393 người có trình độ văn hoá cấp 2 (chiếm 28%), 977 người có trình độ văn hoá cấp 1 (chiếm 68,4%). Nhìn chung, trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn của khuyến nông viên thôn bản còn rất yếu. Vì vậy, việc nâng cao trình độ văn hoá, nhất là năng lực chuyên môn cho khuyến nông viên thôn bản là rất cần thiết. Hàng năm Trung

tâm Khuyến nông đã tổ chức các lớp tập huấn để nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tay nghề cho họ.

2. Một số chế độ chính sách đối với khuyến nông cơ sở

Trong những năm qua đội ngũ khuyến nông cơ sở được chính quyền các cấp, các ngành quan tâm giúp đỡ, đã có chính sách khuyến khích, đãi ngộ phù hợp với điều kiện kinh tế của tỉnh:

a. Đối với khuyến nông xã:

Từ năm 1999 trở về trước khuyến nông xã, được hưởng thù lao 200.000 đ/tháng/người (tỉnh cấp 100.000 đồng, huyện cấp 100.000 đồng). Ngoài ra, tùy điều kiện mỗi huyện, có thể có thêm phụ cấp và thù lao tiền công thực hiện các mô hình trình diễn khuyến nông.

Năm 2000 tỉnh quyết định cán bộ khuyến nông xã được hưởng lương theo chế độ hợp đồng 300.000 đồng/tháng/người.

Từ năm 2001 đến nay, cán bộ khuyến nông cơ sở xã hưởng bậc lương theo chuyên ngành đào tạo, được tham gia đóng bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm y tế và được nâng bậc lương và hưởng các chế độ khác theo qui định của Nhà nước. Ngoài ra, còn được hưởng tiền công chỉ đạo thực hiện các mô hình trình diễn khuyến nông và các hoạt động khuyến nông khác. Những xã đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 135/CP, cán bộ khuyến nông cơ sở xã mỗi tháng còn được hỗ trợ 50.000 đồng/tháng/người.

Từ năm 1999 về trước, các huyện ký hợp đồng ngắn hạn là 1 năm, từ năm 2000 cho đến nay, các huyện đã ký hợp đồng dài hạn, nên cán bộ khuyến nông xã đã yên tâm công tác trong ngành.

Cán bộ khuyến nông xã 2 năm tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng, đồng thời hàng năm họ còn được học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, được tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm, kinh phí do nhà nước đài thọ.

Hiện nay cán bộ khuyến nông xã chưa ký hợp đồng dịch vụ kỹ thuật cho các chủ hộ, một phần do trình độ dân trí chưa cao, do tay nghề cán bộ còn có những hạn chế nhất định, chưa gắn kết hoạt động khuyến nông với hoạt động hợp tác xã đổi mới theo luật. Một phần cũng do không chủ động được kinh phí... nên chưa mạnh dạn ký hợp đồng kỹ thuật với các hộ. Hợp đồng dịch vụ khuyến nông chưa được coi là một trong những phương tiện để gắn cán bộ khuyến nông cơ sở với sản xuất, với nhân dân, với các chủ trang trại và cũng là phương tiện để cải thiện đời sống sinh hoạt cho cán bộ khuyến nông.

b. Đối với khuyến nông thôn bản:

Trước năm 2002, mức thù lao là do người dân tự nguyện đóng góp trên cơ sở thỏa thuận giữa người dân trong thôn bản với cán bộ khuyến nông. Vì vậy, mức đóng góp, hỗ trợ cho khuyến nông mỗi thôn bản đều khác nhau, tùy thuộc vào diện tích canh tác,

số hộ trong thôn bản đó... Tại huyện Hoàng Su Phì, thôn cao nhất được hưởng 390 kg thóc/người/năm, thôn thấp nhất được hưởng 40 kg thóc/người/năm. (Tuy nhiên mức đóng góp của người dân chỉ mới thực hiện đều đặn ở huyện Hoàng Su Phì).

Từ năm 2003, để tạo điều kiện cho khuyến nông thôn bản yên tâm công tác ổn định, lâu dài, tỉnh đã quyết định “Khuyến nông thôn bản được hỗ trợ sinh hoạt phí từ ngân sách xã, mỗi tháng được hưởng 100.000 đồng/người”. Ngoài ra, còn được hưởng tiền khuyến nông tham gia các chương trình dự án và các công việc có liên quan khác.

Khuyến nông viên thôn bản do UBND xã quản lý. Phòng nông nghiệp và trạm khuyến nông quản lý về chuyên môn.

3. Đôi nét về kết quả hoạt động khuyến nông trong 10 năm qua

Hà Giang là một tỉnh miền núi, sản xuất nông, lâm nghiệp là chính. Vì vậy đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp là mục tiêu hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Trải qua các thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tổ chức khuyến nông cơ sở cũng được bố trí, sắp xếp một cách hợp lý, đáp ứng được yêu cầu của sản xuất nông lâm nghiệp, tăng cường năng lực cho hoạt động khuyến nông có hiệu quả, tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong sự nghiệp phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Trong 10 năm qua, khuyến nông cơ sở đã tổ chức tập huấn được tổng số 11.638 lớp với 432.064 lượt người tham gia. Công tác huấn luyện và thông tin tuyên truyền đã góp phần quan trọng vào hoạt động khuyến nông. Đã phân phát trên 250.000 tờ gấp kỹ thuật về sản xuất nông, lâm nghiệp và trên 6000 cuốn “sổ tay khuyến nông” để giúp cho bà con nông dân học tập, áp dụng vào sản xuất. Để tăng cường thêm kênh nghe, nhìn, đã tổ chức chiếu băng video kỹ thuật khuyến nông cho các xã dự án và tại các phiên chợ vùng cao với tổng số 147 buổi cho hàng nghìn người đón xem. Đồng thời lựa chọn 7/12 chương trình khuyến nông trong năm dịch ra 2 thứ tiếng Mông và Dao, phát trên 45 trạm TVRO của các huyện trong tỉnh. Đã tổ chức được 941 cuộc hội thảo đầu bờ, chuồng trại với hàng ngàn người tham gia. Tổ chức 24 cuộc hội thảo phát triển chương trình với gần 3000 người tham gia đồng thời tổ chức 112 cuộc hội thảo đánh giá quý cho gần 1 vạn lượt người. Đã thực hiện được tổng số 285 chuyên mục khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong đó: trên báo Hà Giang 200 chuyên mục, trên phát thanh - truyền hình Hà Giang 85 chuyên mục. Các chuyên mục khuyến nông đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất của địa phương. Nhằm khuyến cáo phát triển sản xuất và tôn vinh những gương sản xuất giỏi, trong thời gian qua, được sự giúp đỡ của các cơ quan trong và ngoài ngành, đã tổ chức được 3 cuộc thi: “Hội thi bình tuyển giống cam sành” tại Bắc Quang “Hội thi bò vùng cao”, tổ chức tại Đồng Văn, “Hội thi

nông dân giỏi Miền núi 2001”, tổ chức tại Sơn La, có 12 tỉnh phía Bắc tham gia, đoàn Hà Giang đều đạt được giải.

Trong 10 năm đã xây dựng được tổng số 941 mô hình, bằng nguồn vốn hỗ trợ của các chương trình: chương trình 135/CP, dự án HPM, chương trình Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, chương trình Cục Lâm nghiệp và các chương trình khác, với tổng kinh phí xây dựng mô hình trên 9 tỷ đồng, thu hút hàng ngàn hộ nông dân tham gia.

Hầu hết các mô hình đều đạt kết quả tốt, cây trồng, vật nuôi cá năng suất, chất lượng cao. Năng suất đều vượt hơn so với năng suất đại trà từ 1,5 - 2 lần, đem lại thu nhập cao cho người lao động. Đồng thời các mô hình đều mang tính tuyên truyền, thuyết phục, nên dễ nhân rộng ra đại trà.

Thông qua việc thực hiện mô hình, người dân được nâng cao trình độ kỹ thuật thâm canh cây trồng, vật nuôi để áp dụng vào sản xuất; là cơ sở cho việc lựa chọn, bố trí, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng địa phương.

Trong 10 năm qua sản xuất nông lâm nghiệp Hà Giang đã có sự chuyển biến mạnh mẽ. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã được chuyển đổi, phát huy được tiềm năng về nhân lực, đất đai, điều kiện tự nhiên của từng địa bàn, đẩy mạnh thâm canh, đầu tư các giống cây trồng vật nuôi mới, tăng diện tích cây trồng có giá trị và năng suất cao. Kết quả rõ nét nhất của công tác khuyến nông trong những năm qua là cơ cấu giống lúa, giống ngô trong toàn tỉnh chuyển đổi mạnh, theo hướng tăng nhanh, thâm canh giống lúa lai, ngô lai, đậu tương giống mới có năng suất chất lượng cao. Trên đất 1 vụ lúa đã hình thành công thức luân canh, xen canh: ngô xuân - lúa mùa chính vụ hoặc đậu tương xuân - lúa mùa. Các huyện vùng cao núi đá cũng đã hình thành công thức luân canh: ngô xuân hè - đậu tương thu đông...

Năm 1994, tổng sản lượng lương thực của toàn tỉnh là 145.257 tấn/năm thì đến năm 2003, tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt 23,34 vạn tấn/năm, tăng 159%. Năm 1994, lương thực bình quân đầu người 270 kg/năm, đến năm 2003 lương thực bình quân đầu người là 360 kg/năm, tăng 133%.

Mười năm qua, một chặng đường hệ thống khuyến nông xây dựng và trưởng thành, từ cấp tỉnh đến cơ sở ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Vai trò hoạt động khuyến nông đã được khẳng định trong sự nghiệp phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn. Đây là lực lượng chủ lực trong việc đưa tiến bộ KHKT vào sản xuất, giúp đỡ nông dân nâng cao trình độ canh tác, trình độ dân trí, góp phần tích cực vào công cuộc xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn của Hà Giang.

4. Một số kiến nghị

Để hoạt động khuyến nông cơ sở ngày càng đạt hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, Trung tâm Khuyến nông Hà Giang có một số kiến nghị với Nhà nước như sau:

- Có chế độ, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích đối với tổ chức khuyến nông, nhất là đối với lực lượng cán bộ khuyến nông cơ sở, được hưởng chế độ, chính sách cũng như cán bộ của ngành y tế, ngành giáo dục, để họ có cuộc sống ổn định, yên tâm công tác lâu dài trong ngành.

- Ban hành thể chế tổ chức, quản lý đối với hệ thống tổ chức khuyến nông từ cấp tỉnh đến cơ sở.

- Đề nghị Nhà nước cấp kinh phí để xây dựng các mô hình lâu năm như: cây lâm nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, khi đầu tư cần phải đầu tư cả thời kỳ kiến thiết cơ bản, thời kỳ hậu bị thì mới đạt hiệu quả cao.

- Đề nghị giao kế hoạch hàng năm từ cuối năm trước và cho ứng trước một phần kinh phí để cơ sở chủ động trong việc triển khai chương trình, đảm bảo kịp thời vụ.

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 1993 - 2005

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG PHÚ THỌ

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 1993 - 2005

I. Tình hình tổ chức hệ thống khuyến nông

Hệ thống khuyến nông tỉnh Phú Thọ được thành lập từ ngày 6/10/1993, trong quá trình vừa củng cố tổ chức vừa tăng cường các hoạt động, đã đóng góp một phần quan trọng vào sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh.

1. Cấp tỉnh:

Trung tâm khuyến nông tỉnh hiện tại có 21 biên chế. Về trình độ: Trung tâm Khuyến nông có 4 thạc sỹ (2 trồng trọt, 2 chăn nuôi), 14 kỹ sư (5 trồng trọt, 2 chăn nuôi, 5 kinh tế, 1 lâm nghiệp, 1 thủy lợi), 2 trung cấp và 1 phục vụ. Tỷ lệ cán bộ có trình độ từ đại học trở lên chiếm 85,7%.

Trung tâm Khuyến nông đã thường xuyên tiến hành củng cố lại tổ chức theo hướng tăng cường cán bộ cho các phòng chuyển giao TBKT, phòng Thông tin tuyên truyền.

2. Cấp huyện:

Toàn tỉnh hiện có 10 trạm khuyến nông trực thuộc UBND huyện quản lý và 2 bộ phận khuyến nông nằm trong Phòng Nông nghiệp và PTNT TP. Việt Trì và phòng kinh tế thị xã Phú Thọ. Tổng số biên chế hiện có 54 người.

Về trình độ: Đại học trở lên 50 cán bộ, chiếm 92,5% (1 thạc sỹ, 49 kỹ sư các ngành), trung học 4 cán bộ chiếm 7,5%. Cơ cấu ngành nghề tuyển dụng và đào tạo chưa thật hợp lý, thiếu cán bộ kỹ thuật khuyến ngư, khuyến lâm, khuyến công.

3. Cấp cơ sở:

Giai đoạn từ 1993 -1997: là giai đoạn hoạt động khuyến nông của tỉnh Vĩnh Phú, Hệ thống khuyến nông cơ sở mới được hình thành, tập trung chủ yếu vào hoạt động của các HTX nông nghiệp.

Giai đoạn 1997 - 1999: Là giai đoạn chuyển tiếp, trong khi các HTX nông nghiệp đang tự giải thể, HTX mới hình thành chưa đồng bộ, hoạt động của mạng lưới khuyến nông cơ sở có nhiều khó khăn về tổ chức, về phương pháp, về kinh phí hoạt động.

Giai đoạn từ 1999 - nay: Tỉnh Ủy có Nghị quyết chuyên đề về công tác khuyến nông, UBND tỉnh có Quyết định về tổ chức và hoạt động của tổ KNCS, từ đó đến nay, mạng lưới KNCS tỉnh Phú Thọ không ngừng được củng cố, thường xuyên nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh.

Cho đến nay, toàn tỉnh có 271 tổ khuyến nông cơ sở trực thuộc UBND xã quản lý trên 274 xã, phường, thị trấn. Tổng số KNV chuyên trách 682 người, trong đó: dân tộc kinh chiếm 77,1%, các dân tộc khác chiếm 22,9%. Về trình độ của đội ngũ KNV chuyên trách có 63,9% đạt trình độ từ trung cấp trở lên, còn lại 36,1% chưa đạt trình độ theo quy định của tỉnh (trong đó sơ cấp 31,2%, chưa đào tạo 4,8%), trong số KNVCT chưa đạt trình độ theo quy định của tỉnh có 26,35% có độ tuổi từ 40 trở xuống, còn lại 73,65% có độ tuổi từ 40 trở lên. KNVCT kiêm nhiệm công tác khác chiếm 12,9% chủ yếu kiêm nhiệm các chức danh trong ban quản lý HTX, ngoài ra có một số ít kiêm nhiệm các chức danh đoàn thể nhân dân.

Đội ngũ KNV không chuyên trách: có 2.227 người, hầu hết là trưởng khu dân cư, cán bộ các đoàn thể nhân dân, cán bộ HTX nông nghiệp, trong đó khoảng 10% có trình độ từ trung cấp trở lên, còn lại chưa qua đào tạo. Ngoài ra hệ thống khuyến nông đã phối hợp với các đoàn thể nhân dân thành lập được 124 câu lạc bộ khuyến nông thu hút hơn 2000 hội viên tham gia.

Về phụ cấp khuyến nông: Phụ cấp khuyến nông được trả theo từng tháng hoặc từng quý, căn cứ vào kết quả bình xét phân loại ABC. Mức chi trả phổ biến theo quy định của UBND tỉnh: Tổ trưởng 150.000đ/người/tháng, tổ phó 120.000đ/người/tháng. Ngoài quy định chung, một số địa phương có hỗ trợ thêm cho KNV chuyên trách như: Yên Lập 100.000-150.000đ/người/tháng, Lâm Thao từ 30-50.000đ/người/tháng. Qua báo cáo của các huyện, thành thị, có 69,2% KNV chuyên trách xếp loại tốt, 21,7% xếp loại khá; 8,4% xếp loại trung bình, 0,7% xếp loại yếu. Tổ khuyến nông cơ sở hoạt động tốt chiếm 23,5%, hoạt động khá chiếm 47%, hoạt động trung bình chiếm 29,5%.

Về quỹ khuyến nông: Có 122 địa phương thu được quỹ khuyến nông chiếm 45% số tổ KNCS. Các địa phương thu quỹ khuyến nông đạt khá là Yên lập thu được 132,8 triệu đồng/năm, bình quân đạt 7,8 triệu đồng/tổ/năm; Lâm Thao thu được 116,3 triệu đồng/năm, bình quân 7,3 triệu đồng/tổ/năm; Phù Ninh thu được 135,4 triệu đồng/năm, bình quân đạt 6,8 triệu đồng/tổ/năm; Thanh Thủy thu được 88,9 triệu đồng/năm, bình

quân đạt 5,9 triệu đồng/tổ/năm. Các địa phương thu quỹ khuyến nông đạt mức thấp như Cẩm Khê: 2/31 tổ, Đoan Hùng 10/27 tổ, Thanh Sơn 12/40 tổ. Các địa phương thu quỹ khuyến nông tốt thì hoạt động khuyến nông đạt hiệu quả cao hơn, có kinh phí để triển khai khuyến nông tại cơ sở.

Về hoạt động của khuyến nông cơ sở: Hoạt động khuyến nông cơ sở đã được tăng cường hơn, do có sự củng cố thường xuyên về tổ chức và năng lực hoạt động của đội ngũ khuyến nông viên chuyên trách thông qua giao ban, báo cáo, tập huấn, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời các tổ chức Đảng, chính quyền địa phương đã có sự quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ hơn.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Công tác thông tin tuyên truyền

Bình quân mỗi năm đã thực hiện 12 nội dung chuyên mục khoa giáo được phát trên Đài truyền hình tỉnh, 12 chuyên mục phát trên Đài phát thanh, 52 chuyên mục khuyến nông trên Báo và hàng trăm tin bài khác trên báo. Nội dung chuyên mục tập trung chủ yếu đăng tải các quy trình kỹ thuật, kết quả các mô hình trình diễn, thông tin về tiến bộ KHKT mới, kinh nghiệm sản xuất, sản xuất nông nghiệp thu nhập cao. Nhìn chung các chuyên mục trên báo và trên truyền hình đều có nội dung phong phú và thiết thực đối với tình hình sản xuất nông nghiệp của các địa phương và đã nhận được sự quan tâm theo dõi của đông đảo bà con nông dân.

Bình quân mỗi năm in và phát hành 10.000 tờ bích tường, cơ cấu giống thời vụ, 15.000 tờ gấp kỹ thuật, 8.000 cuốn tạp chí nông nghiệp - nông thôn, từ 1 - 1,5 triệu trang tài liệu kỹ thuật. Các tài liệu tạp chí, tờ gấp kỹ thuật, nông lịch đều ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với trình độ và tập quán canh tác của nông dân nên nhiều nơi áp dụng mang lại hiệu quả tốt.

2. Công tác tập huấn huấn luyện

Bình quân mỗi năm, Trung tâm khuyến nông đã tổ chức tập huấn được 140 - 160 lớp cho 10 - 12 nghìn lượt nông dân và cán bộ khuyến nông. Ngoài ra, các trạm khuyến nông huyện, các tổ KNCS cũng tổ chức tập huấn được 1.000 - 1200 lớp cho 55- 60 nghìn lượt nông dân và cán bộ khuyến nông.

3. Công tác tham quan hội thảo trao đổi kinh nghiệm

Bình quân mỗi năm, Trung tâm khuyến nông đã tổ chức được 50 -60 cuộc tham quan hội thảo đầu bờ cho 3.500 - 4000 lượt hộ nông dân và KNVCS về các mô hình khuyến nông. Các cuộc tham quan đầu bờ có tác dụng tuyên truyền mở rộng cho người tham gia.

Các Trạm khuyến nông huyện thành thị, các tổ KNCS đã tổ chức tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm được 100 -120 cuộc thu hút 4.500 -6.000 lượt nông dân và cán bộ khuyến nông, có nhiều địa phương tổ chức tham quan học tập tại các tỉnh bạn như: Thanh Sơn, Phù Ninh, Yên Lập

4. Công tác xây dựng mô hình trình diễn

Đây là nhiệm vụ trọng tâm của công tác khuyến nông. Bình quân mỗi năm, Trung tâm đã tổ chức 30 -35 nội dung trình diễn kỹ thuật, với 150 -200 mô hình, tại 800 -1200 điểm thu hút 8.000 - 12.000 nông dân tham gia. Nội dung trình diễn kỹ thuật, tập trung vào các chương trình trọng điểm cây con mũi nhọn của tỉnh như: Chương trình lương thực, chương trình phát triển kinh tế đồi rừng, phát triển cây chè, cây nguyên liệu giấy, cây tre chuyên măng, chăn nuôi bò sữa và bò thịt, chăn nuôi lợn hướng nạc, chăn nuôi gia cầm, phát triển thủy sản.... và đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp trên một số lĩnh vực trọng tâm.

5. Hoạt động của Hội đồng tư vấn khuyến nông:

Tỉnh Phú Thọ được Bộ Nông nghiệp và PTNT chọn làm tỉnh thí điểm thành lập hội đồng tư vấn khuyến nông cấp tỉnh (gọi tắt là Hội đồng). Đầu tháng 6/2004, UBND tỉnh đã có Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn khuyến nông tỉnh Phú Thọ nhằm tập hợp các tổ chức, ban ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp tham mưu giúp UBND tỉnh làm công tác tư vấn khuyến nông của tỉnh. Trung tâm khuyến nông được giao nhiệm vụ là cơ quan thường trực Hội đồng.

Định hướng các hoạt động khuyến nông trong tỉnh và chuẩn bị các bước cần thiết giải ngân vốn của chương trình phát triển ngành nông nghiệp (ASDP) trong 3 năm 2004-2006. Phương hướng hoạt động của hội đồng là xã hội hoá công tác khuyến nông, tập hợp các đơn vị, đoàn thể cùng làm công tác khuyến nông, nâng cao năng lực và hoạt động của hệ thống khuyến nông góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển nông nghiệp nông thôn trong tỉnh.

Hội đồng tư vấn khuyến nông đã tiến hành họp được 3 kỳ bàn về cơ cấu tổ chức và phương pháp hoạt động của Hội đồng. Do chưa có kinh phí nên Hội đồng chưa triển khai được nhiệm vụ được giao. .

III. Hoạt động khuyến nông tham gia vào các chương trình trọng điểm của tỉnh

Bằng kinh phí hoạt động sự nghiệp khuyến nông của tỉnh và tranh thủ nguồn kinh phí của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Cục Lâm nghiệp, Trung tâm Khuyến nông đã triển khai chuyển giao TBKT vào sản xuất có hiệu quả. Hầu hết các TBKT mới được

tiếp thu và có chọn lọc để chuyển giao vào thực tế sản xuất, nâng cao năng suất, sản lượng, tăng thu nhập cho bà con nông dân.

1. Chương trình cây lương thực:

Từ một tỉnh thiếu lương thực, cho đến nay đã đảm bảo an ninh lương thực.

Cây lúa:

+ *Cây lúa lai*: Bằng các mô hình trình diễn thử nghiệm, khi sản xuất chưa đảm bảo an ninh lương thực, Trung tâm khuyến nông đã trình diễn hàng nghìn ha lúa lai, năng suất đạt từ 6,5 - 7,5 tấn/ha, các năm tiếp theo tập trung vào các vùng còn thiếu lương thực, vùng núi, vùng đặc biệt khó khăn.

+ *Cây lúa chất lượng cao*: Đưa giống lúa chất lượng cao ND1, ND2, ND3 vào trồng thử nghiệm diện tích là 2,3ha, vụ mùa mở rộng diện tích ra 30ha và tiếp tục khuyến cáo mở rộng tại các vùng trong tỉnh. Trình diễn kỹ thuật các giống D Ưu 507, MT 508-1, ST3, HT1, DT122, CL8, CL9, LT2, X25... năng suất trung bình đạt từ 4,8 tấn đến 6,7 tấn, chất lượng đạt khá.

- Cây Ngô:

+ *Ngô lai*: Đây là chương trình được đánh giá có kết quả cao, từ việc phát hiện kinh nghiệm trồng ngô trên đất lầy thụt miền núi, đã thử nghiệm và khuyến cáo mở rộng, cho đến nay đã phát triển sản xuất trên phạm vi toàn tỉnh và được các địa phương cả nước áp dụng rộng rãi. Diện tích ngô lai tăng dần qua các năm và chiếm phần lớn diện tích cây trồng vụ đông, đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính trong năm, các năm tiếp theo, tiếp tục trình diễn kỹ thuật tại các vùng còn thiếu lương thực gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng tăng diện tích vụ đông.

+ *Ngô nếp*: chuyển giao kỹ thuật tại các vùng gần thị trường tiêu thụ, khu công nghiệp tập trung

2. Chương trình chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, tăng thu nhập:

- *Cây lạc*: Chuyển thời vụ lạc thu sang trồng lạc thu đông có che phủ nilon, năng suất đạt 2,5 - 3,5 tấn/ha, hiệu quả cao, hầu hết sản lượng được bán giống cho vụ lạc xuân. Các mô hình trồng lạc che phủ nilon giúp nông dân ứng dụng được TBKT mới vào thâm canh, nâng cao năng suất cây trồng, rút ngắn thời gian sinh trưởng của cây lạc, từ đó có thể bố trí cơ cấu thời vụ thuận lợi hơn. đặc biệt trồng lạc thu đông đã giúp cho nông dân từng bước bỏ tập quán trồng lạc thu có năng suất thấp, sang trồng lạc thu đông có năng suất cao tương ứng với lạc xuân. Từ kết quả xây dựng mô hình mở ra hướng mới là biến vụ lạc thu đông thành vụ lạc chính trong năm nhằm nâng cao năng suất, sản lượng của tỉnh, đồng thời tạo ra một cơ cấu luân canh cây trồng có thu nhập cao trong sản xuất nông nghiệp.

- **Cây dưa chuột:** Phối hợp với công ty Việt Nhật, tổ chức trình diễn kỹ thuật bằng giống đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, gần với tiêu thụ, năng suất đạt 48,6 - 54 tấn/ha, thu nhập đạt bình quân 50 triệu đồng/ha.

- **Cây dưa hấu:** tập trung vào vùng đồng bằng. Hiệu quả đạt khá.

- **Cây khoai tây:** Trình diễn tại Lâm Thao, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Yên Lập, Hạ Hoà, Phù Ninh, Cẩm Khê, Thanh Ba. Năng suất đạt bình quân 40 - 50 tấn/ha, thu nhập cao.

- **Cây đậu tương:** năng suất đạt 80-120kg/sào. năm 2005 trình diễn vụ xuân 44 ha trong chương trình chuyển đổi cơ cấu vùng nguyên liệu mía, hiện nay cây phát triển tốt, vụ đông sẽ triển khai 9 ha tại Thanh Thủy, Thanh Sơn, Yên Lập.

- **Cây sắn:** trình diễn tại các huyện miền núi, giống chuyển giao là KM94, KM60, HN124, năng suất đạt 45 tấn/ha, cao gấp 2 lần so với các giống truyền thống, việc đưa các giống sắn mới vào sản xuất, tạo điều kiện tăng năng suất, trong khi diện tích có xu hướng giảm.

- **Cây hoa, rau màu khác:** Trình diễn tại 12 huyện, thành thị. Trong đó, chú trọng các cây có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ lớn như: cà chua, rau, ớt, bí đao.. hiệu quả kinh tế hơn hẳn so với một số cây trồng truyền thống.

3. Chương trình phát triển cây chè:

Đã trình diễn kỹ thuật trồng chè giống mới, cải tạo nương chè cần xấu, vườn ươm giống chè mới. Nhìn chung, mô hình trình diễn về cây chè giúp bà con nông dân nắm bắt kỹ thuật, chủ động sản xuất cây giống, nâng cao năng suất, chất lượng chè, giảm chi phí, tăng thu nhập, cải thiện đời sống người làm chè.

4. Chương trình phát triển cây ăn quả:

Trồng, thâm canh, cải tạo vườn tạp, tập trung vào các huyện miền núi, đưa một số cây ăn quả có chất lượng cao vào trồng thử nghiệm, kết quả tốt.

5. Chương trình phát triển lâm nghiệp:

Năm 1999, Trung tâm khuyến nông đã nhập giống tre chuyên măng Bát Độ vào trồng thử nghiệm đạt kết quả tốt, năm 2000 tiếp tục nhập giống về trồng, sau đó nhân giống bằng phương pháp triết cành ra trồng. Diện tích từ 1999 - 2000 là 78ha, từ năm 2001 - 2005 là 50 ha, một số diện tích trồng từ năm 1999 - 2001 đến nay cây đã đưa vào khai thác măng và triết cành, cho thu nhập cao, cá biệt có hộ thu nhập từ 70 - 100 triệu đồng/ha, chủ yếu bán giống.

6. Chương trình phát triển chăn nuôi gia cầm:

Đã trình diễn kỹ thuật hàng vạn con gia cầm các loại, các giống gia cầm có giá trị kinh tế cao như: Vịt CV2000, gà Lương Phượng, vịt siêu trứng, ... kết quả triển khai đạt khá.

7. Chăn nuôi lợn hướng nạc:

Đã trình diễn kỹ thuật hàng nghìn con lợn nái ngoại, dực ngoại, con lợn thịt 3/4 máu ngoại, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp

8. Chương trình phát triển chăn nuôi thủy sản:

Đã trình diễn nuôi thả cá chim trắng, tôm càng xanh, cá rô phi đơn tính, luân canh, sen canh cá -lúa, các mô hình trình diễn đều có kết quả cao. Từ năm 2003 trở đi, Trung tâm khuyến nông đã chuyển giao nhiệm vụ cho Trung tâm Thủy sản tỉnh.

9. Chương trình cải tạo đàn bò, phát triển chăn nuôi bò sữa và bò thịt:

Trung tâm khuyến nông được giao nhiệm vụ là cơ quan thường trực dự án phát triển chăn nuôi bò sữa của tỉnh. Từ năm 2002, Trung tâm khuyến nông đã chủ động triển khai dự án phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn tỉnh, Năm 2004 đến nay, đã tiến hành thẩm định và đeo số tai cho 1566 con bò cái nên trong đó 1411 con cái lai Zebu, 155 con F1, F2, F3 HF. Ban QLDABS đã đạt 5 điểm tỉnh, ni tơ cung cấp tỉnh HF, Sind cho vùng dự án.

Được sự chỉ đạo của tỉnh, Trung tâm khuyến nông đã ký hợp đồng và nhập 77 con bò HF, sau khi nuôi tân đáo tại tỉnh, đã tiến hành chuyển giao xuống các hộ chăn nuôi 47 con, tại 2 huyện Tam Nông và Thanh Thủy. Hiện nay đàn bò sinh trưởng phát triển rất kém, đã có 12/ 77 con chết do nhiều nguyên nhân.

Đã nhập 6.250 liều tinh trong đó 1250 liều tinh bò sữa HF, 5.000 liều tinh Zebu, 6500 lít Nito lỏng, dụng cụ bảo quản tinh và ni tơ, trồng mới 125 ha cỏ voi phục vụ chương trình phát triển đàn bò hướng sữa và bò thịt.

Để đẩy nhanh tốc độ cải tạo đàn bò ở địa phương chưa có điều kiện thụ tinh nhân tạo, Trung tâm khuyến nông đã xây dựng mô hình và chuyển giao hàng trăm con bò dực giống lai Zebu (trên 3/4 máu Zebu). Hộ nông dân được hỗ trợ con giống thực hiện tốt các yêu cầu kỹ thuật đã được hướng dẫn.

10. Chương trình khuyến nông xóa đói giảm nghèo:

Trung tâm khuyến nông đã tập trung phần lớn kinh phí sự nghiệp khuyến nông của tỉnh phục vụ chương trình khuyến nông xóa đói giảm nghèo và trực tiếp thực hiện chương trình khuyến nông XĐGN thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trong năm 2001 và năm 2005.

Ngoài các chương trình trên, Trung tâm khuyến nông còn triển khai một số chương trình khác như: trồng nấm rơm, nấm sò, mộc nhĩ, trồng thử nghiệm cây Lê chịu nhiệt Tứ Xuyên, ...

IV. Kết quả phong trào thi đua:

Trong 12 năm (1993 - 2004), do làm tốt công tác thi đua khen thưởng, nhiều tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đã được khen thưởng kịp thời, tạo ra nhiều động lực mới, giúp đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Kết quả phong trào thi đua 12 năm: có 194 đơn vị, cá nhân được khen thưởng, trong đó tập thể có 71 tập thể, 123 cá nhân. Trung tâm khuyến nông có 13 tập thể, 83 cá nhân được tặng thưởng.

Về hình thức khen thưởng:

- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ cho Trung tâm Khuyến nông năm 2001.
- Giải thưởng bông lúa vàng Việt Nam năm 1997
- Bằng khen của cấp tỉnh, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương: 41.
- Giải 3 hội thi nhà nông đua tài các tỉnh đồng bằng sông hồng năm 2000, giải 3 hội thi nhà nông đua tài các tỉnh miền núi phía bắc năm 2001.
- Cờ thi đua đơn vị xuất sắc dẫn đầu ngành nông nghiệp và PTNT của UBND tỉnh cho Trung tâm khuyến nông năm 1997, 2002.

Nhiều tập thể, cá nhân liên tục được tặng bằng khen của UBND tỉnh, bộ ngành liên quan, giấy khen của Sở, ngành liên quan.

V. Đánh giá kết quả hoạt động khuyến nông 1993-2005:

1. Kết quả đạt được:

- Hệ thống khuyến nông đã có nhiều cố gắng, tích cực vươn lên, bám sát sản xuất và mùa vụ, tập trung vào các chương trình trọng điểm, cây con mũi nhọn, phục vụ có kết quả sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh.

- Tổ chức khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở đã thường xuyên được củng cố, nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Thông qua hoạt động khuyến nông, bước đầu tổ chức khuyến nông đã huy động được các tổ chức, cá nhân, các ngành, đoàn thể tham gia làm công tác khuyến nông, từng bước xác định các ưu tiên đầu tư, các TBKT phù hợp, phương pháp chuyển giao TBKT cho từng đối tượng nông dân, đối tượng cây trồng vật nuôi, thúc đẩy sản xuất phát triển.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Tổ chức khuyến nông chưa thường xuyên kiểm điểm, đánh giá quá trình triển khai cùng tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động để từ đó đề ra các giải pháp chấn chỉnh, bổ sung kịp thời, trình độ năng lực của đội ngũ KNV cơ sở còn nhiều hạn chế. Phụ cấp KNV chuyên trách thấp so với yêu cầu và nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức khuyến nông đã được hình thành từ tỉnh đến cơ sở nhưng chưa đồng bộ giữa các ngành nghề đào tạo, thiếu cán bộ kỹ thuật các ngành khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, phát triển ngành nghề nông thôn, sử dụng máy nông nghiệp, xúc tiến thương mại..

- Nội dung hoạt động khuyến nông còn dàn trải, chưa có mô hình nông nghiệp công nghệ cao, mô hình sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công chưa tương xứng với yêu cầu phát triển sản xuất.

- Việc mở rộng mô hình đạt hiệu quả kinh tế cao còn chậm, chưa có giải pháp kinh tế kỹ thuật để hỗ trợ phát triển, bên cạnh đó việc giải quyết các chính sách hỗ trợ cho nông dân theo các dự án, chương trình còn chậm, chưa kịp thời làm cho nông dân thiếu sự yên tâm đầu tư phát triển.

3. Nguyên nhân của những tồn tại trên là:

- Kinh phí đầu tư cho Trung tâm khuyến nông chưa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ được giao

- Việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đầu tư cho công tác khuyến nông chưa được chú trọng đúng mức. Đa số các trạm khuyến nông nằm trong trụ sở UBND huyện, không thuận lợi cho nông dân đến tìm hiểu tiếp thu TBKT một cách thường xuyên. Hầu hết các tổ KNCS không có phòng làm việc riêng, chưa có tủ sách, pano, áp phích. Phương tiện thông tin tuyên truyền, trang thiết bị lạc hậu, không đồng bộ.

- Khi sản xuất bước sang giai đoạn phát triển hàng hoá, hoạt động khuyến nông chậm đổi mới nội dung, phương pháp, cách thức khuyến nông cho phù hợp với từng đối tượng nông dân, đối tượng cây trồng, vật nuôi.

- Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền địa phương chưa coi trọng công tác khuyến nông, chưa chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên công tác khuyến nông.

4. Bài học kinh nghiệm:

- Hoạt động khuyến nông phải bám sát các mục tiêu sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh, của ngành nông nghiệp và PTNT và của từng địa phương.

- Cần lựa chọn TBKT phù hợp cho từng đối tượng nông dân, đối tượng cây trồng, vật nuôi, có phương pháp khuyến nông phù hợp thì hiệu quả công tác khuyến nông mới đảm bảo.

- Thường xuyên cập nhật, tiếp thu TBKT mới, sử dụng có hiệu quả phương pháp khuyến nông có sự tham gia của người dân, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực hoạt động cho đội ngũ cán bộ khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở.

- Phối hợp hoạt động khuyến nông với hoạt động của các chương trình, dự án, hoạt động của các tổ chức, ban ngành, đoàn thể, các đơn vị, cá nhân phát huy sức mạnh tổng hợp, từng bước xã hội hoá công tác khuyến nông.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2006 -2010

I. Phương hướng chung

- Tiếp tục củng cố tổ chức khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở, trọng tâm là củng cố tổ chức khuyến nông cơ sở, từng bước nâng cao năng lực cho lực lượng cán bộ khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở.

- Tập trung nguồn lực đầu tư cho các chương trình kinh tế trọng điểm nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển trên một số lĩnh vực trọng tâm.

- Phối hợp chặt chẽ hoạt động khuyến nông với hoạt động của các chương trình, dự án nông lâm nghiệp, với các ngành, đoàn thể, đơn vị, cá nhân để đẩy mạnh hơn nữa công tác khuyến nông, làm cho công tác khuyến nông được tiến hành sâu rộng trong sản xuất, từng bước xã hội hoá công tác khuyến nông.

II. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Nhiệm vụ:

1.1. Tập trung vào các chương trình kinh tế trọng điểm:

- *Chương trình an toàn lương thực:*

+ Đẩy mạnh tuyên truyền chuyển đổi cơ cấu giống, thời vụ theo hướng mở rộng trà lúa xuân muộn, mùa sớm và cây vụ đông. Chú trọng các giống chất lượng cao đối với vùng đã đảm bảo lương thực, giống cao sản đối với vùng chưa đảm bảo an toàn lương thực.

+ Tuyên truyền, khuyến cáo, xây dựng và mở rộng các mô hình sản xuất lúa, ngô chất lượng cao, có giá trị kinh tế cao.

+ Chuyển đổi các chân đất cao hạn không chủ động nước sang trồng các loại cây có giá trị cao hơn, chuyển dịch đất ven đô và khu công nghiệp sang sản xuất hàng hoá, mô hình nông nghiệp công nghệ cao.

- Phát triển cây chè:

Tập trung xây dựng mô hình trồng mới, thâm canh, cải tạo nương chè năng suất thấp bằng các giống có năng suất cao, chất lượng tốt, hướng nông dân làm chè sạch, chè chất lượng cao, nâng cao năng suất, phẩm cấp nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy chế biến hiện có, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến xuất khẩu, tăng cường thông tin các sản phẩm chè cho nông dân và công nhân làm chè, thực hiện có kết quả chương trình phát triển chè của tỉnh.

- Phát triển cây ăn quả:

Đẩy mạnh cải tạo vườn tạp, trồng mới các giống cây ăn quả có giá trị kinh tế cao và ổn định, ưu tiên tập trung công tác khuyến nông vào 2 cây chủ lực, đặc sản của Phú Thọ là bưởi Đoan Hùng và hồng Hạc Trì, áp dụng công nghệ tiên tiến trong công tác nhân giống, tưới nước, bảo quản sơ chế.

- Chương trình chăn nuôi bò sữa và phát triển chăn nuôi bò thịt:

Tiếp tục chương trình cải tạo đàn bò theo hướng lai Sind nhằm thực hiện chương trình phát triển chăn nuôi bò sữa và chăn nuôi bò thịt. Cung cấp tinh, ni tơ, dụng cụ phối giống để cải tạo đàn bò. Quản lý và phối giống cho đàn bò cái nền, bò cái F1, F2, H3 HF. Theo dõi đàn bò HF ngoại thuần. Tập huấn, huấn luyện nông dân trong việc chăm sóc bò sữa, xây dựng mạng lưới thú y viên cơ sở, xây dựng đồng cỏ, cung cấp tinh HF, xây dựng điểm thu mua sữa, xây dựng chuồng trại, vệ sinh môi trường. Tập trung chương trình chăn nuôi bò sữa tại các huyện trong vùng dự án, phát triển chăn nuôi bò thịt tại các địa phương có điều kiện phát triển.

- Chương trình phát triển chăn nuôi lợn:

Trình diễn kỹ thuật và nhân rộng mô hình chăn nuôi lợn theo quy mô công nghiệp. Đẩy mạnh tuyên truyền kỹ thuật về giống, chăn nuôi công nghiệp, thức ăn, phòng trừ dịch bệnh, để nông dân nắm bắt và vận dụng vào sản xuất có hiệu quả.

- Chương trình phát triển thuỷ sản:

Phối hợp với Trung tâm thuỷ sản tỉnh Phú Thọ nhằm tuyên truyền, chuyển giao TBKT về giống, thức ăn, phòng trừ dịch bệnh, xây dựng các mô hình điểm về thâm canh, xen canh, chuyển ruộng sâu, trồng cây lúa bắp bênh sang nuôi thả thuỷ đặc sản, hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung để có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Chương trình phát triển ngành nghề nông thôn:

Xây dựng mô hình phát triển nghề truyền thống để thu hút lao động, khai thác tiềm năng sẵn có của địa phương để khôi phục, xây dựng một số làng nghề, đưa một số nghề mới để giải quyết công ăn việc làm, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị xuất khẩu, tăng cường tập huấn đào tạo nghề giới thiệu công nghệ tiên tiến để nông dân vận dụng.

- Chương trình xoá đói giảm nghèo:

Xây dựng mô hình và tuyên truyền đưa nhanh lúa lai, lúa thuần có năng suất cao, ngô lai vào vùng còn thiếu lương thực để tăng lượng lương thực còn thiếu, phát triển các cây công nghiệp, cây nguyên liệu có giá trị kinh tế cao để tăng thu nhập, tăng cường hỗ trợ hộ đói, hộ nghèo vươn lên để thoát nghèo.

1.2. Tăng cường các hoạt động của Hội đồng tư vấn khuyến nông:

Tham mưu giúp Hội đồng xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch, tăng cường năng lực hoạt động của tổ chức khuyến nông, tập trung các hoạt động của Hội đồng vào chương trình phát triển chăn nuôi bò sữa, phát triển cây bưởi Đoan Hùng, chương trình xoá đói giảm nghèo. Tập hợp các ban ngành, tổ chức, cá nhân tham mưu giúp UBND tỉnh về công tác khuyến nông nhằm đẩy mạnh công tác khuyến nông.

1.3. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn, huấn luyện:

- Thường xuyên đổi mới nội dung và phương pháp tuyên truyền để tăng sức hấp dẫn. Tăng thời lượng tuyên truyền trên các phương tiện thông tin, nhất là Đài phát thanh truyền hình tỉnh, huyện và Đài truyền thanh cơ sở.

- Tăng chuyên mục trên đài PTTH tỉnh từ 12 chuyên mục hiện nay lên 24 chuyên mục và chuyển hướng bám sát sản xuất, mùa vụ để phục vụ. Tăng số lượng và nâng cao chất lượng các chuyên mục khuyến nông trên Báo Phú Thọ, tài liệu kỹ thuật, tin bài, tạp chí Nông nghiệp nông thôn phù hợp với từng đối tượng tiếp thu.

- Công tác thông tin tuyên truyền đảm bảo toàn diện, bao gồm: Công nghệ sinh học, cơ cấu sản xuất có hiệu quả cao, thị trường giá cả, chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp, tiếp tục phổ biến và chuyển giao TBKT cho nông dân thông qua mô hình, đồng thời đưa ra quy trình kỹ thuật, tổ chức sản xuất, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích để nhân rộng mô hình và tìm cách tiêu thụ sản phẩm cho nông dân thông qua hợp đồng.

- Chỉ đạo Trạm khuyến nông huyện làm tư vấn và phát triển sản xuất cho nông dân.

- Tăng cường thông tin thị trường, tạo điều kiện và cơ hội để nông dân tiếp cận với thị trường, chủ động bố trí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đối với Trung tâm khuyến

nông phải cập nhật thông tin thị trường trên mạng để thường xuyên thông tin thị trường cho người sản xuất. Phấn đấu tất cả các trạm khuyến nông được nối mạng để cập nhật thông tin thị trường. Năm 2010, nối mạng đến các cơ sở sản xuất của nông dân.

- Đầu tư trang thiết bị để hiện đại hoá công tác thông tin tuyên truyền như: Máy ảnh kỹ thuật số, Máy tính xách tay, máy chiếu kỹ thuật số, máy Fax...

- Thường xuyên tập huấn kỹ thuật và nghiệp vụ cho đội ngũ KNVCS, nông dân sản xuất giỏi, hộ trang trại, hộ tham gia thực hiện mô hình, có kế hoạch đào tạo nâng cao cho đội ngũ cán bộ khuyến nông nhà nước.

- Công tác tập huấn cho nông dân cần phải được cải tiến, tập huấn đúng đối tượng, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với trình độ tiếp thu của nông dân. Cùng cố kiến thức, kỹ năng, bổ sung cập nhật những TBKT mới cho lực lượng cán bộ khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở.

1.4. Đẩy mạnh công tác xây dựng mô hình:

Việc xây dựng các mô hình trình diễn phải tập trung vào các chương trình kinh tế trọng điểm, các cây con mũi nhọn của tỉnh. Tổ chức tổng kết lại các mô hình, những kết quả nghiên cứu trên cơ sở đó lựa chọn ra mô hình có hiệu quả kinh tế cao. Xây dựng mô hình phải phù hợp với định hướng phát triển của từng địa phương, mô hình áp dụng các TBKT về giống, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích hàng hoá. Lựa chọn TBKT phù hợp để triển khai xây dựng mô hình. Tổ chức tham quan học tập ở các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, mô hình TBKT mới để tuyên truyền nhân rộng. Bố trí tham quan học tập các chương trình cần thiết phục vụ nhiệm vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.

2. Giải pháp thực hiện:

2.1. Tiếp tục củng cố tổ chức khuyến nông:

- Cấp tỉnh và huyện: Bố trí đủ 5 biên chế cho mỗi trạm khuyến nông huyện, riêng huyện Thanh Sơn do qui mô lớn nên bố trí đủ 7 chỉ tiêu biên chế theo tinh thần kết luận 547/KL-TU. Việc bố trí cán bộ khuyến nông nhà nước nhất thiết phải đồng bộ, đúng chuyên môn.

- Cấp cơ sở: Củng cố tổ chức khuyến nông cơ sở theo hướng rà soát lại đội ngũ KNVCT, nếu đủ năng lực, trình độ theo qui định thì tiếp tục tập huấn, huấn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nếu chưa đủ trình độ theo quy định thì tiếp tục chọn cử thay thế hoặc cho đi đào tạo đối với KNVCT có năng lực, độ tuổi dưới 40.

- Đổi mới chế độ chính sách cho cán bộ khuyến nông, nghiên cứu nguồn thu để tăng cường xây dựng quỹ KNCS, tăng mức phụ cấp KNVCT tương ứng với mức điều chỉnh thu nhập tối thiểu hiện nay.

2.2. Lựa chọn đối tượng để phục vụ:

- Đối với các hộ nghèo, vùng nghèo: Tăng cường công tác hướng dẫn cách làm ăn khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho hộ nghèo, chuyển giao các TBKT mới về giống, chăm sóc và phòng trừ dịch bệnh, để tăng năng suất, làm thay đổi tập quán canh tác, tạo điều kiện để các hộ nghèo, vùng nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Đối với hộ khá, giàu, chủ trang trại: Cần hướng dẫn quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh, bố trí sản xuất gắn với thị trường, đầu tư thâm canh, sử dụng công nghệ tiên tiến, hướng dẫn quy trình kỹ thuật chế biến, bảo quản quy mô công nghiệp, sử dụng máy nông nghiệp và tăng cường thông tin thị trường để hộ giàu, hộ trang trại có điều kiện bố trí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tư vấn giúp đỡ các hộ giàu, chủ hộ các trang trại phát triển sản xuất hàng hoá và làm giàu.

- Đối với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề: Cần tập trung phát triển các ngành nghề truyền thống, phát triển các nghề mới phù hợp với trình độ của nông dân, thu hút nhiều lao động, chọn và đào tạo một số nông dân có tay nghề cao để làm tiểu giáo viên hướng dẫn ngành nghề truyền thống, nâng cao giá trị các sản phẩm ngành nghề.

2.3. Đổi mới nội dung hoạt động khuyến nông:

- Đẩy mạnh xã hội hoá công tác khuyến nông, khắc phục biểu hiện hành chính hoá, thực hiện tốt phối hợp với các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng, đặc biệt chú trọng với các doanh nghiệp, các chủ trang trại, các tổ chức tín dụng.

- Xã hội hoá các nguồn lực để đầu tư cho công tác khuyến nông, tham mưu giúp UBND tỉnh chính sách khuyến khích các đơn vị, tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp, các chủ trang trại, các hộ giàu tham gia công tác khuyến nông hoặc phối hợp với tổ chức khuyến nông làm công tác khuyến nông. Khuyến khích tổ chức khuyến nông, cán bộ khuyến nông hợp đồng chuyển giao TBKT với các cơ sở sản xuất, với hộ nông dân để tăng quỹ khuyến nông và thu nhập của cán bộ khuyến nông.

2.4. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho tổ chức khuyến nông:

- Đề nghị đầu tư để hoàn thiện công trình nhà làm việc Trung tâm khuyến nông và hạng mục khác. Tham gia ý kiến để từng bước đầu tư xây dựng các trạm khuyến nông huyện nằm ngoài khu vực trụ sở UBND huyện để bà con nông dân tiện liên hệ, tiếp thu ứng dụng TBKT.

- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng hiện đại hoá công tác tập huấn, huấn luyện, thông tin tuyên truyền và công tác văn phòng.

- Đối với tổ chức khuyến nông cơ sở: Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn bố trí chỗ làm việc cho tổ KNCS, trang bị tủ sách, sách KHKT, panô, áp phích để đẩy mạnh tuyên truyền, chuyển giao TBKT cho nông dân.

Phần thứ ba

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Hệ thống khuyến nông đã có nhiều cố gắng triển khai công tác chuyên môn được giao phục vụ có kết quả sự nghiệp phát triển nông nghiệp nông thôn của tỉnh. Công tác khuyến nông đã bám sát hơn vào các mục tiêu của các chương trình trọng điểm, cây, con mũi nhọn. Tuy nhiên, hoạt động khuyến nông còn nhiều tồn tại, hạn chế cần sớm được khắc phục.

Nhiệm vụ công tác khuyến nông giai đoạn 2006 -2010 rất nặng nề, đòi hỏi tổ chức khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở phải thay đổi nội dung và phương pháp khuyến nông để phù hợp với từng đối tượng cây trồng vật nuôi, thúc đẩy sản xuất Nông lâm nghiệp phát triển. Với nhiệm vụ được giao tăng lên so với những năm trước như công tác khuyến lâm, khuyến công trong nông nghiệp, phát triển ngành nghề, sử dụng máy nông nghiệp, thúc đẩy sự hình thành và phát triển của những mô hình cánh đồng, khu đổi rừng, hộ nông dân thu nhập cao, từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hoá.

2. Kiến nghị:

Để giúp hệ thống khuyến nông thực hiện tốt nhiệm vụ, Trung tâm Khuyến nông đề nghị:

- Về tổ chức:

Tiếp tục củng cố tổ chức khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở, rà soát lại năng lực trình độ chuyên môn của đội ngũ khuyến nông tỉnh và huyện, nếu không có chuyên môn phù hợp thì cho phép đi đào tạo hoặc thay thế.

- Về biên chế:

Tăng 3 biên chế cho Trung tâm Khuyến nông, tăng 2 biên chế cho Trạm khuyến nông Thanh Sơn.

- Về phụ cấp khuyến nông viên cơ sở: Đề nghị tăng mức phụ cấp khuyến nông chuyên trách lên mức 350.000đ/tháng đối với tổ trưởng, 300.000đ/tháng đối với tổ phó, hoặc trả lương theo bảng cấp đào tạo, cán bộ làm công tác khuyến nông ở cơ sở được đóng BHXH để họ yên tâm công tác phục vụ lâu dài.

- Về kinh phí:

+ Tăng thêm kinh phí hoạt động sự nghiệp khuyến nông để tăng cường các hoạt động khuyến nông như: đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, chương trình khuyến nông trọng điểm, chương trình khuyến nông XDGN.

+ Đề nghị tăng kinh phí đầu tư để hoàn thiện dự án xây dựng Trung tâm khuyến nông.

+ Bố trí kinh phí mua sắm đầu tư trang thiết bị để hiện đại hoá công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn huấn luyện, tham quan hội thảo, tạo điều kiện để Trung tâm khuyến nông hoàn thành nhiệm vụ được giao.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG BÌNH DƯƠNG

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG BÌNH DƯƠNG

I. Đánh giá công tác Khuyến nông (1993-2004)

1. Tình hình chung

- Dân số chung: 925.318 người, dân số nông nghiệp 126.622 người, chiếm 13.68%.

- Diện tích tự nhiên: 2.695,54 km², diện tích canh tác 213.275 km², diện tích gieo trồng 180.477 ha, trong đó 5 cây có diện tích lớn nhất:

+ Lúa: 22.792ha,

+ cây ăn quả: 10.786 ha

+ Cây ngô: 1.216 ha

+ Cây cao su: 102.574 ha

+ Cây điều: 11.780 ha

- Diện tích cây rừng các loại: 15.589,28ha, độ che phủ 52.73%.

- Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp: 22,6%, trong đó:

+ Đàn lợn: 288.201con

+ Đàn trâu, bò: 48.853 con

+ Đàn gia cầm: 2.280.000 con

- Tổng thu nhập của tỉnh (2004): 6.962,2 tỷ đồng, tỷ lệ nông nghiệp chiếm 10%.

2. Hệ thống tổ chức khuyến nông

- Tổ chức Khuyến nông: theo 2 cấp đó là TTKN tỉnh và trạm KN huyện

- Quản lý hệ thống theo ngành dọc.

- Lực lượng cán bộ Khuyến nông được hưởng lương NN có 36 người, trong đó ở tỉnh có 21 người, ở huyện có 15 người.

- Trình độ cán bộ Khuyến nông: Từ tỉnh tới thôn bản có: 2 thạc sỹ, 25 kỹ sư, 6 trung cấp, 3 nhân viên.

- Chế độ cho cán bộ Khuyến nông (phụ cấp cho GD 0,7, PGD 0,5, trưởng phòng 0,3, Phó phòng 0,2, Trưởng trạm Khuyến nông huyện 0,3).

- Chính sách Khuyến nông của tỉnh: Công văn số 5669/UB.SX, ngày 17/12/2003 của UBND Tỉnh về việc tăng mức hỗ trợ thực hiện mô hình cho các hộ nghèo.

3. Kết quả hoạt động khuyến nông

a. Kinh phí do địa phương cấp (1993-2004)

Tổng số: 10.151,720.469 triệu đồng

- Chi hoạt động bộ máy:

Chi cho lương: 1.922,581.905 triệu đồng

Chi cho điện, nước, tel, fax, xăng xe vv... : 2.182,340.127 triệu đồng

Chi cho khoản khác: 1.434,980.200 triệu đồng

- Chi hoạt động sự nghiệp khuyến nông:

Chi cho công tác thông tin tuyên truyền: 660,249.563 triệu đồng

Chi cho công tác, đào tạo, huấn luyện: 714,298.500 triệu đồng

Chi cho công tác xây dựng mô hình : 2.526,247.819 triệu đồng

- Kinh phí Khuyến nông từ các nguồn khác: 711,022.382 triệu đồng

b. Công tác xã hội hoá Khuyến nông của tỉnh:

- Các đơn vị tham gia:

Hội nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên, các doanh nghiệp, Trường đại học Nông lâm, Viện nghiên cứu cây ăn quả, Viện nghiên cứu Cao su.

Kinh phí các đơn vị này có từ 3 nguồn: kinh phí Khuyến nông tỉnh, kinh phí khuyến nông TW, kinh phí tự có...

Những năm qua công tác xã hội hoá Khuyến nông đã góp phần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, cải tiến năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

- Công tác Khuyến nông nguồn kinh phí từ Trung Ương:

+ Các chương trình, dự án từ Khuyến nông Quốc gia trong thời gian qua nhìn chung là phong phú, đa dạng, thiết thực, tuy nhiên cần có những chương trình, dự án mang tính chất dài hạn như: Chương trình cải tạo đàn bò vàng Việt Nam trước đây để phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương. Các chỉ tiêu và định mức kinh tế cần phù hợp với các điều kiện kinh tế của từng vùng, miền.

+ Phương pháp Khuyến nông (tính phù hợp, tính bền vững...)

Cần xây dựng các nội dung và các phương pháp Khuyến nông cho các nhóm đối tượng khuyến nông ở nông thôn như nhóm người nghèo, nhóm người khá... và đưa yếu tố giới tính vào trong các phương pháp khuyến nông.

+ Chính sách khuyến nông (tính phù hợp và kịp thời, tính khuyến khích phát triển...)

Chính sách khuyến nông thực hiện chưa thực sự phù hợp và kịp thời

+Kế hoạch và cơ chế tài chính (Căn cứ phân bổ kinh phí cho cơ sở, thuận lợi và khó khăn trong triển khai, kiểm tra, đánh giá, tổng kết, quyết toán...)

Nguồn kinh phí thuận lợi được Trung Ương cấp đầy đủ theo tiến độ thực hiện kế hoạch, tuy nhiên có đôi lúc kinh phí cấp về chưa kịp thời để thực hiện các chương trình.

Thủ tục quyết toán (thanh lý, nghiệm thu.... có quá nhiều đóng dấu, xác nhận).

II. Đề xuất

Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cần tác động tới UBND các tỉnh thành để hoàn chỉnh hệ thống Khuyến nông tới tận xã, phường và đặc biệt là các xã nghèo, xã vùng xa, vùng sâu, vùng cao.

Điều chỉnh lại các định mức kinh tế kỹ thuật, các chế độ chính sách cho các hộ làm công tác Khuyến nông cho phù hợp với mặt bằng đời sống.

Chính phủ cần tăng cường công tác xúc tiến thương mại và hỗ trợ cho các đối tượng cây, con mang tính chất chiến lược của nền kinh tế Việt Nam.

AN GIANG VỚI VẤN ĐỀ HỢP ĐỒNG TIÊU THỤ NÔNG SẢN HÀNG HÓA

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG AN GIANG

Đa phần người dân An Giang sống chủ yếu bằng nghề nông mà cây trồng chính là lúa. Diện tích đất trồng lúa 234,785 ha (số liệu năm 2002), chiếm khoảng 85-90% diện tích trong cơ cấu cây trồng. Với lợi thế và tiềm năng sản xuất của tỉnh, để thực hiện Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá thông qua hợp đồng, ngay từ năm 2002 tỉnh An Giang đã tổ chức cho các doanh nghiệp ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hoá với nông dân trong tỉnh, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch ký hợp đồng tiêu thụ lúa của doanh nghiệp với nông dân

TT	Loại nông sản	Vụ mùa 03		ĐX 03-04		Hè thu 04		Vụ mùa 04		ĐX 04-05	
		Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1	Jasmine			12.750	76.500	3.000	12.000	700	2.800	11.500	69.000
2	Nam thơm	350	1.050	6.200	24.800			2.200	6.600	1.200	4.800
3	Lúa nhật			600	3.300					700	3.850
4	Nàng thơm BNI			120	480			200	600	200	800
5	Lúa nếp			1.000				300	1.200	2.500	15.000
6	Lúa CLC			40.000	240.000			35.000	140.000	60.000	360.000

2. Các doanh nghiệp tham gia ký hợp đồng:

Tổng Công ty Lương thực Miền nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Công ty Angimex An Giang, Công ty Du lịch An Giang, Công ty liên doanh Kitoku An Giang, Xí nghiệp Mễ cốc Long Xuyên, Công ty Dịch vụ BVTV An Giang, Công ty Lương thực và Vật tư Nông nghiệp Bình Tây, Công ty Chế biến Lương thực Xuất khẩu, Công ty Lương thực Hà Nội, Công ty Vĩnh Hà, Công ty Đông Bắc, Công ty Lương thực Tiền Giang, Công ty Lương thực Bình Định.

3. Phương thức ký hợp đồng:

- Đối với lúa Nam Thơm, lúa Nhật, Nàng thơm Bẫy Núi (BN1): Ban đầu, các doanh nghiệp đầu tư giống sản xuất và sau đó khấu trừ lại tiền giống khi giao nộp sản phẩm. Khi nông dân đã chủ động được nguồn giống, đảm bảo chất lượng giống tốt, được sự thống nhất của doanh nghiệp thì doanh nghiệp thực hiện ký hợp đồng tiêu thụ.

- Đối với lúa Jasmine, lúa Nếp: Nông dân tự lo giống, đảm bảo có giống xác nhận thì được các doanh nghiệp thống nhất ký hợp đồng.

Hợp đồng ký tập trung chủ yếu với các xã, hợp tác xã, tổ liên kết sản xuất (không dưới 50 ha).

4. Giá thu mua (trong vụ đông xuân 03 – 04)

- Hợp đồng tiêu thụ với giá cố định đối với các sản phẩm lúa: lúa Nam Thơm 2.700 đ/kg, lúa Nhật 2.400 – 2.450 đ/kg tùy loại giống, lúa BN1 2.500 đ/kg. Riêng đối với lúa Nam Thơm hiện có thị trường tiêu thụ ổn định và lâu dài, do Xí nghiệp Mễ Cốc Long Xuyên đảm nhận tiêu thụ không hạn chế sản lượng.

Đối với sản phẩm lúa Nhật, nếu nông dân thực hiện tốt hợp đồng (đảm bảo quy cách, chất lượng sản phẩm, thời gian giao nộp) Công ty liên doanh Kitoku thực hiện chế độ khen thưởng từ 50 – 150 đ/kg lúa.

- Hợp đồng tiêu thụ giá sàn đối với lúa Jasmine, lúa Nếp 1.700 đ/kg.

Tùy doanh nghiệp có thể vận dụng phương thức ký hợp đồng tiêu thụ theo giá cố định với biên độ cộng, trừ 5%. Cụ thể, nếu tại thời điểm thu hoạch giá thị trường tăng hoặc giảm trong biên độ 5% so giá cố định thì doanh nghiệp và nông dân thực hiện theo giá cố định, trường hợp tăng trên hoặc giảm dưới biên độ thì mua theo hướng tăng hoặc giảm. Đây là phương thức hợp đồng tiến bộ, lợi cùng hưởng, lỗ cùng chia sẻ (cách làm của Công ty Angimex An Giang).

5. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

Trên cơ sở kế hoạch đề ra, ngành Nông nghiệp An Giang đặt ra các giải pháp để đảm bảo thực hiện kế hoạch, tạo mối liên kết chặt chẽ giữa “4 nhà”: nhà khoa học, nhà nông, nhà nước, nhà doanh nghiệp.

a. Giải pháp quy hoạch vùng sản xuất

Để thuận tiện cho các doanh nghiệp ký hợp đồng tiêu thụ, UBND các huyện, thị thành lập tập trung chỉ đạo phòng kinh tế, phòng xây dựng & PTNT kết hợp cùng UBND các xã tiến hành quy hoạch vùng sản xuất nguyên liệu tập trung theo từng vùng sản phẩm và phải phù hợp với lợi thế đất đai của từng vùng.

b. Giải pháp về giống cho từng vùng sản xuất

Trên cơ sở hợp đồng nguyên tắc ký trước, các doanh nghiệp hoặc các hợp tác xã liên hệ đặt giống nguyên chủng với viện, trường, trung tâm giống và tổ chức nhân ra giống xác nhận, sau đó cung ứng lại cho nông dân trên địa bàn theo giá thỏa thuận để sản xuất lúa hàng hoá, thực hiện theo quan điểm: nơi nào được bố trí sản xuất hàng hoá thì nơi đó bố trí sản xuất giống.

3. Giải pháp về khuyến nông

Tăng cường công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất (chương trình 3 giảm 3 tăng), tổ chức tập huấn nhân giống lúa (xác nhận) cho nông dân, chú trọng mở các lớp tập huấn luyện kỹ năng chọn - tạo giống lúa để giúp nông dân sản xuất lúa đạt hiệu quả kinh tế, đảm bảo chất lượng, các tiêu chuẩn của hợp đồng, đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Từ vụ hè thu 2000 đến đông xuân 03 - 04, Trung tâm Khuyến nông An Giang phối hợp với Viện Nghiên cứu và Phát triển hệ thống canh tác Trường Đại học Cần Thơ tổ chức được 8 lớp huấn luyện kỹ năng chọn - tạo giống lúa (FFS) với 261 nông dân tham gia. Hiệu quả của các lớp huấn luyện: đã có nhiều nông dân tự sản xuất giống. Trong vụ hè - thu 2004 ngành Nông nghiệp An Giang đã mở 56 lớp FFS, kế hoạch thu - đông mở 90 lớp FFS nhằm từng bước thực hiện công tác xã hội hoá giống lúa trong nông nghiệp theo chủ trương của UBND tỉnh An Giang.

4. Giải pháp về tổ chức lại sản xuất

Tập trung củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, tổ liên kết sản xuất. Đồng thời tập trung phát triển hợp tác xã, mô hình kinh tế trang trại, giúp các hợp tác xã thực hiện tốt khâu tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở vận động lực lượng hàng xóm, chủ nhà máy xay xát tham gia xã viên hợp tác xã và làm nông cội trong việc huy động lương thực.

Đối với các doanh nghiệp, tùy điều kiện và khả năng mà có sự hỗ trợ, giúp cho hợp tác xã (chọn 2 đến 3 hợp tác xã làm thí điểm mô hình mới như cách của hợp tác xã Trường Thành - huyện Phú Tân).

Với chủ trương của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh phát triển sản xuất thông qua hợp đồng đã nhận được sự ủng hộ từ phần lớn nông dân. Đa số các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm dưới hình thức hợp đồng bảo hiểm kinh tế, giúp nông dân an tâm sản xuất, nên khi triển khai kế hoạch tương đối thuận lợi. Đặc biệt đối với lúa thơm đặc sản, diện tích trồng lúa Jasmine trong vụ đông xuân 2003 - 2004 phát triển mạnh (tăng 3 lần so với diện tích ký hợp đồng), được nông dân quan tâm nhiều hơn. Một số doanh nghiệp ký hợp đồng có đầu tư giống sản xuất và khâu trừ lại tiền giống khi giao nộp sản phẩm nên nông dân rất đồng tình, an tâm sản xuất không phải lo giống đầu vụ.

HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG CỦA ĐẮK LẮK

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG ĐẮK LẮK

A- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Quá trình hình thành và phát triển của Trung tâm Khuyến nông DakLak có thể chia ra các giai đoạn sau:

I- Giai đoạn 1993 -1997:

Trung tâm Khuyến nông Dak Lak thành lập từ tháng 3 năm 1993, trước khi Nghị định 13/CP của Chính phủ ban hành. Vì vậy có những điều qui định không giống như trong Nghị định. Ngay sau khi thành lập Trung tâm nhanh chóng xây dựng các trạm khuyến nông huyện, đồng thời tuyển dụng cán bộ khuyến nông cho Trung tâm cũng như cán bộ trạm huyện. Sau 3 năm xây dựng, toàn tỉnh đã có 19 trạm khuyến nông với gần 57 cán bộ khuyến nông huyện theo khung biên chế của tỉnh qui định. Ở cấp xã chưa có biên chế cán bộ khuyến nông, do vậy khi triển khai các chương trình hàng năm, cán bộ khuyến nông huyện làm luôn công việc của cán bộ khuyến nông xã. Một số chương trình khi triển khai được phép hợp đồng khuyến nông viên theo từng mô hình.

Để có thể đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, đã có sự cộng tác giữa khuyến nông huyện và hội Nông dân huyện và một số doanh nghiệp muốn quảng bá sản phẩm của mình.

Trong giai đoạn này các hoạt động khuyến nông chủ yếu tập trung vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khuyến nông, khuyến nông viên và nông dân chủ chốt. Các chương trình khuyến nông triển khai rất khó khăn vì qui định của tỉnh là thu hồi 100% kinh phí xây dựng mô hình trình diễn.

II- Giai đoạn 1998 - 2001:

Sau khi xây dựng bộ máy, hệ thống khuyến nông Dak Lak đi vào giai đoạn ổn định và đi vào hoạt động có hiệu quả. Cũng trong giai đoạn này Trung tâm Khuyến nông quan tâm hơn tới việc mở rộng mạng lưới khuyến nông viên cơ sở. Tuy chưa có cơ chế chính sách của tỉnh về khuyến nông viên xã, thôn buôn nhưng Trung tâm Khuyến nông vẫn tổ chức huấn luyện, đào tạo cho các cộng tác viên khuyến nông theo mô hình.

Đặc biệt, được sự hỗ trợ từ UBND tỉnh, Trung tâm đã tổ chức đào tạo được 195 khuyến nông viên cho các thôn buôn vùng III (vùng đặc biệt khó khăn). Những khuyến nông viên này sau khi được đào tạo đã tham gia hoạt động khuyến nông dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của các trạm khuyến nông huyện.

Mặt khác Trung tâm Khuyến nông cũng chú ý xây dựng các câu lạc bộ khuyến nông. Số lượng các câu lạc bộ tăng lên hàng năm.

Hàng năm Trung tâm Khuyến nông DakLak đều dành một số lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông và khuyến nông viên để kịp thời cập nhật những tiến bộ kỹ thuật cũng như các kiến thức mới về phương pháp khuyến nông.

III- Giai đoạn 2002 - 2004:

Đây là giai đoạn có nhiều biến động về tổ chức, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác khuyến nông.

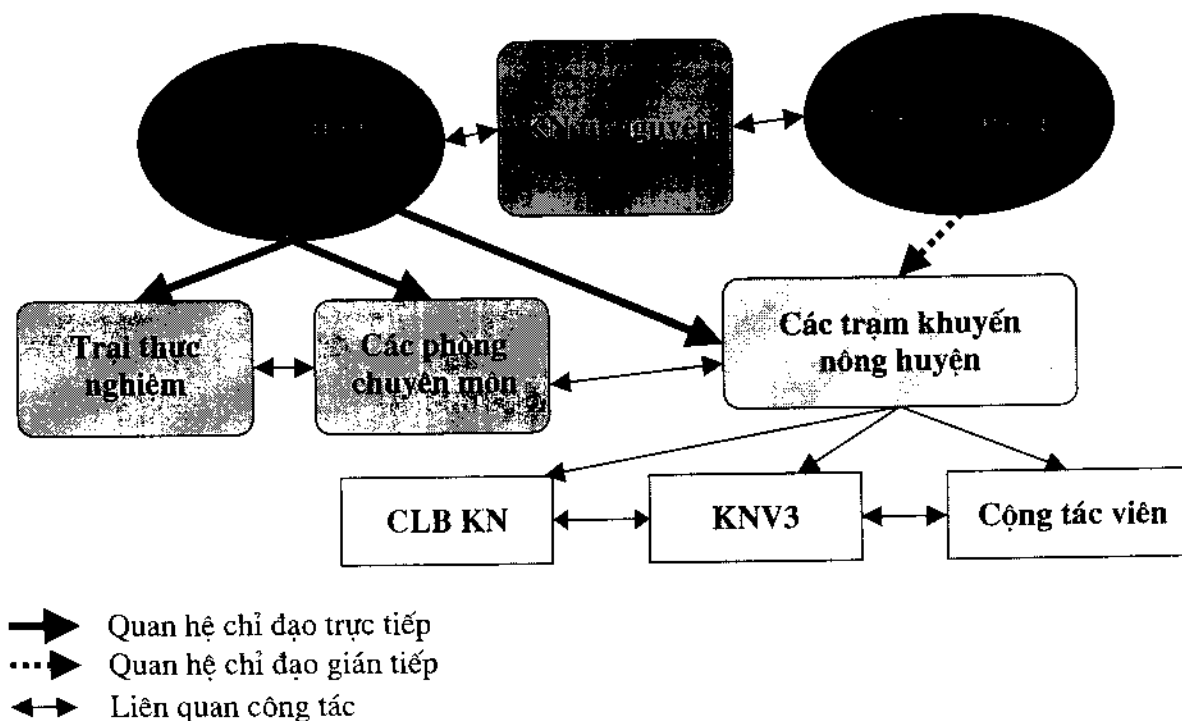
Ngày 20/10/2001 Tỉnh Dak Lak ra quyết định thành lập Trung tâm Khuyến nông và giống cây trồng, vật nuôi. Quyết định này giao thêm cho Trung tâm Khuyến nông một chức năng nữa. Do vậy một phần không nhỏ thời gian và công sức của Ban giám đốc và cán bộ Trung tâm Khuyến nông phải dành cho việc xây dựng cơ sở vật chất của các trại giống như trại lúa giống, trại bò giống, trại tổng hợp . . .

Ngày 26/7/2002 ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định chuyển giao các trạm khuyến nông về địa phương huyện quản lý. Sự chuyển giao này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng, tổ chức của cán bộ khuyến nông, gián tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả công tác khuyến nông ở cơ sở.

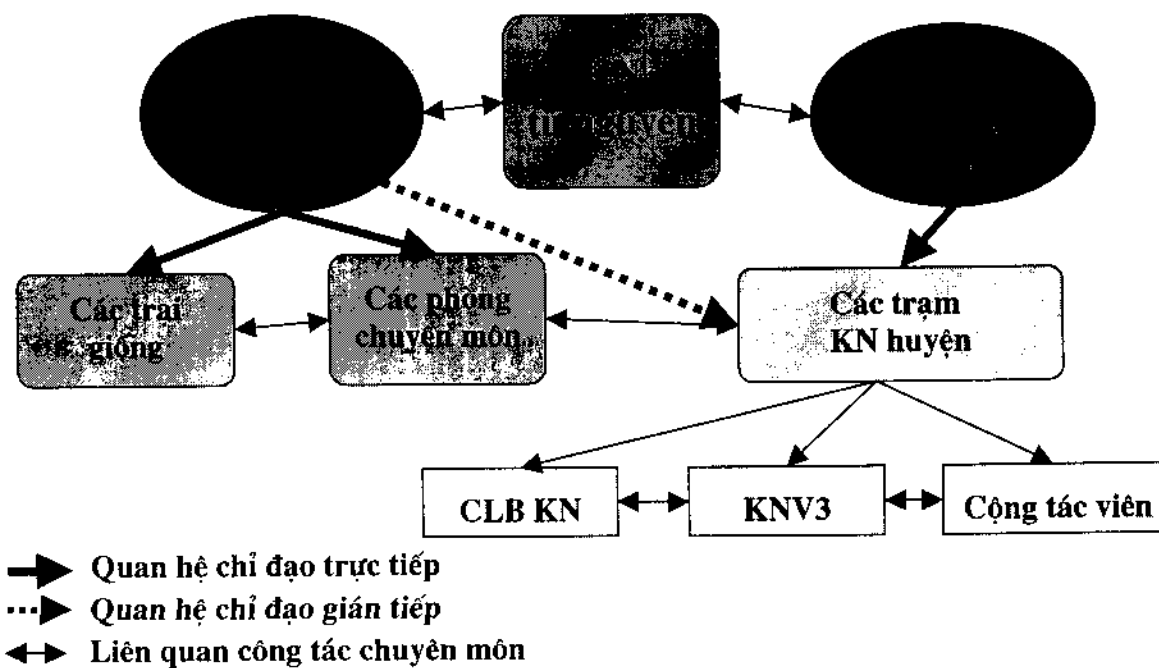
Từ ngày 1/1/2004 Tỉnh Dak Lak được chia tách làm 2, do vậy Trung tâm Khuyến nông và giống cây trồng, vật nuôi cũng chia tách ra làm 2. Sự kiện này cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả công tác của các sở, ban, ngành trong tỉnh nói chung và hệ thống khuyến nông nói riêng.

Tháng 5/2005 Trung tâm Khuyến nông và Giống cây trồng, vật nuôi Dak Lak nhận được quyết định của ủy ban nhân dân tỉnh chia tách ra thành Trung tâm Khuyến nông và Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi.

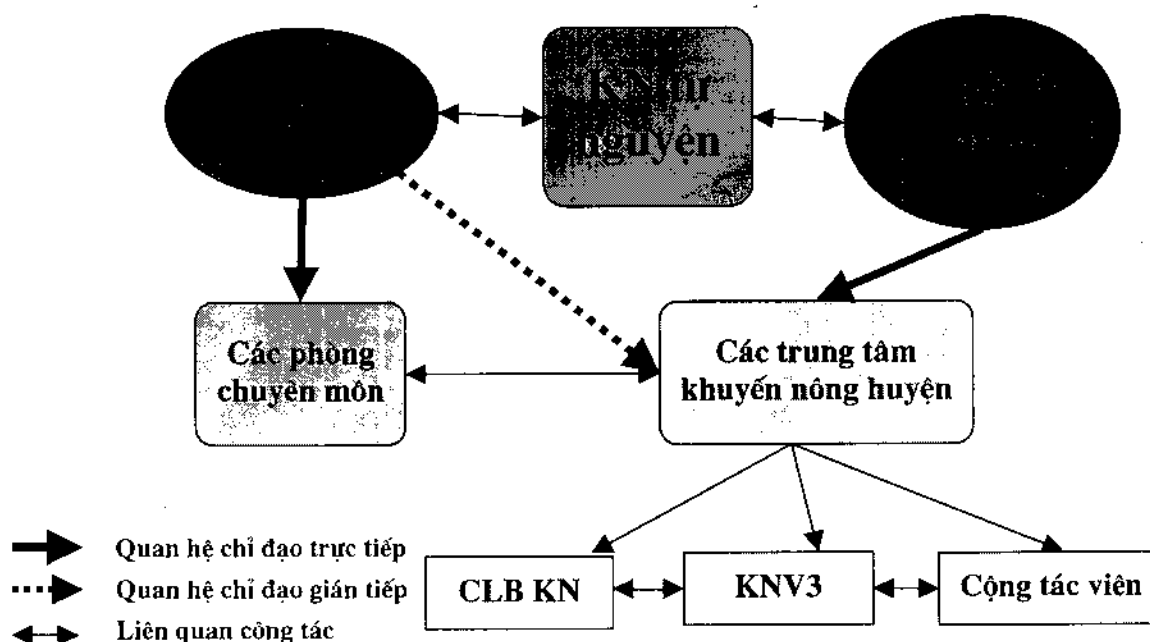
SƠ ĐỒ HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG ĐẾN 2002



SƠ ĐỒ HỆ THỐNG KN TỪ 2002 – 5/2005



SƠ ĐỒ HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG TỪ 5/2005



B- CÁC LOẠI HÌNH TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG.

Sau đây là tóm tắt các loại hình tổ chức khuyến nông của tỉnh Dak Lak đã trải qua trong hơn 10 năm. Những đánh giá của chúng tôi mang tính nhận xét chứ không có ý định kết luận:

1- Hệ thống khuyến nông xuyên suốt từ tỉnh đến huyện:

Thuận lợi cho sự chỉ đạo chuyên môn thông qua các chương trình khuyến nông. Các chủ trương chính sách và cơ chế tài chính khuyến nông đều thống nhất. Tuy nhiên cũng thể hiện một số hạn chế:

- Không phát huy được tính chủ động và sức mạnh tài chính ở cấp huyện (thực tế đã có tình trạng huyện ỉ lại, đùn đẩy công tác khuyến nông cho tỉnh).
- Khó khăn cho công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả các chương trình khuyến nông do không sát địa bàn.

2- Phân cấp quản lý trực tiếp trạm khuyến nông cho huyện:

Thuận lợi cơ bản là hoạt động khuyến nông phục vụ trực tiếp các chương trình phát triển nông nghiệp của địa phương. Lãnh đạo và các ngành của huyện quan tâm hơn

đến công tác khuyến nông, do đó bố trí và huy động nhiều kinh phí hơn cho khuyến nông. Một số nhược điểm là:

- Tính chuyên nghiệp của lực lượng cán bộ khuyến nông bị hạn chế do bị chi phối công tác sự vụ nhiều.
- Về trình độ chuyên môn: ít được cập nhật với những tiến bộ kỹ thuật mới.
- Mô hình tổ chức khuyến nông cấp huyện tùy tiện, phụ thuộc vào ý tưởng chủ quan của lãnh đạo, mỗi nơi làm một kiểu (trạm, trung tâm dịch vụ..., trạm thuộc phòng nông nghiệp...), do đó ảnh hưởng đến công tác chuyên môn.
- Một số mô hình trình diễn mang tính chất đầu tư hơn là trình diễn khuyến nông (không đánh giá, tổng kết, tổ chức hội thảo cho nông dân học tập).

3- Câu lạc bộ khuyến nông.

Đây là hình thức tổ chức khuyến nông cơ sở có hiệu quả nhất trong công tác chuyển giao và nhân rộng tiến bộ kỹ thuật. Thời kỳ cao điểm ở Dak Lak có 159 câu lạc bộ khuyến nông, hiện nay sau khi chia tách tỉnh còn 141 câu lạc bộ, trong đó có 95 câu lạc bộ ở vùng III.

Điển hình là huyện Ea Kar có 33 câu lạc bộ khuyến nông, trong đó có 17 câu lạc bộ ở vùng III. Các câu lạc bộ (CLB) đều hoạt động mạnh. Có tới 80% các chương trình khuyến nông thông qua CLB đều được nhân rộng và trở thành phong trào sản xuất của huyện. Tất cả các CLB đều có quỹ tự đóng góp (tín dụng khuyến nông) để cho các thành viên vay với lãi suất thấp để thực hiện các mô hình khuyến nông, nhiều hộ thoát nghèo nhờ quỹ này. CLB có quỹ cao nhất là 54 triệu, thấp nhất là 7 triệu đồng. Đây là một mô hình khuyến nông cơ sở phát huy hiệu quả nhất hiện nay của tỉnh. Cơ quan khuyến nông chỉ hỗ trợ các CLB vùng III lúc ban đầu thành lập và tham gia giúp đỡ về chuyên môn. Thành công của các CLB ở Ea Kar ở chỗ: nguyên tắc tự nguyện được tôn trọng, Ban chủ nhiệm do dân tín nhiệm bầu ra chứ không do

ai áp đặt, cơ cấu. Những đóng góp của người dân trong CLB dùng để phục vụ lại cho chính họ, không có bất cứ khoản nào nộp lên trên hoặc dùng vào mục đích khác. Đây có thể coi là bài học về dân chủ ở cơ sở.

4- Khuyến nông viên và cộng tác viên

Khuyến nông viên Nhà nước chỉ có đến cấp huyện, biên chế cho mỗi trạm là 3 người. Khuyến nông viên vùng III có 138 người trong đó có 76 người được hưởng phụ cấp 80.000đ/tháng/người theo qui định của UBND tỉnh. Số khuyến nông viên còn lại này có thể thay đổi phụ thuộc vào các chương trình khuyến nông.

• Chúng ta lý giải tại sao nhiều chính sách đầu tư của nhà nước cho người nghèo phát huy hiệu quả kém do thiếu sự hướng dẫn khuyến nông, nhất là các buôn làng vùng sâu vùng xa

- Ở Tây nguyên nếu không có các chương trình khuyến nông thì đội ngũ cộng tác viên khuyến nông cũng mất luôn. Chưa thể áp dụng cơ chế nông dân nuôi cán bộ khuyến nông thông qua thu nhập tăng thêm.

C- MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ

1- Đã xác định khuyến nông là một ngành thì đề nghị ngành có hướng dẫn về tổ chức từ trung ương đến địa phương., nhất là từ cấp huyện đến xã.

2- Xây dựng mạng lưới khuyến nông để thôn buôn đòi hỏi phải có nguồn tài chính, trong khi các tỉnh nghèo, tỉnh biên giới khó có thể tự lo được. Do đó cần sự giúp đỡ của trung ương thông qua các dự án, chính sách.

3- Đề nghị Trung tâm Khuyến nông quốc gia tăng cơ cấu đầu tư cho công tác huấn luyện nông dân, đào tạo khuyến nông viên trong các chương trình khuyến nông hàng năm, tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực cán bộ khuyến nông các cấp.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG VÀ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP ĐỒNG THÁP VỚI VIỆC XÂY DỰNG MÔ HÌNH CÁNH ĐỒNG CÓ DOANH THU 50 TRIỆU VNĐ /HA/NĂM

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG VÀ KTNN ĐỒNG THÁP

Trung tâm Khuyến nông và KTNN là đơn vị trực thuộc sở Nông nghiệp & PTNT có nhiệm vụ chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, cơ giới hoá... cho nông dân.

Thực hiện chủ trương của tỉnh, ngành nông nghiệp tỉnh đã phối hợp với các huyện, thị xây dựng các cánh đồng có doanh thu 50 triệu đồng/ ha/ năm trở lên (lợi nhuận đạt tối thiểu 20%) gồm: cánh đồng lúa - tôm; lúa - cá ; cánh đồng màu; cánh đồng cỏ nuôi bò... nhằm mục đích xây dựng vùng sản xuất tập trung , tạo ra lượng hàng hoá ổn định và có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đồng thời áp dụng đồng bộ những biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ cao để tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm, tăng dần hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích và đặc biệt hình thành nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao và chủ động khai thác lợi thế trong mùa lũ để phát triển nông nghiệp, góp phần tăng thu nhập cho nông dân, nâng cao vai trò kinh tế hợp tác, tạo điều kiện gắn kết 4 nhà: nhà nước - nhà nông - nhà khoa học - nhà kinh doanh. Kế hoạch xây dựng các mô hình này được tập thể trung tâm Khuyến nông & KTNN phối hợp với các đơn vị : CCBVNLTS, CCBVTW, CCTY và phòng Nông nghiệp các huyện, thị tích cực chuẩn bị các bước sau:

- Thành lập chỉ đạo ban sản xuất từ tỉnh, huyện đến xã.
- Xây dựng kế hoạch xây dựng với các đơn vị, ban ngành, đoàn thể.
- Lập kế hoạch kinh phí và tiến độ triển khai thực hiện.
- Xây dựng quy mô và các giải pháp kỹ thuật ứng dụng cho từng mô hình cụ thể là: quy mô diện tích từ 10-30ha/cánh đồng; áp dụng các biện pháp giảm giá thành lúa, màu, thủy sản... và chú trọng đảm bảo lịch thời vụ cho từng mô hình.

Trên cơ sở các kế hoạch được phê duyệt, các địa phương tiến hành vận động nông dân tự nguyện tham gia tạo sự thống nhất cao và quyết tâm thực hiện các mô hình có kết quả.

Mặt khác, tuy đội ngũ cán bộ kỹ thuật đã có nhiều kinh nghiệm qua thực hiện các chương trình Khuyến nông, khuyến ngư nhưng khi đi vào triển khai thực hiện các mô hình cánh đồng 50 triệu đồng/ha/năm đã gặp rất nhiều khó khăn do nông dân đã quen với tập quán canh tác cũ như: sản xuất manh mún, manh ai nấy làm, việc vận động sử dụng con giống nhân tạo, sử dụng giống chất lượng cao, áp dụng đúng các quy trình kỹ thuật... Bên cạnh đó nông dân còn thiếu vốn, thời tiết mưa bão cơ sở vật chất, đề bao, cống bọng còn đơn sơ... càng làm tăng thêm khó khăn.

Đứng trước tình hình khó khăn trên, tập thể Trung tâm Khuyến nông & KTNN từ lãnh đạo đến cán bộ kỹ thuật luôn động viên nhau (có sự phân công cụ thể cho từng đồng chí) tích cực triển khai thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra. Toàn thể cán bộ KT thực hiện các mô hình không quản ngại khó khăn, vất vả đã trực tiếp cùng nông dân thực hành từ khâu thả giống đầu tiên, trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc thu hoạch... trong năm 2004 mô hình đã đạt được một số kết quả như sau:

1- Mô hình lúa – tôm:

Mô hình được triển khai tại xã Mỹ An Hưng B huyện Lấp Vò với mục tiêu rút kinh nghiệm thể chuẩn bị thực hiện dự án 700 ha nuôi tôm càng xanh trong các năm tới với phương thức nuôi quảng canh cải tiến vào mùa lũ.

Sau khi thu hoạch lúa hè thu, qua 3 cuộc vận động nông dân, có 18 hộ tham gia với diện tích nuôi 17,4ha, tổng sản lượng tôm thu hoạch được 6.590kg, năng suất bình quân toàn vùng nuôi đạt 400kg/ha. Nhìn chung do nước lũ năm 2004 rút sớm, xuống giống muộn tôm giống không đồng đều kích cỡ nên năng suất không đều, có hộ đạt 850kg/ha, ngược lại có hộ năng suất thấp 120kg/ha. Giá tôm lúc thu hoạch dao động từ 60.000-70.000đồng/kg. Do vậy trong 18 hộ nuôi chỉ có 3 hộ có lãi bình quân 7,1 triệu đồng/ha. Tuy kết quả chưa thật như mong muốn nhưng nông dân đã rút được những kinh nghiệm quý báu để nuôi giống tôm nhân tạo có ưu thế chủ động nguồn giống có sức đề kháng cao và 100% các hộ nuôi xác định có thể khắc phục tốt các yếu tố bất lợi đã tiếp tục đăng ký nuôi vụ 2005.

Trong năm 2005 mô hình này đã được nhân rộng ra ở các huyện Tam Nông (20,8ha), Cao Lãnh (30ha) và huyện Thanh Bình (1ha).

2- Mô hình lúa – cá rô đồng:

Mô hình đã được triển khai tại xã Phú Điền huyện Tháp Mười. Qua nhiều cuộc vận động đã có 5 hộ nông dân tham gia với diện tích 8,4ha, giống các rô đồng được thả nuôi trong mùa nước lũ, lượng giống các thả nuôi 785.900con.

Sau 3,5-4 tháng nuôi cá tăng trọng đạt mức 15-20con/kg.

Tổng sản lượng cá thu hoạch là 30.150kg, năng suất bình quân 3.600kg/ha. Có 3 hộ nuôi lãi bình quân 10,4 triệu đồng/ha.

Trong năm 2005 các hộ này vẫn tiếp tục đăng ký thực hiện mô hình lúa – cá; mô hình đã được nhân rộng ở các huyện Tam Nông, Thanh Bình, Lai Vung...

3- Cánh đồng màu:

Mô hình được triển khai tại xã Tân Quới với các loại rau muống, đậu lành, bắp.

Do địa hình đồng ruộng không đồng nhất, một vài nơi đất gò cao, qua thảo luận các hộ xã viên thống nhất kế hoạch xuống giống 2 đợt, với tổng diện tích 32ha, có 80 hộ tham gia. Qua một vụ trồng rau muống lấy hạt đã thu được kết quả: Diện tích 4,43ha rau muống trồng đợt 1 đã thu hoạch dứt điểm, năng suất bình quân đạt 2.500kg/ha, giá thành 5.100 đồng/kg, lợi nhuận 10,5 triệu đồng/ha; hiện nay nông dân đang tiếp tục thu hoạch và xuống giống các đợt tiếp theo.

4- Mô hình cánh đồng trồng cỏ nuôi bò:

Đã được triển khai ở các huyện Hồng Ngự và Lai Vung với tổng diện tích là 20 ha. Năng suất bình quân ước tính 300 tấn/năm, giá bán 2.000 đồng/kg, doanh thu sẽ đạt 60 triệu đồng/năm.

Trong năm 2005 mô hình này đã được tiếp tục đầu tư triển khai ở các huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Châu Thành, Lai Vung... góp phần đắc lực cho việc phát triển đàn bò đàn bò của tỉnh.

Đánh giá chung:

Các mô hình cánh đồng đạt doanh thu 50 triệu đồng/ha/năm đã hình thành tạo nên những điểm bứt phá mới là các mô hình điển hình trong sản xuất nông nghiệp trên các mặt: Phát triển loại hình sản xuất mới (nuôi tôm, cá rô đồng trên ruộng), đầu tư hỗ trợ phát triển vùng tập trung để tạo nên sản lượng và doanh thu hàng hoá cao. Các mô hình triển khai đều có triển vọng phát triển tốt, giải quyết nhân công lao động nhàn rỗi và tận dụng lợi thế trong mùa nước lũ.

Việc áp dụng tốt các mô hình ngoài đạt được hiệu quả về kinh tế, còn đạt được hiệu quả về mặt xã hội to lớn, tính cộng đồng của người dân được tăng lên, môi trường sinh thái được đảm bảo và tính bền vững của mô hình sẽ được nâng cao.

Bên cạnh những hộ sản xuất có hiệu quả, vẫn còn 1 số hộ chưa đạt được hiệu quả do ảnh hưởng thời tiết bất lợi, nguồn giống chưa chủ động, áp dụng kỹ thuật chưa thật chặt chẽ, giá cả thị trường thu hoạch xuống thấp...

Tuy nhiên, các yếu tố bất lợi trên có thể khắc phục nếu có sự tổ chức thực hiện chặt chẽ và có sự phối hợp tốt giữa ngành nông nghiệp với các ban ngành đoàn thể, các địa phương và các hộ nông dân.

Thành quả trên đạt được là nhờ có sự định hướng và sự chỉ đạo sâu sắc của lãnh đạo tỉnh và ngành nông nghiệp, sự quan tâm chỉ đạo và sự phối hợp chặt chẽ kịp thời của các ngành có liên quan từ tỉnh, huyện đến xã ấp... đặc biệt là nhờ có sự nỗ lực to lớn nhằm vượt qua những khó khăn, trở ngại của các CBKT đã phấn đấu nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm bám sát địa bàn được phân công phụ trách để cùng với bà con nông dân triển khai mô hình khá thành công.

Là thành viên tích cực của ngành nông nghiệp, tập thể TTKN & KTNN đã góp phần quan trọng trong mặt trận chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân đặc biệt là việc xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/ha/năm; cánh đồng màu; sản xuất lúa chất lượng cao; vườn cây kiểu mẫu; cánh đồng sản xuất giống... Tập thể TTKN & KTNN quyết tâm phấn đấu nhiều hơn nữa trong mọi hoạt động để xứng đáng với lòng tin cậy của các cấp lãnh đạo và bà con nông dân.

Từ kết quả thành công ban đầu này, chúng tôi tin rằng rồi đây sẽ có nhiều những cánh đồng lúa – tôm, lúa – cá, lúa xen màu, những cánh đồng cỏ chủ động nguồn thức ăn xanh cho bò... có doanh thu từ 50 triệu đồng/ha/năm trở lên, góp phần cải thiện đời sống người dân làm thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn Đồng Tháp.

BÁO CÁO

VỀ CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG VIÊN Ở CƠ SỞ

NGUYỄN VĂN NAM

THÔN PHÚ QUÝ 3, XÃ TAM MỸ, HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM.

Từ năm 1993, hệ thống khuyến nông nhà nước được hình thành đều khắp từ trung ương đến các tỉnh, thành trong cả nước. Ngoài tác động rất tích cực của hệ thống khuyến nông nhà nước đối với công tác phát triển nông lâm nghiệp nói chung, thì công tác khuyến nông theo nghĩa rộng đã được xã hội hoá và triển khai đến tận cơ sở, xã phường từ khi Thông tư 07 ngày 24/4/1996 có hiệu lực.

Đối với Quảng Nam, mặc dù hệ thống tổ chức khuyến nông cơ sở cho đến thời điểm này chưa được tổ chức, song một số huyện, thị đã tiên phong trong việc hình thành đội ngũ khuyến nông viên theo hình thức kiêm nhiệm đến xã, phường. Một số huyện, thị còn bố trí cán bộ khuyến nông viên đến tận thôn, bản. Và huyện Núi Thành (Tỉnh Quảng Nam) là một trong những huyện quan tâm rất sớm về đội ngũ khuyến nông viên cơ sở trong những năm qua.

Huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam hiện có 15 xã, thị trấn. Hầu hết các xã đều có hoạt động nông, lâm, thủy sản. Đến nay đã có 15 Câu lạc bộ khuyến nông cấp xã và 01 câu lạc bộ khuyến nông cấp thôn được hình thành.

Bản thân là một khuyến nông viên được tham gia sinh hoạt trong câu lạc bộ khuyến nông- khuyến lâm thôn Phú Quý 3, xã Tam Mỹ, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam từ năm 1999. Sau khi tốt nghiệp khoá đào tạo trung cấp chăn nuôi – thú y tại trường Trung cấp Nông Lâm nghiệp Tam Kỳ (Thị xã Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam) vào năm 1990, tính từ thời điểm đó cho đến nay, bản thân vừa là một thú y viên, vừa là cán bộ khuyến nông viên của thôn, xã. Quá trình tham gia công việc, tôi xin báo cáo tóm tắt một số nội dung sau:

I. Một số hoạt động tham gia:

1. Tham gia chương trình phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM):

Chủ động liên hệ để tiếp nhận và tích cực vận động bà con nông dân trong xã tham gia chương trình quản lý dịch hại tổng hợp trên cây lúa. Đã tổ chức thực hiện được 02 lớp, với số lượt người tham gia trên 100 người. Bản thân gia đình làm 4 sào lúa,

vì thế tự thân gia đình tôi thực hiện rất triệt để chương trình này, gương mẫu trong quản lý sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, vận động nông dân chọn giống, không sử dụng tùy tiện thuốc bảo vệ thực vật, biết kỹ thuật chăm sóc bảo vệ mùa màng. Nhờ ứng dụng chương trình IPM mà năng suất lúa bình quân của thôn được nâng lên 48 tạ/ha so với trước đây là 40 tạ/ha.

2. Tham gia chương trình BUCAP (Bảo tồn và phát triển đa dạng nguồn gen thực vật):

Được sự đầu tư của Trạm bảo vệ thực vật và Trạm Khuyến nông huyện, từ năm 2000 thôn Phú Quý 3 đã được tiếp nhận và thực hiện với diện tích sản xuất mỗi vụ là 5 sào (0,25 ha). Nội dung của chương trình bao gồm các việc: thử nghiệm giống, lai tạo, phục tráng để tạo ra các giống có khả năng thích nghi tại địa phương và cho năng suất, chất lượng cao.

Qua 5 năm triển khai chương trình, kết quả đã tạo được các giống phù hợp tại địa phương, góp phần giải quyết nguồn giống tốt, chủ động cho các thành viên trong câu lạc bộ. Ngoài ra, câu lạc bộ còn cung ứng cho các thôn lân cận trong địa bàn xã một số lượng lớn như các giống: CL9, OM2031, DH9817, Số 1, Số 3, Số 6... Bước đầu thực hiện chương trình có 40 hộ tham gia, cho đến nay không những đã nhân rộng trên địa bàn toàn thôn mà nhiều hộ của các thôn lân cận trong xã cũng đã mở rộng ứng dụng.

3. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng – mùa vụ:

Qua nhiều năm vận động bà con nông dân thực hiện chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng - mùa vụ, hiện 100% diện tích sản xuất lúa trong thôn đã chuyển sang sản xuất 2 vụ lúa ăn chắc. Từ những mô hình trình diễn sản xuất lúa lai cho năng suất cao đã khuyến cáo nông dân mở rộng sản xuất đại trà, hơn 15 % diện tích sản xuất lúa lai hàng năm cho năng suất cao hơn từ 15-20% so với sản xuất lúa thường. Một số diện tích làm lúa bắp bệnh, hiệu quả thấp đã chuyển sang làm các cây trồng khác cho hiệu quả thu nhập cao hơn, điển hình như các mô hình như:

- Từ sản xuất cây sắn chuyển sang trồng mía ép nước giải khát: 01 sào sắn thu được 1.300.000đ - 1.500.000đ trong khi đó cây mía thu được 4.000.000 đ- 4.500.000 đ (đơn cử các hộ: Ngô Văn và Châu Thiệm)

- Nhiều vùng đất bạc màu chuyển sang trồng ngô lai, bông vải cho thu nhập từ 65 triệu đồng/ha (Trong khi làm lúa chỉ cho thu nhập 31 triệu đồng/ha). Đã vận động nông dân trong thôn chuyển được 150 ha lúa sang sản xuất cây trồng cạn, nâng giá trị từ 15 triệu đồng/ha/năm lên 30 triệu đồng/ha/năm.

4. Hoạt động chăn nuôi - thú y:

Với vai trò vừa là một cán bộ thú y vừa một dân tình viên, lại vừa là một khuyến nông viên cơ sở, nên trong công tác có những thuận lợi nhất định. Ngoài công việc hằng ngày như điều trị, tiêm phòng, phối giống cho gia súc, gia cầm, tôi trực tiếp tham gia tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho bà con, vận động nông dân trồng cỏ nuôi bò. Chính nhờ vậy mà tổng đàn heo của thôn cuối năm 2004 tăng gấp đôi so với năm 2000, đối với chăn nuôi bò đã góp phần đưa tổng đàn bò toàn xã đạt con số trên 1.600 con hiện nay.

Mấy năm gần đây, đặc biệt từ đầu năm 2004, nhờ UBND tỉnh có cơ chế hỗ trợ đầu tư phát triển chăn nuôi bò cộng với nghề chăn nuôi bò đang cho hiệu quả cao nhất nên đã tạo thuận lợi cho nông dân phát triển chăn nuôi bò. Bản thân đã đi đến từng nhà và thông qua các buổi sinh hoạt câu lạc bộ khuyến nông để vận động nông dân tham gia chương trình cải tạo đàn bò bằng phương pháp truyền tinh nhân tạo, hướng dẫn bà con kỹ thuật làm chuồng, nuôi dưỡng chăm sóc, trồng và chế biến thức ăn, phòng trừ dịch bệnh chủ động...Xác định đối với nuôi bò ngoài công tác giống ra thì việc giải quyết thức ăn một cách chủ động là biện pháp rất quan trọng. Vì thế đã vận động và hướng dẫn nông dân bố trí diện tích canh tác để trồng cỏ cho bò ăn. Một số diện tích trồng cây trồng cạn kém hiệu quả chuyển sang trồng cỏ, một phần giải quyết thức ăn cho bò trong gia đình và một phần bán ra bên ngoài để nâng cao thu nhập.

Có 32/ 95 thành viên trong câu lạc bộ tham gia mô hình nuôi cá nước ngọt cho hiệu quả cao từ 10-12 triệu/năm/hộ (Đơn cử có hộ Ngô Kỳ và Phạm Bé).

Ngoài ra, bản thân còn trực tiếp vận động bà con nông dân trong thôn tham gia sinh hoạt câu lạc bộ, kết quả so với từ khi mới được thành lập có 30 thành viên, nay số lượng thành viên câu lạc bộ đã lên đến 95 người, thu hút gần 20% số hộ trong thôn tham gia. Mỗi tháng tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ định kỳ một lần và mỗi vụ sản xuất tổ chức sinh hoạt 3 lần theo chuyên đề để phục vụ tốt hơn thời vụ sản xuất, tập huấn, hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật, vận động thực hiện những mô hình mới cũng như giải quyết các vấn đề nảy sinh đột xuất trong tổ chức sản xuất.

Với hoạt động của bản thân và tổ chức khuyến nông ở cơ sở đã kịp thời can thiệp giải quyết nhiều khó khăn, vướng mắc, hụt hẫng của nông dân ở địa phương, tác động tích cực cho sản xuất phát triển, đời sống của nông dân không ngừng được nâng lên.

5. Kết quả thực hiện của bản thân và gia đình:

Ngoài công tác cộng đồng, công tác xã hội ra, bản thân và gia đình đã có những kết quả cụ thể:

- Bình quân mỗi năm cá nhân tôi phối giống cho trên 50 bò cái và gần 200 lượt phối giống cho heo nái bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo.

- Sản xuất 0,25 ha ruộng lúa đạt năng suất 50 tạ/ha/vụ:

$$0,25 \text{ ha} \times 50 \text{ tạ/ha/vụ} \times 2 \text{ vụ} \times 220.000 \text{ đ/tạ} = 5.500.000 \text{ đ}$$

- Nấu rượu nuôi heo gia đình (3 heo nái sinh sản):

Mỗi năm xuất bán 60 heo con:

$$60 \text{ con} \times 200.000 \text{ đ/con} = 12.000.000 \text{ đ}$$

- Công làm dịch vụ chăn nuôi – thú y: (Tính cho 120 ngày công/năm)

$$30.000 \text{ đ/ngày} \times 120 \text{ ngày} = 3.600.000 \text{ đ}$$

Tổng cộng thu nhập trong năm: 21.000.000 đ

6. Khen thưởng:

- Cấp huyện: Được UBND huyện tặng 02 giấy khen về khuyến nông viên xuất sắc cấp huyện.

- Cấp xã: Được UBND xã tặng 01 giấy khen về khuyến nông viên xuất sắc cấp xã.

II. Một số kiến nghị

- Để công tác khuyến nông đạt hiệu quả cao hơn, nhà nước cần sớm hình thành hệ thống khuyến nông viên cơ sở xã, phường. Bố trí mỗi xã, phường có ít nhất từ 01 khuyến nông viên hưởng lương theo định xuất cán bộ xã, phường. Có chế độ đãi ngộ thích hợp để khuyến khích khuyến nông viên cơ sở làm tốt công việc mình được đảm trách.

- Tạo điều kiện để hàng năm cán bộ khuyến nông viên được tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện để trang bị thêm về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ làm khuyến nông, tiếp thu những thông tin khoa học kỹ thuật mới, tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động khuyến nông.

Trên đây là một số hoạt động của tôi với nhiệm vụ là một khuyến nông viên cơ sở. Trong thời gian đến để đáp ứng yêu cầu công việc ngày một tốt hơn, ngoài sự cố gắng của bản thân mình, rất mong sự quan tâm giúp đỡ của quý cấp lãnh đạo và các đồng nghiệp.

BÁO CÁO CỦA KHUYẾN NÔNG VIÊN CƠ SỞ ĐIỂN HÌNH TỈNH PHÚ THỌ

NGUYỄN THÁI HỌC

KNV PHÚ THỌ - XÃ DẬU DƯƠNG, HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ

I. Khái quát về tự nhiên, kinh tế, xã hội và tổ chức mạng lưới khuyến nông cơ sở:

1. Về tự nhiên: Dậu Dương là một xã miền núi có diện tích tự nhiên là 287 ha, đất nông nghiệp có 185 ha, trong đó đất trồng lúa là 121 ha chia ra đất 2-3 vụ có 56 ha, đất một vụ chiêm 65 ha, đất chuyên màu 24 ha, đất vườn 40 ha, đất ao hồ thả cá có 5 ha. Tổng số hộ nông nghiệp có 531 với 1.234 lao động nông nghiệp, bình quân đất trồng lúa là 519 m²/1 khẩu.

2. Về kinh tế xã hội: Xã Dậu Dương hiện nay là một xã nông nghiệp thuần nông (với tỷ trọng nông nghiệp trong tổng thu nhập của nhân dân hàng năm chiếm 83%).

- Năm 1998, bình quân lương thực đầu người là 320 kg/người/năm. Đến năm 2003 đạt 500 kg và năm 2004 đạt khoảng 520 kg.

- Năm 1998, thu nhập bình quân đầu người đạt 1,7 triệu đồng/người/năm, đến năm 2003 đạt 3,2 triệu đồng.

- Năm 1998, hộ đói nghèo có 23%, đến năm 2003 không còn hộ đói và hộ nghèo còn 5,2%.

3. Về tổ chức khuyến nông: Được thành lập cuối năm 1998. Tổ khuyến nông có 6 người, bao gồm 1 tổ trưởng, 1 tổ phó và 4 tổ viên. Về trình độ, có 2 trung cấp, còn lại 4 người mới qua các lớp bồi dưỡng ngắn hạn.

II. Những nét cơ bản về hoạt động của khuyến nông viên cơ sở

1. Tham mưu cho lãnh đạo địa phương trong lĩnh vực nông nghiệp:

a) **Bố trí cơ cấu giống, thời vụ cây trồng:** Trên cơ sở căn cứ vào đặc thù về đất đai, thổ nhưỡng và hạ tầng cơ sở, đồng thời bám sát mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết hàng năm của Đảng bộ theo hướng nhanh chóng đảm bảo an toàn lương thực, xoá đói, giảm nghèo - theo chỉ đạo của xã, tổ khuyến nông

xã Tam Nông đã xây dựng kế hoạch sản xuất của xã theo hướng tích cực đưa nhanh những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, đồng thời nhanh chóng xoá bỏ tập quán sản xuất cũ, lạc hậu; chuyển dịch nhanh cơ cấu giống, thời vụ nhằm đạt mục tiêu tăng năng suất, sản lượng mỗi năm từ 10-12%.

Từ năm 1998 trở về trước, cây lúa bố trí mùa vụ trong vụ đông xuân với các trà: chiêm, xuân sớm, xuân muộn; vụ mùa có mùa sớm, mùa trung. Những tiến bộ kỹ thuật chuyển giao còn ít, ở mức quy mô mô hình trình diễn; các giống lúa lai, giống tiến bộ kỹ thuật mới áp dụng ở mức rất khiêm tốn, năng suất lúa năm 1998 đạt bình quân 38 tạ/ha, sản lượng 648 tấn. Do tích cực vận động bà con chuyển đổi cơ cấu giống, mùa vụ, đưa diện tích lúa lai tăng... nên cơ bản cơ cấu giống, thời vụ đã thay đổi: bỏ trà lúa chiêm và mùa trung và hiện nay bố trí 2 trà với tỉ lệ xuân sớm là 18%, trà cuân muộn 82% (trước kia trà này là 3%); vụ mùa 100% diện tích cấy mùa sớm với 100% diện tích được cấy bằng các giống lúa lai, giống tiến bộ kỹ thuật. Sau khi tích cực chuyển đổi cơ cấu theo hướng nói trên, năm 2003 năng suất lúa đạt 58 tạ/ha, sản lượng 1.026 tấn.

Do chuyển đổi cơ cấu giống, thời vụ cây lúa nên cây trồng vụ đông đã phát triển mạnh theo hướng đa dạng hoá cây trồng và tăng giá trị sản phẩm, thu nhập (năm 1998 có 25 ha, đến năm 2003 đã đạt diện tích 65 ha). Vụ đông đã thực sự là vụ sản xuất chính thứ 3 trong năm. Đối với đất chuyên màu cũng đã thay đổi cơ bản về giống, đồng thời áp dụng quy trình thâm canh, luân canh nhằm tăng thu nhập, đồng thời bảo vệ và cải tạo đất.

b) Công tác bảo vệ cây trồng: Tổ khuyến nông luôn nắm chắc các thông tin dự báo thời tiết qua các phương tiện thông tin đại chúng và hợp đồng cung cấp thông tin về dự báo khí tượng, thủy văn của đài khí tượng, thủy văn khu vực để làm cơ sở hướng dẫn nông dân gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và hạn chế thấp nhất về thiệt hại.

Về quản lý dịch hại: đã phân công diện tích phụ trách cho từng người có trách nhiệm cụ thể trên diện tích được phân công với lịch thăm đồng 3 ngày/1 lần, theo dõi chặt chẽ về sinh trưởng, phát triển của cây trồng, theo dõi các đối tượng sâu bệnh cụ thể phát sinh, phát triển trên đồng ruộng để báo cho nông dân, đồng thời xây dựng các biện pháp phòng trừ theo phương châm phòng là chính, trừ kịp thời; coi trọng các biện pháp thủ công và sinh học, khi thật cần thiết mới áp dụng phòng trừ bằng thuốc hoá học và chỉ sử dụng trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng; hướng dẫn nông dân thu gom và tiêu huỷ bao bì đựng thuốc đảm bảo an toàn sức khoẻ người, vật nuôi, hạn chế ô nhiễm môi trường. Khi mở chiến dịch phòng trừ sâu bệnh, khuyến nông viên trực tiếp ra đồng để hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc theo nguyên tắc 4 đúng... Do vậy trong 5 năm qua, mặc dù thời tiết, sâu bệnh diễn biến phức tạp, nhưng cây trồng của xã Đậu

Dương vẫn đạt năng suất cao, tạo được lòng tin sâu sắc của nhân dân đối với khuyến nông viên.

c) Công tác tuyên truyền và chuyển giao TBKHKT:

- Công tác tuyên truyền: Thường xuyên viết tin, bài về hướng dẫn thời vụ, bố trí cây trồng, lịch gieo mạ, cấy và kỹ thuật cấy, thời điểm bón phân, chăm sóc, tình hình sâu bệnh phát qua đài truyền thanh xã và phát về khu dân cư để đôn đốc nông dân thực hiện. Số lượng tin, bài đã phát hàng năm, bình quân mỗi năm 104 bài, thời lượng phát mỗi bài 2 lần, mỗi lần 5-7 phút. Những bài có nội dung tuyên truyền về chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi thì phát 3 ngày liên, mỗi ngày 2 buổi, mỗi buổi 2 lần để nông dân nắm được trước khi họp dân. Ngoài tin viết cho đài truyền thanh, cho khu dân cư, tổ khuyến nông còn viết tin, bài cho đài, báo địa phương về những kết quả của tổ khuyến nông cũng như kết quả sản xuất của bà con nông dân, mỗi tháng 2-3 bài; ngoài ra còn vẽ pa-nô, áp phích để tuyên truyền ở những nơi đông người và vị trí nhiều người qua lại, mỗi khu dân cư có 1 pa-nô, áp phích có nội dung phù hợp cho từng thời gian cụ thể để nhắc nhở nhân dân thực hiện. Đồng thời mời đài báo địa phương đến viết bài, đưa tin về thành công của các mô hình trình diễn, kết quả sản xuất của địa phương để khích lệ nhân dân tiếp thu tiến bộ kỹ thuật mới, in tài liệu cho tập huấn được 1.560 bộ.

- Tổ chức huấn luyện cho nông dân: tổ chức tập huấn cho nông dân trên các lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản, trồng trọt... tiến hành phân loại đối tượng theo từng loại để tập huấn có chiều sâu. Mỗi năm tổ chức được 4 lớp; giảng viên kết hợp giữa khuyến nông viên cơ sở với cán bộ khuyến nông huyện (có lớp mời giảng viên là tác giả của loại giống mới trực tiếp huấn luyện); kết hợp giữa học và hành để nông dân dễ học, dễ làm. Mỗi lớp tập huấn có khoảng 70-80 người tham gia:

+ Nội dung tập huấn về trồng trọt đi sâu vào chuyển dịch cơ cấu giống; biện pháp kỹ thuật thâm canh, kỹ thuật sử dụng phân bón, quản lý dịch hại tổng hợp IPM; luân canh, thâm canh để cải tạo đất, đảm bảo sản xuất bền vững; cải tạo vườn tạp, kỹ thuật triết ghép cây, trồng cây trên đất dốc...

+ Trên lĩnh vực thủy sản: phát triển nuôi cá vụ trên đồng trũng 1 vụ lúa, đưa các tiến bộ về giống thay các loại thủy sản truyền thống, năng suất và hiệu quả thấp.

+ Về chăn nuôi, thú y: hướng dẫn xây dựng chuồng trại quy mô nhỏ theo hộ gia đình, chăn nuôi công nghiệp và bán công nghiệp; phòng dịch gia súc, gia cầm; cải tạo đàn bò theo hướng Sind hoá, tham gia dự án phát triển đàn bò sữa...

Công tác tập huấn sát với nhu cầu của người nông dân nên được nông dân phấn khởi tiếp thu và ứng dụng vào sản xuất, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Xây dựng mô hình trình diễn: Từ thành công của những mô hình nhỏ 1-2 mẫu của xã tự làm hoặc mô hình từ 5-7 ha thuộc nguồn kinh phí của tỉnh, của huyện, mỗi năm xã đã triển khai 3 mô hình trên các lĩnh vực: chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản.

+ Trong trồng trọt, xây dựng mô hình gieo trồng các loại giống mới gồm: lúa, ngô, đậu tương, lạc, sắn, sản xuất nấm ăn...

+ Mô hình chăn nuôi: gà thả vườn, ngan Pháp, lợn hướng nạc, bò lai Shin, bò sữa và hướng sữa; mô hình vịt + cá kết hợp; mô hình lúa + cá kết hợp...

Những mô hình nhỏ mang tính thử nghiệm có quy mô 5-10 hộ tham gia. Những mô hình vừa từ 5-10 ha thì vận động từ 50-100 hộ tham gia. Trước khi triển khai mô hình, tổ khuyến nông đi điều tra tình hình, chọn đất, vận động hộ nông dân tham gia rồi xây dựng kế hoạch triển khai theo từng bước. Tất cả các mô hình đều có cán bộ khuyến nông viên trực tiếp chỉ đạo, mô hình nào cũng tiến hành tổng kết; mô hình có kết quả tốt, tổ chức hội nghị đầu bờ mời bà con nông dân nơi khác đến tham quan, học tập để nhân ra diện rộng. Do vậy, các mô hình đều có tính thuyết phục cao và nhanh chóng nhân ra diện rộng trong và ngoài xã.

Trong 5 năm (1999-2004) đã triển khai được tổng số 16 mô hình (trong đó 10 mô hình địa phương tự làm và 6 mô hình do Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Trạm khuyến nông huyện hỗ trợ kinh phí).

2. Đánh giá hoạt động của tổ khuyến nông và cá nhân.

a) *Vai trò của cá nhân và của tổ trong việc thay đổi cơ cấu giống, thời vụ:* Trong tổ có 6 người thì có 4 đảng viên. Thấy quê hương còn nhiều người nghèo đói, và xác định nguyên nhân cơ bản là do nông dân mình chưa mạnh dạn thay đổi tập quán sản xuất, đưa những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất. Sau khi tổ được thành lập, tất cả 6 anh em đều rất tận tụy với công việc. Với những nhận thức, kiến thức sẵn có cộng với lòng nhiệt tình; được các cấp Đảng, chính quyền và các hội, đoàn thể quan tâm; quần chúng nhân dân nhiệt tình ủng hộ nên tổ đã tích cực triển khai các hoạt động từ dễ đến khó, từ nhỏ đến lớn và hoạt động từng bước có hiệu quả, thay đổi được hoàn toàn tập quán sản xuất cũ, trong xã không còn hiện tượng mạnh ai người ấy làm và người dân tự nguyện sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch.

Từ chỗ chỉ quen giống cũ với phương pháp canh tác truyền thống, năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất thấp, đến nay 100% số hộ nông dân đã sử dụng giống mới, phương pháp canh tác mới, thâm canh trong sản xuất nên năng suất cây trồng tăng bình quân 10%/năm, thu nhập bình quân đầu người năm 2003 tăng so với năm 1998 là 1,8 lần; 100% diện tích 2 vụ đã canh tác 3 vụ/năm; đất đồng chiêm trũng ngoài vụ lúa cao sản còn làm thêm được 1 vụ cá với diện tích 41 ha theo phương pháp nông – ngư kết hợp.

b) *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:* Năm 2003 đã đạt mục tiêu an ninh lương thực, do đó từ năm 2004 việc sản xuất lương thực chỉ tập trung vào những vùng canh tác có hiệu

quả cao theo hướng lúa cao sản và lúa chất lượng cao, mang tính hàng hoá; những vùng thấp cấy lúa không hiệu quả khoanh vùng sang nuôi thuỷ sản; vụ đông mở rộng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, chuyển dần đất chuyên màu sang trồng cỏ để phát triển đàn bò sữa và bò thịt. Các loại vật nuôi cũng đã thay đổi theo hướng sản xuất hàng hoá, chăn nuôi gia cầm, lợn theo hướng bán công nghiệp và công nghiệp (tổng giá trị thu nhập ngành chăn nuôi mỗi năm tăng 27%). Trên các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thuỷ sản đã và đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, nông dân đã thích ứng với cơ chế thị trường.

c) Chế độ, thời gian làm việc của tổ khuyến nông:

- Tổ trưởng: bình thường làm việc 6 ngày/1 tuần, trong đó 2 ngày đi kiểm tra đồng ruộng. Vào những lúc cao điểm thời vụ thì làm việc liên tục, không kể ngày lễ, chủ nhật.

- Các tổ viên: phân công trách nhiệm và địa bàn theo dõi cụ thể nên chủ động trong công việc, hàng tuần đến trụ sở báo cáo 2 kỳ vào thứ 3 và thứ sáu.

- Hàng tháng họp tổ 1 lần để kiểm công tác tháng, phân loại khuyến nông viên theo A – B – C, đồng thời đề ra kế hoạch công tác tháng tới.

Ngoài những công việc nói trên, các thành viên trong tổ còn giành thời gian đi thâm nhập tới hộ nông dân để nắm bắt kinh nghiệm, kết quả sản xuất, tâm tư, nguyện vọng và đề xuất của bà con nông dân, qua đó đề xuất với lãnh đạo địa phương hướng xây dựng kế hoạch cho chu kỳ sản xuất sau.

d) Những tồn tại cần khắc phục:

- Chưa tìm được đầu ra ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp nông dân trong xã sản xuất ra để ổn định và mở rộng sản xuất.

- Chưa khuyến cáo được nhiều cho người giàu muốn làm ăn lớn

- Chưa được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ nên còn có hạn chế trong việc giúp nông dân chuyển giao những tiến bộ khoa học mới.

III. Đề xuất và kiến nghị.

1. Đề nghị Nhà nước có chính sách và chính quyền các cấp tạo điều kiện cho tổ khuyến nông có trụ sở làm việc và được trang bị một số trang thiết bị như: tủ sách khoa học kỹ thuật, loa đài, bàn ghế và dụng cụ văn phòng khác.

2. Về kinh phí hoạt động: Nhà nước nên có định mức thống nhất hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông. Quỹ khuyến nông ở những nơi không tự cân đối được từ 50% quỹ đất công ích thì Nhà nước hỗ trợ.

3. Khuyến nông viên cơ sở hiện nay công việc rất vất vả nhưng phụ cấp lại quá thấp không tương xứng với sức lao động, đề nghị Nhà nước nghiên cứu bổ sung chính sách cho đội ngũ khuyến nông viên mức phụ cấp lương từ 300.000-350.000 đồng/người/tháng và được đóng BHXH và đưa vào định biên chuyên môn cấp xã, phường để anh em yên tâm công tác lâu dài. Đề nghị được đi đào tạo miễn phí về chuyên môn để nâng cao trình độ vì hiện còn nhiều khuyến nông viên chưa được đào tạo cơ bản.

Trong 5 năm qua, tôi được giao công tác khuyến nông ở cơ sở, bản thân đã hết sức cố gắng tìm tòi, học hỏi. Tuy có những thành tích, nhưng cũng chỉ góp phần nhỏ bé vào thắng lợi trong phong trào phát triển kinh tế của địa phương. Trước hội nghị này, tôi được báo cáo điển hình nhưng cũng còn nhiều tồn tại, tôi nguyện tiếp tục học hỏi và mong được sự giúp đỡ của các cấp, của đồng nghiệp để mình được hoàn thiện hơn ./.

KINH NGHIỆM CỦA MỘT NÔNG DÂN ĐIỂN HÌNH

ĐỖ VINH THUY

THÔN ĐỒNG CHÀM - XÃ NGHĨA HUNG - LẠNG GIANG - BẮC GIANG

Tên tôi là Đỗ Vinh Thuý, 54 tuổi, là nông dân xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Gia đình tôi có 5 khẩu, với diện tích đất canh tác là 2.500 m².

Được sự giới thiệu của Ban tổ chức, tôi xin phát biểu ý kiến tham luận về kết quả sản xuất của gia đình mình và quá trình tham gia các hoạt động khuyến nông tại địa phương.

Nghĩa Hưng quê tôi là một xã trung du - miền núi, cách tỉnh lỵ Bắc Giang 28 km về phía Bắc. Với điều kiện địa hình phức tạp, chủ yếu là các gò đồi, đất đai cằn cỗi bạc màu, việc dẫn nước tưới tiêu hạn chế nên rất khó khăn trong canh tác sản xuất nông nghiệp. Là xã thuần nông nên đại đa số người nông dân quê tôi chỉ trông chờ vào sản xuất nông nghiệp. Với điều kiện canh tác khó khăn như vậy nên nhìn chung năng suất các loại cây trồng thấp, đời sống kinh tế của gia đình tôi và đa số người dân trong xã gặp rất nhiều khó khăn.

Từ khi hệ thống khuyến nông Nhà nước được thành lập đến nay, xã Nghĩa Hưng quê tôi đã được tham gia nhiều các chương trình khuyến nông. Có được điều đó là do lãnh đạo Đảng uỷ, UBND xã đã rất ủng hộ, cùng với cán bộ khuyến nông đã tích cực chỉ đạo nông dân tham gia xây dựng mô hình trình diễn và tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật; người nông dân quê tôi cần cù chịu khó lao động sản xuất, mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Trước đây, quê tôi thường trồng các giống ngô cũ, năng suất trung bình chỉ đạt 32 - 34 tạ/ha. Vụ đông năm 1995, Trung tâm KNKL tỉnh xây dựng mô hình trình diễn giống ngô lai Bioseed 9681 với quy mô là 2 ha, trong đó có gia đình tôi, năng suất ngô lai đạt trung bình 41 - 43 tạ/ha. Năm 1998, Trạm Khuyến nông huyện lại đưa giống ngô lai CP999 vào trồng thử nghiệm, năng suất cao hơn hẳn giống ngô Bioseed (trung bình 54 - 56 tạ/ha). Đến nay, 100% diện tích ngô trong toàn xã được trồng bằng các giống ngô lai.

Cũng từ năm 1995 - 1996 đến nay, gia đình tôi và các hộ nông dân trong xã đã mạnh dạn tham gia các chương trình khảo nghiệm giống lúa mới. Thông qua các chương trình, các mô hình trình diễn đến nay bà con nông dân trong xã đã chọn được bộ giống lúa có năng suất cao như Khang Dân 18, Q5, ĐV108, Nhị Ưu 838...

Năm 2002, xã Nghĩa Hưng tham gia mô hình khôi phục vùng cam sành Bồ Hạ với quy mô 2 ha, có 43 hộ tham gia. Người dân được Nhà nước hỗ trợ 100% tiền giống cây, hỗ trợ phân bón, thuốc trừ sâu bệnh. Năm 2004 vừa qua, nhiều cây đã ra quả bội, nhìn chung có nhiều triển vọng.

Trong 2 năm, 2002 và 2003 xã Nghĩa Hưng thực hiện mô hình trồng tre Bát Độ với quy mô 4 ha, trồng 2.248 gốc với 100 hộ tham gia, gia đình tôi trồng 1 sào bắc bộ với 24 gốc. Qua tham gia mô hình này tôi thấy, trồng măng tre Bát Độ không đòi hỏi kỹ thuật cao, cây dễ trồng, dễ sống, sinh trưởng phát triển tốt, sau trồng 2 năm đã cho thu hoạch. Tính ra, mỗi năm 1 sào bắc bộ thu được 1,8 tấn măng, với giá bán 3.000 đồng/kg, bình quân thu được 5,4 triệu đồng. Ngoài ra, mỗi sào bắc bộ thu được 500 hom với giá bán 5.000 đồng/hom mỗi năm cũng có thu nhập khoảng 2,5 triệu đồng. Tổng thu nhập 1 sào bắc bộ là 8 - 8,5 triệu đồng (tương đương 220 triệu đồng/ha).

Năm 2004, chúng tôi tham gia chương trình sản xuất nấm ăn, toàn xã có 11 hộ tham gia, với quy mô 32 tấn nguyên liệu. Riêng gia đình tôi tham gia sản xuất nấm sò với quy mô 10 tấn nguyên liệu, năng suất trung bình 650 kg/tấn nguyên liệu, với giá bán trung bình 5.000 đồng/kg, trừ chi phí còn lãi khoảng 13 - 15 triệu đồng. Từ mô hình này, đến nay toàn xã đã có 18 hộ tham gia, mỗi năm sản xuất trên 100 tấn nguyên liệu.

Tiếp tục tham gia các chương trình khuyến nông, vụ xuân năm 2005 này, chúng tôi đã tham gia gieo cấy thử nghiệm các giống lúa mới như Sygenta 06, Nghi Hương 2308, Trung ưu 18, VD7, TH3-3; kết quả cho thấy các giống lúa này rất có triển vọng trên đồng ruộng quê hương tôi, năng suất trung bình 60 - 63 tạ/ha.

Ngoài các mô hình trên, nông dân xã Nghĩa Hưng còn tham gia các chương trình như trồng lạc L14 đạt năng suất trung bình 23 tạ/ha; đậu tương DT99 đạt 19,5 tạ/ha; khoai tây VT2 lòng vàng của Trung Quốc đạt năng suất 19,5 tấn/ha... các mô hình này đang được mở ra diện rộng.

Trong quá trình tham gia các mô hình do Trạm Khuyến nông huyện và Trung tâm KNKL tỉnh triển khai, gia đình tôi và bà con nông dân trong xã đều được cán bộ khuyến nông tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật tận tình; được đi tham quan các mô hình điểm ở trong và ngoài tỉnh như tham quan vùng măng tre ở Sơn Động - Bắc Giang, nấm ăn ở Việt Yên - Bắc Giang, vùng cam Bắc Quang - Hà Giang, vùng cam Đường canh ở Hưng Yên... Cán bộ khuyến nông huyện và cơ sở thường xuyên bám sát đồng ruộng, theo dõi các mô hình triển khai và có chỉ đạo hướng dẫn kịp thời các phát sinh. Kết thúc mô hình lại có các cuộc hội thảo đầu bờ để tuyên truyền nhân ra diện rộng. Nhờ vậy, các giống mới, tiến bộ kỹ thuật nhanh chóng lan toả ra toàn xã. Bên cạnh việc tham gia các mô hình khuyến nông, bản thân tôi còn tích cực vận động các hộ khác làm theo, đồng thời cùng với cán bộ khuyến nông theo dõi, kiểm tra các mô hình trình diễn để có

đánh giá khách quan, chính xác nhất và từ lâu, tôi đã trở thành một cộng tác viên khuyến nông tích cực ở cơ sở. Nhờ vậy, hầu hết các mô hình trình diễn đều thành công, bà con nông dân trong xã đều tin tưởng khi tham gia các mô hình trình diễn của khuyến nông.

Từ khi tham gia các mô hình và các hoạt động khuyến nông, bản thân tôi đã tiếp thu và tích lũy được rất nhiều kiến thức khoa học kỹ thuật, tiếp cận được thông tin kinh tế thị trường... Những kiến thức ấy tôi đã áp dụng vào sản xuất của gia đình mình và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Gia đình tôi luôn là hộ mạnh dạn đi tiên phong trong việc áp dụng các giống cây trồng vật nuôi mới vào sản xuất. Nhờ vậy, sản xuất luôn có hiệu quả, kinh tế gia đình ngày càng khấm khá. Riêng năm 2004 vừa qua, gia đình tôi đã thu được 20 triệu đồng từ sản xuất năm. Thu từ sản xuất các cây trồng khác và chăn nuôi được 14 triệu đồng.

Thông qua thu nhập từ sản xuất nông nghiệp tôi đã nuôi được 3 cháu ăn học, trong đó có 1 cháu học đại học và 2 cao đẳng. Hiện nay các cháu đã đi làm ở cơ quan Nhà nước. Tôi đã xây dựng được ngôi nhà 2 tầng khang trang với khá nhiều tiện nghi sinh hoạt như tivi, xe máy, tủ lạnh và nhiều thiết bị sinh hoạt đắt tiền khác. Không những gia đình tôi, mà nhìn chung các hộ nông dân khác trong xã cũng vậy, nhờ áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống mới, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nên thu nhập cao hơn, đời sống ngày càng khấm khá hơn.

Thông qua hội nghị này tôi cũng xin có một số kiến nghị sau:

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất phục vụ hàng hoá. Ngoài ra, khuyến nông cần cung cấp các thông tin về thị trường, các kiến thức quản lý kinh tế trang trại...

- Cho vay vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi để thực hiện các chương trình khuyến nông, nhất là các mô hình sản xuất hàng hoá.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như thủy lợi, giao thông nông thôn, điện...

Cuối cùng, xin kính chúc các vị khách quý và các vị đại biểu dự Hội nghị sức khoẻ và thành đạt.

BÁO CÁO

ĐIỂN HÌNH CỦA MỘT NÔNG DÂN SẢN XUẤT GIỎI TỈNH THANH HOÁ

TRẦN ĐĂNG THÔNG

THÔN THÀNH YÊN, XÃ QUẢNG THÀNH, THÀNH PHỐ THANH HOÁ.

Cũng như bao vùng quê khác, gia đình tôi quanh năm bươn chải ngược xuôi, trăn trở suy nghĩ, tìm tòi, học hỏi để có một nguồn thu nhập ổn định, đảm bảo cuộc sống. Tôi cũng đã từng tổ chức trồng cây cải tạo vườn tạp, chăn nuôi lợn gà, hàng năm gia đình phải bỏ ra nguồn vốn không nhỏ nhưng vẫn sôi hồng bỏng không, chẳng những không làm giàu được mà cuộc sống của gia đình càng ngày càng gặp khó khăn hơn.

Đầu năm 2001, tôi đến thăm một người bạn đồng ngũ quê ở Yên Định (Thanh Hoá), gia đình anh nuôi 10 lợn nái ngoại hướng nạc sinh sản để bán lợn choai cho các trang trại chăn nuôi tập trung để xuất khẩu. Nhờ có đàn lợn mà cuộc sống gia đình anh khá khá hẳn lên. Anh còn nói để làm được thì nguồn vốn tương đối lớn và một điều quan trọng nữa là phải có khuyến nông hướng dẫn giúp đỡ, tạo điều kiện.

Tôi trở về nhà và bàn bạc với gia đình tổ chức chăn nuôi lợn nái ngoại. Lúc đầu gia đình tôi cùng với 8 hộ khác mỗi hộ nuôi 10 lợn nái hậu bị. Nhờ có tổ chức khuyến nông của tỉnh, thành phố trực tiếp hướng dẫn cách tổ chức thực hiện và quy trình chăn nuôi, bố trí chuồng trại tại gia đình, tuyển chọn nái hậu bị để đưa vào sản xuất thông qua các lớp tập huấn và trực tiếp các cán bộ khuyến nông, khuyến nông viên hướng dẫn.

Khi triển khai thực hiện các bước chăn nuôi 10 lợn nái ngoại, vốn đầu tư khoảng 50 triệu đồng đối với một hộ nông dân là quá lớn, nguồn vốn của gia đình chỉ có 50%. Nhưng với lòng đam mê và quyết tâm cao của bản thân, gia đình và tin tưởng vào kỹ thuật, hướng dẫn chỉ đạo của tổ chức khuyến nông, gia đình tôi đã nhờ anh em, bà con, bạn bè, người thân giúp đỡ để thực hiện cho bằng được quyết tâm của mình.

Tháng 8 năm 2001, khu chuồng trại của gia đình được xây dựng với diện tích 70m², có hầm Biogas, chuồng nái phối giống chữa, ô nái đẻ và ô chuồng nuôi con đúng với hướng dẫn thiết kế của khuyến nông viên. Sau 4 tháng thực hiện quy trình sản xuất, có 2 hộ không thực hiện đúng quy trình hướng dẫn kỹ thuật của khuyến nông đã thất bại.

Riêng gia đình tôi do thực hiện nghiêm ngặt các quy trình chăn nuôi sau hơn 1 năm thì 10 nái hậu bị ban đầu đã có chửa và đẻ được 7 con. Đến cuối năm 2002 qua theo dõi gia đình đã thu hoạch 3 lứa được 210 con lợn choai, xuất bán được 84,5 triệu đồng. Trừ chi phí sản xuất, khấu hao chuồng trại tôi đã thu lãi được 21,65 triệu đồng. Sau hơn 16 tháng thực hiện, nếu như từ lợn choai tiếp tục chăn nuôi lợn thịt xuất chuồng hoặc xuất bán thì số lãi thu vào sẽ cao hơn, chỉ sau 3 năm ổn định có thể thu hồi được nguồn vốn ban đầu bỏ ra.

Từ những kết quả và kinh nghiệm ban đầu được rút ra, bản thân và gia đình muốn được tiếp tục mở rộng diện tích mặt bằng sản xuất với công nghệ và trình độ sản xuất cao hơn, cuối năm 2002 tôi lại tiếp tục tự mình đi tìm mô hình mới, nhờ khuyến nông giới thiệu mà tôi đã biết được các đơn vị ngoài tỉnh có phong trào nuôi lợn ngoại như: Hải Phòng, Hải Dương, Ninh Bình, Hà Tây, Khu công nghiệp Hoà Lạc của Công ty CP Thái Lan, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh và tôi đã đến cả những nơi đã từng làm ăn thất bại từ con lợn ngoại, nhằm học hỏi kinh nghiệm và tự chọn cho mình một mô hình thích hợp nhất.

Trở về nhà, tôi đề cập ngay việc xây dựng trang trại với quy mô tập trung để tạo sản phẩm hàng hoá lớn có chất lượng tại địa phương. Được các khuyến nông viên giúp đỡ, tư vấn, tôi cùng 5 hộ gia đình khác xây dựng một dự án trang trại chăn nuôi lợn nái ngoại trên diện tích 12.500 m² với quy mô 240 nái, mỗi trại là 40 nái, trong đó có 100 nái ngoại phẩm cấp ông bà, còn lại là giống bố mẹ. Tổng vốn đầu tư là 4,8 tỉ đồng, bình quân mỗi hộ xây dựng chuồng trại nhà quản lý là 564 m², trang thiết bị công nghệ mua của Công ty CP Thái Lan, nguồn vốn đầu tư của mỗi hộ gia đình là 770 triệu đồng.

Lúc đầu không ít người địa phương đặt nhiều câu hỏi: chăn nuôi lợn nái thì bán cho ai? lấy nguồn vốn ở đâu để xây dựng trang trại, chăn nuôi với quy mô lớn? lấy gì cho lợn ăn? và như vậy chỉ làm giàu cho một số hộ?!... Đầu tranh, giằng co quyết liệt về quan điểm giữa một bên là tập chung chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi để làm giàu và một bên là để nguyên trạng kiểu sản xuất như hiện nay. Cuối cùng, với sức thuyết phục của dự án, từ những kết quả thực tế chăn nuôi lợn ngoại ngay tại địa bàn và được UBND TP. Thanh Hoá phê duyệt dự án, chính quyền địa phương ký hợp đồng cho thuê đất 25 năm, dự án chính thức đi vào thực hiện.

Đầu năm 2003, gia đình tôi khởi công xây dựng, sau 4 tháng vừa làm thủ tục vay vốn Ngân hàng, vừa xây dựng khẩn trương, vừa đưa lợn giống ông bà từ Trại lợn Ninh Bình về và đưa vào sản xuất. Đến tháng 6 năm 2004, vừa tròn 14 tháng gia đình tôi vừa xuất lợn giống vừa bán lợn thịt xuất chuồng được 790 con, giá trị thu về là 592,5 triệu đồng, trừ chi phí sản xuất và lãi ngân hàng, gia đình tôi đã thu lãi được 108 triệu đồng. Nếu như hiện nay tuyển chọn lợn giống để bán hậu bị thì lãi xuất còn cao hơn nữa, chỉ sau 5 năm có thể thu hồi toàn bộ số vốn ban đầu.

Từ thực tế kết quả của việc chăn nuôi lợn ngoại của cụm trang trại 6 hộ, trong đó có hộ gia đình tôi đã có tác động mạnh mẽ đến phong trào chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi của địa phương.

Năm 2003, nông dân xã Quảng Thành đã xây dựng 78 trang trại có quy mô tập trung, trong đó có 21 trại chăn nuôi lợn ngoại, 23 trại chăn nuôi bò và 34 trang trại nuôi trồng thủy sản, hoa, cây cảnh và rau an toàn - hình thành một vùng có sản lượng hàng hoá lớn, có chất lượng cao ở phía đông TP. Thanh Hoá, góp phần thu hẹp khoảng cách thu nhập của người nông dân ngoại thành với người nội thành.

Rõ ràng vai trò của tổ chức khuyến nông, các nhà khoa học, các nhà quản lý đối với nông dân là vô cùng quan trọng. Tôi nghĩ rằng nếu muốn công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trở thành hiện thực thì tổ chức khuyến nông phải lớn mạnh hơn nữa để đáp ứng nhu cầu chuyển tải, hướng dẫn khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông - lâm nghiệp cho bà con nông dân

Nhà nước tiếp tục có những chính sách, cơ chế phù hợp và kịp thời khuyến khích các hộ nông dân trong cả nước chủ động đầu tư phát triển kinh tế theo mô hình trang trại, tạo điều kiện để nông dân cả nước làm giàu chính đáng./.

BÁO CÁO

CỦA MỘT KHUYẾN NÔNG VIÊN SẢN XUẤT GIỎI

TỈNH GIA LAI

KNV -KSOR HUYỀN

ĂNG LỄ, XÃ ĐẮK SƠMÊI, HUYỆN ĐẮK ĐOÀ, GIA LAI

Tôi là **Ksor Huyền**, sinh năm 1965 tại làng Ăng Lễ, xã Đăk Sômêi, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai. Tôi là người dân tộc Bah Nar, hiện nay tôi đã có vợ và sinh được 5 con. Con nhỏ nhất của tôi hiện nay được 5 tuổi, con lớn nhất hiện nay được 17 tuổi đang học lớp 11 tại trường Nguyễn Huệ, thị trấn Đăk Đoa. Trình độ văn hóa 6/12, nghề nghiệp chính hiện nay làm nông. Các loại cây trồng chính của gia đình tôi là cà phê và lúa nương về chăn nuôi chủ yếu là bò và heo.

Trước khi đi học khuyến nông, tham gia công tác khuyến nông viên xã, gia đình tôi làm được 2 ha lúa rẫy, 3 ha cà phê nhưng do tôi chưa có trình độ chăm sóc cho nên lúa cạn tôi dùng giống địa phương, thời gian sinh trưởng dài, từ khi gieo đến thu hoạch 5 tháng. Nên thường bị mất mùa do hạn hán hoặc các loại chim, chuột, sóc phá hoại, năng suất thu được rất thấp chỉ đạt (0,5 tấn - 1 tấn/ha). Cây cà phê trồng được 3ha, trồng theo phương pháp đại trà không bón phân, cắt cành, tưới tiêu chưa hợp lý, không biết cách phòng trừ sâu bệnh, do vậy cây cà phê của tôi thường bị chết, tôi phải đào gốc trồng lại. Năng suất thu được chỉ đạt 1 tấn tươi/ha. Thêm vào đó con buôn mua thường ép giá, nên trừ chi phí đầu tư làm cỏ, tưới nước. Không còn lãi suất hoặc lãi suất rất ít, nên gia đình tôi không đủ chi phí trang trải cho các con ăn học và để tái đầu tư cho vụ sau. Về chăn nuôi, gia đình tôi nuôi được 14 con bò trong đó bò cái sinh sản 6 con, bò đực 4 con, bê nghé 4 con. Chăn nuôi theo phương pháp thả rông, không nhốt chuồng. Vì vậy tôi không kiểm tra được dịch bệnh, ban đêm bò ngủ ngoài trời, nên mùa mưa bò không có nơi ẩn núp. Đặc biệt mùa mưa bò bị rét nên bê nghé thường bị chết. Gia đình tôi cũng có nuôi được 2 con heo nái và 6 con heo lứa do không biết làm chuồng nhốt nên thả rông, thức ăn chủ yếu là các loại chúng kiếm được trong vườn, cho nên heo con thường bị chết, còn heo lứa thì chậm lớn, nuôi 12 tháng trọng lượng chỉ đạt từ 40 - 50 kg.

Năm 2002 tôi được Trạm Khuyến nông huyện Đăk Đoa cho đi tập huấn 2 tháng tại Trung tâm Khuyến nông tỉnh Gia Lai; Trong thời gian này tôi đã học được nhiều

kiến thức bổ ích, có lợi cho chăn nuôi và trồng trọt. Sau khi tập huấn xong, tôi được Trạm Khuyến nông ký hợp đồng cho tôi làm khuyến nông viên xã. Trong quá trình làm khuyến nông viên xã, tôi được tham dự các đợt tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi do Trạm Khuyến nông huyện cũng như Trung tâm Khuyến nông tỉnh tổ chức. Qua các đợt tập huấn tôi tích lũy được một số kinh nghiệm kỹ thuật, lúc đầu tôi về áp dụng làm cho gia đình tôi, cụ thể: trong 2 ha rẫy tôi chỉ làm 1 ha lúa lúa rẫy nhưng tôi gieo giống LC93-1 lúa năng suất cao thời gian sinh trưởng chỉ có 115 ngày, tôi chăm sóc làm cỏ bón phân theo qui trình kỹ thuật đã được tập huấn. Ngay vụ đầu tiên tôi thu hoạch được 2,5 tấn/ha. Còn lại 1 ha tôi chuyển qua trồng ngô lai năng suất thu được 5,5 tấn/ha. Cây cà phê tôi không làm đại trà nữa, mà tôi chọn ra 2 ha trong 3 ha đã trồng để chăm sóc phục hồi cắt cành, bón phân, tưới nước, phòng trừ sâu bệnh theo như cán bộ khuyến nông huyện nông huyện hướng dẫn; Cho đến nay 2 ha cà phê của tôi sinh trưởng phát triển tốt. Năng suất thu được 7 tấn/ha. Còn lại 1 ha tôi chuyển qua trồng cây ăn quả (xoài ghép, nhãn ghép). Hiện nay cây bắt đầu ra lứa trái đầu tiên. Về chăn nuôi, hiện nay tôi không nuôi heo mà tôi tập trung vào cải tạo đàn bò, tôi bán tất cả bò đực giống địa phương và bò cái già nhỏ không đủ tiêu chuẩn để giống, tôi chọn mua những con bò cái tơ trọng lượng lớn để làm giống, đồng thời tôi mua 1 con bò đực giống lai để nhảy giống. Hiện nay tổng đàn bò của tôi là 14 con, trong đó 8 con bò cái sinh sản đạt tiêu chuẩn, 1 con bò đực giống lai và 5 con bê lai sinh năm 2004.

Tóm lại: Từ ngày được tham dự các đợt tập huấn kỹ thuật do khuyến nông tổ chức tôi về áp dụng cho gia đình đem lại hiệu quả, gia đình tôi đã vượt qua được khó khăn, đủ tiền nuôi con ăn học và sắm được 1 số dụng cụ trong gia đình như: ti vi, xe máy..., tạo được uy tín cho bà con nông dân trong xã.

Do bản thân tôi áp dụng các qui trình kỹ thuật đã được tập huấn vào sản xuất cho gia đình tôi có hiệu quả, nên một số người xung quanh đã học làm theo, và được tôi hướng dẫn tận tình nên hầu hết các hộ trong làng tôi đều học được cách làm ăn như: chăn nuôi đã biết cách làm chuồng nhốt không còn thả rông, trồng trọt bà con đã biết cách chăm sóc, làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu bệnh hại, dùng giống năng suất cao phù hợp với điều kiện canh tác địa phương như: trong vụ mùa năm 2004 tôi đã hướng dẫn trên 100 hộ nông dân trên toàn xã trồng đậu phụng L14 và cây ngô lai, do làm qui trình kỹ thuật nên năng suất thu hoạch tương đối cao; lạc năng suất bình quân đạt 2,5 tấn/ha, ngô lai năng suất bình quân đạt 5 tấn/ha. Ngoài ra tôi còn giúp bà con tiêu thụ sản phẩm, tôi đã mua sản phẩm cho bà nông dân theo giá cả thị trường, nên lợi nhuận cao bà con rất phấn khởi mở rộng diện tích gieo trồng. Vụ đông xuân 2004 - 2005 Trạm Khuyến nông phân công tôi giúp đỡ làng Book Rẫy, xã Đăk Soméi. Đây là làng đặc biệt khó khăn của xã 100% dân tộc Bah Nar, là khu căn cứ cách mạng; Bà con ở đây chưa biết sản xuất vụ Đông-Xuân, các cây lương thực ngắn ngày chủ yếu trồng tập trung vào

vụ mùa. Do vậy vụ đông xuân 2004 -2005 được sự phân công của Trạm Khuyến nông huyện, tôi đã xuống làng Book Rẫy hướng dẫn bà con làm được 10ha lúa nước cho 42 hộ. Năng suất bình quân 4,5 tấn/ha, hướng dẫn bà con tự ương được 15.000 bầu bởi lời dỗ cho 11 hộ hiện nay đã đủ tiêu chuẩn để bà con trồng vào mùa mưa này. Đặc biệt mô hình cây ngô lai trồng trên chân ruộng lúa nước bị hạn, không gieo sạ được lúa nước, đây là mô hình được huyện quan tâm để chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vùng bị hạn không gieo sạ được lúa nước, chuyển qua các cây trồng cạn, qui mô 6,5 ha với 14 hộ năng suất bình quân 5,5 tấn/ ha. Đây là mô hình được UBND Huyện đánh giá cao; Tôi được UBND huyện tặng giấy khen trong công tác hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong vụ Đông-Xuân 2004-2005. Về chăn nuôi, ngoài việc hướng dẫn bà con làm chuồng nhốt, để dễ quản lý, kiểm tra được các loại dịch bệnh, gia súc tránh được nắng mưa, tôi còn tham gia cùng Trạm Thú y huyện tiêm phòng định kỳ và hướng dẫn bà con cách trị bệnh cho gia súc.

Trên đây là những kết quả tôi làm được trong những năm vừa rồi; Qua Hội nghị này tôi mong muốn học hỏi nhiều kinh nghiệm hơn nữa để về nhà tôi giúp bà con nông dân được nhiều hơn nữa.

NGƯỜI NÔNG DÂN ĐIỂN HÌNH CỦA BẾN TRE THAM GIA HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

NGUYỄN VĂN HOÁ

BÌNH TÂY, XÃ VINH THÀNH, HUYỆN CHỢ LÁCH, BẾN TRE.

Mọi người thường gọi tôi là “Chín Hoá”- sinh ra và lớn lên ở “Cái Mơn” “Quê hương - cây xanh trái ngọt” với nghề truyền thống là làm vườn, sản xuất giống cây ăn quả và hoa kiểng.

Khởi đầu sự nghiệp từ năm 1987 với 2.900 m² đất vườn tạp cuộc sống đầy khó khăn vất vả, nhưng tôi vẫn âm thầm theo đuổi ước mơ của mình bằng 17 năm miệt mài lao động. Được sự giúp đỡ về kỹ thuật và tổ chức quản lý sản xuất của : các nhà khoa học, các cán bộ khuyến nông... nên ước mơ của tôi đã biến thành hiện thực, đó là : sự thành đạt về kinh tế (thu nhập 500 triệu đồng/năm); trình độ và kỹ năng làm vườn, làm cây giống; tiếng tăm “Chín Hoá” có được như ngày hôm nay... Tôi xin nêu lên để tưởng nhớ, ghi ơn ngành khuyến nông và báo cáo trước hội nghị này :

Huyền thoại về một giống sầu riêng – Được công nhận giống Quốc gia:

Giống này được tôi chọn lọc từ vườn nhà trồng từ năm 1977, có đặc tính: dễ đậu và sai trái, cơm dày màu vàng, hạt lép... Nhờ thường xuyên ứng dụng các cải tiến kỹ thuật do khuyến nông chuyển giao, giúp vườn sầu riêng luôn sinh trưởng tốt; trái năm sau nhiều hơn, ngon hơn năm trước; chất lượng ngày càng ổn định (160 cây cho trái thu được 16 tấn). Tôi sản xuất và đã bán cây giống trồng ở nhiều nơi đều cho kết quả rất tốt; chất lượng cũng giống như các cây đầu dòng tại vườn nhà tôi, được thị trường chấp nhận (giá bán trung bình từ 15.000 – 30.000 đ/kg trái). Được Sở Khoa học, Trung tâm Khuyến nông Bến Tre... hỗ trợ tôi đã thực hiện được một số mặt nổi bật như :

- Đăng ký bảo hộ thương hiệu “Sầu riêng CHÍN HOÁ” được Cục Sở hữu Công nghiệp cấp năm 2003 - là người đầu tiên của Tỉnh đăng ký cho loại sản phẩm cây ăn trái.

- Nhiều lần tham gia dự thi “Giống tốt và trái ngon” do Cục Khuyến nông - Khuyến lâm, Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam, Hội làm vườn... tổ chức đạt kết quả đáng phấn khởi như :

- + Giải A về giống tốt ngày 17/6/1996.

+ Giải I, II về trái ngon qua các năm từ 1999 đến 2004.

- Với số lượng cây giống đã bán và sự hướng dẫn kỹ thuật canh tác của tôi. Qua nhiều năm khảo sát, theo dõi (ở các tỉnh : Bến Tre, Vĩnh Long, Tiền Giang, Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đắk Lắk, Lâm Đồng) với diện tích trên 700 ha. Viện Nghiên cứu CĂQ miền Nam thiết lập báo cáo khoa học và đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận tại Hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học tháng 3/2004 công nhận giống Quốc gia với tên gọi “ Giống sầu riêng cơm vàng sữa hạt lép (sầu riêng CHÍNH HOÁ)”.

- Trên lĩnh vực sản xuất giống, ngoài kinh nghiệm bản thân, tôi luôn luôn vừa tuân thủ vừa sáng tạo thêm để qui trình sản xuất giống của ngành nông nghiệp (được Trung tâm Khuyến nông Bến Tre chuyển giao) đối với cây sầu riêng ngày càng phù hợp và hiệu quả hơn. Kết quả 3 năm liên tục (2002, 2003, 2004) được Cục Khuyến nông – Khuyến lâm, Viện Nghiên cứu CĂQ miền Nam cấp đạt chứng nhận “Địa chỉ xanh” và “Cây giống sầu riêng chất lượng”. Từ đó đã tạo thêm uy tín cho mình, góp phần thành công trên lĩnh vực sản xuất - kinh doanh giống cây sầu riêng và một số cây ăn quả khác.

* Ngoài việc sản xuất bán giống tốt cho người trồng vườn (30.000 cây/năm), thông qua các lớp tập huấn, hội thảo do khuyến nông tổ chức hoặc tại nhà tôi đã tham gia hướng dẫn phổ biến các kết quả mình đạt được trong sản xuất cho nhiều bà con nông dân (hàng năm từ 150 – 200 người) học tập kinh nghiệm và góp phần giúp người nông dân làm giàu trên miếng vườn của mình (có người thu từ 300 đến 1 tỷ đồng/năm).

* Từ thành công trong sản xuất nông nghiệp tôi đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT tôn vinh là “Nông dân sáng tạo” và giải thưởng “Bông lúa vàng” năm 2002 với thành tích đóng góp cho ngành nông nghiệp trên lĩnh vực giống cây ăn quả.

Tóm lại muốn thành công trong sản xuất nông nghiệp ngoài các điều kiện như : vốn, vật tư, giống... điều không thể thiếu được là phải cần cù lao động cùng với việc tìm tòi học hỏi, nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm vào sản xuất...; chỉ có thông qua việc tham gia hoạt động khuyến nông – tôi cũng như các bà con nông dân khác mới có thêm điều kiện về kiến thức và kỹ năng để ứng dụng vào sản xuất, vươn lên thoát nghèo và làm giàu cho mình, cho quê hương.

HỘ NÔNG DÂN ĐIỂN HÌNH THAM GIA HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

HOÀNG ĐÌNH CÚC

VĂN YÊN - YÊN BÁI

Tên tôi là Hoàng Đình Cúc sinh năm 1961, dân tộc Tày ở thôn Đại Phác, xã Đại Phác, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, gia đình tôi hiện có 4 khẩu với 2 lao động chính. Từ khi rời quân ngũ trở về địa phương rồi lập gia đình, bước đầu kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn. Với tổng diện tích đất đang canh tác gồm: 1.824 m² ruộng 2 vụ; 720 m² đất màu 3 vụ; 2 ha đất rừng. Với quỹ đất trên gia đình tôi hàng năm canh tác theo phương thức sản xuất cũ, khó khăn và vất vả kết quả đem lại không như mong muốn. Sản xuất vẫn dựa vào truyền thống cũ của cha ông để lại, do vậy năng suất lúa cao nhất chỉ đạt 180 – 200 kg/sào/vụ. Cuộc sống rất khó khăn mong muốn của gia đình tôi làm sao con cái được học hành đầy đủ và có cuộc sống ổn định. Để giải quyết vấn đề trên nghĩ thì đơn giản song để thực hiện được thì trải qua một quá trình tìm giải pháp thực hiện, làm sao sản xuất có được mùa vụ cho năng suất cao, chăn nuôi không bị thất bại.

Qua tham khảo trên sách báo, đồng thời nghe trên các phương tiện thông tin đại chúng, tôi thiết nghĩ chỉ có thể áp dụng các tiến bộ vào sản xuất thì mới có kết quả như mong muốn. Năm 1999 thôn bản tôi được sự tư vấn giúp đỡ của trạm khuyến nông huyện và sự chỉ đạo của huyện uỷ, UBND huyện Văn Yên mà tham gia trực tiếp là trạm khuyến nông huyện tư vấn về cách thức làm ăn, cách thức tham gia vào CLBKN, và đưa ra những kết quả đã đạt được của một số CLB đã được thành lập từ trước. Một số hộ trong thôn đã thống nhất hợp rồi đưa ra quyết định xin thành lập CLBKN, sau đó CLB đã được UBND xã phê duyệt quyết định và ra mắt ngày 25/12/1999, đồng thời gia đình tôi xin được tham gia là hội viên của CLB, từ đó chúng tôi được tiếp thu dần những tiến bộ KHKT mới vào sản xuất do cán bộ trạm khuyến nông huyện hướng dẫn cụ thể như:

Quy trình thâm canh lúa cho năng suất cao

Quy trình kỹ thuật trồng ngô vụ đông trên đất lúa 2 vụ

Quy trình ứng dụng mạ khay

Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây đậu tương

Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây con trong vườn ươm

Kỹ thuật chăn nuôi gà thả vườn

Kỹ thuật phòng trừ một số bệnh trên đàn gia súc, gia cầm...

Sau khi được tập huấn gia đình tôi đã tiếp thu TBKHKT mới vào chăn nuôi và thâm canh cây trồng (lúa – Ngô) thì thấy năng suất, chất lượng sản phẩm được tăng lên rõ rệt như: trồng lúa trước đây gia đình tôi cấy giống lúa cổ truyền của địa phương năng suất chỉ đạt 180 – 200 kg/sào/vụ, thì nay gia đình tôi thay vào trồng giống lúa có năng suất cao, chất lượng tốt thời gian sinh trưởng ngắn như: lúa lai và các giống lúa thuần tiến bộ - năng suất đạt 250-270 kg/sào/vụ, trồng ngô đồng trên đất 2 vụ lúa. Trước đây khi chưa được tập huấn kỹ thuật gia đình tôi cùng bà con trong thôn chie sản xuất 2 vụ lúa, sau đó bỏ hoang thì đến nay nhờ có cán bộ kỹ thuật hướng dẫn bà con chúng tôi trồng được ngô trên đất 2 vụ lúa, năng suất đạt 150 – 170 kg/sào/vụ đồng, ngô phát triển tốt tạo niềm tin cho các hộ trồng ngô và từng bước thực hiện phương thức sản từ 2 vụ lên 3 vụ. Khi các sản phẩm thu được dồi dư, gia đình tôi đã đầu tư vào chăn nuôi. Trước đây gia đình tôi chỉ giám nuôi 1-2 con lợn thịt và hơn chục con gà to nhỏ, thì đến nay gia đình tôi đã tăng lên mỗi lứa 7-8 con lợn thịt, một con lợn nái và hàng trăm con gà. Được sự hướng dẫn thương xuyên của cán bộ trạm nên đàn gia súc, gia cầm của gia đình tôi được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh, từ đó gia đình tôi không gặp rủi ro trong chăn nuôi, cuộc sống bước đầu đi vào ổn định, con cái được đi học đầy đủ. Đạt được những thành quả như vậy, song gia đình tôi luôn nghĩ rằng mình cần phải tiếp tục học thêm nhiều những tiến bộ KHKT mới áp dụng vào sản xuất trên mọi lĩnh vực nông nghiệp.

Về trồng rừng gia đình tôi được giao 2 ha đất trống để trồng canh tác, ban đầu khi chưa được hướng dẫn kỹ thuật, gia đình tôi chỉ trồng các loại cây bản địa, sản phẩm thu được không đáng kể, sau khi được tư vấn, thảo luận trong CLB, gia đình tôi đã đưa cây quế vào trồng, là cây đặc sản có giá trị kinh tế cao, song là cây rất khó trồng. Trước đây do chưa có kỹ thuật gia đình tôi trồng theo lối quảng canh, tỷ lệ sống của cây thấp, sản phẩm khai thác không đem lại hiệu quả. Từ khi được hướng dẫn kỹ thuật gia đình tôi áp dụng trồng như: chọn hạt giống, giống phải được gieo trong bầu, cây trồng đúng thời vụ, trồng đúng kỹ thuật do vậy tỷ lệ sống của cây rất cao. Hiện nay 2 ha vườn rừng của gia đình đã khép tán chuẩn bị cho khai thác, trả thừa bán sản phẩm từ vườn rừng.

Với những thành quả đã đạt được, tôi thấy rằng tham gia hoạt động trong CLB rất bổ ích, vì đã trang bị cho chúng tôi rất nhiều kiến thức trên mọi lĩnh vực trong đời sống biết vận dụng những TBKHKT mới vào sản xuất tăng thu nhập ổn định cuộc sống. Do đó năm 2004 gia đình tôi thu nhập từ sản xuất lúa, ngô, chăn nuôi và trồng rừng mỗi năm thu về trên 30.000 đồng sau khi trừ chi phí.

Từ khi được tham gia vào CLB bản thân tôi luôn tham gia tích cực trong công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức và kinh nghiệm đa biết cho bà con trong thôn, trong

xã làm theo như: thay đổi giống cây trồng vật nuôi có năng suất cao, chuyển đổi mùa vụ cây trồng trên đất ruộng, đất bãi từ 2 vụ lên 3 vụ...từ đó gia đình tôi được bà con trong thôn cũng như trong xã tin tưởng và làm theo, đến nay 18 hộ trong thôn không còn nghèo, 55 hộ chấm dứt tình trạng đói nhờ biết trồng ngô đông trên 2 vụ lúa và biết luân canh 3 vụ trên đất bãi với công thức đậu tương xuân-ngô hè thu và lạc thu đông, do đó thu nhập từ sản xuất ngày càng tăng, đủ điều kiện để phát triển sản xuất và cho con cái học hành, sắm được nhiều tiện nghi có giá trị trong gia đình.

- Tham gia vào CLBKN của thôn, chúng tôi đã tiếp nhận được với những tiến bộ KHKT mới để áp dụng vào thực tiễn sản xuất nhằm nâng cao thu nhập của gia đình góp phần xoá đói giảm nghèo của địa phương.

- Các thành viên trong CLB hằng say thi đua sản xuất, trao đổi kinh nghiệm cho nhau và tích cực tuyên truyền vận động tới các hộ gia đình khác tham gia vào hoạt động khuyến nông để cải thiện kinh tế gia đình

- Các hội viên được tiếp cận thêm các tiến bộ kỹ thuật mới qua sách báo, có cơ hội được tham quan học tập các mô hình sản xuất giỏi để mở rộng tầm nhìn.

- Chúng tôi được tham gia vào các phong trào văn nghệ, thể thao rất sôi nổi, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong cộng đồng thôn bản.

- Chúng tôi còn nhận được nhiều sự hỗ trợ khi tham gia thực hiện các mô hình sản xuất phục vụ cho việc tham quan học tập sau đó được nhân rộng nếu mô hình đạt hiệu quả tốt.

Nhưng để công tác khuyến nông tại cơ sở phát huy tác dụng tốt và đặc biệt là các CLB hoạt động hiệu quả hơn nữa tôi xin có một vài ý kiến đề nghị như sau:

- Để các CLBKN hoạt động tốt thì phải có ban chủ nhiệm có kỹ năng quản lý tốt, nội dung sinh hoạt phong phú hơn vì vậy mong các cấp lãnh đạo tạo điều kiện mở các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho họ lãnh đạo CLB tốt hơn.

CÁN BỘ KHUYẾN NÔNG CƠ SỞ TÍCH CỰC CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KỸ THUẬT VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIA ĐÌNH

ĐÀO THỊ NÔNG

KNV – VINH PHÚC

Hôm nay tôi rất vinh dự được thay mặt cho hơn 100 cán bộ khuyến nông cơ sở của tỉnh Vĩnh Phúc về dự Hội nghị tổng kết 10 năm hoạt động Khuyến nông Việt Nam do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức.

Trước hết cho phép tôi gửi đến các quý vị đại biểu và toàn thể hội nghị lời chúc tốt đẹp nhất.

Được sự giới thiệu của Ban tổ chức tôi xin phát biểu một số ý kiến tham luận với nội dung: “**Cán bộ khuyến nông cơ sở tích cực chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và kinh tế gia đình**”.

Thưa toàn thể hội nghị!

Tên tôi là: Đào Thị Nông - Tổ trưởng khuyến nông cơ sở xã Nam Viêm, thị trấn Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tổ khuyến nông cơ sở xã Nam Viêm được thành lập theo Quyết định số 2871/QĐ-UB ngày 11 tháng 01 năm 1998 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc “về việc thành lập tổ khuyến nông cơ sở”.

Nam Viêm là một xã thuần nông với nguồn thu nhập chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi. Do vậy với chức năng là tổ trưởng khuyến nông cơ sở tôi đã tham mưu cho UBND xã nhằm chuyển giao những tiến bộ mới đến bà con nông dân. Nhằm nâng cao sự hiểu biết về tiến bộ KHKT mới áp dụng vào sản xuất làm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi để nâng dần mức sống của người dân trong xã, công tác khuyến nông cơ sở thường xuyên được duy trì, phân công từng đồng chí phụ trách công việc của mình, mỗi tháng một lần họp để đánh giá rút kinh nghiệm những công việc đã triển khai và định hướng những công việc sắp tới.

Bản thân tôi luôn chịu khó nghiên cứu, tìm tòi trên sách báo, học hỏi những kinh nghiệm thực tế để nắm bắt được những tiến bộ KHKT mới. Đồng thời đề xuất, báo cáo với lãnh đạo đưa những thông tin tuyên truyền lên loa đài với các nội dung tiến bộ

KHKT mới cho toàn thể bà con nông dân trong xã nắm bắt được. Luôn kết hợp với các ngành đưa các tiến bộ mới về cho bà con nông dân như:

*** Về công tác thông tin tuyên truyền**

Với sự kết hợp và hỗ trợ kinh phí của Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Trạm bảo vệ thực vật và Trạm khuyến nông thị xã Phúc Yên, đã mở được 72 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi cho 5.140 lượt người tham dự.

*** Xây dựng mô hình trình diễn**

- Xây dựng mô hình ném mạ khay theo công nghệ Trung Quốc cho 56 hộ nông dân với diện tích 5 ha, làm cho năng suất tăng từ 20 – 30 kg thóc/sào

- Xây dựng mô hình trình diễn lúa lai 2 dòng , diện tích là 1 ha, năng suất bình quân thu được 280 kg/sào

- Xây dựng mô hình nấm sạch với 30 hộ nông dân tham gia

- Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ cây khoai, sắn sang trồng dâu nuôi tằm, mang lại hiệu quả kinh tế cao

- Phong trào chăn nuôi gia súc, gia cầm của xã phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Mạnh dạn vận động bà con nông dân trong xã tham gia vào chương trình Sind hoá đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo để tạo ra những con lai có hiệu quả kinh tế cao, đến nay toàn xã có 720 hộ nuôi bò lai (chiếm 65% so với tổng đàn). Có 960 hộ tham gia chương trình nạc hoá đàn lợn (chiếm 90% so với tổng đàn trong toàn xã), áp dụng phương pháp chế biến rơm bằng ủ urê với nước vôi

- Được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông tỉnh và sự ủng hộ của các cấp các ngành nhiều hộ gia đình tham gia nuôi vịt siêu trứng Triết Giang Trung Quốc, ngan Pháp, gà thả vườn...để tận dụng nguồn thức ăn trong nông nghiệp, tăng thu nhập đáng kể cho gia đình.

- Nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong xã, đã có 1.100 trong số 1.339 hộ dùng chế phẩm EM.

- Phát huy công tác dự báo, phát hiện sâu bệnh để thông tin kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng cho tất cả mọi người nông dân trong xã được biết và phòng trừ.

- Công tác chăn nuôi thú y được chú trọng và phát triển. Thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra đàn gia súc gia cầm đồng thời mở các đợt tiêm phòng. Vì vậy trong những năm qua không có ổ dịch lớn xảy ra trên địa bàn xã.

Ngoài công tác khuyến nông, tôi còn phụ giúp gia đình mở lò ấp trứng gia cầm để cung cấp giống cho bà con nông dân trong xã và một số xã lân cận. Hàng năm gia đình tôi cung cấp con giống cho hàng trăm lượt hộ gia đình với số lượng từ năm đến sáu

nghìn con giống các loại, giải quyết công ăn việc làm ổn định cho 2 lao động với mức thù lao 800.000đ/tháng.

Đồng thời với việc cung cấp giống tôi luôn tuyên truyền các kiến thức về chăn nuôi cho các hộ nông dân, do vậy đã tạo được lòng tin với khách hàng. Hàng năm gia đình tôi chấp hành đầy đủ chủ trương đường lối và chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tham gia ủng hộ các cuộc vận động của các cấp các ngành. Ủng hộ quý đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

Ngoài việc tham gia vào công tác chuyển giao TBKT và công tác xã hội, tôi luôn sắp xếp thời gian quan tâm đến việc dạy dỗ con cái, hai con tôi đã trưởng thành, một cháu đã đi công tác, một cháu đang học đại học. Có được những kết quả đáng phấn khởi như vậy tôi xin chân thành cảm ơn các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Vĩnh Phúc và các ngành liên quan đã quan tâm và tạo điều kiện cho địa phương. Mặt khác bản thân và gia đình luôn tự cố gắng phấn đấu và nỗ lực vươn lên bằng chính bản thân mình. Để xây dựng ổn định cuộc sống “ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”.

HỘ NÔNG DÂN TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG - KHUYẾN LÂM

NGUYỄN VIẾT BÌNH

XÃ NGỌC MỸ, LẬP THẠCH, VINH PHÚC

Hôm nay tôi rất vinh dự được về dự và phát biểu trước Hội nghị tổng kết 10 năm hoạt động khuyến nông Việt nam do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức.

Trước hết cho phép tôi được gửi đến các quý vị đại biểu và toàn thể hội nghị lời chúc tốt đẹp nhất.

Được sự giới thiệu của ban tổ chức tôi xin phát biểu một số ý kiến tham luận với nội dung: ***"Hộ nông dân tham gia các hoạt động khuyến nông - khuyến lâm"***

Thưa toàn thể hội nghị!

Tên tôi là: Nguyễn Viết Bình, xã Ngọc Mỹ, Lập Thạch, Vĩnh Phúc.

Như bao thanh niên khác, học xong phổ thông tôi lên đường đi làm nghĩa vụ quân sự, sau bốn năm phục vụ quân ngũ tôi trở về quê hương cùng với gia đình phục vụ sản xuất.

Những năm cuối thời kỳ bao cấp thật gian khó, hầu hết người dân quê tôi bỏ ruộng, phá rừng làm nương rẫy. May thay năm 1990, nhờ có cơ chế đổi mới trong sản xuất nông nghiệp, đời sống được cải thiện, cơm đã đủ ăn. Nhưng bản thân xót xa khi nhìn thấy những khu rừng đã và đang bị tàn phá thành đất trống đồi trọc. Với khung cảnh sống ở rừng mà chẳng có cây, suối khe cạn kiệt, sản xuất nông nghiệp và đời sống gặp muôn vàn khó khăn. Năm 1993, với ý nghĩ trồng và giữ rừng để lấy nguồn sinh thủy, tôi mạnh dạn trồng và quản lý 30 ha rừng, bao nhiêu thử thách đã đến vì người dân nơi đây quen với nếp nghĩ "Đất rừng của rừng" từ bao đời nay chặt phá tự do, chăn thả gia súc bừa bãi...Tôi đã đứng lên thành lập một nhóm để đến từng nhà giải thích, thuyết phục họ không phá rừng và cùng nhau giữ rừng để lấy nước và bảo vệ môi trường sinh thái đồng thời vận động bà con không trồng sắn, ngô mà trồng cây gây rừng, chúng tôi đã thành công "Rừng đã có màu xanh trở lại".

Với mô hình trồng và giữ rừng để bảo đảm nguồn sinh thủy, tôi vận động bà con xây bể để giữ nước nhằm tiết kiệm nước, phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Với điều kiện như vậy hàng năm gia đình tôi thu nhập được từ vườn, rừng, ao chuồng khoảng 50-60 triệu đồng (đã trừ chi phí) Cụ thể:

* Về chăn nuôi: Gia đình tôi chọn hai đối tượng chính là con bò và con dê, với phương pháp dùng bò cái vàng Việt Nam làm nền, phối tinh nhân tạo bằng tinh đồng viên của đực giống Lai Sind và Hà Lan, tạo ra bê lai có phẩm chất thịt và sữa tốt. Để tận dụng lá cỏ dưới tán rừng, gia đình tôi đã nuôi thêm hàng trăm con dê đồng thời chuyển một phần đất ruộng sang trồng cỏ voi, đây là giống cỏ có năng suất cao, để bổ sung nguồn thức ăn cho bò và dê.

Được sự hướng dẫn của các cán bộ kỹ thuật Trung tâm Khuyến nông tỉnh, ngoài các biện pháp tiêm phòng định kỳ tôi còn tích cực tham quan học hỏi kinh nghiệm làm chuồng trại có quy mô, thoáng mát bảo đảm hợp vệ sinh, áp dụng phương pháp ủ thức ăn, chế biến thức ăn để dùng cho thời kỳ khan hiếm.

* Về trồng trọt: Cuối những năm 80 tình hình sản xuất lương thực còn khó khăn, gia đình tôi đã mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào trồng trọt, theo học các lớp IPM, áp dụng phương pháp cấy mạ non, cấy đúng mật độ, bón phân cân đối và hợp lý, sử dụng giống tốt có chất lượng, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Kính thưa toàn thể hội nghị!

Đến nay quê hương tôi đã có nhiều đổi mới, đời sống từng bước được nâng cao, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng để đạt hiệu quả kinh tế cao đang là điều trăn trở của lãnh đạo xã cũng như của bà con nông dân.

Ngọc Mỹ quê tôi, với đặc thù là đất đồi rừng nên trước kia khi chưa được tiếp cận với các tiến bộ kỹ thuật mới diện tích đồi rừng trong xã nói chung và gia đình tôi nói riêng chủ yếu trồng bạch đàn, nhưng nay đã được thay thế dần bằng các loại cây bản địa và cây ăn quả. Trung tâm Khuyến nông tỉnh Vĩnh Phúc đã cho chúng tôi đi tham quan ở vùng vải Lục Ngạn, Công ty Lâm nghiệp Đông Bắc - Lạng Sơn, được tiếp nhận những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới gia đình tôi đã trồng được 500 cây vải, nhãn; 300 cây hồng chủ yếu sử dụng giống chiết cành và ghép mắt, nên cây được đảm bảo chất lượng. Tại vùng đất đồi tôi đã đưa các loại cây bản địa vào trồng, như trám, sấu, tai chua, dâu da... Số cây này vừa đảm bảo cho hệ sinh thái vừa tăng thu nhập. Phần đất ở vùng núi cao tôi đã trồng những loại cây phòng hộ như muồng, keo, lim, chẹt... và đang thử nghiệm đưa cây gió bầu (trâm hương) vào trồng, bước đầu đang sinh trưởng tốt.

Năm 2002, được sự giúp đỡ của Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các cấp các ngành, sự hướng dẫn của các cán bộ kỹ thuật Trung tâm Khuyến nông về cách chăm sóc, thu hoạch, nhân chiết cành giống, gia đình tôi đã trồng thử nghiệm 100 gốc tre Bát Độ để lấy măng, sau 2 năm trồng khảo nghiệm còn được 67 gốc trên diện tích 2 sào đất, tôi thấy có hiệu quả kinh tế cao. Năm 2003-2004 mỗi năm thu được 1,5 tấn măng, thu nhập trên 6 triệu đồng. Như vậy, mỗi sào đất thu hoạch tương đương 1,5 tấn lúa mà chi

phí cho cây tre hầu như không đáng kể. Từ kết quả đó trong 2 năm 2004-2005 gia đình tôi đã trồng thêm 2 ha với tổng số 2.200 gốc. Cũng từ mô hình thuyết phục đó bà con được tận mắt nhìn và thấy đã làm theo. Hiện nay trong xã đã trồng được khoảng 10 ha.

Nhằm chủ động nguồn giống gia đình tôi đã làm vườn ươm để sản xuất cây giống tại chỗ, với diện tích 3000 m², hàng năm đã sản xuất được 50 – 100 nghìn cây bạch đàn mô, ươm được 2.000 – 3.000 cành tre Bát Độ; 30 – 50 ngàn cây keo lai, bạch đàn hom. Ngoài ra còn ghép được 5 – 10 ngàn cây các loại như hồng không hạt, khế com, trám, tai chua, dâu da... Với diện tích vườn ươm như vậy không những cung cấp đủ cho diện tích đồi rừng của gia đình mà còn phục vụ cho bà con trong xã và một số xã lân cận.

Kính thưa hội nghị!

Được về dự hội nghị, cá nhân tôi rất phấn khởi. Thay mặt cho người dân Vĩnh Phúc rất mong nhận được sự chỉ đạo, quan tâm hơn nữa của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Phúc và các ngành liên quan. Được sự giúp đỡ của các ngành liên quan cùng với sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân, chúng tôi luôn hy vọng công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả cao, thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn trong giai đoạn mới hiện nay.

Cuối cùng xin kính chúc sức khoẻ các quý vị đại biểu, chúc hội nghị thành công tốt đẹp. Xin trân trọng cảm ơn!

THÀNH TÍCH 10 NĂM CỦA HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ ĐIỆN NĂNG VỚI CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG

ĐÌNH BẢNG – BẮC NINH

HTX DVNN và Điện Năng Đình Bảng là một HTX hợp nhất toàn xã từ năm 1976, thuộc xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Toàn xã có diện tích đất tự nhiên 852 ha, diện tích đất canh tác 469 ha, HTX đã tiến hành chuyển đổi theo luật ngày 05/3/1999. Có 3.295 hộ nông nghiệp, 100% số hộ vào HTX, 13.856 khẩu, lao động chính 6.015 lao động. Vốn điều lệ của HTX là 3.052.000.000 đồng, doanh thu hàng năm trên 5 tỷ đồng, lãi hàng năm trên 200 triệu đồng. Đình Bảng cách Hà Nội 16 km về phía Đông Bắc, rất thuận tiện về giao thông và lưu thông hàng hoá. Hiện nay HTX đã triển khai một số dịch vụ cho xã viên như: thuỷ lợi, giống, vật tư phân bón, bảo vệ thực vật, thú y, bảo vệ đồng ruộng, làm đất, tiêu thụ sản phẩm và quản lý điện.

Ngoài các dịch vụ trên HTX còn quản lý hệ thống truyền thanh, chăm lo công tác phúc lợi xã hội. Đặc biệt HTX đã tổ chức thực hiện nghị quyết Đảng bộ xã Đình Bảng khoá 15 là: *"Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, mở rộng phát triển công nghiệp, dịch vụ và du lịch, tích cực chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mạnh dạn tiếp thu khoa học kỹ thuật đưa công nghệ tiên tiến vào sản xuất, phấn đấu thu nhập bình quân 40 triệu đồng/ha/năm vào năm 2005"*.

Trong 10 năm qua vai trò của HTX là hết sức quan trọng, mang tính quyết định đưa đến thắng lợi về nông nghiệp.

Về chuyển dịch cơ cấu giống: Hàng năm HTX đều tổ chức đi thăm quan và dự hội nghị đầu bờ về giống mới tiếp thu có chọn lọc những giống lúa năng suất chất lượng cao theo nhu cầu thị trường. Từ chỗ năng suất lúa năm 1993 bình quân 130 kg/sào đến nay năng suất lúa bình quân 200- 220 kg/sào, lúa nếp hàng hoá tăng từ 10% năm 1993 lên 70% năm 2004. Từ chỗ lúa lai chưa biết đến nay vụ mùa lúa lai chiếm 40% chủ yếu là lúa lai Bắc ưu 903, Bắc ưu 253 và siêu cao sản CV1, HTX trích từ lãi trong kinh doanh hỗ trợ cho các hộ lấy giống mới và lúa lai trong 10 năm là 107.300.000 đồng. HTX đã bỏ các giống cũ như CR203, nếp 415, C70 thay vào đó là các giống nếp 9603, nếp 352 cao cây, kháng dân, QNT1, HT1, DT28, lúa lai.

HTX khuyến khích các hộ có diện tích đồng trồng cấy lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản kết hợp đưa chăn nuôi lớn ra ngoài đồng, tránh ô nhiễm môi trường trong cộng đồng dân cư như tạo ra cơ chế thuận lợi, tổ chức tập huấn về nuôi trồng thủy sản chăn nuôi gia súc, gia cầm (mỗi năm có 14 lớp được Trung tâm khuyến nông tỉnh xuống tập huấn cho bà con nông dân, HTX đầu tư đường dây điện kéo ra vùng chuyển đổi và cải tạo hệ thống điện là 428.059.000 đồng, rải đất cấp phối đường giao thông nội đồng là 393.798.000 đồng được 41 km. Ưu tiên cho bà con vùng chuyển đổi giá điện đến các hộ là 600 đồng/1kw.

Diện tích đồng cao do trước đây cấy lúa chi phí thủy lợi tốn kém nay đã chuyển sang trồng hoa đào được 20,5 ha, hiệu quả trồng hoa đào lãi 110- 120 triệu đồng/ha/năm. Ngoài phần hỗ trợ của huyện 100.000 đồng/sào tiền giống hoa đào, HTX còn hỗ trợ thêm 80.000 đồng/sào, tổng số tiền hỗ trợ trồng hoa là 43.200.000 đồng. HTX xây dựng đường điện ra vùng hoa đào để thuận tiện cho công tác bảo vệ bơm nước chống hạn, có điện để bán hoa trong những ngày giáp tết. HTX cải tạo lại đường giao thông trong vùng trồng đào để thuận tiện cho ô tô và xe máy đi lại lưu thông hàng hoá, nạo vét kênh mương ưu tiên cứng hoá kênh mương trong vùng chuyển đổi sang trồng hoa, lúa hàng hoá.

HTX đã tiến hành đắp bờ vùng được 14 km, từ chỗ rộng 1,5 m lên 3,5 m để thuận lợi cho cơ giới hoá. 63 ha đồng trồng nay đã chuyển đổi sang làm V.A.C hiệu quả từ 80-100 triệu đồng/ha/năm.

Những năm trước đây trong sản xuất xã viên lo nhất là chuột phá hoại lúa và hoa màu, bình quân thiệt hại tới 4%. HTX đã áp dụng phương châm trong nhà dùng mèo diệt chuột, ngoài đồng có đội chuyên diệt chuột, nhưng năm 2000 mèo còn đắt HTX khuyến khích các hộ nuôi mèo 40.000 đồng/con được 310 con; năm 2001 hỗ trợ 30.000 đồng/con được 516 con, tổng số tiền hỗ trợ nuôi mèo là 27.890.000 đồng đến nay đàn mèo phát triển trên 3.000 con, lúa màu của bà con an toàn, nhân dân không phải dùng đến thuốc chuột, không phải quây ni lông xung quanh ruộng lúa giảm thiệt hại 200 tấn thóc và tiết kiệm cho dân được 377 triệu đồng/năm.

Về chương trình cứng hoá kênh mương, HTX đã đề xướng đóng góp 8 kg thóc/sào/vụ để xây mương, nhưng năm qua được nhà nước đầu tư, UBND xã trích ngân sách, nhân dân đóng góp, HTX trích lãi trong kinh doanh đã xây được 25,2 km kênh gạch, trong đó HTX trích từ lãi trong kinh doanh xây được 3.100 m kênh cấp 3 và cấp 4 với số tiền là 613.531.000 đồng.

Về công tác giống cây trồng, HTX duy trì nề nếp vào đầu vụ là in lịch gieo cấy, bố trí cơ cấu giống cho hợp lý, giá từng loại lúa giống, các chính sách chế độ trợ giá của tỉnh và huyện, quy trình sản xuất giống mới phát cho từng hộ do vậy vụ nào cũng

bán được 15-16 tấn giống lúa nguyên chủng cho xã viên, thực hiện nguyên chủng hoá giống lúa (80% diện tích được cấy bằng giống nguyên chủng).

Về dịch vụ vật tư nông nghiệp, HTX có 2 cửa hàng cung ứng cho xã viên, mỗi một năm từ 350- 400 tấn phân bón các loại, quan hệ với những đơn vị có uy tín lớn trên thị trường đủ chủng loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Nhân viên bán hàng được tập huấn về kỹ thuật bón phân và dùng thuốc bảo vệ thực vật để tư vấn cho xã viên. Mỗi một năm HTX mở 1 lớp tập huấn phòng trừ dịch hại tổng hợp gọi tắt là IPM. HTX đã xây dựng mô hình nuôi cá ruộng 10 ha năm 1998, khởi xướng cho phong trào đồng trùng, đã làm các mô hình nuôi tôm càng xanh, cá chim trắng, chép lai, rô phi đơn tính, cấy lúa nếp hàng hoá, nuôi lợn siêu lạc, chăn nuôi ngan, gà thả vườn, trình diễn các giống lúa mới, mô hình trồng rau an toàn trong nhà lưới, hoa cao cấp trong nhà kính, để cho dân được tai nghe mắt thấy, có tác động tích cực để nhân ra diện rộng.

Hàng năm HTX thường đón các giáo sư, tiến sĩ về giảng dạy cho cán bộ từ thôn đến xã và đại biểu xã viên để đổi mới tư duy kinh tế.

Công tác thông tin cũng là một việc rất quan trọng, HTX hỗ trợ 50% kinh phí mua loa đài, máy tăng âm cho các thôn. Công tác thông tin đã góp phần cho việc chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn xã viên làm đúng quy trình kỹ thuật mua bán vật tư nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm, phòng trừ sâu bệnh, dự báo thời tiết, đã góp phần quan trọng cho công tác khuyến nông đạt hiệu quả cao. Với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, tích cực làm công tác khuyến nông từ chỗ thu nhập 15 triệu đồng/ha/năm (1993) đến nay thu nhập 37, 8 triệu đồng/ha/năm (2004).

Với thành tích trên đây HTX đã được tặng nhiều bằng khen của UBND tỉnh, giấy khen của UBND huyện và Sở Nông nghiệp; Bộ Thủy sản tặng bằng khen, Bộ Nông nghiệp tặng bằng khen và 2 lần được đi dự hội nghị HTX điển hình tiên tiến toàn quốc. Rất mong được sự giúp đỡ của các cấp các ngành để HTX DVNN và Điện năng Đình Bảng xứng đáng là mô hình điểm của cả nước./.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1993 – 2004

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG – ĐOÀN TNCS HCM

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam, được tổ chức theo hệ thống 4 cấp từ trung ương tới cơ sở với tổng số 28 triệu thanh niên (từ 15 - 34 tuổi) chiếm 34% tổng dân số. Trong đó có trên 20 triệu thanh niên nông thôn (TNNT) chiếm 34,4% dân số ở nông thôn. Đây là lực lượng lao động có nhiều tiềm năng, sáng tạo để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Cho đến nay phần lớn TNNT đã xoá bỏ được tư tưởng bao cấp, trông chờ ỷ lại mà tự mình vươn lên xoá đói giảm nghèo, làm giàu cho bản thân và xã hội. TNNT là lực lượng quan trọng tham gia vào các phong trào "Thanh niên nông thôn thi đua sản xuất kinh doanh giỏi", "Thanh niên lập nghiệp", "Thi đua tình nguyện xây dựng và bảo vệ tổ quốc"... do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phát động. Thông qua các phong trào hành động cách mạng, các cấp bộ Đoàn lực lượng TNNT đã tích cực tham gia các hoạt động khuyến nông, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xoá đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, văn minh. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh báo cáo kết quả tham gia hoạt động khuyến nông giai đoạn 1993 - 2004 như sau:

I. Công tác chỉ đạo

Ngay từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 13 về công tác khuyến nông, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã phối hợp với ngành Nông nghiệp, thủy sản vận động, hỗ trợ và tổ chức cho TNNT tích cực tham gia các hoạt động khuyến nông như: ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới (TBKT - CNM) vào sản xuất, xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật, đặc biệt là các mô hình ứng dụng giống mới, giống chất lượng cao vào sản xuất.

Để đẩy mạnh hoạt động Đoàn TN tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn tạo ra sự phối hợp đồng bộ giữa tổ chức Đoàn các cấp với ngành Nông nghiệp, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn đã ký kết các Nghị quyết liên tịch số 01 (năm 1996) và số 02 (năm 2001) "Về việc phát huy vai trò

xung kích, tình nguyện của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn”. Để triển khai có hiệu quả, lãnh đạo hai ngành đã ban hành hướng dẫn và chỉ đạo theo ngành dọc (từ trung ương đến cấp huyện) thành lập bộ phận thường trực triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết liên tịch (đơn vị thường trực ở cấp trung ương là Ban Thanh niên Nông thôn Trung ương Đoàn và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia). Đến nay 100% cấp tỉnh và huyện, Đoàn Thanh niên và ngành Nông nghiệp đã ký kết chương trình phối hợp hoạt động. Thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết đã tạo cơ chế và nguồn lực cho thanh niên tổ chức các hoạt động khuyến nông, các hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ phát triển nông nghiệp và nông thôn. Đồng thời 2 ngành thường xuyên tổ chức các đoàn công tác đi kiểm tra, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở, chỉ đạo và hỗ trợ xây dựng các gương sản xuất giỏi và các mô hình hoạt động hiệu quả của thanh niên ở cơ sở để tổng kết nhân diện.

II. Kết quả đoàn Thanh niên tham gia hoạt động khuyến nông giai đoạn 1993 – 2004

Bằng nhiều nội dung và hình thức hoạt động phong phú, tổ chức Đoàn các cấp đã tích cực tham gia các chương trình khuyến nông (khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư). Thông qua các hoạt động, tổ chức Đoàn đã hướng dẫn tổ chức, cổ vũ và hỗ trợ TNNT sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Qua đó đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xoá đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn và tạo dựng một lớp nông dân mới, là những TNNT có trình độ, nhạy bén, năng động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh đóng vai trò nòng cốt trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

1. Công tác tuyên truyền:

Trong 10 năm qua, Đoàn TN và ngành Nông nghiệp các cấp đã phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí và truyền hình định kỳ mở hàng trăm ngàn chuyên mục, phóng sự truyền hình, xuất bản hàng triệu các ấn phẩm, tạp chí, tờ tin để tuyên truyền sâu rộng những chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và ngành Nông nghiệp về phát triển nông nghiệp và nông thôn, giới thiệu những TBKT – CNM, tiến bộ sinh học, các gương thanh niên tiên tiến làm kinh tế giỏi và mô hình điển hình trong sản xuất, kinh doanh.

Cấp trung ương: từ năm 2001, Cục Khuyến nông & Khuyến lâm (nay là Trung tâm Khuyến lâm Quốc gia) hàng năm hỗ trợ cho Trung ương Đoàn xuất bản 04 số “Thông tin khuyến nông thanh niên”, mỗi số 1.500 bản để phát hành tới cấp huyện và các câu lạc bộ khuyến nông điển hình trong toàn quốc (từ năm 2005 gửi tới toàn bộ các Trung tâm Khuyến nông). Thông tin khuyến nông thanh niên với hình thức đẹp, nội

dung phong phú tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và ngành nông nghiệp về phát triển nông nghiệp, nông thôn, giới thiệu các TBKT và công nghệ mới, các mô hình, gương điển hình sản xuất kinh doanh giỏi ở cơ sở, đã được TNNT và các cơ sở Đoàn đón nhận và đánh giá cao.

2. Tập huấn chuyển giao TBKT:

Tổ chức tập huấn chuyển giao TBKT, công nghệ cho TNNT là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình phối hợp hoạt động giữa Đoàn TN và ngành Nông nghiệp. Trong 12 năm qua, Đoàn Thanh niên các cấp đã tổ chức được trên 220.000 lớp tập huấn (khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, IPM, xóa đói giảm nghèo...) cho 5,5 triệu lượt ĐVTN. Trên cơ sở kiến thức được tập huấn đã giúp TNNT xung kích đi đầu trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế, xã hội ở nông thôn.

- Từ năm 1998 đến năm 2004, Ban Thanh niên nông thôn Trung ương Đoàn đã phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Cục Chế biến nông lâm sản & Nghề muối tổ chức được 62 lớp tập huấn khuyến nông, khuyến công cho gần 5.414 thanh niên nông thôn, đặc biệt là TNNT nghèo ở các địa bàn miền núi, vùng sâu và vùng xa.

3. Tổ chức hội thi, hội nghị thanh niên tiên tiến:

Để cổ vũ, tuyên truyền sâu rộng trong TNNT và nông dân những kiến thức khoa học kỹ thuật nông nghiệp, những mô hình điển hình làm ăn có hiệu quả, Đoàn TN đã tổ chức nhiều hội thi, hội nghị TNNT từ cấp cơ sở đến trung ương, thu hút hàng triệu lượt ĐVTN tham gia. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp & PTNT (thông qua Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Cục Bảo vệ thực vật v.v.) tổ chức được nhiều hội thi, liên hoan quy mô toàn quốc và cấp khu vực, điển hình như Hội thi "Thanh niên với chương trình IPM toàn quốc" năm 1996, Liên hoan "TNNT sản xuất kinh doanh giỏi đồng bằng sông Cửu Long" năm 1998, Hội thi "TNNT giỏi nghề nông khu vực miền Đông và miền Tây Nam Bộ" năm 1999, Hội thi "CLB khuyến nông TN các tỉnh, thành đồng bằng Sông Hồng" năm 2000. Thông qua các hội thi đã khẳng định tính hiệu quả, thiết thực trong tuyên truyền phổ biến TBKT- CNM vào sản xuất, đồng thời góp phần phát hiện và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, ĐVTN trở thành những khuyến nông viên tình nguyện ở địa phương, cơ sở.

4. Các mô hình hoạt động:

Cho đến nay, Đoàn TN các cấp đã thành lập và duy trì trên 4.000 CLB KHKT trẻ (gồm các CLB khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, khuyến ngư), thu hút 153.000 TNNT tham gia. Tiếp tục triển khai và nhân rộng mô hình CLB khuyến nông gắn với tủ sách TN ở các cơ sở. Để đưa nhanh những TBKT vào sản xuất, nhân rộng những mô hình sản xuất có hiệu quả ở nông thôn, 12 năm qua, các cấp bộ Đoàn đã xây dựng được

28.000 điểm trình diễn kỹ thuật, thu hút trên 850.000 lượt ĐVTN tham gia. Các mô hình trình diễn đạt hiệu quả rất cao trong việc chuyển giao TBKT đến thanh niên, giúp TNNT nắm vững quy trình kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Trên cơ sở hỗ trợ của Trung tâm khuyến nông Quốc gia, Trung ương Đoàn đã xây dựng điểm 10 CLB khuyến nông thanh niên tại tỉnh Ninh Bình, trong 3 năm 2002 - 2004 đã xây dựng được 44 mô hình điểm trình diễn kỹ thuật về khuyến nông, khuyến lâm được TNNT các địa phương tiếp nhận và đánh giá cao.

Hiện nay, nông thôn đã xuất hiện nhiều mô hình mới của thanh niên, vừa có ý nghĩa phát triển kinh tế vừa tạo môi trường đào tạo nguồn nhân lực trẻ, xây dựng QHSX mới như: "Làng thanh niên", "Làng thanh niên lập nghiệp", "Trang trại trẻ", "Làng nghề TN"... Đến nay, cả nước có trên 10.000 trang trại trẻ, với qui mô diện tích và số lao động được giải quyết việc làm ngày càng lớn, qua đó khẳng định vai trò của tuổi trẻ trong phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn. Để hỗ trợ cho hoạt động của các trang trại, nhiều tỉnh, thành đã thành lập các CLB trang trại trẻ, thông qua đó để giao lưu, học tập kinh nghiệm và liên kết, hỗ trợ nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... Các mô hình hoạt động mới được các cấp bộ Đoàn tiếp tục chỉ đạo để nhân rộng.

5. Các hoạt động tình nguyện tham gia chuyển giao TBKT, CNM cho TNNT:

Các hoạt động tình nguyện diễn ra sôi nổi, rộng khắp thông qua 13.476 đội hình "Thanh niên tình nguyện" ở cơ sở, với 396.309 đoàn viên thanh niên tham gia. Hoạt động tình nguyện tập trung vào việc xung kích đi đầu trong việc ứng dụng chuyển giao TBKT - CNM mới vào sản xuất, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện các công trình thủy lợi nội đồng, xung kích tham gia phòng chống thiên tai, cứu trợ, cứu nạn, bảo vệ môi trường sinh thái, tình nguyện giúp dân vùng sâu, vùng xa xóa đói, giảm nghèo v.v...

Có thể khẳng định rằng, thông qua các hoạt động ứng dụng, chuyển giao TBKT của Đoàn Thanh niên tham gia các hoạt động khuyến nông, trong 12 năm qua có trên 07 triệu lượt thanh niên nông thôn được tiếp cận với kiến thức khoa học kỹ thuật, từ đó mạnh dạn áp dụng kiến thức KHKT vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao, tiêu biểu là hoạt động tình nguyện tham gia xóa đói, giảm nghèo, các hoạt động hỗ trợ về giống và vốn, đảm nhận các chương trình dự án, xây dựng các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn v.v. Thông qua các hoạt động trên đã góp phần tích cực hỗ trợ TNNT lập thân, lập nghiệp, thực hiện xóa đói giảm nghèo, giúp TNNT yên tâm làm giàu ngay tại quê hương mình, góp phần giảm bớt lượng thanh niên từ nông thôn lên thành thị và các khu công nghiệp để tìm kiếm việc làm.

Từ kết quả tham gia hoạt động khuyến nông của Đoàn thanh niên, đã xuất hiện nhiều tấm gương điển hình, mô hình hoạt động hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh. Thanh niên nông thôn thực sự trở thành lực lượng nòng cốt, xung kích thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn

** Thông qua việc Đoàn TN tham gia công tác khuyến nông, trong 12 năm qua (1993 – 2004) đã được khẳng định:*

+ Hoạt động khuyến nông đã mang lại hiệu quả nhiều mặt, góp phần quan trọng vào xây dựng và phát triển nông nghiệp nông thôn. Nghị định 13/CP của chính phủ về công tác khuyến nông được ban hành đúng thời điểm, đáp ứng được nhu cầu của nông dân nói chung và TNNT nói riêng, đồng thời mang tính xã hội sâu sắc.

+ Đoàn TN đã tích cực tham gia thực hiện các hoạt động khuyến nông, luôn xung kích ứng dụng và chuyển giao TBKT – công nghệ mới vào sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp thông qua các mô hình hoạt động đặc thù của Đoàn.

+ Thông qua các mô hình, hình thức hoạt động, Đoàn TN đã xây dựng, đào tạo được mạng lưới những thanh niên làm “hạt nhân” ở nông thôn với nhiệm vụ vừa thu hút, tập hợp thanh niên, vừa là những khuyến nông viên, tuyên truyền viên ở cơ sở, góp phần thực hiện mục tiêu xã hội hoá công tác khuyến nông.

III. Một số khó khăn, hạn chế

1. Việc xây dựng nội dung phối hợp giữa Đoàn Thanh niên và ngành Nông nghiệp cấp tỉnh và cấp huyện ở một số nơi còn lúng túng, chưa kịp thời. Một số địa phương hoạt động phối hợp còn mang tính kỷ cuộc nên hiệu quả đạt được chưa cao.

2. Công tác phối hợp đi kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nội dung phối hợp giữa 2 ngành từ trung ương tới cơ sở chưa được thường xuyên. Đồng thời chưa định kỳ tổ chức được hội nghị sơ tổng kết chương trình phối hợp, công tác thi đua, khen thưởng và tổng kết nhân rộng các điển hình chưa được quan tâm chú ý.

3. Ở cấp trung ương, qua đánh giá các hội thi kỹ thuật nghề nông cho TNNT đạt hiệu quả rất cao, tuy nhiên chưa định kỳ tổ chức được các hội thi kỹ thuật theo sự thống nhất của lãnh đạo hai ngành.

4. Hàng năm việc ký kết hợp đồng và cấp kinh phí triển khai các hoạt động khuyến nông còn chậm, trong khi việc triển khai xây dựng một số mô hình trình diễn khuyến nông mang tính thời vụ rất cao. Bên cạnh đó định mức dự toán kinh phí của một số mô hình chưa thật sát với thị trường nơi xây dựng mô hình.

IV. Đề xuất và kiến nghị

Phát huy những kết quả đạt được trong những năm qua, thời gian tới Trung ương Đoàn tiếp tục chỉ đạo Đoàn TN các cấp tiếp tục tăng cường công tác phối hợp với ngành

Nông nghiệp để thực hiện Nghị quyết liên tịch đã ký kết, đặc biệt là việc tổ chức Đoàn và tuổi trẻ tham gia có hiệu quả các chương trình khuyến nông. Tuy nhiên sau thời gian thực hiện công tác khuyến nông đã có một số bất cập cần phải bổ sung cho phù hợp với sự phát triển của thời kỳ mới, Trung ương Đoàn xin đề xuất một số nội dung như sau:

1. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2005/NĐ-CP ngày 26/4/2005 về khuyến nông, khuyến ngư (thay thế Nghị định 13) đây là giải pháp về cơ chế rất thuận lợi để phát triển công tác khuyến nông, khuyến ngư trong thời gian tới. Vì vậy, Trung ương Đoàn đề nghị ngành Nông nghiệp tăng cường hỗ trợ, đầu tư các hoạt động khuyến nông cho Đoàn Thanh niên, thực hiện xã hội hoá công tác khuyến nông.

2. Hàng năm, Bộ Nông nghiệp & PTNT có cơ chế phối hợp với các Bộ chức năng sớm triển khai kế hoạch khuyến nông trong năm đảm bảo tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp (đề nghị ký hợp đồng và chuyển kinh phí cho các đơn vị thực hiện chương trình khuyến nông từ quý I hàng năm).

3. Đề nghị Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tăng cường phối hợp với Ban Thanh niên nông thôn - Trung ương Đoàn chỉ đạo thành lập hệ thống CLB khuyến nông gắn với tủ sách khoa học kỹ thuật trên toàn quốc; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, các hoạt động tập huấn, xây dựng mô hình và định kỳ hai năm một lần tổ chức các hội thi kỹ thuật và nghiệp vụ trong TNNT theo tinh thần Nghị quyết liên tịch số 02 giữa hai ngành.

4. Hai ngành cần tăng cường phối hợp thực hiện công tác kiểm tra ở cơ sở, phát hiện và khắc phục những khó khăn vướng mắc, định kỳ tiến hành sơ tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm cho quá trình phối hợp tiếp theo.

MỘT SỐ THÀNH TỰU VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KỸ THUẬT CỦA VIỆN CHĂN NUÔI VÀO SẢN XUẤT

VIỆN CHĂN NUÔI

I/ Một số kết quả nổi bật về nghiên cứu khoa học từ 1986 - 2004:

1. Chăn nuôi lợn

- Khảo nghiệm thành công các công thức lai từ 2-3 máu giữa lợn ngoại (Đại Bạch, Landrace) với lợn nội (Móng Cái) hoặc lợn ngoại với lợn ngoại. Các công thức lai này với tỷ lệ máu ngoại khác nhau (1/2; 3/4; 5/8...) cho tỷ lệ nạc khác nhau (42-46%; 46-50%; 52-56%) với trọng lượng xuất chuồng 75-95 kg.

- Nghiên cứu lai tạo và phát triển lợn ngoại, lợn lai 3-5 máu ngoại (Landrace; Yorkshire; Duroc; PIC...) có tỷ lệ nạc 56-60%; khối lượng xuất chuồng 90-95kg. Các giống lợn cao sản do Viện cung cấp đều đảm bảo chất lượng phẩm giống.

- Hoàn chỉnh quy trình công nghệ nuôi lợn lai, lợn ngoại và lai (ngoại x ngoại) với các công thức và quy mô khác nhau. ứng dụng chương trình phần mềm máy tính PIG BLUP và PIG MANIA trong quản lý và đánh giá giá trị giống lợn.

2. Chăn nuôi bò.

- Hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi bò lai hướng sữa với các tỷ lệ (1/2; 3/4; 5/8) máu Holstein friz (HF), con lai cho năng suất sữa 2700-2900 lít/chu kỳ. Đàn hạt nhân đạt 3.100-3.400 lít/chu kỳ. Xác định công thức lai mới giữa bò đực Jersey với bò cái F1 để nâng cao tỷ lệ mỡ sữa. Đã khẳng định được loại hình bò sữa thích hợp với điều kiện tự nhiên: khí hậu nóng ẩm nhiệt đới và có hiệu quả là bò lai: giữa bò Holstein friesian với bò lai cải tiến (Zebu) có tỉ lệ máu là 50 – 75% máu HF.

- Phát triển được đàn bò lai hướng thịt tại 3 miền Bắc, Trung, Nam với các giống Charolais, Hereford, Limousine, Red Brahman...Xác định được quy trình nuôi bê lai Chairolais lấy thịt, lúc 22 tháng tuổi đạt trọng lượng 250-300 kg. Xây dựng quy trình vỗ béo bò thịt và bò loại thải nuôi thịt bằng phụ phế phẩm nông nghiệp sẵn có của địa phương. Bò vỗ béo tăng trọng 350-800 g/con/ngày, khối lượng thịt tinh từ 60-65kg/bò sau khi vỗ béo tăng lên 100-110kg/bò.

4. Chăn nuôi gia cầm:

• Chăn nuôi gà:

Phát triển vào sản xuất các giống Hybro, Ross 208 (hướng thịt) Rhode Ri, Tam Hoàng (kiềm dục), Goldline (hướng trứng) và các dạng con lai. Trong sản xuất, gà Hybro đạt 2,3 kg/con; gà Ross 208 đạt 2,5- 2,9 kg lúc 8 tuần tuổi và tiêu tốn thức ăn 2,2-2,4 kg thức ăn/kg tăng trọng, gà Goldline cho 240 trứng/năm.

Nghiên cứu chọn tạo các dòng, giống gà hướng trứng, hướng thịt: + Gà Ri vàng rơm: tuổi thành thực 134 ngày tuổi. Sản lượng trứng 126,8 quả, tiêu tốn thức ăn /10 quả trứng là 2,61kg. Các giống gà nhập nội sau quá trình nuôi thích nghi đã cho kết quả tốt như: Gà Lương Phượng LV₁, LV₂ và LV₃; Gà Sasso; Gà Kabir; Gà Ai cập: BT2... có sản lượng trứng 68 tuần tuổi đạt 145,49-202 quả/mái. Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng từ 2,374 - 3,51 kg TĂ/10 quả. Gà thương phẩm nuôi đến 10 tuần tuổi: đạt 1738 - 2075 g, tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng 2,60-2,80 kg. Các dòng gà lai như: gà X44-ISA; gà K-ISA; gà L-ISA; gà lai X LP 44...có năng suất trứng đạt 173,8 - 175,7 quả/mái. Tiêu tốn thức ăn/10 trứng đạt 2,83 - 3,00 kg.

Chăn nuôi vịt, ngan:

+ Đối với vịt: Phát triển mạnh vào sản xuất giống vịt CV Super M (siêu thịt) và Khaki Campbell ở hầu hết các tỉnh trong cả nước với năng suất 2,6-3,0 kg lúc 56 ngày tuổi (vịt CV Super M), 240 trứng/năm (vịt Khaki Campbell), mang lại hiệu quả kinh tế đáng kể cho nông hộ nuôi vịt. Qua 4 thế hệ chọn lọc đã tạo ra được 2 dòng vịt siêu thịt mới có năng suất cao là T5(dòng trống) và T6 (dòng mái). Năng suất trứng đến 68 tuần tuổi là 223 - 232 quả/mái . Con lai T5 và T6 có khối lượng 7 tuần tuổi là 3154,2g và chi phí thức ăn là 2,35kg/1kg tăng trọng. Vịt CV Super-M và vịt CV 2000 được nuôi theo phương thức nuôi khô có sản lượng trứng bình quân 196,4 quả/ mái/ 40 tuần đẻ, tiêu tốn thức ăn cho 10 trứng 4,17 kg.

+ Trong điều kiện nông hộ, ngan Pháp dòng R31 và R51 cho 110-150 trứng/năm (gấp 2 lần ngan nội), nuôi thịt 80 ngày đạt 2,2-2,7 kg (con cái) và 3,8-4,5 kg (con đực) cho hiệu quả 3000- 5000 đ/kg thịt hơi và 200.000 - 400.000 đ/ mái/năm.

Ngan ông bà R51; R71 có tỷ lệ nuôi sống cao. Năng suất trứng/mái/2 chu kỳ đẻ từ: 188,16 đến 194,3 quả. Tương ứng tiêu tốn thức ăn/10 trứng: 4,72 và 4,69 kg. Ngan thương phẩm đến 84 ngày tuổi ngan trống đạt 4106,7 - 4278,3 g và ngan mái: 2461,7 - 2556,7g. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng: từ 3,08-3,12 kg.

• Chăn nuôi trâu và ngựa.

Trong những năm qua, đã áp dụng nhiều biện pháp chọn những trâu đực có tầm vóc to lớn giữ lại làm giống. ứng dụng kỹ thuật vỗ béo trâu bằng phụ phẩm nông nghiệp

(rom ú u rê 2,5-4% kết hợp với cỏ xanh; bột sắn. . .) trâu tăng trọng gấp 2,5 lần so với giải pháp cũ, chất lượng thịt được cải tiến.

Về chăn nuôi ngựa: Giống Khabadin đã được sử dụng lai để nâng cao sức thô kéo, cuối của giống ngựa nội ở một số tỉnh miền Núi như Thái Nguyên, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Kontum. . . số ngựa lai 1/4 máu Khabadin đưa vào sản xuất được nông dân miền Núi, vùng sâu, vùng xa ưa thích, góp phần tăng sức thô. kéo và đi lại cho đồng bào dân tộc.

- **Chăn nuôi dê, thỏ:**

Đã thích nghi được 2 giống dê cao sản ấn Độ Jumnapari và Barbari, có thể chuyển giao vào sản xuất. Dê Bách thảo Việt Nam và con lai của chúng cùng với dê Cỏ đang được nuôi tại 18 tỉnh vùng Trung du và Miền núi phía Bắc với quy mô 3-30 con/hộ. Dê lai nuôi thịt 6 tháng tuổi đạt 17-18kg, cho 0,6-0,9 lít sữa/con/ngày. Dê Bách thảo cho 1,1-1,3 lít sữa/con/ngày. Đã nghiên cứu thành công một số cây cỏ thích hợp để chăn nuôi dê có hiệu quả kinh tế. Năm 2004, đã sản xuất và bán được 931 con dê giống và 10.123 thỏ giống có chất lượng cao cho sản xuất.

5. Lĩnh vực bảo tồn nguồn gen vật nuôi

Đã kết hợp phương pháp nuôi giữ động vật tại bản xứ và áp dụng phương pháp di truyền phân tử để đánh giá bản chất của 51 giống vật nuôi quý của Việt Nam. Bảo tồn được một số giống có nguy cơ mất như lợn ỉ, gà Hồ v.v. Đã chọn lọc phát triển một số giống như cừu Phan Rang, dê Bách Thảo, vịt Bầu quỳ, gà H'mông;

6. Dinh dưỡng, chế biến thức ăn.

Trong 18 năm qua, đã tập trung cho nghiên cứu đánh giá thành phần và giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn cho vật nuôi với 1551 loại thức ăn (650 loại cho đại gia súc, 531 loại cho lợn và 370 loại cho gia cầm). Đã tiến hành nghiên cứu và xác định được nhu cầu của hầu hết các đối tượng vật nuôi. Đã nghiên cứu và đưa vào ứng dụng rộng rãi trong sản xuất kỹ thuật chế biến các phụ phẩm nông, công nghiệp qua trọng như rom lúa, thân lá lạc, phụ phẩm của công nghiệp mía đường (bã, ngọn, lá, rì mật), phụ phẩm của công nghiệp chế biến thủy hải sản (đầu tôm, bột cá)..vv.

7. Nghiên cứu chế biến sản phẩm chăn nuôi

Ngoài việc nghiên cứu chế biến các sản phẩm chăn nuôi truyền thống như gà ác hầm thuốc Bắc, thịt vịt, ngan hầm măng, gia vị ướp thịt... đã bắt đầu NC các quy trình công nghệ chế biến các sản phẩm phục vụ các bữa ăn nhanh, bảo quản được lâu trong điều kiện tự nhiên, sản xuất Premix Vitamin để sản xuất gan béo thay hàng nhập ngoại từ Pháp.

8. Công nghệ sinh học

+ Công nghệ thụ tinh nhân tạo vật nuôi

- Hoàn thiện quy trình công nghệ thụ tinh nhân tạo cho gà, ngỗng, ngan lai vịt, sản xuất HTNC đông khô có hoạt tính sinh học cao (1000 đvc), môi trường pha loãng và bảo tồn tinh dịch lợn VCN có giá trị bảo tồn 36 - 48h. Đã thử nghiệm môi trường pha loãng tinh dịch lợn 5-7 ngày nhằm phục vụ cho sản xuất nhất là vùng phải vận chuyển đi xa và lâu ngày. Bước đầu nghiên cứu kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho dê và gà tây.

+ Công nghệ cấy truyền phôi tươi và phôi đông lạnh: Cho đến năm 2004, đã có hàng trăm bò được tạo ra nhờ công nghệ này. Những bò này sinh trưởng phát triển cao hơn 30-40%, cho năng suất sữa cao hơn 25-30% so với những bò khác cùng giống. Đã thành công trong việc xác định giới tính của phôi. Đã cắt một phôi thành 2 tạo ra 2 bê giống nhau.

+ Công nghệ gen động vật: các nhà nghiên cứu chăn nuôi đã làm chủ được kỹ thuật nhân gen PCR trên các thiết bị đã có ở Việt Nam. Công việc này đã được triển khai và bước đầu có kết quả với gen Halothane trên lợn, gen Kappacasein và β -lactoglobulin trên bò.

+ Ứng dụng công nghệ lên men để: + bảo quản phụ phẩm nông nghiệp và thủy sản làm thức ăn cho chăn nuôi: Đã hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến tãng urê ri mật (MUB) chế biến rơm bằng cách ủ với urê 2,5-4% giúp nâng tỷ lệ tiêu hoá trong dạ cỏ của bò từ 30-35% lên 45-55%, số lượng rơm bò ăn tăng hơn 1,5 lần. Nhờ đó tăng giá trị sử dụng rơm lên gấp 2 lần cho chăn nuôi trâu bò.

+ Chế biến phụ phẩm súc, hải sản làm thức ăn bổ sung cho vật nuôi:- Xác định được nguồn nguyên liệu, phương thức thu gom, quy trình công nghệ sản xuất thủ công bột xương, bột máu, ủ chua phụ phẩm tôm bằng rỉ mật hoặc hỗn hợp rỉ mật - máu.

+ Xử lý chất thải chăn nuôi làm giảm ô nhiễm môi trường và tạo nguồn khí đốt Biogas Viện đã nghiên cứu phổ biến rộng rãi lắp đặt hệ thống sản xuất khí biogas từ chất thải chăn nuôi trâu bò, lợn, thông qua túi polyetilen (trong những năm 1990) và xây dựng hầm kiên cố (như ngày nay) cho gia đình nông dân, cơ quan, quân đội, góp phần cung cấp năng lượng (thắp sáng, chất đốt, sưởi ấm ...), bảo vệ môi trường cộng đồng ở những nơi có nền chăn nuôi phát triển.

II. Kết quả chuyển giao TBKT vào sản xuất từ 1993 – 2004. (Không có số liệu cụ thể từ 1986-1992).

1. Kết quả chuyển giao con giống gia súc gia cầm

TT	Loại gia súc, gia cầm	Địa điểm chuyển giao	Số lượng
1.	Lợn giống siêu nạc - Lợn đực giống ngoại - Lợn cái giống ngoại	Thái Nguyên, Cao Bằng, Sơn la, Vĩnh Phúc, Bắc Cạn, Hải dương, Hà nội, Nghệ an Bình dương, TP HCM... và các tỉnh thành cả nước. Lạng Sơn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hà Giang, Vĩnh phúc , Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Hoà Bình, Hà nội, Nghệ an Bình dương, TP HCM... và các tỉnh thành cả nước.	5000 con 22310 con
2.	Gà giống - Gà Tam Hoàng - Gà Lương Phượng - Gà Kabir - Gà Ai cập - Gà lai các loại - Gà ác - Ngỗng giống - Chim bồ câu giống - Đà điểu	Thái Nguyên, Cao Bằng, Yên Bái, Thanh Hoá, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Tây, Nghệ An, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh Hà nội, Nghệ an Bình dương, TP HCM, Long An, Cần thơ... và các tỉnh thành trong cả nước.	6.751.616 con 11.063.986 con 12.124.713 con 1.861.120 con 15.295.739 con 1.125.883 con 73.896 con 112.078 con 1.8.011 con
3.	Vịt, ngan giống		
	- Vịt siêu thịt - Vịt siêu trứng - Ngan Pháp	Vĩnh phúc, Bắc Giang, Cao Bằng, Quảng Ninh, Sơn La, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hoà Bình, Thái nguyên, Yên Bái, Nghệ	16.360.200con 17.328.200con 6.261.155 con

TT	Loại gia súc, gia cầm	Địa điểm chuyển giao	Số lượng
		an, Bình dương, TP HCM, Long An, Cần thơ... và các tỉnh thành cả nước	
4.	Trâu, bò giống		
	- Tinh đông lạnh trâu Murrah	Lào Cai, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Hoà	25000 liều
	- Bò giống các loại	Hà Tây, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Quảng Ninh, Bình dương, TP HCM, Long An, Cần thơ, Tây nguyên... và các tỉnh thành cả nước	10.120 con
5.	Dê, thỏ giống		
	- Dê đực giống ngoại	Hoà Bình, Ninh Bình, Hà Tây, Phú Thọ, Yên	8.700 con
	- Thỏ giống ngoại	Bái, Sơn La, Lai châu, Tây nguyên, Bình thuận, Ninh thuận, TPHCM... và các tỉnh.	125.000 con
6.	Cây thức ăn		
	- Hạt cỏ giống các loại	Hoà Bình, Hà Tây, Phú Thọ, Tuyên quang,	4,5 tấn
	- Cây Gigantea	Bắc Cạn, Quảng Ninh, Vĩnh Phú, Hà Tây, Quảng Ninh, Hoà Bình. Lạng Sơn	500 tấn

2. Kết quả tập huấn kỹ thuật, chuyển giao quy trình công nghệ chăn nuôi gia súc, gia cầm

TT	Loại gia súc, gia cầm	Địa điểm chuyển giao	Kết quả nổi bật
1.	Tập huấn kỹ thuật		
	- Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi lợn ngoại hướng nạc	Sơn La, Hoà Bình, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên...	128 lớp/ 6.500 người tham gia
	- Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi gia cầm, thủy cầm	Thái Nguyên, Yên Bái, Bắc Ninh, Bắc Giang, Cao Bằng, Hà Tây, Vĩnh Phúc...	268 lớp/13.092 người tham gia
	- Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò thịt, bò	Hà Tây, Bắc Giang, Sơn La, Tuyên Quang, Hà Giang, Yên	454 lớp/20114 người tham gia

TT	Loại gia súc, gia cầm	Địa điểm chuyển giao	Kết quả nổi bật
	sữa - Hướng dẫn kỹ thuật ấp trứng gia cầm và chuyển giao máy ấp	Bái, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên... Thanh Hoá, Yên Bái, Tuyên Quang, Phú Thọ, Sơn La, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Giang, Ninh Bình, Bắc Cạn, Quảng Ninh, Nghệ an, Hà tĩnh, Huế, các tỉnh Nam bộ, Tây nguyên ...	gia 542 lớp/2522 người tham gia
2.	<i>Chuyển giao quy trình chăm sóc nuôi dưỡng gia súc, gia cầm</i>		
	- Quy trình phòng bệnh cho gà nuôi chăn thả vùng Miền núi, Trung du - Quy trình kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng bò thịt, bò sữa - Quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn ngoại có tỷ lệ nạc cao trong nông hộ - Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gia cầm trong nông hộ - Phương pháp cho ăn hạn chế gà Ri, Lương Phượng	Hà Tây, Vĩnh phúc, Yên Bái, Tuyên Quang, Phú Thọ, Sơn La, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Giang, Ninh Bình, Bắc Cạn, Quảng Ninh... Hà Tây, Tuyên Quang, Sơn La, Ninh Bình, Bắc Cạn, Quảng Ninh, Hà nội, Hưng yên, Nghệ an, Hà tĩnh, Huế, TP HCM, các tỉnh Nam bộ, Tây nguyên ... Thái Nguyên, Phú Thọ, Hà Tây, Tuyên Quang, Sơn La, Ninh Bình, Bắc Cạn, Quảng Ninh, Hà nội, Hưng yên, Nghệ an, Hà tĩnh, Quảng bình, Quảng Trị... Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Bắc Giang Hà Tây, Tuyên Quang, Sơn La, Ninh Bình, Bắc Cạn, Quảng Ninh, Hà nội, Hưng yên, Nghệ an, Hà tĩnh, Tây nguyên, TP HCM.... Hà Tây, Yên Bái, Tuyên Quang Hà Tây, Tuyên Quang, Sơn La, Ninh Bình, Bắc Cạn, Quảng	Đàn gà nội an toàn dịch bệnh, tỷ lệ nuôi sống đạt 80-90% đến khi giết thịt 80-100 ngày tuổi Đàn bò phát triển ổn định, năng suất sữa đạt $\geq 3500\text{kg/}$ chu kỳ ở đàn bò lai F1, F2 và $\geq 4000\text{kg/}$ chu kỳ ở đàn bò ngoại thuần áp dụng quy trình cho ăn hạn chế đối với lợn nái hậu bị và nái chữa đã làm tăng số con sơ sinh/nái/năm, hạn chế tỷ lệ sảy thai, góp phần tăng năng suất sinh trưởng và sinh sản của lợn ngoại Năng suất sinh trưởng và năng suất trứng của đàn gà bố mẹ và thương phẩm tại nông hộ tương đương với điều kiện nuôi tại Trung tâm NC gia cầm Thụy phương và TTNC và PTCN TP HCM... Đàn gà sinh sản đạt tỷ lệ đẻ và ấp nở cao, tiết kiệm được thức ăn, chăn nuôi

TT	Loại gia súc, gia cầm	Địa điểm chuyển giao	Kết quả nổi bật
	- Quy trình chăn nuôi ngựa lai sinh sản và sản xuất trong hộ nông dân - Chế phẩm sinh học HTNC (sản phẩm, quy trình bảo quản, sử dụng)	Ninh, Hà nội, Hưng yên, Nghệ an, Hà tĩnh... Cao Bằng, Hà Giang, Yên Bái... Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng, Hà Giang, Hà Tây, Tuyên Quang, Sơn La, Ninh Bình, Bắc Cạn, Quảng Ninh, Hà nội, Hưng yên, Nghệ an, Hà tĩnh...	đạt hiệu quả, có lãi Góp phần duy trì ổn định nhịp độ tăng trưởng của đàn ngựa ở địa phương hàng năm 2-3% Đã chuyển giao 120.000 liều kích dục tố HTNC, nâng cao tỷ lệ sinh sản của đàn gia súc ở các tỉnh đối với lợn, bò, nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi gia súc sinh sản.

3. Kết quả xây dựng mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trong nông hộ nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi và giảm thiểu ô nhiễm môi trường

TT	Tên mô hình	Địa điểm	Kết quả nổi bật
1	Mô hình chăn nuôi lợn nạc, gà thả vườn trong điều kiện nông hộ miền núi, trung du	Sơn la, Thái nguyên, Vĩnh phúc, Hà tây....	Góp phần làm tăng hiệu quả kinh tế, xã hội trong chăn nuôi. Góp phần thay đổi tư duy mới cho đồng bào các dân tộc thiểu số về chăn nuôi hàng hoá.
2	Mô hình chăn nuôi trâu sinh sản trong nông hộ	Tuyên quang, Thái nguyên, Bắc cạn, Nghệ an..	Nâng cao nhận thức cho người nông dân về chăn nuôi trâu sinh sản. ổn định mức tăng trưởng đàn trâu ở các địa phương từ 5 – 7%.
3	Mô hình trồng cây Thức ăn chăn nuôi	Tuyên quang, Hà giang, Thái Nguyên, Hà Tây,	Tạo được lượng thức ăn chủ động trong chăn nuôi.
	Trên đất trồng cây ăn quả và rừng tạp	Sơn La, Bắc Cạn, Quảng Ninh...	Nâng cao hiệu quả sử dụng đất đồi rừng . Chuyển giao kỹ thuật trồng , chăm sóc, thu hoạch và sử dụng cây làm thức ăn phục vụ chăn nuôi gia đình

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO VỚI VIỆC CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Năm 2005, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam (KHKTNNMN) sẽ kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Viện - một Viện nghiên cứu về Nông nghiệp lâu đời nhất Đông Dương. Cùng với bề dày lịch sử, nhiều công trình nghiên cứu của Viện đã đi vào thực tế sản xuất, mang đậm dấu ấn của thời gian.

Sau ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng đến nay, Viện KHKTNNMN vẫn là Viện nghiên cứu Nông nghiệp đa ngành duy nhất ở các tỉnh phía Nam. Viện là một trong các đơn vị nghiên cứu sớm chú trọng gắn kết giữa công tác nghiên cứu với đào tạo và công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp vào sản xuất. Trung tâm Huấn luyện và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật Nông nghiệp (nay là Trung tâm chuyển giao TBKT Nông nghiệp) được thành lập từ đầu năm 1989, đã có nhiều đóng góp trong công tác chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp vào sản xuất. Ngoài ra, 4 Trung tâm khác trực thuộc Viện như: Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc, Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Đồng Tháp Mười, Trung tâm Nghiên cứu Huấn luyện Chăn nuôi Bình Thắng, Trung tâm Nghiên cứu Huấn luyện Chăn nuôi Gia súc lớn, là những Trung tâm có chức năng nghiên cứu, huấn luyện và chuyển giao TBKT theo chuyên ngành cho các địa phương. Chính nhờ Viện luôn coi trọng công tác nghiên cứu gắn liền với huấn luyện và chuyển giao TBKT vào sản xuất nên đã đóng góp một cách hiệu quả vào sự phát triển nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam.

1. Công tác nghiên cứu khoa học công nghệ

Trước những yêu cầu đòi hỏi lớn của thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, Viện KHKTNNMN cũng đặt ra cho mình những hướng nghiên cứu mới cho chiến lược hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, đáp ứng nhu cầu của sản xuất.

Hiện tại Viện đang chủ trì và phối hợp thực hiện:

- + 3 dự án giống Quốc Gia (giống điều, sắn và lợn)
- + 3 dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp nhà nước.

+ 4 chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2001-2005 nhằm nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ và thị trường (lúa gạo, điều, hồ tiêu và thịt heo)

+ 3 đề tài độc lập cấp Nhà nước

+ 6 đề tài trọng điểm cấp Bộ

+ 30 đề tài thường xuyên cấp ngành

+ 32 đề tài hợp tác với địa phương

+ 10 đề tài, Dự án hợp tác Quốc tế

Từ những chương trình, Dự án, đề tài nghiên cứu trên, Viện đã có những kết quả nghiên cứu nổi bật, đóng góp một cách thiết thực vào sự nghiệp Phát triển nông nghiệp và nông thôn. Đó là nguồn tiến bộ kỹ thuật đã và đang chuyển giao cho sản xuất, như:

-Những giống lúa cao sản, đặc sản phục vụ xuất khẩu, giống lúa cho vùng khó khăn (phèn, mặn..)

Giống bắp lai đơn ngắn ngày, năng suất cao như V98-1, VNN25-99, giống bắp nếp ăn tươi N-1, N-2...

Giống sắn có năng suất cao (30-35 tấn/ha) và giàu hàm lượng tinh bột (28-30%) để chế biến công nghiệp như: KM 94, KM95, KM96, KM98...

Các giống điều cao sản đạt năng suất 2-3,5 tấn/ha

Giống đậu xanh, đậu phộng, đậu nành đạt năng suất 2-3 tấn/ha

Giống heo lai 2 và 3 máu có tỷ lệ nạc trên 52%, chất lượng thịt tốt.

Giống bò sữa lai (F1, F2, F3 Hà lan) đạt năng suất 12-15 lít sữa /ngày, phù hợp với điều kiện chăn nuôi Việt Nam.

Giống dê lai cho năng suất sữa cao (2-2,5 lít/ngày)

Nhiều quy trình kỹ thuật đã được Hội đồng Khoa học Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, đang được ứng dụng vào sản xuất...

Để kết quả nghiên cứu đến đâu được ứng dụng vào sản xuất được đến đó, Viện đã có những kinh nghiệm ***gắn kết giữa công tác nghiên cứu, khuyến nông và sản xuất***. Một điển hình tiêu biểu là việc xây dựng mạng lưới nghiên cứu và khuyến nông sản Việt nam – FPE (Farmer Reseacher & Extensionist Person- Trade) được Viện khởi xướng từ năm 1991, với sự hợp tác của CIAT (Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Nông nghiệp nhiệt đới) và Công ty VEDAN (đầu tư, thu mua, chế biến sắn). Thông qua 70 điểm thí nghiệm, thử nghiệm và cùng nông dân trình diễn giống sắn (FPR) hàng năm, các giống sắn mới năng suất cao như KM94, KM95, KM96, KM98... được ứng dụng và phát triển nhanh chóng vào sản xuất, đến nay đạt trên 95.000 ha, chiếm trên 40% diện

tích sản cả nước. Chính nhờ vậy, năm 2002 năng suất sản bình quân của Việt nam đạt 12,69 tấn/ha so với 8,44 tấn/ha năm 1994, sản lượng đạt 4,15 triệu tấn, tăng gấp đôi sản lượng sản năm 1990.

2. Công tác đào tạo và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

Từ kinh nghiệm thực tế, Viện KHKTNNMN đã đúc kết 6 yêu cầu để thực hiện tốt công tác chuyển giao TBKT vào sản xuất nông nghiệp, gồm 6 chữ M sau đây:

- Manpower (nguồn nhân lực)
- Material (vật chất, đầu vào)
- Money (tiền, tín dụng)
- Method (phương pháp)
- Management (quản lý)
- Marketing (thị trường, đầu ra)

2.1. Manpower (nguồn nhân lực)

Nguồn nhân lực cho hoạt động khuyến nông ở Việt nam còn thiếu về số lượng và hạn chế về chất lượng, nhất là ở vùng xa, vùng sâu, miền núi. Tại vùng Đồng Tháp Mười, lực lượng khuyến nông viên mới dừng lại ở cấp huyện, còn cấp xã và ấp thì chưa có. Chính vì vậy, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp Mười trong những năm qua đã mở nhiều lớp đào tạo khuyến nông viên cơ sở cấp huyện và xã ở hầu hết các huyện của Đồng Tháp Mười. Tại các khoá đào tạo này, các khuyến nông viên được trao đổi thêm **kiến thức về kỹ năng khuyến nông, cập nhật những thông tin mới về khoa học kỹ thuật nông nghiệp** để hỗ trợ một cách hiệu quả cho công tác chuyển giao TBKT vào sản xuất nông nghiệp.

Để đào tạo tay nghề cho các khuyến nông viên và nông dân, các cơ sở huấn luyện thực hành là rất cần thiết. Hà lan là một trong những nước có nền chăn nuôi rất phát triển và cũng chính là nơi có hệ thống các trường huấn luyện thực hành rất có hiệu quả, đáp ứng thiết thực cho sản xuất như: trường huấn luyện thực hành Barneveld đã tồn tại gần 40 mươi năm nay. Các nước khác trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Philippines cũng có các trường, các cơ sở huấn luyện thực hành, đó là Trung tâm Nghiên cứu và Huấn luyện chăn nuôi gia súc lớn (do Vương Quốc Bỉ giúp) và Trung tâm Nghiên cứu huấn luyện chăn nuôi Bình Thắng (do Vương Quốc Hà lan giúp). Cơ sở huấn luyện thực hành hoạt động hoàn toàn không giống như các trường đào tạo nghiệp vụ hay Trung tâm hướng nghiệp. Huấn luyện thực hành thực sự lấy vai trò học viên làm Trung tâm với việc trao đổi thông tin đa chiều qua lại giữa giảng viên và học viên và giữa học viên với nhau nhằm nâng cao hiệu quả của phương pháp huấn luyện. Nhờ đó, học viên tiếp thu kiến thức và kỹ năng thực hành một cách chủ động, tự

tin trong công việc chuyên môn của mình. Không những thế, các học viên còn có khả năng huấn luyện, hướng dẫn lại cho đồng nghiệp hoặc nông dân khác.

* Vậy, huấn luyện thực hành là nơi:

- Học những gì học viên có nhu cầu
- Huấn luyện những gì giảng viên sàng lọc

Tỷ lệ giờ học thực hành cao hơn hoặc bằng với giờ học lý thuyết

Điều kiện thực hành sát với điều kiện sản xuất (mô hình, công nghệ phù hợp)

- Phương pháp tiếp cận thông tin, công nghệ trực tiếp đa dạng.

* Cơ sở huấn luyện thực hành cần có:

- Cơ sở vật chất và con người phù hợp

điều kiện thực hành phải sát với thực tiễn

- Các phương pháp áp dụng trong huấn luyện phải đa dạng, dễ ứng dụng và mang tính kinh tế cao

Đội ngũ giảng viên giàu kiến thức, có kinh nghiệm và kỹ năng huấn luyện thực hành.

Cơ sở huấn luyện phải có mối liên hệ chặt chẽ với nghiên cứu và sản xuất để nắm bắt kịp thời thông tin mới và đúng nhu cầu của sản xuất.

* Các đối tượng đã được đào tạo tại 2 Trung tâm nêu trên:

- Cán bộ khuyến nông các cấp, khuyến nông viên, kỹ thuật viên
- Cán bộ quản lý thuộc các cơ sở chăn nuôi nhà nước và tư nhân
- Giáo viên dạy chăn nuôi tại các trường Đại học, Trung học, Trung cấp nông nghiệp

- Hội viên thuộc các đoàn thể có hoạt động chăn nuôi

- Người chăn nuôi với quy mô từ nhỏ tới lớn

* Kết quả đào tạo tại hai Trung tâm huấn luyện kể trên (8 năm):

- Tổ chức được 415 khoá huấn luyện

- Đào tạo được 10.803 học viên, trong đó tại Trung tâm Bình Thắng học viên là nữ chiếm 34,4%

- Số địa phương tham gia huấn luyện: 54 tỉnh, thành phố

- Nội dung huấn luyện: Kỹ thuật chăn nuôi lợn, gà, bò sữa, bò thịt, công tác giống, dinh dưỡng, thú y, kỹ thuật sản xuất thức ăn, xử lý chất thải chăn nuôi, quản lý kinh tế và kỹ thuật cho trại chăn nuôi...

Để đào tạo nguồn nhân lực cho công tác khuyến nông, cần có ự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan, tổ chức khuyến nông với các Trường Đại học Nông nghiệp - nơi đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho công tác khuyến nông và các Viện nghiên cứu, nơi cập nhật hoá kiến thức và rèn luyện tay nghề cho các khuyến nông viên. Ngoài ra, cần có sự hỗ trợ, đầu tư kinh phí nhiều hơn nữa cho công tác đào tạo, huấn luyện nguồn nhân lực phục vụ cho công tác khuyến nông.

2.2. Material (vật chất, vật tư):

Đây là vật tư cung ứng đầu vào cho các chương trình khuyến nông như: hạt giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y... kèm theo là quy trình sử dụng. Tuy nhiên, hiểu rộng ra thì đây cũng là nguồn tiến bộ kỹ thuật mới cần chuyển giao cho nông dân. Một trong những yếu tố thành công của khuyến nông ở Mỹ là luôn có đủ hạt giống chất lượng cao, phân bón, vật tư nông nghiệp cần thiết, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất... đủ cho mọi nhu cầu. Khuyến nông có thể đưa ra những khuyến cáo, thông tin cần thiết về chất lượng, giá cả... để nông dân lựa chọn. ở Việt Nam, trong nền kinh tế lấy hộ nông dân là đơn vị sản xuất tự chủ, người nông dân rất cần các thông tin và dịch vụ khuyến nông đáng tin cậy về vật tư cung ứng đầu vào, giúp nông dân có thể an tâm sử dụng. Trong những chương trình khuyến nông lớn, nên kết hợp đồng bộ từ cung ứng đầu vào, hướng dẫn kỹ thuật, giải quyết đầu ra (liên kết 4 nhà) thì sẽ đạt hiệu quả cao.

2.3. Money (tiền, kinh phí)

Những năm gần đây Nhà nước đã giành những nguồn kinh phí lớn cho hoạt động khuyến nông theo các chương trình trọng điểm như chương trình cây lương thực, chương trình chăn nuôi, chương trình cây công nghiệp, cây ăn quả, chương trình khuyến lâm, khuyến ngư... đã góp phần phát triển sản xuất với mức tăng trưởng khá cao. Ngoài ra, nguồn ngân sách khuyến nông nên chú ý thêm các lĩnh vực khác như: ứng dụng công nghệ chế biến sau thu hoạch, phát triển ngành nghề, dạy nghề cho thanh niên ở nông thôn, cập nhật hoá kiến thức cho cán bộ khuyến nông... Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước, còn nhiều kinh phí từ các nguồn khác trong thời gian qua cũng góp phần tích cực cho phong trào khuyến nông như: Công ty phân bón Bình Điền đã đầu tư cho Hội thi “Nhà nông đua tài”, Công ty thuốc bảo vệ thực vật An Giang đầu tư cho chương trình trồng và tiêu thụ rau an toàn tại thành phố Hồ Chí Minh...

Ngoài ngân sách dành cho hoạt động khuyến nông, nguồn vốn tín dụng giúp cho nông dân có điều kiện ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới cũng rất quan trọng vì đại đa số nông dân rất thiếu vốn sản xuất. Trong nhiều chương trình chuyển giao TBKT, Viện KHKTNNMN rất chú trọng xây dựng những mô hình tín dụng giúp vốn cho nông dân nghèo ứng dụng kỹ thuật mới như:

- Chương trình tín dụng giúp nông dân nghèo trồng bắp lai Đồng Tháp, Sóc Trăng, Bình Thuận: Nông dân nghèo muốn trồng bắp lai được nhận giống, phân bón và dự lớp tập huấn, có cán bộ kỹ thuật hướng dẫn thường xuyên.

- Mô hình tín dụng tự quản (tín chấp theo từng nhóm) kết hợp với chuyển giao KHKT trong chương trình hợp tác ISA/FOS/DTM (Viện KHKTNNMN/tổ chức phi Chính phủ của Bỉ thực hiện tại vùng Đồng Tháp Mười). Từ năm 1994 đến 5/2002 quỹ tín dụng này đã cho 35,479 lượt hộ được vay với tổng số vốn quay vòng là 36,479 tỷ đồng. Chương trình tín dụng này được phối hợp chặt chẽ với chương trình Chuyển giao TBKT của Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Đồng Tháp Mười nên đã đạt kết quả rất tốt. đến nay, quỹ tín dụng này đã được bàn giao về cho các địa phương quản lý.

- Chương trình tín dụng phát triển các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi bò sữa (hợp tác với Vương quốc Bỉ): đến nay qua 7 năm hoạt động, số vốn quay vòng trên 7 tỷ đồng, hơn 600 hộ thuộc 6 tỉnh được vay vốn để phát triển chăn nuôi bò sữa. Nông dân trước khi vay vốn mua bò sữa, được tham dự lớp tập huấn, được hướng dẫn kỹ thuật và giới thiệu nguồn bò sữa giống tốt.

- Dự án “Sản xuất thử nho an toàn NH01-48 có sử dụng các chế phẩm hữu cơ sinh học tại Ninh Thuận” là Dự án đầu tiên tại Ninh Thuận được ngành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tỉnh phối hợp cho nông dân trồng nho vay vốn (bằng vật tư của Dự án) để giúp dân ứng dụng các kỹ thuật mới vào nghề trồng nho của tỉnh.

Vì vậy, trong các chương trình chuyển giao TBKT nông nghiệp, ngoài yếu tố “4 nhà” là Nhà nước, Nhà khoa học, Nhà nông, Nhà doanh nghiệp, rất cần thêm Nhà băng, ngân hàng, các tổ chức tín dụng của tập thể, tư nhân, các tổ chức phi Chính Phủ...tạo điều kiện cho Nông dân có vốn để ứng dụng được các tiến bộ mới vào sản xuất.

2.4. Method (phương pháp)

Trong công tác chuyển giao TBKT vào sản xuất nông nghiệp, để đạt được kết quả tốt, Viện KHKTNNMN đã áp dụng đồng bộ nhiều phương pháp, hình thức chuyển giao để giúp cho TBKT mới đến với nông dân nhanh và đạt hiệu quả cao. Qua thực tế, Viện đã đúc kết ra 10 chữ T được ứng dụng như sau:

*** Tìm tiến bộ kỹ thuật thích hợp**

Việc lựa chọn TBKT thích hợp là yếu tố quan trọng giúp cho công tác chuyển giao được thành công. Những TBKT mới được nông dân chấp nhận khi:

- Phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương
- Phù hợp với trình độ sản xuất của nông dân
- Phù hợp với điều kiện kinh tế của người áp dụng
- Phù hợp với yêu cầu của thị trường tiêu thụ

- Đem lại hiệu quả kinh tế cho người ứng dụng

* Thử nghiệm (các Viện, trường)

Cần thử nghiệm kỹ thuật mới tại địa bàn mới có nông dân cùng tham gia trước khi triển khai trên diện rộng. Qua đó đánh giá lại xem các TBKT có thực sự phù hợp với địa phương đó hay không? Khi xác định các biện pháp cần áp dụng phải tính toán hiệu quả kinh tế, lắng nghe ý kiến của nông dân, rút ra những kinh nghiệm cần thiết để triển khai trên diện rộng.

* Trình diễn TBKT trên diện rộng

Trình diễn TBKT trên ruộng vườn, chuồng, trại của nông dân là công việc thường xuyên của công tác chuyển giao TBKT mới vào sản xuất. Kết quả tốt ở các điểm trình diễn sẽ tạo được niềm tin và tiếng vang trong vùng, giúp cho các nông dân khác mạnh dạn khi áp dụng. Ngược lại, nếu điểm trình diễn thất bại rất khó thuyết phục những nông dân trong vùng. Vì vậy, ngoài việc lựa chọn TBKT thích hợp, địa điểm trình diễn thích hợp, còn phải lựa chọn nông dân giỏi, có trình độ, có uy tín trong vùng và có điều kiện áp dụng thành công kỹ thuật mới.

* Tập huấn

Có nhiều phương pháp để nâng cao trình độ sản xuất của nông dân, những lớp tập huấn là một trong những hình thức chuyển tải được nhiều thông tin đến người nông dân. Trong lớp tập huấn, người nói và người nghe có điều kiện trao đổi thông tin trực tiếp với nhau. Viện thường áp dụng phương pháp *thảo luận với người nông dân*: cán bộ kỹ thuật đóng vai trò dẫn dắt buổi thảo luận, khuyến khích nông dân đề nghị. Sau lớp tập huấn, tạo điều kiện cho nông dân áp dụng thử trên ruộng vườn của mình.

* Thăm viếng, trao đổi thông tin hai chiều

Trong các chương trình chuyển giao TBKT, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông cần luôn theo sát, giữ mối quan hệ chặt chẽ với nông dân, nhất là giai đoạn đầu khi nông dân mới áp dụng kỹ thuật mới còn nhiều bỡ ngỡ. Nhờ những buổi thăm viếng này mà cán bộ kỹ thuật có điều kiện nắm bắt thông tin từ nông dân để xử lý thông tin kịp thời, giúp nông dân có biện pháp tháo gỡ khó khăn. Cũng có thể tổ chức các buổi tọa đàm theo nhóm để cán bộ kỹ thuật, khuyến nông viên nhận được thông tin nhanh và sát thực tế.

* Tham quan, Hội nghị đầu bờ

Tổ chức các buổi tham quan, hội nghị đầu bờ giúp cho nông dân tận mắt chứng kiến các TBKT mới được ứng dụng vào sản xuất, được trao đổi kinh nghiệm với người đã áp dụng, qua đó củng cố thêm được niềm tin cho các nông dân khác. Ngoài ra, tổ chức tham quan các mô hình sản xuất hay còn tạo điều kiện cho nông dân học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm bổ ích của các nơi khác.

Để khuyến khích Nông dân sản xuất giỏi, cần phát động những phong trào thi đua. Hội thi Nhà nông đua tài do Nhà máy phân bón Bình Điền khởi xướng thực sự có tác dụng tốt, khuấy động được phong trào thi đua giữa nông dân các tỉnh. Tỉnh An Giang là tỉnh sớm có phong trào thi đua, xét bình chọn nông dân sản xuất giỏi cấp tỉnh, có các chính sách ưu tiên khuyến khích để nông dân phấn đấu đạt danh hiệu Nông dân Sản Xuất giỏi. Trong các chương trình chuyển giao TBKT, Viện cũng đã phát động một số chương trình thi đua cho nông dân như thi sản xuất cây trồng đạt năng suất cao. Kết quả là một số nông dân đã đạt được năng suất bấp lai kỷ lục ở các tỉnh phía Nam và đã được khen thưởng.

* Tổng kết, khen thưởng

Khi kết thúc các chương trình chuyển giao TBKT đều cần có tổng kết, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm và biểu dương khen thưởng những nông dân đạt thành tích.

2.5. *Manegement* (quản lý)

Tất cả các chương trình chuyển giao TBKT, muốn hoạt động tốt đều cần có sự quản lý, điều hành tốt: quản lý tốt từ nội dung, kế hoạch hoạt động, đến nhân sự và kinh phí.

2.6. *Marketing* (thị trường)

Đối với người nông dân thì “trúng mùa không bằng trúng giá”. Vì vậy, trước khi thực hiện các chương trình chuyển giao TBKT, cần quan tâm đến vấn đề thị trường (đầu ra). Trong một số chương trình chuyển giao TBKT, Viện cũng đã thực hiện liên kết với doanh nghiệp để giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, để giải quyết được bài toán đầu ra cho nông sản phẩm của Việt nam, cần giải quyết được những vấn đề ở tầm vĩ mô như quy định giá sàn cho một số nông sản chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến để nâng giá trị sản phẩm, tìm kiếm thị trường xuất khẩu, thành lập các Hiệp hội chuyên ngành, cung cấp kịp thời cho nông dân các thông tin về thị trường, giá cả. Việc liên kết “4 nhà” để thực hiện tốt quyết định 80/TTG của Thủ tướng Chính Phủ giúp tiêu thụ nông sản cho nông dân có ý nghĩa rất quan trọng để giải quyết đầu ra cho nông sản.

Trên đây là một số kinh nghiệm của viện KHKTNNMN rút ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyển tải các kết quả nghiên cứu KHKT vào sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam. Công tác chuyển giao TBKT không đơn thuần chỉ là yếu tố kỹ thuật. Đó là một quá trình hoạt động mang tính chất tổng hợp nhiều yếu tố cùng tác động như kinh tế, kỹ thuật, xã hội, môi trường. Để đạt kết quả tốt, đòi hỏi những người làm công tác này không chỉ có tâm huyết, nhiệt tình là đủ, mà còn cần được đào tạo, trang bị những kiến thức, những kỹ năng khuyến nông cần thiết và cần được cập nhật hoá kiến thức KHKT thường xuyên. Cần có những chính sách hỗ trợ của Nhà nước

Để khuyến khích Nông dân sản xuất giỏi, cần phát động những phong trào thi đua. Hội thi Nhà nông đua tài do Nhà máy phân bón Bình Điền khởi xướng thực sự có tác dụng tốt, khuấy động được phong trào thi đua giữa nông dân các tỉnh. Tỉnh An Giang là tỉnh sớm có phong trào thi đua, xét bình chọn nông dân sản xuất giỏi cấp tỉnh, có các chính sách ưu tiên khuyến khích để nông dân phấn đấu đạt danh hiệu Nông dân Sản Xuất giỏi. Trong các chương trình chuyển giao TBKT, Viện cũng đã phát động một số chương trình thi đua cho nông dân như thi sản xuất cây trồng đạt năng suất cao. Kết quả là một số nông dân đã đạt được năng suất bấp lai kỷ lục ở các tỉnh phía Nam và đã được khen thưởng.

*** Tổng kết, khen thưởng**

Khi kết thúc các chương trình chuyển giao TBKT đều cần có tổng kết, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm và biểu dương khen thưởng những nông dân đạt thành tích.

2.5. Management (quản lý)

Tất cả các chương trình chuyển giao TBKT, muốn hoạt động tốt đều cần có sự quản lý, điều hành tốt: quản lý tốt từ nội dung, kế hoạch hoạt động, đến nhân sự và kinh phí.

2.6. Marketing (thị trường)

Đối với người nông dân thì “trúng mùa không bằng trúng giá”. Vì vậy, trước khi thực hiện các chương trình chuyển giao TBKT, cần quan tâm đến vấn đề thị trường (đầu ra). Trong một số chương trình chuyển giao TBKT, Viện cũng đã thực hiện liên kết với doanh nghiệp để giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, để giải quyết được bài toán đầu ra cho nông sản phẩm của Việt nam, cần giải quyết được những vấn đề ở tầm vĩ mô như quy định giá sàn cho một số nông sản chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến để nâng giá trị sản phẩm, tìm kiếm thị trường xuất khẩu, thành lập các Hiệp hội chuyên ngành, cung cấp kịp thời cho nông dân các thông tin về thị trường, giá cả. Việc liên kết “4 nhà” để thực hiện tốt quyết định 80/TTG của thủ tướng Chính Phủ giúp tiêu thụ nông sản cho nông dân có ý nghĩa rất quan trọng để giải quyết đầu ra cho nông sản.

Trên đây là một số kinh nghiệm của viện KHKTNNMN rút ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyển tải các kết quả nghiên cứu KHKT vào sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam. Công tác chuyển giao TBKT không đơn thuần chỉ là yếu tố kỹ thuật. Đó là một quá trình hoạt động mang tính chất tổng hợp nhiều yếu tố cùng tác động như kinh tế, kỹ thuật, xã hội, môi trường. Để đạt kết quả tốt, đòi hỏi những người làm công tác này không chỉ có tâm huyết, nhiệt tình là đủ, mà còn cần được đào tạo, trang bị những kiến thức, những kỹ năng khuyến nông cần thiết và cần được cập nhật hoá kiến thức KHKT thường xuyên. Cần có những chính sách hỗ trợ của Nhà nước

Trung ương và các tỉnh, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp các ngành ở các địa phương đối với các chương trình khuyến nông, chương trình chuyển giao các TBKT vào sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, cần có sự phối hợp nhiều hơn nữa, chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan đào tạo- nơi cung cấp nguồn nhân lực cho công tác Khuyến nông, các Viện nghiên cứu- nơi cung cấp nguồn tiến bộ kỹ thuật và các cơ quan quản lý và chỉ đạo sản xuất -Nơi có vai trò đứng ra khâu mối liên kết này, không ai khác hơn, chính là Trung tâm Khuyến nông Quốc Gia - nơi đang quản lý các Chương trình Khuyến nông Quốc Gia.

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM VỚI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG HỖ TRỢ NÔNG DÂN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

NGUYỄN THỊ LOAN

PHÓ GIÁM ĐỐC - TRUNG TÂM HỖ TRỢ NÔNG DÂN, NÔNG THÔN

Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội, nằm trong hệ thống chính trị đại diện cho giai cấp nông dân. Hội có hệ thống tổ chức đến tận thôn, ấp, bản, làng, ở mỗi địa bàn đều thành lập các chi, tổ hội nông dân. Hoạt động của các cấp Hội và phong trào nông dân trong cả nước đã có những đóng góp quan trọng, góp phần đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển nhanh hơn, giữ vững ổn định chính trị và tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội của đất nước.

Xin báo cáo tóm tắt về một số kết quả vừa qua mà Hội nông dân đã tham gia công tác Khuyến nông, khuyến lâm gắn với hoạt động của các cấp hội :

1. Hội nông dân với việc tuyên truyền, vận động, tổ chức nông dân tích cực tham gia thực hiện công tác Khuyến nông, Khuyến lâm, phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn

Tháng 12/2000 Hội Nông dân Việt Nam với Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ký kết chương trình phối hợp hoạt động hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cải thiện đời sống và xây dựng nông thôn mới. Hội đã phối hợp với Bộ và chỉ đạo và các cấp Hội tập trung tuyên truyền các giải pháp để phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ, tham gia các tổ chức hợp tác ở nông thôn, nhằm vừa phát triển sản xuất, vừa tiêu thụ được sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất của nông dân. Hội đã chủ động phối hợp với cơ quan thông tin báo chí mở các chuyên mục xuất bản hàng chục vạn các ấn phẩm, tạp chí, tờ in nhằm truyền thông, phổ biến kiến thức về khoa học kỹ thuật và công nghệ mới. Hội thường xuyên chọn những nhân tố điển hình, những mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao ở các địa phương để tập trung tuyên truyền, phổ biến cách làm hay; thông qua công tác Khuyến nông, tổ chức các hội thảo đầu bờ, tập huấn, xây dựng điểm trình diễn, giới thiệu gương người tốt, việc tốt và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh giỏi cho toàn thể cán bộ và hội viên nông dân cả nước. Phối hợp với

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Đài truyền hình Việt Nam mời 18 chủ trang trại đại diện cho 6 tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng về Hà Nội toạ đàm “cùng với nông dân bàn cách làm giàu”, tổ chức giao lưu về văn hoá, khoa học kỹ thuật cho 300 nông dân ở 5 tỉnh tại trường quay S9 Đài Truyền hình Việt Nam; tổ chức hội thi “Nhà nông đua tài”.

Thông qua những cuộc họp định kỳ ở các chi, tổ hội nông dân, các câu lạc bộ hoặc hội nghị, hội thảo, mô hình do hội nông dân tổ chức nhằm tuyên truyền, vận động hội viên nông dân và người lao động ở nông thôn hăng hái ứng dụng nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp, chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

2. Hội nông dân với việc phối hợp tổ chức tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới cho nông dân

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khoá IX) về “Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010” đã chỉ rõ : “*Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn chuyển dịch chậm, chưa theo sát với thị trường. Sản xuất nông nghiệp ở nhiều nơi còn phân tán, manh mún, mang nhiều yếu tố tự phát; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất chậm; trình độ khoa học, công nghệ của sản xuất nhiều mặt còn lạc hậu nên năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều sản phẩm nông nghiệp còn thấp, kém hiệu quả và thiếu bền vững...*”. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến những tồn tại trên là lao động nông thôn nói chung và nông dân nói riêng xuất phát từ một nền nông nghiệp lạc hậu, lại trải qua nhiều năm chiến tranh, nông dân và nông thôn nước ta còn nghèo, thiếu vốn, dân trí thấp, nên việc áp dụng thành tựu khoa học - công nghệ mới vào sản xuất còn nhiều bất cập. Chính vì vậy, trong nhiều năm qua Hội đã tập trung phối hợp với Ngành nông nghiệp trong cả nước tổ chức hàng vạn lớp tập huấn chuyển giao những tiến bộ KHKT, công nghệ mới cho nông dân.

5 năm qua (1999-2004), Hội đã phối hợp với cơ quan Khuyến nông mở trên 42 vạn lớp tập huấn kỹ thuật cho trên 10 triệu lượt nông dân tham dự. Hình thành hàng vạn câu lạc bộ nông dân, câu lạc bộ Khuyến nông, câu lạc bộ sản xuất kinh doanh giỏi - vay vốn, thu hút hàng chục vạn lượt hội viên nông dân tham gia sinh hoạt.

Sau khi nông dân và cán bộ hội tham dự các lớp tập huấn khuyến nông, chuyển giao KHKT về địa phương sản xuất hầu hết có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn sản xuất tại gia đình đạt hiệu quả, ngoài ra còn giúp đỡ nhiều hộ khác áp dụng quy trình sản xuất theo kỹ thuật và công nghệ mới đã mang lại hiệu quả thiết thực. Đến nay có nhiều gương điển hình trong sản xuất nông nghiệp, nhiều nông dân giỏi đã trở thành “Tiểu giáo viên” để truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm cho các hộ khác học tập và làm theo.

3. Hội nông dân trong hoạt động phối hợp xây dựng mô hình khuyến nông về cây trồng, con nuôi có năng suất, chất lượng cao

Một trong những nội dung quan trọng của chương trình phối hợp giữa Hội Nông dân với Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đạt được hiệu quả cao và được nhiều người hưởng ứng là việc chỉ đạo xây dựng mô hình về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi có năng suất và chất lượng cao, nhằm giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người nông dân.

Trong 5 năm qua Hội đã phối hợp với cơ quan Khuyến nông xây dựng trên 10.000 điểm trình diễn kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt và có tính cạnh tranh cao trên thị trường. Qua việc thực hiện mô hình đã tác động đến nhận thức của nhiều người trong việc thúc đẩy phong trào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao và đang có thị trường tiêu thụ ổn định. Giúp hội viên nông dân nói chung và hội viên là người dân tộc thay đổi dần tập quán sản xuất cũ, năng suất và chất lượng thấp, mạnh dạn ứng dụng KHKT và công nghệ mới vào sản xuất, thay giống cũ bằng giống mới có năng suất cao, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người nông dân. Mô hình trình diễn khi thành công đã được nhân ra diện rộng cho nhiều hộ nông dân trong vùng và các địa phương khác đến tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm và cùng làm.

Chính việc nông dân được tham dự các lớp tập huấn Khuyến nông chuyển giao tiến bộ KHKT, công nghệ mới; tham gia xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật, mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất gắn với thị trường – nền sản xuất nông nghiệp ở nước ta đã có bước phát triển rõ nét, trước đây nông dân làm ra 17 triệu tấn lương thực vô cùng khó khăn, ngày nay cũng đồng đất ấy nông dân làm ra 34 triệu tấn lương thực không khó là nhờ có tiến bộ KHKT và cơ chế quản lý mới. Nông dân khao khát ứng dụng KHKT, rất nhạy cảm và sáng tạo trong ứng dụng tiến bộ KHKT vào thực tế; các cấp Hội đã nắm được nhu cầu, khả năng, tập quán của nông dân từng vùng, trên cơ sở đó khai thác các nguồn vốn, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm - hướng dẫn cho nông dân sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao.

Từ những nội dung phối hợp hoạt động công tác khuyến nông đã có tác dụng rõ rệt trong việc giúp nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hiệu quả kinh tế cao trên 1 đơn vị diện tích theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông thôn đã đề ra; là điều kiện để phấn đấu đạt bình quân 50 triệu đồng/ha, thu nhập hộ gia đình một năm đạt 50 triệu đồng. Góp phần đẩy mạnh phong trào thực hiện Chỉ thị 63 của Bộ chính trị về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

Thông qua hoạt động xây dựng mô hình, tổ chức tập huấn đã xây dựng tổ chức Hội nông dân ở cơ sở góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở nông thôn, tham gia giải quyết các điểm nóng, đi sâu đến các hộ nghèo, xã nghèo, đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, đồng bào công giáo để vận động nông dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Một số nội dung hoạt động trong thời gian tới :

Phát huy lợi thế về tổ chức và mạng lưới rộng khắp, chủ động tăng cường phối hợp, hợp tác để đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật và công nghệ cho nông dân, coi đây là nhiệm vụ quan trọng góp phần phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. làm tốt công tác khuyến nông, lâm, công; xây dựng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi để phổ biến kinh nghiệm, tổ chức các cuộc thi nhà nông đua tài, thi tìm hiểu kiến thức nhà nông để chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để gắn kết sự hỗ trợ giữa nông dân với các cơ quan khoa học, cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, nhà doanh nghiệp (4 nhà).

Đi đôi với việc củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội gắn với hoạt động khuyến nông, mở rộng hình thức xây dựng các câu lạc bộ khuyến nông, câu lạc bộ nông dân. Vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân tham gia thực hiện phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, phấn đấu trong năm 2005 cả nước có 3,5 triệu hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp.

Xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, khuyến khích những hộ nông dân giỏi hăng hái sản xuất, kinh doanh, tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá; đồng thời vận động những nông dân giỏi phát huy truyền thống quý báu của dân tộc, đoàn kết giúp đỡ các hộ trung bình, hộ nghèo vươn lên thoát nghèo và làm giàu.

Phối hợp với cơ quan thông tin, báo chí tuyên truyền những mô hình sản xuất kinh doanh giỏi, giới thiệu những tiến bộ mới trong nông nghiệp, giống mới, kỹ thuật canh tác mới; công nghệ cao giúp nông dân nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU MÍA Ở CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN, THANH HOÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN, THANH HOÁ

Vùng nguyên liệu mía Lam Sơn gồm 93 xã và 4 Nông trường thuộc 9 huyện trung du, miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hoá. Diện tích mía toàn vùng hiện có trên 17.000 ha, hàng năm cung cấp cho nhà máy đường Lam Sơn trên 1 triệu tấn mía cây.

Lam Sơn trước đây vốn là vùng sản xuất tự cung, tự cấp, nghèo đói, nay đã trở thành một vùng sản xuất hàng hoá trù phú đang ngày càng phát triển.

Hiện nay vùng mía Lam Sơn được đánh giá là một trong những vùng nguyên liệu phát triển ổn định và vững chắc trong ngành mía đường cả nước. Có được kết quả trên một trong những nguyên nhân quan trọng là Công ty đã có sự quan tâm lãnh đạo, đầu tư chỉ đạo tốt công tác khuyến nông trong xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu mía.

Trong những năm qua, công tác khuyến nông ngoài việc làm tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách trồng mía của Công ty đến với nông dân, tạo cho nông dân yên tâm sản xuất và gắn bó với Công ty để cùng phát triển, đã đặc biệt quan tâm đến công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trồng mía đến với nông dân và coi đây là một trong những biện pháp quan trọng nhất để thúc đẩy vùng nguyên liệu mía phát triển đạt hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu nguyên liệu của chế biến đường.

Khó khăn lớn nhất của những nhà máy đường ở nước ta hiện nay là làm sao có đủ nguyên liệu mía để chế biến bảo đảm công suất của nhà máy. Sản xuất nguyên liệu mía yêu cầu phải đạt năng suất, chất lượng cao và đáp ứng được yêu cầu rải vụ chế biến. Thông qua công tác khuyến nông chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật cho nông dân, Công ty đã có nhiều thành công, được nông dân nhiệt tình hưởng ứng, áp dụng khoa học kỹ

thuật đã thực sự đi vào cuộc sống của người dân và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho sản xuất, thúc đẩy vùng nguyên liệu mía phát triển ổn định, vững chắc. Công tác khuyến nông đã thực sự trở thành cầu nối giữa nghiên cứu ứng dụng và sản xuất trong vùng, giữa các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ trồng mía với nông dân, với nhiều chương trình triển khai đạt hiệu quả thiết thực, nổi bật là:

1. Thay đổi cơ cấu giống mía, đưa nhanh các giống mía mới có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất.

Vùng mía Lam Sơn trước đây chủ yếu trồng giống mía cũ My55-14 có chất lượng thấp song đến nay đã được thay thế trên 40% các giống mía mới có năng suất và chất lượng cao. Việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống được thực hiện với phương châm vừa du nhập giống mía mới, vừa triển khai khảo nghiệm sơ bộ, kết luận giống tốt rồi nhân nhanh ra sản xuất đại trà, đã rút ngắn được thời gian đưa giống mới vào sản xuất. Đến nay hàng chục giống mía mới đã được đưa vào sản xuất và đã đem lại hiệu quả cao như các giống ROC10, ROC16, ROC22, QĐ11, QĐ15, QĐ93-159, VĐ81... Đặc biệt giống mía QĐ93-159 được đưa vào trồng trong vụ mía 2003 - 2004 đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, đây là giống mía chín sớm, ngắn ngày có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu chế biến đường đầu vụ ép đạt hiệu quả cao (vào tháng 11 và 12 hàng năm).

2. Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trồng mía mới.

Những năm gần đây, hai tiến bộ kỹ thuật mới (kỹ thuật trồng mía bầu và trồng mía được che phủ nilon) đã được đưa vào áp dụng thành công trong sản xuất mía và mang lại hiệu quả cao, giúp nông dân trồng mía sớm và an toàn trong mùa khô hạn (tháng 11 và 12 hàng năm), đồng thời rải được vụ trồng và chế biến cho nhà máy. Qua tiến bộ về kỹ thuật trồng mía này cho thấy đây là công nghệ cao, trong khi trình độ nông dân còn thấp, nếu biết tổ chức chặt chẽ và có phương pháp khuyến nông tốt thì sẽ thành công và đưa lại hiệu quả cao trong sản xuất mía. Hiện nay nông dân trong vùng trồng mía đã tự nhân rộng mô hình này ra hàng ngàn hecta.

3. Chương trình thâm canh mía công nghệ cao.

Đây là chương trình được đánh giá đem lại hiệu quả kinh tế cao và được áp dụng rộng rãi trong sản xuất mía. Thực hiện chương trình này các tiến bộ kỹ thuật trồng mía được áp dụng là cày sâu và sử dụng cày không lật, trồng giống mới, bón phân đủ và có tưới nước...

Nhờ áp dụng tổng hợp các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến đã đưa năng suất mía bình quân trên đất đồi đạt 80 - 100 tấn/ha, trên đất bãi và ruộng đạt 120 - 150 tấn/ha. Năng suất mía tăng so với sản xuất mía đại trà từ 1,5 - 2 lần.

4. Chương trình nâng cao giá trị thu nhập trên 1 đơn vị diện tích đất mía.

Thực hiện chương trình này, mô hình đưa các cây họ đậu (đậu tương, đậu cove, lạc...) vào trồng xen với mía trên đất bãi và đất ruộng chuyển sang trồng mía đã cho hiệu quả cao, làm tăng thêm thu nhập cho nông dân từ 6 - 7 triệu đồng/ha. Đồng thời khuyến khích nông dân trồng mía phát triển chăn nuôi bò thịt, bò lai Sind nhằm tận dụng nguồn chất xanh (ngọn lá mía, mầm mía) nuôi bò, mỗi hecta mía đảm bảo đủ nguồn thức ăn xanh cho nuôi 2 bò thịt... Thực hiện tốt chương trình này, giá trị trên 1 hecta trồng mía đạt 35 - 40 triệu đồng, gấp hai lần so với sản xuất bình thường hiện nay.

5. Thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đất trồng lúa hiệu quả kém sang trồng mía đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Với mục đích hướng dẫn nông dân sử dụng đất đai một cách hợp lý tăng hiệu quả sản xuất, khai thác lợi thế của vùng, hàng ngàn hecta đất ở trung du miền núi Thanh Hoá trước đây chỉ trồng được một vụ lúa nay đã được chuyển sang trồng mía đạt hiệu quả kinh tế cao hơn, gấp 1,5 - 2 lần giá trị đất trồng lúa trước đây.

Các chương trình khuyến nông trên đã được Công ty thực hiện thông qua việc tổ chức tập huấn kỹ thuật, đào tạo huấn luyện cho nông dân. Hàng năm Công ty mở hàng chục lớp tập huấn kỹ thuật tại cơ sở để giới thiệu cho nông dân về các giống mía mới, về kỹ thuật trồng mía thâm canh đạt năng suất và chất lượng cao. Đến nay có thể nói hàng ngàn hộ nông dân trong vùng mía Lam sơn đã nắm vững được những khâu kỹ thuật cơ bản trong thâm canh mía. Đồng thời với việc tập huấn qua lý thuyết, trong khuyến nông đã đặc biệt chú trọng phương pháp trực quan, xây dựng các mô hình trình diễn về giống mía mới, về áp dụng kỹ thuật trồng mía mới... Đây là một trong những hình thức có tính thuyết phục nhất để giới thiệu cho nông dân trong vùng đến tham quan, học tập và làm theo, qua đó rút kinh nghiệm cách làm và triển khai ra diện rộng. Công tác khuyến nông đã thực sự làm thay đổi tập quán canh tác lạc hậu của nông dân, thay đổi nhận thức của họ để phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá có năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

Để thực hiện tốt các chương trình khuyến nông, tạo điều kiện cho nông dân tiếp xúc với tiến bộ kỹ thuật mới, Công ty đã có chính sách đầu tư hỗ trợ và khuyến khích các hộ trồng mía thực hiện chương trình, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới như ưu tiên cấp giống mới, làm đất, cung cấp phân bón chất lượng cao, ứng tiền chăm sóc, ưu tiên thu hoạch trước... Mặt khác có chính sách khuyến khích mua tăng thêm giá mía với những hộ trồng giống mới, những hộ trồng mía năng suất và chất lượng cao đạt được các mục tiêu chương trình đề ra.

Quá trình thực hiện các cán bộ khuyến nông luôn bám sát cơ sở để trực tiếp chỉ đạo các mô hình trình diễn, các chương trình khoa học kỹ thuật chuyển giao công nghệ trồng mía để nông dân áp dụng đạt hiệu quả.

Lực lượng làm công tác khuyến nông ngoài cán bộ của Công ty còn có sự phối hợp chặt chẽ với cán bộ của các địa phương, đơn vị trong vùng mía và lựa chọn các nông dân trồng mía tiên tiến để thực hiện các chương trình khuyến nông.

Với những kết quả trên, những lợi ích mà công tác khuyến nông mang lại cho nông dân vùng mía đường Lam Sơn. Vai trò của hoạt động khuyến nông Công ty đã góp phần quan trọng trong sự phát triển ổn định và vững chắc vùng nguyên liệu mía đường Lam Sơn. Nông dân trồng mía không ngừng được nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống, đã cơ bản xoá được đói, giảm được nghèo và đang vươn lên làm giàu từ cây mía, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn nước ta./.

VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VỚI CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG

VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

I. Một số kết quả hoạt động khuyến nông.

Viện lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long luôn thực hiện đồng thời công tác nghiên cứu khoa học với việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất vì vậy nhiều các tiến bộ kỹ thuật mới trong nông nghiệp đã được nông dân ứng dụng một cách nhanh chóng và rất hiệu quả, góp phần đáng kể trong nâng cao năng suất và sản lượng lúa của cả nước nói chung và của ĐBSCL nói riêng.

1. Hoạt động chuyển giao TBKT tại Viện Lúa ĐBSCL

- Thông qua các hoạt động nghiên cứu khảo nghiệm, Viện tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo ở nhiều mức độ và quy mô khác nhau, đối tượng tham gia chính là những cán bộ chỉ đạo sản xuất trong ngành nông nghiệp, các nông dân tiên tiến sản xuất giỏi, những cán bộ khuyến nông các cấp từ các địa phương về dự và nắm bắt các thông tin KHKT mới. Từ những thành phần tham dự này các thông tin KHKT mới có thể được chuyển giao tới người nông dân theo cấp số nhân.

- Viện tổ chức các buổi báo cáo khoa học, sinh hoạt học thuật giới thiệu kết quả nghiên cứu mới, thông tin chuyên đề mới giúp cho cán bộ của Viện nắm bắt và cập nhật thông tin cũng như nâng cao trình độ năng lực chuyên môn và khả năng truyền bá thông tin cho cán bộ.

- Viện thường xuyên xây dựng các dự án nghiên cứu khoa học với các địa phương và dành ra nguồn kinh phí lớn cho công tác đào tạo các cán bộ của địa phương nhằm nâng cao trình độ cũng như thường xuyên giới thiệu TBKHKT mới cho các đội ngũ tham gia các chương trình này. Các chương trình đào tạo thường là các lớp tập huấn kỹ thuật ngắn hạn 3-5 ngày theo chuyên đề dự án. Đối tượng thường là cán bộ kỹ thuật của địa phương.

- Viện cũng có thể đứng ra tổ chức giảng dạy tập huấn cho nông dân theo các hợp đồng với Công ty để nâng cao trình độ sản xuất của nông dân phục vụ cho sản xuất hàng hóa.

- In ấn các tài liệu bướm có thông tin khoa học theo chuyên đề riêng, có hình ảnh sinh động, nội dung khoa học ngắn gọn chính xác và dễ hiểu phát cho khách hàng hoặc nông dân khi họ đến Viện thông qua nhiều các hoạt động xã hội khác nhau.

- Thiết kế các bảng biểu, sa bàn, sơ đồ minh họa quy trình nghiên cứu cũng như các kết quả nghiên cứu khoa học trưng bày ở những nơi phù hợp để mọi người tới Viện thăm quan có thể tham khảo và tìm hiểu.

2. Kết quả hoạt động khuyến nông hợp tác với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Từ năm 2001 Viện Lúa ĐBSCL đã tham gia hoạt động trong mạng lưới khuyến nông của Cục Khuyến Nông Khuyến Lâm nay là Trung Tâm Khuyến Nông Quốc Gia. Trong bốn năm hợp tác Viện đã triển khai được những mô hình trình diễn kỹ thuật và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới cho nông dân như sau:

* Mô hình nhân giống lúa chất lượng: Đã triển khai trình diễn kỹ thuật trên ruộng sản xuất của nông dân 400 ha với sự tham gia của 650 nông dân ở các tỉnh Cần Thơ, An Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang và Sóc Trăng.

Hầu hết sản lượng lúa giống được sản xuất ra trên ruộng mô hình được bà con nông dân, các trạm khuyến nông huyện và các công ty lương thực mua sử dụng làm giống cho các vụ sản xuất tiếp theo.

* Mô hình luân canh Đậu nành với lúa: Mô hình được triển khai tại các tỉnh như Cần Thơ và Đồng Tháp tổng diện tích trình diễn 150 ha với sự tham gia 325 nông dân.

Mô hình trồng xen đậu nành với hai vụ lúa đã nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích gieo trồng. Trồng xen đậu nành thay thế vụ lúa xuân hè ở ĐBSCL đã góp phần đáng kể trong xu hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, cải tạo đất đai.

* Mô hình tăng vụ ngô lai: Đã được thực hiện trên 40 ha trên 80 nông dân tại Cần Thơ. Tăng hiệu quả sản xuất cho các vùng đất cao, bãi ven sông, các diện tích khó tưới tiêu, khó canh tác lúa vụ hè thu.

* Mô hình sử dụng chế phẩm sinh học nấm trắng và nấm xanh phòng trừ các loại sâu hại trên cây dừa, cây nhãn, cây mía và cây dứa trên tổng diện tích 175 ha của 330 hộ nông dân thuộc các tỉnh Trà Vinh, Tiền Giang, Cần Thơ và Hậu Giang.

Mô hình này giúp nông dân phòng trị rất có hiệu quả nhiều loại sâu hại nguy hiểm trên cây ăn trái, giảm sử dụng các loại thuốc hóa học độc hại với cây trái và môi trường.

* Mở các lớp tập huấn nghiệp vụ khuyến nông và giới thiệu thông tin TBKT mới trong sản xuất lúa: Trong chương trình hợp tác với Trung Tâm Khuyến Nông Quốc Gia

Viện tổ chức 9 lớp tập huấn giảng dạy cho các cán bộ khuyến nông các cấp huyện, khuyến nông viên cơ sở và nông dân tiến tiến sản xuất giỏi, số lượng học viên tham gia là 550 lượt người.

Các lớp tập huấn giúp cập nhật các thông tin TBKT mới cho cán bộ và nông dân, đặc biệt là nâng cao năng lực về chuyên môn, kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở.

II. Mối quan hệ giữa nghiên cứu và khuyến nông

Mặc dù nhiệm vụ trọng tâm của Viện là công tác nghiên cứu khoa học, nhưng các hoạt động nghiên cứu của Viện đã chuyển giao được rất nhiều thông tin kỹ thuật quan trọng cho nông dân. Mục tiêu và kết quả của các chương trình nghiên cứu khoa học là cần phải được khuyến cáo nhanh chóng cho nông dân áp dụng trong sản xuất. Các thành tựu nghiên cứu của Viện Lúa đã được các cơ quan khuyến nông các cấp sử dụng triển khai nhanh chóng tại địa phương ở ĐBSCL, và luôn cung cấp các thông tin phản hồi lại cho Viện để đáp ứng kỹ thuật mới luôn được hoàn thiện lại cho phù hợp nhất với sản xuất.

Hoạt động khuyến nông góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, và ngược lại hoạt động nghiên cứu khoa học giúp cho khuyến nông ngày càng mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất. Sự kết hợp giữa nghiên cứu và khuyến nông càng chặt chẽ càng nhanh chóng đưa được những tiến kỹ thuật bộ mới vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng nông phẩm và hiệu quả kinh tế của sản xuất nông nghiệp.

III. Kiến nghị

- Viện Lúa nói riêng và các Viện nghiên cứu nói chung là nơi có các sản phẩm khoa học kỹ thuật mới rất cần có sự hợp tác giúp đỡ của các cơ quan chức năng để giới thiệu một cách nhanh nhất, sớm nhất sản phẩm của mình cho người ứng dụng.

- Thông qua hoạt động xây dựng các mô hình trình diễn giới thiệu kỹ thuật mới cho nông dân là một cầu nối rất có hiệu quả của hoạt động khuyến nông, phương pháp này cần được mở rộng. Những TBKT mới sau khi được công nhận cần sớm được thực hiện thông qua hình thức chuyển giao này, và thường xuyên khuyến khích các Viện, Trường xây dựng các mô hình chuyển giao TBKT mới

- Về công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn và cập nhật thông tin kỹ thuật mới cho cán bộ khuyến nông từ các Viện nghiên cứu, các trường đại học là rất cần thiết và cần thực hiện hàng năm. Như vậy mới đáp ứng được cán bộ kỹ thuật không bị tụt hậu và đảm đương nổi trách nhiệm lớn lao trong chỉ đạo, chuyển giao TBKT phục vụ sản xuất.

